

ANTHONY GREY
& NGUYỄN ƯỚC

TRĂNG HUYẾT

trường thiên tiểu thuyết

TẬP IV

XUẤT BẢN LẦN THỨ BA
có hiệu đính và bổ túc

NXB INTERNET
CANADA – HOA KỲ – 2007

Những gì quá khứ mới chỉ là khúc dạo đầu.

• 1 Shakespeare

Tôi cảm thấy rằng được sống sót là mắc nợ người đã chết điều gì đó. Đó là nỗi ám ảnh phải nhớ đến họ, và ai không nhớ đến người đã chết là thêm lần nữa phản bội họ.

• 1 Elie Wiesel, nhà văn

Giải Nobel Hòa bình 1986

Phản Thứ Bảy Chúng Tôi Tranh Đấu Đã Ngàn Năm 1968

Quyết định của Tổng Thống Kennedy nhằm khuyến khích và hỗ trợ việc lật đổ Tổng Thống Ngô Đình Diệm tỏ cho thấy một bước ngoặt định mệnh trong sự can dự của Hoa Kỳ vào Việt Nam. Ba tuần lễ sau cuộc đảo chánh, vào ngày 22.11.1963, bản thân vị Tổng Thống Mỹ ấy cũng bị ám sát. Tiếp theo đó là ba năm xáo trộn và kinh hoàng của Miền Nam.

Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng của tướng Dương Văn Minh giải tán quốc hội, bỏ hiến pháp. Ngay sau hôm đảo chánh 1.11.1963, chương trình Ấp Chiến Lược bị hủy toàn bộ, như lời vị tướng cầm đầu phe đảo chánh tuyên bố: “Ấp Chiến Lược không cần thiết, không ích lợi, những hàng rào quanh ấp là hàng rào nhà tù.” Sau ngày đó, tình hình an ninh Nam Việt Nam

suỵ sụp hẳn. Cộng Sản làm chủ nông thôn; hệ thống giao thông đường bộ bị cắt vụn; cơ sở hành chánh và dân vệ cấp xã áp gần như tê liệt toàn bộ. Bên cạnh đó, mạng lưới biệt kích được Ngô Đình Diệm rải ra Miền Bắc để thu thập tin tình báo cũng bị vỡ. Từ nay, muốn có tin tức, “người nhái” biệt hải của Mỹ phải tìm cách đổ bộ vào duyên hải Miền Bắc, bắt cóc người dân hoặc cán bộ sống ở đó, đem ra tàu đậu ở ngoài khơi. Nạn nhân bị khai thác ấy chỉ có thể còn sống và được thả về địa phương nếu chịu xé cờ đỏ sao vàng, dẫm lên hình của Hồ Chí Minh và thể chấp nhận sẽ hợp tác.

Chính phủ của tướng Dương Văn Minh chỉ kéo dài được ba tháng thì bị lật đổ bởi một hội đồng quân nhân khác. Lần này kẻ làm “chỉnh lý” là Nguyễn Khánh, nguyên tư lệnh Quân đoàn II. Ông cáo giác rằng Minh Cờ chịu ảnh hưởng của mấy viên tướng do Pháp đào tạo như Trần Văn Đôn, Tôn Thất Đính, Mai Hữu Xuân, Lê Văn Kim... có khuynh hướng trung lập hóa Nam Việt Nam theo chủ trương của De Gaulle, Tổng Thống Pháp. Trong vòng 18 tháng tiếp đó, diễn ra một chuỗi sôi động với năm cuộc đảo chánh và phản đảo chánh, cùng với tình trạng hoang mang bất ổn, xuất hiện những chính quyền kế tiếp nhau nhanh như chớp và bất lực.

Thừa thế xốc tới và có thanh thế thêm nhờ kết quả cuộc vận động lật đổ Diệm, Phật giáo bành trướng thành một lực lượng đáng sợ với tham vọng khống chế chính quyền các cấp. Tại các thành phố, việc truy lùng dư đảng Cần Lao, những cuộc biểu tình, bãi khóa công khai chống cả Mỹ lẫn chính phủ, xảy ra hằng ngày và trở thành quen thuộc. Cuộc đấu tranh cho dân tộc và đạo pháp của Phật giáo đi quá đà, bị lung đoạn bởi các phần tử cư sĩ, giáo sư và sinh viên đại học Huế khuynh tả thời thượng, nguy hòa, hoạt đầu hoặc phiêu lưu chính trị, v.v. đưa tới việc thành lập Hội Đồng Nhân Dân Cứu Quốc rồi Lực Lượng Tranh Thủ Cách Mạng. Hai tổ chức này có những hành động vô chính phủ, bạo động và khủng bố tại căn cứ địa ở Huế và Đà Nẵng cùng các tỉnh duyên hải miền trung và Sài Gòn, khiến chính quyền trung ương phải cử đại diện ra Huế điều đình. Cuối tháng Tám năm 1964, xảy ra một biến cố bi thảm trong đó các tín đồ Phật giáo và Công giáo đụng độ nhau, chém giết nhau trên đường phố tại Đà Nẵng, Qui Nhơn và thủ đô Sài Gòn. Qua năm 1965, có bằng chứng các tỉnh thị bộ Cộng Sản, ngoài việc nhanh chóng khai thác tình trạng xung đột và hoang mang đó, đã cài được cán bộ thành vào hàng ngũ lãnh đạo các cuộc xuống đường đấu tranh cho “dân chủ và hòa bình” ở Đà Nẵng và Huế. Đặc biệt ngày 6.6.1966, từ Huế, TT Thích Trí Quang vận dụng tới phương thế cuối cùng là kêu gọi gia đình Phật tử tại đó và các thành phố miền trung đem bàn thờ Đức Phật ra đặt giữa lòng đường trước mặt nhà để làm phương tiện đấu tranh và phát động chiến dịch tự thiêu.

Một phần vì tham vọng quân phiệt tạo thêm kích thích tố cho các cuộc biểu tình bãi khóa đòi hỏi dân chủ của sinh viên, một phần vì các chính phủ mới ở Sài Gòn không dám đụng tới Phật Giáo và không muốn bị cáo giác là thô bạo, sử dụng những phương pháp cảnh sát trị thời Ngô Đình Diệm nên họ chỉ đối phó nửa vời với các xáo trộn đó. Càng đấu tranh quá đà càng bất đồng nội bộ, tới cuối năm 1966, Giáo hội Phật giáo VN Thống nhất — được thành lập đầu năm 1964 bởi 11 Giáo hội và Hiệp hội thuộc Ủy ban Liên phái trước đây trong tổng số gần 40 tổ chức Phật giáo lớn nhỏ — bị vỡ làm hai: một bên trụ sở là chùa Ấn Quang, chủ yếu gồm các Giáo Hội Miền Trung; một bên trụ sở là chùa Việt Nam Quốc Tự chủ yếu gồm Giáo Hội Miền Bắc di cư năm 1954 và Tiểu thừa Tịnh Độ Tông Miền Nam.

Vào tháng 3.1964, trong khi Hoa Kỳ chuẩn bị nắm trọn quyền chỉ huy cuộc chiến, Lê Duẩn và Lê Đức Thọ cũng chuẩn bị để lần đầu tiên đưa các đơn vị quân chính qui Miền Bắc vào Miền Nam qua ngã Lào và Cambodia hòng dứt điểm chiến trường. Khi Tổng Thống Diệm bị lật đổ, chủ tịch MTGPMN là Nguyễn Hữu Thọ mừng rỡ tuyên bố: “Người Mỹ đã làm dùm

chúng tôi điều mà suốt chín năm nay chúng tôi không làm được” và ngày 1.11.1963 “chẳng khác nào quà tặng từ trời rơi xuống.” Hà Nội khai thác tận tình cơ hội đó. Nhận thấy thời điểm chiến thắng gần kề, Bộ Chính Trị Cộng Sản Hà Nội bắt đầu đưa người vào tiếp quản Miền Nam. Theo họ, trong tình trạng rối ren chính trị, suy thoái quân sự, và cái gọi là HDQNCM được Mỹ ủng hộ chỉ nhằm phục vụ cho quyền lợi của Mỹ và thế giới tư bản, chế độ Miền Nam đã mất chính nghĩa. Để có đủ tài nguyên theo đuổi cuộc chiến, Hà Nội vừa vay mượn vừa tiếp nhận viện trợ ồ ạt về vũ khí của Liên Xô, về quân trang quân dụng của Trung Quốc, tận dụng tối đa hải cảng Kampong Thom ở Cambodia để vận chuyển quân khí. Và như thế, góp phần đẩy cuộc Chiến Tranh Đông Dương Lần Hai vào thật sâu trong vòng quay của cuộc Chiến Tranh Lạnh toàn cầu. Trong hoàn cảnh đó, đối với Hoa Kỳ, một cuộc rút lui được người ta mong đợi đã trở nên không thể thực hiện. Dù Tổng Thống Lyndon Johnson gia tăng số lượng cố vấn Mỹ tại Việt Nam lên tới ba chục ngàn người, tới đầu năm 1965, rõ ràng Cộng Sản đang đứng bên bờ chiến thắng với hai phần ba lãnh thổ Miền Nam bị họ làm cho ung thối; chính lúc đó ông quyết định thay đổi tận gốc sự can dự của Hoa Kỳ.

Trước hết, vào tháng Hai năm 1965, Johnson ra lệnh cho máy bay Hoa Kỳ bắt đầu oanh tạc thường xuyên các mục tiêu tại Miền Bắc lẫn Miền Nam Việt Nam. Các sư đoàn quân chính qui và các đoàn chuyên gia được Hà Nội đưa vào nam trở thành mục tiêu cho pháo đài bay B-52 của Hoa Kỳ trải thảm sát hại. Chỉ một tháng sau, không cần tham khảo ý kiến của chính phủ Sài Gòn lúc ấy do Phan Huy Quát làm Thủ tướng, Hoa Kỳ cho hai tiểu đoàn Thủy quân Lục chiến Mỹ đổ bộ lên Đà Nẵng; đó là đơn vị chiến đấu Mỹ đầu tiên đến để tác chiến độc lập bên cạnh người Nam Việt Nam. Từ ngày đó tới cuối năm 1965, lính Mỹ ở VN lên tới 184.314 người – với số tử trận 1.369; số bị thương 5.300. Ngoài ra, còn có sự hiện diện các đơn vị tác chiến của Nam Hàn, Thái Lan, Úc, Tân Tây Lan. Kể từ lúc ấy, với các hàng không mẫu hạm và các khu trục hạm của Hạm Đội Bảy đang tuần tra sẵn ở ngoài khơi vùng có chiến tranh, Hoa Kỳ cương quyết sử dụng sức mạnh Hải Lục và Không quân để tham chiến. Dù sự can dự ấy được xem là “có tính giới hạn” và được quyết định bằng một sự thăm lén chính trị, không thông qua lời tuyên chiến chính thức nào, cũng không cần một hiệp ước hỗ tương với chính phủ Sài Gòn.

Sở dĩ có thể thực hiện được một sự can dự như thế là do những biến cố khó hiểu xảy ra ngoài khơi Bắc Việt Nam, tại Vịnh Bắc Việt, vào tháng Tám năm 1964. Chính Tổng Thống Johnson đưa ra lời tuyên bố rằng dù không bị khiêu khích, các tuần tiểu đình của Bắc Việt đã đột nhiên tấn công hai khu trục hạm Maddox và Turner Joy của Hoa Kỳ; để trả đũa “hành động gây hấn ấy của Cộng Sản”, ông ra lệnh oanh kích các căn cứ tuần tiểu hải quân và các kho xăng dầu tại Bắc Việt.

Sự tiết lộ đầy kịch tính ấy được trình bày cho các thông tin viên vào lúc nửa đêm mùng 4 tháng Tám. Trong bầu không khí đầy xúc động, ba ngày sau, Quốc Hội Hoa Kỳ gần như nhất trí thông qua một nghị quyết do Nhà Trắng soạn thảo, chấp thuận cho Tổng Thống có toàn quyền sử dụng mọi biện pháp để ngăn không cho Bắc Việt “gây hấn thêm nữa.”

Luật ấy — thường được gọi là Nghị Quyết Vịnh Bắc Việt — còn ghi rõ rằng Hiệp chúng quốc Hoa Kỳ xem Việt Nam là quan trọng cho lợi ích quốc gia của Mỹ lẫn hoà bình của thế giới, đồng thời nó cho phép Tổng Thống Johnson, vài tháng sau đó, khởi sự oanh tạc và bắt đầu gởi một số lượng binh sĩ tới Việt Nam — rốt cuộc lên tới nửa triệu người — mà không cần tham khảo thêm ý kiến của Quốc Hội hoặc của nhân dân Hoa Kỳ. Về sau, người ta biết ra rằng các tàu hải quân Mỹ ấy không là nạn nhân hoàn toàn vô can và bị gây hấn, nhưng dù sao Nghị Quyết Vịnh Bắc Việt cũng đã có hiệu lực tới sáu năm, cho đến khi tình cảm chống chiến tranh dâng cao tới độ sự thật bị phanh phui và rốt cuộc, phải hủy bỏ nó.

Cuộc chiến tranh kéo dài trên ba mặt trận: oanh tạc Miền Bắc; các cuộc hành quân của lính Mỹ, QLVNCH và các đơn vị đồng minh tham chiến; và các chương trình bình định xây dựng nông thôn Miền Nam.

Việc oanh tạc Miền Bắc leo thang dần. Nó khởi sự vào ngày Johnson ra lệnh không tập Đổng Hới và Vĩnh Linh để trả đũa vụ Vịnh Bắc Việt (4.8.1964). Tới tháng 3.1965 bắt đầu dội bom thường xuyên. Hai tháng sau đó, là giai đoạn vượt vĩ tuyến 18 đánh rộng ra bắc với số phi vụ tăng lên gấp bốn năm lần. Rồi tới cuối năm 1966, oanh tạc liên tiếp và dữ dội vào các mục tiêu quân sự ngay khu ngoại thành Hà Nội. Xen kẽ các giai đoạn oanh tạc là vài tuần lễ tạm ngừng để đưa ra các đề nghị hòa bình với Hà Nội. Johnson đề nghị nếu Hà Nội đình chỉ gửi người và vũ khí vào Miền Nam, Mỹ sẽ ngưng ném bom và ngưng tăng cường quân lực ở Miền Nam; sau đó hai bên sẽ đàm phán trực tiếp để giải quyết chiến tranh. Hà Nội trả lời bằng cách đòi Mỹ phải chấm dứt vĩnh viễn và không điều kiện việc ném bom Miền Bắc trước đã.

Chủ trương của Mỹ từ đầu tới cuối cuộc chiến là không muốn đổ bộ ra Miền Bắc vì sợ mở rộng chiến tranh sẽ gặp phản ứng mạnh của thế giới Cộng Sản, đặc biệt Trung Quốc. Mỹ chỉ gia tăng oanh kích để ngăn chặn việc đưa người và vũ khí vào nam, và đặc biệt oanh tạc Miền Bắc để làm cho các nhà lãnh đạo Cộng Sản tại Hà Nội tin rằng Hoa Kỳ kiên quyết đánh bại họ. Thế nhưng sự gia tăng oanh tạc không làm HCM và Bộ Chính trị ở Hà Nội nao núng. Ngược lại tình cảnh chết chóc, đổ nát khôn đồn do các cuộc dội bom gây ra lại khiến cho chế độ toàn trị tại Hà Nội đẩy mạnh tuyên truyền và xách động tới đa, làm cho nhân dân Miền Bắc càng oán hận “đế quốc Mỹ xâm lược”, đoàn kết và quyết tâm hơn bao giờ hết trong việc chống lại “kẻ thù ngoại xâm”, vốn ám ảnh họ suốt cả chiều dài lịch sử dân tộc.

Tính tới ngày 31.12.1967, lính Mỹ có mặt tại Nam VN khoảng nửa triệu người, số thương vong trong năm là 9.353 tử trận và 99.742 bị thương. Tình hình chiến trường có phần cải thiện nhưng tương đối chậm và hầu như không có trận chiến thắng ngoạn mục nào vì chiến tranh Việt Nam không thuần túy đánh trận địa như ở Triều Tiên và nhất là, không thể tìm thấy và đánh bại một đối phương thường tìm cách lẩn tránh như ma, chờ dịp thuận tiện để chủ động chọn chiến địa. Dù được sự hỗ trợ của các tiểu đoàn chính qui Cộng Sản Bắc Việt, Việt Cộng hầu như vẫn chỉ có thể chiến đấu bằng các hoạt động theo kiểu du kích, sử dụng tới đa phương pháp tuyên truyền và khủng bố. Lính Mỹ, đồng minh và QLVNCH phải “lùng và diệt” địch; suốt cuộc chiến, một phần ba binh sĩ thương vong đều do bởi pháo kích, bắn tỉa hoặc mìn bẫy.

Trong khi đó, kể từ tháng 6.1965, sự lãnh đạo chính trị tại Nam Việt Nam dần dần ổn định, thoát đầu dưới nhiệm kỳ thủ tướng của Thiếu tướng Không quân Nguyễn Cao Kỳ và kế đó, dưới nhiệm kỳ Tổng Thống của Trung tướng Nguyễn Văn Thiệu. Tới năm 1967, Nam Việt Nam lại có hiến pháp, bầu cử Tổng Thống và quốc hội, các hội đồng tỉnh thị. Tuy nó được đánh giá như một khởi điểm có tính pháp chế cho nền Đệ nhị Cộng hòa để thoát ra khỏi chế độ độc tài quân phiệt nhưng nó tiến triển rất chậm vì Thiệu và các tướng lãnh không thật tâm xây dựng một chế độ dân chủ đủ mạnh để hỗ trợ chính nghĩa chống cộng. Bên cạnh đó, các đảng phái chính trị quốc gia thiếu trình độ và bằng lòng với việc phát triển cơ sở, chia chác chức vụ ở một số địa phương. Sự thiếu trưởng thành về chính trị khiến họ không thể đoàn kết với nhau: trong cuộc bầu cử Tổng Thống năm 1967, có tới 10 liên danh dân sự tranh cử với liên danh của hai tướng Thiệu Kỳ! Nói chung, người dân bỏ phiếu bầu kẻ đại diện cho mình vào các cơ cấu dân cử không phải vì tin tưởng hoặc ủng hộ kẻ đó; họ chỉ làm theo lời chỉ bảo của giáo hội mà mình là tín hữu hoặc đoàn thể chính trị mà mình là cảm tình viên. Vì thế, về mặt căn bản, các cấp chính quyền vẫn không thật sự phục vụ dân chúng — đặc biệt giới trí

thức, sinh viên và tầng lớp trung lưu — tham những công khai và gấp bội chính quyền của cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm, và họ không bao giờ tranh thủ được sự tín nhiệm và ủng hộ rộng rãi của quần chúng nông thôn.

Qua năm 1967, cùng với việc Tổng Thống Johnson tăng số lượng lính Mỹ tham chiến, ngân khoản viện trợ Mỹ dành cho Việt Nam cũng tăng theo, với các chương trình được gọi bằng những danh xưng khác nhau, như “phát triển nông thôn,” “bình định và xây dựng” hoặc “cuộc chiến tranh khác”. Chúng bắt đầu đạt được một số kết quả trong nỗ lực cách ly dân quê Nam Việt Nam khỏi ảnh hưởng tuyên truyền hoặc khủng bố của Việt Cộng. Hiệu quả hỗ tương của các cuộc hành quân lùng-và-diệt địch của Mỹ, khai quang rừng núi bằng hoá chất diệt cỏ dại hay còn gọi là chất độc màu da cam, cùng các cuộc oanh tạc, đã đưa tới tình trạng hàng triệu người tị nạn chiến tranh, không nhà không cửa. Họ lũ lượt kéo nhau về các thành thị vốn đã chật ních người, để sống trong các khu vực tị nạn lụp xụp và nghèo nàn. Ở đó, tuy không còn sợ hãi bom đạn và khủng bố nhưng phải đương đầu với một cuộc phấn đấu mới để mưu sinh trong tình trạng kinh tế lạm phát trầm trọng, phát sinh bởi tình hình sản xuất nông nghiệp suy sụp và các chương trình viện trợ ồ ạt hàng tiêu dùng của Hoa Kỳ.

Chiến tranh được các ký giả phương tây tiếp tục trình bày một cách sứt mẻ trên báo chí và truyền hình tại Hoa Kỳ và khắp thế giới như một vũng lầy của người Mỹ và bất lực của quân dân VNCH, làm sôi động thêm các phong trào phản chiến. Trong khi trên thực tế, việc điều hành cuộc chiến đã đạt được những bước tiến nhất định. Sự ổn định chính trị tại đô thị và việc mở rộng vòng đai an ninh tại nông thôn, xây dựng lại chính quyền xã ấp cùng các hoạt động quân sự của Mỹ, QLVNCH và đồng minh khiến Hà Nội nhận thấy không còn cơ may chiến thắng bằng vũ lực hoặc khai thác bất ổn chính trị. Tuy Hà Nội vẫn tuyên truyền rằng MTGPMN đang chiếm được 3/4 đất đai và 4/5 dân số nhưng hầu hết các đơn vị từ Miền Bắc xâm nhập vào nam chỉ hoạt động lấn khuất tại các vùng sâu và vùng xa, làm mồi cho phi pháo và những cuộc hành quân truy lùng của QLVNCH và đồng minh.

Tới cuối năm 1967, tướng Westmoreland, tư lệnh lực lượng Mỹ tại Việt Nam, tuyên bố tình hình quân sự đang khả quan và chương trình bình định nông thôn đạt nhiều kết quả tích cực. Ông chủ trương chấm dứt giai đoạn “lùng và diệt địch” để chuyển sang giai đoạn “táo thanh và bình định.” Phản ứng lại, Bộ Chính trị Đảng Lao Động họp và lại ra nghị quyết khẩn trương hơn: “Chuyển cuộc Chiến tranh Cách mạng Miền Nam sang một thời kỳ mới, thời kỳ giành thắng lợi và quyết định.” Trên thực tế, song song với việc MTGPMN đang thăm dò Hoa Kỳ về việc trao đổi tù binh, mệnh lệnh ấy của Trung ương có hàm ý liêu lĩnh sửa soạn một cuộc tổng tấn công được họ tuyên truyền là để đưa tới một cuộc tổng khởi nghĩa trên khắp Miền Nam.

Cũng trong những năm ấy, con số các phi công không quân và hải quân Mỹ bị bắn rơi ngày càng nhiều trên Miền Bắc và bị bắt làm tù binh chiến tranh tại Hà Nội. Khi số lượng tù binh đó ngày càng tăng thì bắt đầu lọt ra ngoài những lời đồn đãi rằng họ là đối tượng của những cuộc hành hạ dã man, kiểu trung cổ, trong quá trình “tẩy não”. Và hậu quả là nhóm nhỏ người Mỹ ấy trở thành mục tiêu cho mọi quan tâm đầy xúc động và mãnh liệt tại Hiệp chúng quốc Hoa Kỳ. Phong trào đòi hỏi hòa bình và chống lại sự can thiệp của Mỹ vào Việt Nam ngày càng lan rộng trên thế giới, cuốn hút vào đó các đoàn nhóm Việt kiều yêu nước, chủ lực là sinh viên Miền Nam được đi du học và không trở về tại Paris, Tokyo và Montréal.

Vào thời điểm có oanh tạc, đèn đóm khắp trung tâm Hà Nội phải tắt hết hoặc che chắn thật kín để ánh sáng không chút nào lọt ra ngoài. Mặt nước Hồ Gươm, quả tim của thủ đô, bất ngát và sâu lắng chỉ phản chiếu yếu ớt ánh sáng mờ mờ của bầu trời mây giăng thật mỏng khi chiếc công xa Tatra già nua, hai chục tuổi đời, khục khặc đầu máy và dí mũi thận trọng lăn bánh dọc mạn bắc bờ hồ trong một đêm hạ tuần tháng Giêng năm 1968.

Như thường lệ, giờ này đường phố thủ đô đông nghẹt nông dân Miền Bắc với xe đạp thồ, xe cải tiến và xe bò trên đó nông sản chất thành đống cao ngều nghệu. Nhờ bóng tối che chở, họ hỏi hả tiếp tế cho thủ đô và họ gan lì không chịu nhường tắc đường nào cho chiếc ô-tô con đang bóp còi inh ỏi. Tình thế mỗi phút một khẩn trương vì ai cũng vừa nghe văng lại từ một chôn rất xa âm thanh o o quen thuộc của những chiếc pháo đài bay B-52 và đoàn oanh tạc cơ Cánh xòe F-105 của Mỹ, như họ đã phải nghe từng đêm suốt cả tuần nay. Tiếng máy bay làm chân họ bước nước rút, vai kê thật sát và hai tay đùn xe đẩy cộ mạnh hơn.

Trong không khí chưa hết oi bức, các khung cửa kính của chiếc xe Tiệp Khắc cũ kỹ được hạ xuống, nghiêng vào bản lề rỉ sét kêu ken két. Chẳng biết tiếng động của đàn máy bay có vọng hay không tới tai của trung úy Mark Sherman lúc này đang ngồi khom lưng nơi băng ghế sau của chiếc xe Tatra, giữa hai công an Việt Nam có vũ trang. Nhưng dù có nghe ra, Mark cũng chẳng để lộ chút dấu hiệu nào cho những kẻ đang canh giữ mình biết.

Hai cổ tay nằm yên trong còng thép. Hai mắt cá chân cột lỏng không xích sắt. Thờ ơ ngó ra ngoài cửa xe, Mark đưa mắt trông rỗng nhìn vệt bóng mờ mờ của những đèn cùng đài quanh hồ và từng đoàn nông dân đang đua nhau lướt qua rất vội. Trên người Mark vẫn y nguyên bộ đồ bay dày và mềm, màu ô-liu, mặc từ đêm cất cánh lần cuối tại Đà Nẵng vào đầu năm 1966. Cùng với ngày tháng nặng nề trôi, bộ quần áo độc nhất mặc suốt bốn mùa xuân hạ thu đông ấy nay xơ xác, từ cổ áo xuống lai quần mòn trơ chỉ. Ngoại hình của Mark giờ đây chỉ phảng phất đôi chút vóc dáng của viên phi công tuổi trẻ hào hoa từng hăm hở leo lên chiếc chiến đấu cơ Thần sấm Thunderchief F-105D hai năm trước.

Đầu cạo nhẵn thín. Da xanh xao vàng vọt dán sát khuôn mặt hốc hác trơ xương với hai con mắt thâm quầng, thò lỏ và thụt sâu trong hai hố mắt. Vai xuôi xị. Mắt không chút sinh khí với tia nhìn lơ dờ. Hai bàn tay đeo còng chuỗi hờ hững giữa hai bắp đùi dang rộng như biểu lộ một thái độ vô vọng. Thịnh thoảng mùi xăng Liên xô lộn cợn và ngập ngụa hơi ben-den của chiếc Tatra thốc lên làm Mark nhứu mày. Anh hình mũi, tỏ vẻ khó chịu, và sau đó, bộ mặt lại trở về vẻ hoàn toàn dửng dưng.

Ngồi đằng trước trên chiếc ghế bên cạnh tài xế, Trần Văn Kim thỉnh thoảng ngoái đầu lui quan sát Mark Sherman nhưng viên phi công Mỹ không nhìn lại. Tuy tuổi ngoài năm mươi nhưng trên vành cao cổ của chiếc áo đại cán, bộ mặt đầy đặn của Trần Văn Kim vẫn trẻ trung kỳ lạ. Nếu Mark có thể nhìn người phụ tá cao cấp ấy của Hồ Chí Minh bằng đôi mắt của cha mình, hẳn anh sẽ nhanh chóng nhận ra trên bộ mặt cân đối và hài hòa đó dấu vết tinh anh của một gia đình từng cho ra đời một người nữ xinh đẹp tuyệt vời là Lan, em của Kim. Nhưng không chút để ý tới sự có mặt của Kim, Mark tiếp tục ngó trống rỗng vào màn đêm bên ngoài cửa xe, như suốt chuyến đi dài này anh vẫn nhìn như thế kể từ thời điểm xuất phát tại trại giam tù binh ở Sơn Tây, phía tây bắc Hà Nội.

- Trung úy Sherman này, chẳng lẽ anh không muốn biết người ta đang đưa mình tới chỗ nào sao?

Kim hỏi bằng tiếng Anh với giọng lơ lớ và suýt soát nhưng Mark không trả lời dù bị hai công an kèm cặp thọc mạnh mũi súng vào be sườn. Kim đưa tay khoát nhẹ, có ý bảo thuộc hạ đừng làm thế. Rồi anh quay mình và tiếp tục ngồi ung dung trên ghế trước.

Được che bốn phía bằng lá gồi và trên cắm tua tủa cành cây rừng, chiếc Tatra với hình thù nguy trang dị dạng, khật khưỡng lăn bánh qua một nửa chu vi của bờ hồ. Tiếp đó, xe chạy vào khu vực có mấy hàng phố thủ công nghiệp xưa cổ của thủ đô rồi hướng mũi ra một vùng ngoại ô ven đô ở phía nam. Thêm lần nữa, các đám đông dày đặc ken đầy đường làm xe phải dừng bánh. Người tài xế công an thò đầu ra ngoài cửa xe, lắng nghe tiếng máy bay. Chốc lát sau, đầu vẫn dể yên tại chỗ, anh ta hỏi vọng vào:

- Chắc hẳn lại cảng Hải Phòng, phải không đồng chí Kim?

Thay vì trả lời, Kim đồng tai lắng nghe âm thanh máy bay kêu o o trên mây. Tiếng gầm rú nghe mỗi lúc một gần khi những phi vụ phối hợp, phát xuất từ các căn cứ của Hoa Kỳ ở Bắc Thái Lan và các hàng không mẫu hạm thuộc Đệ Thất Hạm Đội đậu ngoài khơi Biển Đông vào điểm hội tụ. Đến khi tiếng ầm ầm đột nhiên tăng mạnh hơn cũng đúng là thời điểm súng phòng không và các ụ tên lửa bố trí quanh thủ đô bắt đầu khai hỏa.

Kim điềm tĩnh ra lệnh cho tài xế cho xe tiếp tục lăn đường đi tới:

- Nghe như thế tôi nay chúng nó bắn phá đúng ngay con đường này. Mình cho xe chạy tới điểm đến càng sớm càng tốt.

Tài xế dề máy xe trở lại rồi nhân ga. Anh ta chăm chú nhìn qua kính chắn gió khi kèm tay lái vượt quá những bóng người lúc nhúc và lơ mờ trước hai ánh đèn le lói nơi đầu xe vì bị lưới sắt bọc kín để đề phòng máy bay không tập. Dọc lề đường hai bên, cứ cách vài thước lại có một bức chân dung thật lớn của Hồ Chí Minh đang nhìn xuống, trên một tấm bảng treo giữa những bích chương in hình các o du kích Việt Nam bắn tan xác máy bay chiến đấu Mỹ bằng chỉ một phát súng trường. Thấy các chân dung và bích chương đó, Kim lại từ ghế trước ngoái ra sau và nói:

- Trung úy Sherman này, vì anh tỏ ra không để ý tới mục đích của việc chúng tôi đưa anh về thủ đô lần này nên tôi sẽ nói cho anh biết tại sao anh được đem tới đây. Anh có vinh dự được vị lãnh tụ vĩ đại và kính mến của nhân dân Việt Nam tiếp kiến. Chủ tịch Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà chúng tôi, Bác Hồ mà anh thấy chân dung được treo khắp mọi nơi ở đây, Bác muốn đích thân nói chuyện với anh.

Kim quan sát thật kỹ từ nhân của mình nhưng trên vẻ mặt trợ trợ của Mark không gọn lên chút quan tâm nào. Rồi trong bầu không khí im lặng tiếp đó, tiếng bom rơi vun vút từ xa nghe càng lúc càng rõ dần. Trên khuôn mặt đầy đặn của Kim lại loé lên một nụ cười tươi tắn:

- Trung úy này, có lẽ anh không tin tôi. Có lẽ anh thấy không thể nào tin nổi rằng một nhà lãnh đạo quan trọng ngàn ấy của cả nước mà vẫn tiếp tục ở lại giữa lòng thủ đô Hà Nội vào thời điểm bọn đế quốc các anh bỏ bom bắn phá cực kỳ nguy hiểm như thế này. Mà anh không tin cũng phải vì người Mỹ không thể nào hiểu nổi tính cách vĩ đại của Bác Hồ chúng tôi. Bác nhất định chia xẻ tất cả những gian nguy mà nhân dân và các đồng chí của bác đang đối mặt...

Thành linh, ánh chiếu của một ngọn lửa màu da cam chói lọi làm lòng xe sáng rực khi bom dội trúng một kho nhiên liệu cách đằng trước họ một hai dặm, làm bùng lên tia chớp thật lớn.

Tài xế lập tức thắng xe ngay giữa lộ và tự động phóng như bay ra khỏi xe. Trong một thoáng, Kim quan sát đám cháy rồi cộc lốc ra lệnh cho hai công an ngồi nơi băng sau, trước khi anh lao người qua cửa xe phía bên mình.

Chung quanh xe, nông dân bỏ xe cộ chờ hàng, vọt lên vỉa hè và nhảy lẹ xuống hố núp cá nhân làm bằng ống bê-tông lớn và cao cỡ thùng phuy hai trăm lít, được đặt chìm thành từng dãy hai bên đường. Ngồi lọt thỏm trong lòng hố, họ thò tay kéo nắp đậy lên đầu kín mít. Chưa đầy một phút, khắp khu vực trở nên vắng lặng, không một bóng người.

Lóng cọng lồi Mark ra khỏi lòng xe, hai công an đẩy cái thân xác cao kênh và gầy nhom của anh xuống một hố cá nhân nhỏ xíu. Họ cố đè nhưng Mark không chịu ngồi sụp xuống. Người anh vẫn thẳng đơ trong bàn tay túm chặt của họ, để mặc họ muốn làm gì thì làm. Thấy không thể làm cho Mark khom lưng ngồi chồm hồm, hai công an bắt đầu hét lớn vào hai lỗ tai anh và vừa nhảy lên đề vừa trở ngược bóng súng nên tới tập lên hai vai anh. Tới khi có một đợt bom khác nổ quá gần làm đất và gạch đá rơi như mưa khắp mặt đường chung quanh, họ lật đật buông Mark ra rồi nhào xuống hai chiếc hố gần đó.

Cả hai vừa kéo kín nắp hố thì ánh chớp và tiếng bom nổ ầm ầm, rền lên như sét đánh. Gạch đá càng lúc càng bay rào rào, trúng chiếc Tatra nằm trơ vơ giữa đường. Từ dãy nhà kho nhiên liệu đang bốc cháy, ánh sáng đỏ rực làm loang lên bầu trời một màu da cam chất ngất và nóng bỏng. Mark Sherman ngược mắt nhìn lên, bộ mặt anh đanh lại, khốc liệt.

Rồi từ trong hố núp bom chỉ đào vừa vặn cho người Á Đông nhỏ thó, Mark đột nhiên đứng thẳng lưng. Anh chụp nắp hố, liệng ra xa. Chiếc nắp hố quay tròn như bánh xe, lăn qua bên kia mặt đường cho tới khi rớt xuống rãnh nước bên đường, kêu lèng kèng. Đưa hai nắm đấm lên trời cao vọi vọi và mù mịt khói, Mark lăm nhăm gào thét với những chiếc oanh tạc cơ Mỹ đang bay khuất dạng đầu đó trên mây.

Tiếng của Mark tuôn ra từng tràng, lộn xộn, không đầu không đuôi. Không ai biết anh muốn nói gì. Chúng tự động vọt ra khỏi cổ họng. Ban đầu nhỏ hơn tiếng kêu của một loài thú, kể đó biến thành những âm thanh chửi bới mê loạn. Đôi khi tiếng la hét ấy chìm lỉm trong tiếng ầm ầm cuồn cuộn của cuộc oanh tạc. Đôi khi chúng ré lên chói tai nhưóc trong không khí im ắng bất chợt giữa hai đợt bom. Có lần, nắp hố bên cạnh Mark bị rón rén hé lên và qua vành hố, hai tròng mắt của Trần Văn Kim giật mình đảo quanh. Rồi một đợt gạch đá khác lại văng tới tấp làm Kim phải kéo sập nắp hố của mình lại.

Khoảnh khắc sau, một cục gạch to cỡ nắm tay văng đến, đập vào trán Mark làm anh ngất xỉu. Anh gục xuống, nửa thân người dưới lòng đất, nửa thân người vắt ngang miệng hố. Mark nằm không nhúc nhích trong khi tiếng gầm rú của lũ máy bay oanh tạc xa dần rồi mất hút trên mây. Và sau cùng, khi đường phố yên tĩnh trở lại, trong mấy giây ngắn ngủi, tiếng thồn thục yếu ớt của Mark là âm thanh duy nhất của con người trong trời đêm thình lạng.

Mười phút sau khi cuộc oanh tạc chấm dứt, chiếc Tatra dừng lại trước một bức tường cao, nơi cổng lớn được canh gác cẩn mật, chờ kiểm tra. Xong, xe chạy vào một sân rộng nền bằng bê-tông, nằm khuất sau một toà nhà tuy xây chưa được bao lâu nhưng không mang vẻ hiện đại, với những đường nét khắc khổ chịu ảnh hưởng lối kiến trúc ảm đạm thời Staline hồi thập niên 1940.

Nơi bằng ghế sau trong lòng xe, Mark Sherman đã hoàn toàn hồi tỉnh. Chính giữa trán anh, nơi bị cục gạch vỡ bắn trúng, đỏ rần và u lên một cục. Nhưng anh vẫn ngồi cù rử trong lòng ghế như trước đó, mặt dờ dẩn chẳng một chút cảm xúc. Mark thụ động dề mặc công an áp tải đẩy xuống xe, dẫn qua mấy đợt cầu thang rồi xuống một tầng hầm rất sâu. Tiếp đó, qua các hành lang với hết trạm kiểm soát này tới trạm kiểm soát khác được bố trí cách quãng nhau làm thành một dãy canh phòng chặt chẽ với các toán bộ đội chính qui thuộc Quân đội Nhân dân Việt Nam vũ trang bằng súng tiểu liên xung phong AK-47. Họ nhìn Mark với tia mắt cảnh giác và thù nghịch trong khi sĩ quan của mỗi trạm cẩn thận kiểm tra giấy tờ và lệnh công tác của Trần Văn Kim.

Dưới ánh điện vàng vổ, chân đeo xích sắt lỏng không và mang đôi dép râu làm bằng vỏ ô-tô cũ dùng quanh năm trong nhà tù, Mark lóng ngóng vụng về lết dọc các hành lang dài như vô tận. Cứ mỗi lần đầu gối Mark sắp khuỵu, hai công an áp tải lại thọc mũi súng vào be sườn anh, thúc thẳng bước và lẹ lên. Trước một cửa lớn không ghi tên ban ngành công tác, không gắn phù hiệu cơ quan nhưng mỗi bên có tới bốn lính gác, người ta ra lệnh cho Mark đứng lại.

Kim gõ lên cửa hai tiếng sắc và rõ rồi một mình đi vào. Mark đứng chờ trong tia mắt gườm gườm đầy căm hận của tám lính gác, như thể họ phải dẫn mình lắm mới không nhảy xô vào rạch da cắt thịt anh ngay tại chỗ. Mark ngược lại không chú ý tới họ. Anh vẫn đứng, đầu cúi xuống, hai cổ tay bị còng buông ơ hờ trước thân mình. Thậm chí sau khi được lính gác dẫn vào bên trong và cửa đóng lại đằng sau, Mark cũng không ngược mặt. Anh vẫn cúi đầu tiếp tục nhìn trống rỗng xuống sàn xi-măng.

Trong hầm nhà, đằng cuối phòng, có hình dáng một người Việt Nam lớn tuổi, da nhăn nheo. Ông ngồi nghiêng đầu, một tay cầm điều thuốc lá cháy dở, một tay viết nắn nót trên một tờ giấy có kẻ ô, giữa các xấp hồ sơ nằm rải rác, vô trật tự trên mặt chiếc bàn dài lớn và bóng loáng, loại dùng cho nhiều người họp chung. Không khí trong căn hầm với những chai bia màu xanh cao cổ và những chiếc ly cạn tới đáy, chưa được dọn dẹp, cùng mấy chiếc ghế có lót nệm mút nằm không ngay ngắn như tỏ cho thấy vừa kết thúc một cuộc họp cấp bộ lãnh đạo chớp đỉnh. Trên vách đằng sau ông lão, treo bức chân dung đen trắng của Lênin nghiêm nghị nhìn xuống căn phòng với đôi mắt bùng bùng nhiệt tình cách mạng và chòm râu vênh ra đầy khiêu khích dưới cái miệng vuông vắn, cương nghị.

- Đi!

Một lính gác thúc mũi súng tiểu liên đẩy Mark Sherman bước tới trước, và ra lệnh cho anh đứng lại cách bàn họp mấy bước. Suốt một phút ông lão tiếp tục viết, không nhìn lên. Sau cùng, ông đặt bút xuống. Rồi với vẻ hiền từ, ông chậm chậm vẫy tay ra hiệu cho lính gác đứng tránh qua một bên.

Lúc ấy, lần đầu tiên Mark nhướng mắt nhưng không tỏ dấu hiệu nào cho biết anh đã nhận ra vẻ mặt vàng vổ héo hon với bộ râu thưa thưa đó là của một người mà danh tính đã trở thành một vật thể biểu tượng và gây hứng khởi trên khắp thế giới cho những kẻ thích trở thành người cách mạng, còn hơn bức chân dung của Lênin trên bức vách đằng sau ông ta.

Trái ngược với vẻ mặt oai vệ của Lênin trên bức hình, nhà lãnh tụ Cộng Sản Việt Nam cao niên này trông có vẻ mỏng mảnh và tầm thường. Da ông rần rạn như một tờ giấy thời cổ làm bằng da thuộc. Lồng ngực dẹp lép khiến chiếc áo bốn túi làm bằng vải bông rộng thùng thình, trông như chiếc áo bù nhìn giữ ruộng, máng lỏng không trên đôi vai xương xẩu. Chỉ có hai

con mắt dường như vẫn lưu giữ mọi tia lửa của sự sống. Đôi mắt ấy sáng quắc và hàm chứa một quý thể tâm sắc bén và quyền biến khác thường. Chúng dường như hút hết mọi ánh sáng và năng lượng của căn phòng vào trong những tia nhìn không chút dao động. Đặc biệt, khi nhìn sâu vào đôi mắt ấy, người ta không đoán được cái gì đang đọng lại trong đáy tâm tư ông. Lúc đôi môi của ông lão hé mở, bộ mặt có vẻ dừng đứng ấy đột nhiên biến đổi hẳn nhờ nụ cười chan chứa thân tình và ấm áp.

Đằng sau khói thuốc lá quện thành vòng, ông lão tiếp tục mỉm cười. Rồi với ngón tay gầy guộc, ông gõ nhẹ nhẹ vào một tờ giấy khác trên bàn và nói bằng tiếng Anh. Giọng ông rõ ràng, tự tin:

- Trung úy Sherman ạ, thân phụ của anh có viết cho tôi một bức thư. Anh ngồi xuống nhé.

Lính gác thận trọng nhắc mũi súng và bước lên trước khi người Mỹ lê tới chiếc ghế ông lão chỉ. Nhưng thêm lần nữa, ông nhẹ nhàng vẫy tay ra hiệu cho lính gác lùi lại một hai bước.

Tiếp tục mỉm cười, Hồ Chí Minh đẩy một bức hình nhỏ màu nâu đen qua mặt bàn bóng loáng:

- Kèm với bức thư thăm hỏi, cha của anh còn gởi bức hình đã chụp chung với chúng tôi. Lúc chụp hình này, tuổi của ông ấy không lớn hơn anh bây giờ bao nhiêu. Anh biết không, thuở đó chúng tôi là bạn thân của nhau. Tôi vẫn nhớ mãi khuôn mặt đáng mến của ông ấy, và lúc này tôi có thể thấy là hai cha con anh rất giống nhau.

Đang đứng lặng yên một bên ghế của Hồ chủ tịch, Trần Văn Kim bước vòng ra đằng sau ông, nhìn xuống bức ảnh và xem xét nét mặt người thanh niên Mỹ trong ảnh. Trong bức ảnh, Hồ Chí Minh lúc năm mươi lăm tuổi, đang cười thoải mái với một nhóm nhân viên OSS giữa một bãi đất trống trong rừng vào tháng Tám năm 1945. Những người Mỹ trong ảnh đội mũ lưỡi trai mềm, mặc quần cụt, chân mang ủng đi rừng, và Joseph Sherman đứng cười tươi tắn sát bên vai trái của Hồ Chí Minh.

Hồ chủ tịch thở ra nhẹ nhẹ và nói:

- Những ngày ấy đối với chúng tôi thật đáng ghi nhớ. Tôi giúp cho cha anh trở về đơn vị sau khi ông bị quân Nhật bắn rơi, rồi sự hỗ trợ mà ông đáp tạ chúng tôi cũng thật vô giá. Nhưng buồn thay và đáng tiếc thay, sự hợp tác mật thiết ngắn ấy giữa hai xứ sở chúng ta lại chẳng kéo dài được bao lâu!

Mark Sherman nhìn chăm chú bức hình của cha mình rồi dăm dăm ngó Hồ Chí Minh. Giữa các tù binh Mỹ gan góc, tên của nhà lãnh tụ Miền Bắc này bị họ nhắc tới khi nói với nhau và cố tình đọc trại đi ngay trước mặt những kẻ hành hạ mình, là "*Horse Shit Man: Lão Cứt Ngựa*", hiểu theo tiếng lóng là "Gã ba xạo"; và vì sự xỏ xiên, nhục mạ cố ý đó, lần nào họ cũng bị trừng trị thể thảm. Nhưng đối với họ, việc chỉ gọi tên Hồ Chí Minh theo cách đó trở thành một vấn đề danh dự. Và lúc này, trên mặt Mark thoáng gọn nét bức bối, môi anh mấp máy một hai lần như thể sắp gọi như thế, nhưng rồi nét mặt anh thêm lần nữa rũ xuống, trở về vẻ trống rỗng quen thuộc.

Trong vài giây con mắt lấp lánh của Hồ Chí Minh chăm chú dò xét Mark rồi môi lại nở nụ cười ấm áp. Đưa tay khui một trong mấy chai bia Trung Quốc để sát bên cạnh, ông rót, bọt bia sủi ngập vành ly. Ông đẩy ly bia sổng sánh màu hổ phách tới trước mặt Mark rồi rót một ly khác cho mình.

- Thật là một thảm kịch lịch sử khi nước Mỹ rút lại bàn tay hữu nghị đã được hoan hỉ đưa ra năm 1945. Thay vào đó, lúc này, nước Mỹ chỉ ấn vào tay chúng tôi thanh gươm thách đấu. Thế thì trung úy ạ, chúng ta nên uống mừng cho sự khôn ngoan của xứ sở anh trong quá khứ — chứ không cho sự điên rồ của nó trong hiện tại. Tôi hy vọng có thể một ngày nào đó, các nhà lãnh đạo xứ sở anh sẽ khôn ngoan trở lại.

Hồ Chí Minh đưa bàn tay xương xẩu lên, ra hiệu mời người Mỹ uống. Nhưng Mark trơ mắt ngó lại ông, không sờ tới ly bia trên bàn.

Ông lão uống ừng ực ly bia của mình, nghe rồn rột, rồi chỉ vào cục u trên trán Mark:

- Tối nay, anh thấy đó, chuyện thật trở trêu, phải không? Bom của đồng đội của anh suýt giết anh chết trên đường tới đây. Còn tôi chỉ muốn gặp anh cho thỏa tình nghĩa của tôi đối với một chiến hữu cố cựu và cốt để cảm thấy yên tâm về sự an toàn của anh.

Sau lưng ghế của Hồ Chí Minh, Trần Văn Kim kín đáo đưa tay ra hiệu về phía người lính gác thứ hai đứng tận đầu phòng đằng kia. Anh ta quay mình và lặng lẽ bước ra ngoài. Hồ Chí Minh lại mỉm cười với Mark nhưng lần này mặt ông lộ vẻ cứng rắn và không một chút nhượng bộ:

- Anh đã có hai năm nghiên ngẫm về sự điên rồ trong các hành động của xứ sở anh, phải không? Cho tới lúc này, anh đã được học tập đầy đủ về chúng tôi để biết rất rõ rằng chúng tôi có chính nghĩa. Nói cho cùng, chúng tôi chiến đấu đã ngàn năm cho nền độc lập của mình. Và chúng tôi phải làm cho các anh tin rằng ngày nào chưa chiến thắng, ngày đó chúng tôi còn chiến đấu.

Trong một chốc Hồ Chí Minh ngừng nói, đưa mắt chiêu dụ nhìn vào bộ mặt của Mark:

- Chính tại quê nhà anh, có những đồng bào của anh đã càng ngày càng nhận thức rõ rệt rằng Hoa Kỳ phải từ bỏ cuộc chiến tranh xâm lược kiểu thực dân mới của nó. Từ khi anh nằm trong nhà tù của chúng tôi tới nay, đồng bào của anh đã nhận ra rằng rốt cuộc, chắc chắn nhân dân Việt Nam sẽ hoàn toàn chiến thắng. Anh có thể tiếp tay thúc đẩy cho quá trình đó diễn ra nhanh hơn và hạn chế những đau khổ của bản thân anh và của những người như anh nếu anh công khai tố cáo sự điên rồ của xứ sở anh.

Phản ứng duy nhất của Mark là ngời khò người xuống thấp hơn trong lòng ghế. Nhưng ngay lúc đó, sự yên lặng ấy bị phá vỡ bởi tiếng cánh cửa sau lưng anh mở ra và tiếng chân dép của người lính gác thứ hai đang bước thật lẹ về phía họ. Khi tới mép bàn, anh ta đặt một túi vải nhỏ xuống ngay chính giữa vũng ánh đèn.

Trần Văn Kim bước tới, mở túi, dốc hết đồ vật bên trong ra và thận trọng bày ngay ngắn lên mặt bàn. Khi Kim rút tay về, mọi người thấy một bức thư chưa dán trong một bì thư chưa đề địa chỉ nằm kề mấy tờ giấy bạc nhàu nát, một khăn tay và một cái chân thú nhỏ xíu, phủ lông mượt mà, móc vào một sợi dây chuyền mỏng mảnh và đẹp, bằng vàng.

Kim nói thấp giọng:

- Thưa Bác, đây là những món đồ trong người thằng trung úy Sherman mà ta soát thấy khi nó bị bắt.

Chú mình tới trước, Hồ Chí Minh cầm lá thư, chòm râu dài và bạc quét lên mặt bàn. Ông mở thư ra đọc. Xong ông nhìn thẳng vào mặt Mark:

- Vì lý do nhân đạo và để đáp ứng lời thỉnh cầu của cha anh về anh, lúc này chúng tôi sẽ cho phép gởi đi lá thư đã được anh viết cho mẹ trước khi cất cánh chuyến cuối cùng. Ít ra việc này cũng cung cấp bằng chứng cho gia đình anh biết rằng anh vẫn sống rất an lành. Tôi tin anh sẽ hoan hỉ thấy rằng đây là một nhượng bộ phát xuất từ sự tôn trọng những công tác mà thuở trước cha anh đã làm cho chúng tôi.

Hồ Chí Minh gõ nhẹ lên bì thư để làm nổi bật lời nói của mình nhưng Mark chẳng nghe thấy gì nữa. Ánh mắt anh lúc này không còn vẻ đờ đẫn như trước. Hai con mắt nhìn hau háu vào số đồ vật ít ỏi trên bàn. Cảm giác được thái độ biến đổi của Mark, Trần Văn Kim ra hiệu cho lính gác bước lên. Nhưng khi anh ta chưa tới sát bên Mark, người Mỹ đã đột nhiên phóng mình lên khỏi ghế.

Hai bàn tay bị còng của Mark vươn như điên trên mặt bàn cho tới khi vớ tới món đồ nhỏ bé đầy lông. Chưa kịp kéo nó về phía mình anh đã bị lính gác lẹ làng mở khuy bao da súng lục, rút súng ra, trở ngược báng súng nện xuống mấy đốt ngón tay của anh. Cùng với cử động đó, từ đằng sau, anh ta cung tay kẹp chặt cổ Mark. Nhưng dù bị nghẹt thở, ú ớ, hai mắt lồi lên trắng dã dưới sức ép của thể khóa, người Mỹ vẫn không buông chiếc bùa ra.

- Vật gì thế?

Lớp giấy da thuộc trên mặt ông lão nhăn lại thắc mắc khi ông nóng nảy hỏi Kim bằng tiếng Việt. Kim trả lời:

- Thưa Bác, cháu nghĩ đó là cái chân thỏ. Theo biên bản thẩm vấn, thằng trung úy Sherman sau cùng đã thừa nhận rằng nó lúc nào cũng đeo cái chân đó trong người, suốt các phi vụ, từ khi cất cánh cho tới khi hạ cánh. Ở bên tây, người ta tin rằng những vật như thế mang lại may mắn cho họ.

Nghe vậy, gã lính gác đột ngột vung cánh tay còn lại chụp bàn tay Mark, cạy bật các ngón tay của anh ra rồi vặn ngược bàn tay anh lại, vò lấy chiếc chân thỏ. Nhếch mép cười thắng lợi, anh ta ném chân thỏ lên mặt bàn. Nhưng dù hai tay bị còng chặt, Mark vẫn quây lộn như điên, vùng được người ra. Thêm lần nữa anh lao mình lên mặt bàn, cố sức chụp lại chiếc chân thỏ. Nhưng người lính gác thứ hai đang đứng nơi cửa phòng lật đật chạy tới, nhảy lên người Mark. Phải lựa thể lắm hai bộ đội người Việt mới vật được người Mỹ xuống sàn nhà, vừa khóa anh nằm không cựa cựa vừa thở hổn hển.

Trong một lúc Hồ chủ tịch đứng lặng yên quan sát, mắt lim dim nhìn xuống cả ba con người ta nằm yên quần lấy nhau như trong một sỏi vật. Kế đó ông quay sang Kim:

- Tình hình cải tạo của trung úy Sherman như thế nào?

Kim nghiêng mình ghé sát tai ông:

- Thưa Bác, nó là thằng ngoan cố nhất trong tất cả những thằng Mỹ ta bắt được. Suốt chín tháng nay, nó có thể chống lại hết thảy các kỹ thuật thuyết phục của ta. Từ lúc bị ta bắt tới

nay, nó bị biệt giam liên tục. Suốt ba tháng vừa qua, kể từ lúc Bác nhận được thư của cha nó, ta phải đưa nó vào chế độ canh giữ sát nút hăm bốn trên hăm bốn giờ để đề phòng nó tự sát.

- Và chính xác, chú Kim này, chú dự tính xử lý nó ra sao? Cho tới lúc này chú chỉ mới nói với bác là chú nghĩ ta có thể sử dụng nó như một công cụ đặc biệt.

- Cháu nghĩ, có lẽ cách khôn ngoan là ta ban phát lòng nhân đạo có kèm theo mục đích tuyên truyền.

Dưới sàn nhà, Mark vẫn gào la khản giọng trong thế kẹt cứng của hai lính gác rành võ thuật. Ngừng một chút Kim nói tiếp, vẫn nhỏ nhẹ:

- Thưa Bác, vào đúng lúc, thế thôi. Sáu tháng nữa chúng ta có thể thả hấn ra — nhưng trong khoảng thời gian từ đây tới đó, Bác cho phép cháu được tự mình giám sát cách riêng việc giam giữ nó. Cháu đã nghiên cứu tỉ mỉ trường hợp của nó. Cháu tin rằng nếu ta xử lý nó đúng cách, nó sẽ cho thấy nó là vốn liếng cực quý cho những người Mỹ đang vận động chấm dứt chiến tranh.

Ông lão Việt Nam gật đầu và thở phào:

- Đồng chí Kim ạ, chú nổi tiếng thiên tài trong vấn đề này nên bác không tranh luận với chú. Cứ theo ý chú mà làm y như thế.

Kim mỉm cười biết ơn rồi ra hiệu hai lính gác lùi Mark đứng lên. Thêm lần nữa anh nghiêng mình sát vai ông lão, thì thầm vào tai ông. Hồ chủ tịch gật đầu, quay lại bàn cảm chiếc chân thỏ lên. Trong vài giây ông chiếu cặp mắt sắc sảo của mình vào bộ mặt của Mark đang nghiêng chặt răng. Rồi tay ông uốn nắn kiểm tra chiếc chân thỏ hai ba lần trước khi gật đầu ra hiệu cho lính gác buông Mark ra. Khi cả ba lùi lại, mắt ông lão không còn bùng bùng mà miêng tùm tùm cười. Ông cầm chiếc bùa, dịu dàng đưa về phía người Mỹ.

Đăm đăm nhìn Hồ Chí Minh một hồi lâu, mặt Mark căng thẳng phân vân, rồi anh ngập ngừng bước tới. Sau khi đưa mắt nghi kỵ nhìn bộ mặt nhăn nhoe ấy lần cuối, Mark giật lẹ chiếc chân thỏ và áp chặt nó giữa hai bàn tay bị còng. Ông lão tiếp tục mỉm cười với Mark thêm vài ba giây, như một người bác thân yêu ngắm nghía đứa cháu ruột rất thương mến của mình. Rồi nụ cười ấy đột ngột tắt ngúm và Hồ Chí Minh đưa tay khoát lui ra. Xong ông về lại ghế, lập tức vui đầu bận rộn với đồng hồ sơ giấy tờ như thể lúc này, trong phòng chỉ có một mình ông.

Trên đường giải tới xà lim mới dành đặc biệt cho mình tại Hỏa Lò, trung tâm giam giữ phạm nhân của Sở Liêm Phóng thời Pháp thuộc ngay giữa thủ đô Hà Nội, bàn tay túm chặt chân thỏ của Mark cứ co giật liên tục trong bóng tối nơi băng ghế sau của chiếc Tatra. Mặt của Mark khi dẫn ra khi rút lại theo cử động các ngón tay hết bóp lại nới của mình. Đôi khi anh dậm chiếc chân thỏ vào cườm tay, mạnh tới độ mấy vuốt thỏ nhỏ bé cào anh rướm máu.

Cuối cùng, khi bị bỏ lại một mình trong bóng tối đen như mực của xà lim biệt giam dùng để trừng trị tù nhân phạm kỷ luật, Mark ngồi xôm trên sàn xi-măng. Chúi đầu kẹt giữa hai đầu gối, anh thu mình lại như thai nhi nằm trong bụng mẹ. Miệng anh mút mũi chân thỏ phủ đầy lông như thể đó là một núm vú giả cho trẻ con ngậm.

Không để ý tới lũ chuột đang chạy riu rít, được giám thị cố ý thả vào qua một lỗ nhỏ dưới sàn, Mark ngồi nhún nhún người, chúi tới ngửa lui như thế trong một hồi lâu. Anh thì thầm rên rỉ với chính mình, cho tới sau cùng, anh buông mình ngã xuống trong giấc ngủ mê mết.

- 3 -

Cách Hà Nội một ngàn bảy trăm cây số ở phương nam, trong khi đưa con trai thứ của mình một lần ngã người ngủ chập chờn trong một xà-lim tồi tệ, Joseph Sherman bước đi trên những con đường đầy bóng tối của Sài Gòn và cố giữ cho con mắt tâm trí đừng ngó thấy những bóng ma quá khứ đang như ẩn như hiện, ám ảnh từng góc đường.

Đã mười hai năm, đây là lần thứ nhất Joseph quay lại thủ đô của Miền Nam. Tiếng gầm rú không ngớt và tình trạng hỗn độn cực độ do các nỗ lực chiến tranh của Hoa Kỳ khiến Sài Gòn thay đổi tới độ gần như không còn có thể nhận ra. Nhưng mắt anh chẳng cảm thấy xốn xang chút nào khi nhìn hoạt cảnh đó vì lòng đang bồi hồi xúc động theo những hoài tưởng quá khứ, sau một quãng thời gian xa cách quá dài và nay mới được đặt chân trở lại.

Bước sóng đôi trên vỉa hè đường Công Lý bên cạnh dáng người nhỏ thó của Trần Văn Tâm, Joseph gần như không thấy vẻ ngoài Dinh Độc Lập rất hiện đại của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, nổi bật đằng sau những tấm lưới chống hỏa tiễn B-40 giăng quanh khuôn viên. Thêm vào đó, trên quãng đường trước mặt dinh, lính phòng vệ đặt rào gỗ ngăn không cho các loại xe có động cơ và trên ba bánh qua lại, khiến nó có vẻ cô lập và đáng sợ.

Nhưng khi nhìn xuyên qua những lỗ lưới mắt cáo, thấy các bãi cỏ rộng mênh mông và đầy bóng tối được các chuyên gia thiết kế vườn bố trí quanh cái dinh thự vĩ đại, nguyên thủy là của Toàn quyền Đông Dương thuộc Pháp, Joseph lại liên tưởng tới một cậu bé mười lăm tuổi thuở nào. Đêm ấy, ngưng nghỉu trong bộ lễ phục dạ hội trắng tinh mặc lần đầu trong đời, cậu đã lao như điên qua sân thêm cảm thạch nơi dinh thống đốc Nam kỳ ngày trước, nay là dinh Tối cao Pháp viện, cách nơi này ba trăm thước, hồng cứu chiếc độc bình Trung Hoa vô giá sắp bị rơi vỡ bởi một chú khi con chui tuột vào đó.

Joseph cũng thấy hiện lên trong tâm trí cảnh vị sứ thần nam triều tại Sài Gòn, mặt tuy diễm đạm nhưng lòng thường bức rứt, thân phụ của người lúc này đi bên anh, kinh hoàng đứng trên thêm cao của dinh thự ấy khi anh lộ mình ra với con vật đang vùng vẫy vì bị ôm chặt vào chiếc áo dạ hội rách bươm của anh. Và cũng từ chốn sâu thẳm tận đáy tâm thức của Joseph chợt hiện lên nét thơ ngây tới độ bí nhiệm và vẻ rạn rờ trên khuôn mặt mười tuổi của đứa con gái vị quan kia khi cô bé tròn xoe mắt, nhìn cậu bé ngoại quốc xa lạ vừa cứu cho con vật yêu quý của mình thoát án chết.

Liếc Trần Văn Tâm thật lẹ, Joseph tự hỏi không biết người Việt Nam này có cảm nhận được tâm trí anh đang tràn ngập những hoài cảm chất ngất ấy không. Mắt Tâm mãi miết nhìn theo một đoàn xe GMC của quân đội VNCH âm âm lẩn bánh trên đường Pasteur. Đôi môi làm thành cái miệng nhỏ như con gái của anh ta chu lại tỏ vẻ gớm ghiếc khi ở đằng xa, đoàn xe tải đó vừa chạy vừa bóp còi inh ỏi và phun khói mù mịt làm cả một quãng đường bị khuất lấp trong vùng khói xám dày đặc.

Không ai bảo ai, cả hai cùng rẽ qua đường Tabert cũ, đi về hướng Câu lạc bộ Thể thao ở một góc vườn Tao Đàn, nơi chiều nay Joseph vừa khám phá khách lui tới thời nay gồm các chủ đồn điền người Pháp mặt mày khinh khinh, các viên chức người Mỹ nói cười huyên náo và

các thương gia người Việt lẫn người Hoa Chợ Lớn rất nhũn nhặn, cùng nhau quần tụ thành một xã hội hỗn tạp và chối nghịch. Dù không còn chút dấu vết nào của sự độc quyền thuở trước dành cho các tây thực dân quyền cao chức trọng nhưng ngay lúc hai công vào hai đầu Cầu lạc bộ xuất hiện trong tầm mắt của Joseph, hình ảnh thơ mộng với chiếc xe thổ mộ nhỏ nhắn năm nào, khi anh đưa Lan về nhà nàng sau trận chung kết quần vợt, lại lọc cọc lẫn bánh trong tâm tư Joseph khiến anh cảm thấy ruột mình đau thắt và buồn thấm thía.

Dù chỉ mới quay lại Sài Gòn có ba ngày nhưng ngay trước khi máy bay chạm bánh lên phi đạo Tân Sơn Nhất, những hình ảnh xa xưa ấy đã bắt đầu sống động trở lại trong tâm trí Joseph. Suốt hai mươi bốn giờ phi hành từ Washington, Joseph hầu như không phút nào chợp mắt. Khi chiếc máy bay Boeing của hãng Hàng không Pan Am bắt đầu lướt thật dài và thật êm qua một ngã ba sông của dòng Cửu Long chín nhánh xoè ra như những đường gân lấp lánh bạc của một bàn tay, anh bắt gặp xa xa và thấp thoáng hai đỉnh tháp sừng đôi của Nhà thờ Đức Bà Sài Gòn. Lập tức, Joseph nhớ lại hai cột mốc dẫn đường hải hành ấy đã, hơn bốn mươi năm trước, huyền ảo như hai tai thổ giấu mình rồi trôi lên hụp xuống khắp bốn hướng rừng khi con tàu Avignon chậm chậm uốn mình chạy theo dòng sông Lòng Táo ngoằn ngoèo.

Tuy thế, khi đặt chân xuống mặt đất, Joseph thấy Sài Gòn nay chỉ còn lưu giữ vài ba dấu tích ngày cũ. Thành phố vẫn còn nguyên không khí ẩm ướt quen thuộc khiến con người như ngây ngây sốt, nhưng ngày nay, khói xăng ngọt ngào dường như lúc nào cũng làm cho cổ họng nghèn nghẹt. Chuyển đi từ phi trường Tân Sơn Nhất tới khách sạn Continental Palace đã hoá thành một cơn ác mộng vì xe phải chạy qua những ngã tư ngã ba kẹt cứng người đi xe và đủ thứ tiếng động, đủ loại khói xe.

Vẫn tồn tại những chiếc xích-lô với các phu đạp xe người Việt gây guộc không kém các cu li kéo xe tay thời thuộc địa. Còn luôn cả những chiếc tắc-xi Renault nhỏ bé sơn xanh với trắng cùng một ít xe Citroën và Peugeot xộc xệch, tài sản của những tây thực dân người Pháp thuở nào. Nhưng lúc này, những chiếc xe hơi nhỏ bé ấy bị khuất lấp bởi từng đoàn xe tải to lớn, dài thườn thượt, kéo rơ-moóc của quân đội chạy đè lên chiếc bóng của hàng trăm xe hơi nhỏ Chevrolet, Pontiac và Mercury của viên chức các cơ sở ngoại giao nhiều nước và các phái bộ Hoa Kỳ.

Các thanh niên thiếu nữ người Việt trên những chiếc Lambretta và Honda máy nổ ròn rã, len lỏi lách mình, khi rúc vào khi lạng ra khỏi đám xe cộ hỗn tạp. Và Joseph cảm thấy khoan khoái vì vẫn còn nhiều thiếu nữ mặc chiếc áo dài tha thướt và đầy quyến rũ. Thậm chí một số cô còn che mặt bằng khăn lụa để tránh hít phải khói xe ngọt ngào. Tà áo họ trôi nổi bồng bềnh giữa những dòng xe cộ ngược xuôi với vóc dáng mảnh mai mượt mà từng làm cậu bé Joseph mười lăm tuổi như say như ngây khi lần đầu tiên ghé lại Sài Gòn bốn mươi hai năm trước.

Rồi chẳng bao lâu, Joseph lại khám phá ra rằng cái tắt bật hồi hải thời chiến đã làm biến mất giấc ngủ trưa của Sài Gòn. Ngay cả sự thỉnh lặng trong quãng thời gian giới nghiêm dài bốn giờ, bắt đầu từ nửa đêm, cũng bị lấy mất bởi những đoàn xe tải quân đội gầm rú, chạy ào ào và bất tận, qua những đường phố không một bóng người.

Tới mười hai giờ trưa, một số chủ tiệm vẫn kéo cửa sắt xuống trong khoảng một hai giờ nhưng những quán rượu đèn nê-ong sặc sỡ, các ki-ốt bán đồ lưu niệm loè loẹt rề tiền mọc lên dọc hai bên đường Nguyễn Huệ, Lê Lợi và Tự Do vẫn mở cửa để phục vụ những tốp lính Thủy quân Lục chiến được nghỉ phép, đi đông nghẹt các đường phố vốn ngọt ngào sẵn vì xe cộ. Khắp nơi mọc lên những chúng cư xây cất kém chất lượng để đáp ứng nhu cầu chỗ ở cho số lượng người nước ngoài đang gia tăng hơn bao giờ hết. Joseph nản lòng khi thấy chúng

đường như sẽ tẩy xóa hoàn toàn về thanh lịch đang ngày càng mất dần của một thành đô Sài Gòn thời thuộc địa Pháp.

Nhưng sau cùng, Joseph cũng cảm thấy khuây khoả phần nào khi thấy ra mình được cấp nguyên một biệt thự cũ xây từ thời thực dân, bên đường Duy Tân, vì anh tới đây lần này là để giữ một chức vụ chính quyền. Sau khi suy đi nghĩ lại nhiều lần, anh chấp nhận làm cố vấn cao cấp cho JUSPAO — Joint United States Public Affairs Office: Cơ quan phối hợp các hoạt động dân sự của Hoa Kỳ, được chính thức dịch ra tiếng Việt là Cơ quan Dân Sự Vụ Hoa Kỳ.

Cũng ngay tại biệt thự ấy, Joseph vừa mời Trần Văn Tâm dùng cơm tối do một đầu bếp người Việt đứng tuổi, cơ hữu của biệt thự, phụ trách việc nấu nướng và dọn bàn. Mặc dù cả hai đã quen biết nhau mấy chục năm và Joseph từng có thời đi lại thân mật với Tâm cùng gia đình của anh ta nhưng gần như suốt buổi tối, viên chức cao cấp Việt Nam ấy vẫn đối đáp rất dè dặt và thường tìm cách tránh né.

Vẫn nụ cười khúc khích che đậy vẻ bối rối khi Tâm bị hỏi về những đất đai mênh mông anh ta thừa hưởng ở đồng bằng sông Cửu Long. Và ngay lúc đó, Joseph bỗng nhận ra rằng sự kiện Tâm vẫn được hưởng đặc quyền đặc lợi của một đại gia sau nhiều năm người Mỹ gây sức ép nhằm có một loại cải cách điền địa sâu rộng nào đó đã khiến trong thái độ của anh ta có thêm một khía cạnh thủ thế mới cho bản thân.

Tâm hiện là phụ tá bộ trưởng thông tin trong chính phủ Nguyễn Văn Thiệu. Và Joseph suy ra rằng chính địa vị đó, với sự xuất hiện ít ỏi trước công chúng và vì thế ít chịu nguy cơ về chính trị, đã và đang tự nó cung cấp cho anh ta những hiểu biết sâu xa về các cơ hội đầu cơ trực lợi trong một nền kinh tế thời chiến đang phát lên và bị tham nhũng lèo lái của Nam Việt Nam.

Bị Joseph thúc giục, Tâm thừa nhận, kèm thêm một nụ cười khúc khích bối rối nữa, rằng hiện nay anh ta có nhiều đầu tư kinh doanh khác nhau “trong mấy thứ đại khái như bất động sản, ngành xây dựng và các đại lý nhập cảng”. Mặc dù tiết lộ như thế, thái độ của Tâm vẫn giữ kẽ, như thể anh ta biết chắc chắn rằng không sớm thì muộn thế nào cũng sẽ có ngày và có người đặt ra cho mình một câu hỏi khó chịu nhất.

Thế nhưng câu hỏi đang được Joseph canh cánh và rất thêm dặt ra cho Tâm lại chẳng liên quan chút nào tới việc kinh doanh và kinh nghiệm quan lại của gia tộc cùng lợi thế chính trị hiện nay của Tâm. Anh dẫn lòng cho đến khi cả hai nhấp ly rượu mùi Pháp trên thêm nhà và hít vào thật sâu hương đêm đậm đà trong khu vườn đầy bóng tối quanh biệt thự. Lúc đó, người Mỹ mệt lã với các câu hỏi về nội các mới, hiến pháp vừa được ban hành, quan điểm của Tâm về chương trình bình định... và tới lượt người Việt Nam nhiệt liệt khen ngợi Joseph về món chả giò của bác đầu bếp cùng mùi vị tinh khiết của rượu Pháp anh ta vừa được thiết đãi.

Rồi Joseph cũng tìm cách đặt được đặt câu hỏi đó. Khi nghe nhắc đến tên Tuyết, Tâm lại rơi vào im lặng, lâu tới độ Joseph có cảm tưởng anh ta không muốn đề cập đến vấn đề đó. Sau cùng, Tâm trả lời. Không ngó Joseph, mắt chỉ nhìn chăm chú vào bóng tối trong vườn. Và dù làm như thế, anh ta vẫn để lộ vẻ bối rối trong cung giọng. Ém hơi thở, Tâm nói rất nhẹ:

- Tôi không biết cụ thể hơn những gì tôi từng kể với anh hồi năm 1956. Gián dí là con gái của anh biến mất — gần như không để lại dấu vết nào.

Joseph hỏi lại với giọng nói không giấu nổi chút hy vọng le lói:

- Anh nói “gần như”, vậy có nghĩa kể từ lúc đó, anh có đôi chút tin tức về nó?

Người Việt Nam lại rơi vào im lặng và ngồi trầm ngâm như suy tính. Joseph mừng rỡ tượng thấy trán anh ta cau lại:

- Vài tin tức cụ thể và rất nhiều lời đồn không thể kiểm chứng. Và vì Tuyết đã quyết định triệt để trung thành với phía bên kia nên xin anh biết cho rằng cả nhà chúng tôi không bao giờ có ý định dò hỏi tới nơi tới chốn. Sau khi nó bỏ nhà ra đi, chúng tôi nghe tin nó lập gia đình với một thanh niên cha Hoa mẹ Việt, được biết tới dưới cái tên Triệu Hùng Lương. Rồi sáu bảy năm sau, thằng đó chết.

- Tại sao chết?

- Bên Trung ương Tỉnh báo có cho người sang gặp tôi để lấy thêm thông tin. Họ cho tôi biết rằng Triệu Hùng Lương trước năm 1954 là biệt động thành của Việt Minh. Sáu năm sau, nó bị bắt vì tình nghi hai mang, vừa là Việt Cộng vừa có liên hệ với một nhóm Mao-ít đang âm mưu ám sát Thái cực Quyền sư Triệu Trúc Khê, Đường chủ Tỉnh Võ Đường Chợ Lớn. Thằng ấy chết trong lúc bị thẩm vấn. Dù gì đi nữa, tên của vợ hắn là Tuyết, cháu gọi tôi bằng cậu ruột. Họ nói khi tới nhận diện xác chồng, cô ta chỉ mặt nhân viên an ninh và thề sẽ trả thù cho cái chết của chồng. Tuần lễ sau, cô ta biến mất, hình như gia nhập biệt đội ám sát của Việt Cộng. Mấy tháng sau, có vài phần tử trong cơ quan an ninh của họ bị ám sát và họ tình nghi thủ phạm là Tuyết. Tôi chỉ trả lời là chúng tôi đã mất liên lạc với nó từ lâu.

Joseph bầu chặt mép bàn, rướn người tới:

- Rồi sau đó anh có biết thêm tung tích của nó không?

Nhìn xuống các móng tay mình, Tâm thở hắt:

- Từ đó, chỉ toàn là lời đồn. Nghe nói cũng chính cô gái ám sát mật thám ấy về sau trở thành một trung đội trưởng chủ lực quân nổi tiếng ở miền dưới. Cô ta lấy danh xưng là “Tuyết Lương”, để tưởng nhớ chồng mình.

Joseph nhảy nhồm trên ghế, kinh hãi ngó người Việt Nam:

- Tôi không tin có chuyện đó!

Tâm vội vàng nói thêm:

- Thì tôi đã nói là không có đủ bằng chứng để khẳng định rằng cô “Tuyết Lương” ấy chính là con gái của anh. Đó mới chỉ là tin đồn thôi. Nói cho cùng, tại Việt Nam, “Tuyết” không phải là cái tên hiếm thấy. Nhưng cũng có dư luận nói “Tuyết Lương” là con lai.

Joseph dựa ngửa ra lưng ghế, im lặng choáng váng. Trí óc anh mụ mẫm theo những ngụ ý trong lời Tâm vừa nói. Rồi anh đứng lên và bắt đầu đi tới đi lui trên thềm nhà:

- Anh Tâm này, anh nghe lời đồn đó vào lúc nào vậy?

- Vào đầu những năm sáu mươi.

- Rồi kể từ lúc đó, anh có nghe thêm gì về “Tuyết Lương” nữa không?

Tâm lắc đầu:

- Dường như cô ta đột ngột biến mất khỏi chiến trường đồng bằng sông Cửu Long vào khoảng giữa năm 1963.

Joseph thất kinh nhìn chăm chăm người Việt Nam:

- Vậy có thể nó bị người ta giết rồi!

Né ánh mắt của Joseph, Tâm trả lời nhẹ nhàng:

- Dĩ nhiên là có thể. Nhưng như tôi vừa nói, gia đình của tôi không để tâm tới chuyện dò hỏi tới nơi tới chốn. Có thể lãnh đạo của Mặt Trận Giải Phóng đã bố trí cho nó một công tác nào đó ít có sức mê hoặc ít có vẻ cá nhân chủ nghĩa. Anh cũng biết, Cộng Sản đòi hỏi sự chấp hành mệnh lệnh và tinh thần kỷ luật trên tất cả mọi thứ khác. Một phụ nữ trẻ tuổi xinh đẹp mang bên hông khẩu súng lục của Mỹ và lang thang khắp nơi chỉ vì trả thù rửa hận mà thôi thì trông y hệt một tay cao bồi miền Viễn Tây Hoa Kỳ, không thích hợp chút nào với kiểu mẫu đấu tranh trong khuôn khổ kỷ luật của Cộng Sản. Cũng có thể vì cô ta quá nổi tiếng; đang phải hóa giải hoặc khai thác danh tiếng dừng sĩ đó theo kiểu có lợi hơn nữa.

Joseph ngừng bước, rót rượu đầy hai ly. Trong một hồi lâu hai người ngồi im nhấp rượu. Rồi thêm lần nữa Joseph quay sang Tâm, mặt bần khoản và trầm ngâm:

- Anh có nghĩ rằng biết đâu Tuyết Lương có thể được phái ra Đà Nẵng với nhiệm vụ tình báo nào đó?

- Anh có ý nói để do thám các phi công Mỹ khi họ ra phố, phải vậy không?

Joseph nôn nao gật đầu:

- Đúng vậy!

- Cũng có thể. Tại sao anh hỏi như vậy?

- Vì Mark, đứa con trai thứ hai của tôi, gia nhập không quân và đóng ở Đà Nẵng cho tới ngày nó mất tích tại Miền Bắc trong một phi vụ oanh tạc hai năm trước đây. Chúng tôi không biết sau khi máy bay rơi nó còn sống hay không nhưng trong lá thư sau cùng của gởi cho mẹ, nó có nhắc tới một cô gái Việt Nam lai tây sống ở thành phố đó mà nó nghe người ta gọi tên là “Tuyết”. Không có gì rõ ràng trong lá thư đó, nhưng hình như “Tuyết”, dù cô ta làm cái gì đi nữa, cũng có biết tới tên của Mark. Qua một cô gái khác, cô ta nhờ chuyển cho Mark một lời nhắn mơ hồ về “cha của cô ta đang ở bên Mỹ”. Mark viết điều ấy một cách rất tình cờ và rõ ràng nó chẳng hiểu chút gì về chuyện đó.

- Mark có biết nó có một người chị cùng cha khác mẹ không?

Joseph lắc đầu thật lẹ và quay nhìn chỗ khác:

- Không. Tôi không kể cho đứa con trai nào của mình nghe về Tuyết. Tôi vô cùng ân hận là kể từ khi chúng nó khôn lớn, tôi rất ít liên lạc với cả hai.

- Vậy anh ra Đà Nẵng chưa?

Joseph gật đầu:

- Tôi có bay ra đó, gần như ngay sau khi vừa đặt chân xuống Sài Gòn.

- Anh có tìm được điều gì không?

Joseph thở ra chậm chậm:

- Không — hoàn toàn chẳng có gì. Tôi không tìm được dấu vết nào của cô gái đó. Nhưng hôm đó, tôi chưa có được đôi ba thông tin cụ thể về nó như lúc này.

Một nụ cười thiện cảm và có phần nào phiền muộn chợt xuất hiện trên mặt Tâm:

- Nếu “Tuyết Lương” là con gái của anh thì Joseph ạ, hẳn anh rất đau lòng khi nghĩ nó đang đứng về phía đối nghịch. Nhưng có lẽ cái đó giúp anh hiểu rõ thêm phần nào xứ sở bất hạnh của chúng tôi. Lúc này, chúng ta đang có chung một điều, là trong cuộc chiến tranh kinh hoàng này, cả hai chúng ta đều cùng có người ruột thịt của mình đang ở phía bên kia và đang đánh nhau với chúng ta.

Joseph nói trầm giọng:

- Tôi xin lỗi. Tôi chỉ nghĩ tới mình mà quên mất người em Trần Văn Kim của anh.

- Anh không nhất thiết phải xin lỗi. Họa hiem lắm mới có một người Mỹ thấy mình đang ở trong hoàn cảnh giống như của anh, nhưng đối với người Việt chúng tôi thì chuyện xảy ra như vậy là bình thường.

Joseph trả lời dờ dẩn:

- Cách đây trăm năm, chúng tôi có một cuộc Nội Chiến Nam Bắc vì thế chúng tôi nghĩ mình có thể hiểu rất rõ tình cảnh anh em thù nghịch nhau, bắn giết nhau. Mấy chục năm nay anh có liên lạc gì với Kim không?

Tâm nhún vai và thêm lần nữa quay mặt:

- Một phần tử chớp bu trong Bộ Chính Trị tại Hà Nội thì liên lạc gì bây giờ với một phụ tá bộ trưởng nhỏ bé của “chính quyền nguy” ở Sài Gòn?

- Nhưng cũng thường xảy ra nhiều trường hợp du kích Việt Cộng lên về nhà ăn Tết với gia đình dù họ ở bên kia chiến tuyến.

- Chuyện đó chỉ có thể xảy ra đối với cán bộ địa phương cấp thấp thôi. Còn đối với chú em của tôi, kẻ xem việc lãnh đạo cách mạng là quan trọng hơn mọi thứ trên đời, thì chẳng biết phải “cống hiến” thêm bao nhiêu nữa mới đủ. Vào ngày nó làm mất danh dự của thân phụ tôi,

tôi đã thề không bao giờ nói chuyện với nó nữa. Nay cũng thế, cho tới khi nó gập đầu gối xuống trước bàn thờ cha tôi mà năn nỉ xin tha thứ.

Nói tới đây, Tâm cất tiếng cười cay đắng và buồn bã:

- Liệu anh có thể tưởng tượng rằng giờ đây, sau tất cả những xương máu đã đổ ra ngàn ấy, Kim tới quì xuống trước mặt tôi ngay tại Sài Gòn này không? Mẹ tôi sống với trái tim tan nát và bần bật nín lặng trong rất nhiều năm cho tới khi bà qua đời. Kể từ ngày Kim sỉ nhục thậm tệ cha tôi và tất cả ông bà tổ tiên nội ngoại của chúng tôi cho ngày cuối cùng trong đời mẹ tôi, bà chẳng bao giờ còn biết hạnh phúc là gì.

Tâm lại nhún vai như một cử chỉ bất lực:

- Nhưng cho dù có quá nhiều cái chia rẽ chúng tôi, cho dù Kim là Cộng Sản, thì dù gì đi nữa, chú ấy vẫn là em ruột của tôi. Không ai có thể tự mình tự cắt ruột mình.

- Đúng. Và Tuyết, cho dù nó ở bất cứ nơi nào và đang làm điều gì đi nữa, nó vẫn là con gái của tôi.

Joseph nói như thế với giọng cam đành. Tiếp đó, cả hai lại ngồi im tránh nhìn nhau. Để nguôi lòng phiền muộn, Joseph sau cùng đề nghị cả hai đi dạo dưới trời đêm, qua những đường phố đô thành. Họ đi bên nhau nhưng mỗi người có một cõi riêng. Mỗi người bị vây kín với những ý nghĩ riêng tư. Và chậm chậm, trong vườn lòng khô héo của họ từ từ lại trỗi lên một tình cảm thiết thân nhau.

Chợt nghĩ tới một chuyện Joseph xao xuyên hỏi Tâm về đứa con trai của Lan nay ra thế nào. Người Việt Nam rầu rĩ lắc đầu nói với anh rằng cậu bé ấy tử trận chỉ vài tháng sau khi tốt nghiệp Trường Võ bị Đà Lạt. Tin này làm tâm trạng cả hai ủ ê thêm lên, và từ phút đó, họ không còn chuyện trò với nhau nữa.

Ngay giữa trung tâm thủ đô, nhiều tốp lính Thủy quân Lục chiến Mỹ ồn ào, mặc áo hoa hòe, chân đi lốp đảo, hét vào lại ra các quán rượu. Tại công viên Quách thị Trang trước mặt chợ Bến Thành, một số người tị nạn không nhà cửa đang nâng dân số Sài Gòn tăng thật nhanh lên tới khoảng ba triệu người, một môi ngả lưng nằm xuống ngủ thêm một đêm nữa trước hiên nhà ai đó hoặc trên vỉa hè.

Joseph và Tâm bắt giắc cất chân bước thật lẹ để bỏ lại sau lưng những cảnh tượng chỉ thúc ép tâm trí họ nghĩ tưởng tới những gì chiến tranh đang gây ra cho một Sài Gòn từng thanh tịnh hơn và phẩm cách hơn, thành phố được cả hai từng biết và rất yêu mến thuở niên thiếu. Khi tới công viên trước Nhà thờ Đức Bà, Joseph và Tâm bắt tay nhau, chúc nhau thêm một đêm an lành, rồi chia tay người đi mỗi hướng.

Joseph đi về phía biệt thự cung cấp cho mình ở đường Duy Tân, nhưng chỉ mới vài bước, anh tần ngần đứng lại. Dù tối nay thật ủ dột với Tâm, đau đớn về Tuyết và kinh hoàng trước những thay đổi của Sài Gòn hiện thời, nhưng vẫn có điều gì đó đầy quyền rũ được thành phố này cùng dân cư của nó lưu dưỡng cho anh, và lúc này điều đó vẫn tiềm ẩn lãng đãng trên các đường phố. Trong cái nóng nham nháp và ẩm ướt, Joseph chợt nhận ra mình vẫn cảm nhận có điều gì đó kỳ lạ, gần như thú vị. Đó là cảm giác xôn xao như một loại bồn chồn ray rứt đang làm ngòn ngọt cổ họng và kéo mọi giác quan anh căng ra, tới tận cùng ranh giới của hơi thở.

Sau khi đứng tần ngần một lúc, Joseph lại thấy mình cất chân đi về phía đường Catinat, hiện nay vẫn bám víu một cách không chính thức vào cái tên Pháp nguyên thủy của nó hơn là đại lộ “Tự Do”. Cố tình băng qua bên kia đường để tránh chỗ vỉa hè ngay trước sân thềm khách sạn Continental, anh rảo bước tới Công trường Lam Sơn.

Dưới chân tượng đài do Nguyễn Văn Thiệu lập nên, bên trên đặt tượng hai người lính Thủy quân Lục chiến Việt Nam khổng lồ, sần sùi và đen đui, xung phong chĩa súng thẳng vào Tòa nhà Quốc hội, đang tụ tập sẵn một đám người nhàn tản. Khi tới gần hơn, Joseph thấy đèn quay phim vô tuyến truyền hình rọi sáng chói lọi trên đầu những kẻ đứng xem. Một trong các nhiệm vụ Joseph sắp phải đảm trách tại JUSPAO là điều hợp cuộc họp báo hàng ngày trong một hội trường có máy lạnh ở đường Nguyễn Huệ. Thường lệ vào lúc xế chiều, tại đó có buổi thuyết trình tóm tắt tình hình chiến sự trong ngày, với sự tham dự của đội ngũ ký giả Mỹ và đám phóng viên nước ngoài càng ngày càng đua nhau đa nghi. Họ gọi một cách bêu riếu các buổi họp báo đó là “Hành động ngu xuẩn lúc năm giờ”. Và một trong các công tác chủ yếu của Joseph là tìm cách gia tăng tính thuyết phục cho diễn tiến đó.

Phát xuất từ tính hiếu kỳ nghề nghiệp và hy vọng sẽ thấy thông tin viên của một mạng lưới quan trọng nào đó thuộc hệ thống truyền hình Mỹ, Joseph bước tới gần hơn để tìm hiểu kẻ ấy phát biểu ra sao. Nhưng anh sững sốt khi nghe giọng nữ đang nói lời tường thuật trước ống kính lại thuộc loại bị một số người Mỹ giễu là “Anh ngữ quý tộc Luân Đôn”.

Vươn cổ nhìn qua đầu những người Việt Nam đang túm tụm ngó, Joseph thấy trong ánh sáng đèn chiếu nóng rực, một thiếu nữ dong dỏng cao. Cô ta đứng nổi bật với đôi bốt-dờ-sô, loại giày trần của lính, và bộ đồ đi sẵn bốn túi nhẵn nhúm, bằng vải màu nhạt. Tất cả gọi cho thấy nàng và toán truyền hình vừa trải qua mấy ngày ngoài mặt trận để quay phim chiến sự.

Đằng sau máy thu hình, chuyên viên thu thanh đưa lên cao cho nàng nhìn rõ xấp bằng nhỏ ghi thời lượng và các tiêu đề văn tắt. Joseph đoán người nữ phóng viên đang thu hình ảnh và lời đúc kết cho một cuốn phim vừa quay xong ở các khu vực giao tranh. Trong khi anh lắng tai nghe, một đôi lần nàng đọc trật chữ vì quá mệt và phải lặp lại lời bình luận. Nhưng nhịp điệu và cung giọng cho thấy nàng sắp chấm dứt. Joseph bước tới gần hơn khi nàng ngừng một chút cho chuyên viên quay phim thu nhỏ dần hình ảnh để kết thúc.

Người nữ phóng viên nói, giọng cố ý chậm lại:

- Lần thứ nhất tôi tường thuật cuộc chiến tranh này là vào năm năm trước đây, lúc đó mới chỉ có vài ngàn cố vấn Mỹ can dự. Hiện nay, có tới hơn nửa triệu người Mỹ tham chiến tại Việt Nam. Dù các phát ngôn viên chính thức của Hoa Kỳ liên tục nói với chúng tôi rằng “hết thấy mọi thẩm định bằng số lượng” đều cho thấy Cộng Sản đang bị đánh bại, thế nhưng chiến thắng vẫn như làn khói lọt qua kẽ tay, lảng tránh và khó nắm bắt.

Nàng dừng lại một chút để làm nổi bật lời kết luận ấy, rồi nói thêm theo thông lệ:

- Đây là Naomi Boyce-Lewis, tường thuật từ Sài Gòn.

Joseph đắm đắm nhìn bộ mặt sáng rõ và chói lọi của người nữ phóng viên Anh khi chuyên viên thu hình giữ ống kính cố định một chỗ để lấy thêm vài đoạn phim cuối cho các chuyên viên ráp nối ở Luân Đôn. Trong vài giây ấy, anh cố lục lọi trí óc mình nhưng không thể nhớ ra cái họ nghe có vẻ quen thuộc ấy. Kẻ đó, đứng khoanh khắc máy thu hình ngừng quay và đèn đóm tắt lịm, trí nhớ của Joseph bỗng loé sáng. Đám đông người Việt vừa im lặng đứng quan

sát cuộc thu hình nay miễn cưỡng tản đi. Và ngay lúc ấy, Joseph lách vào, bước tới chân tượng đài nơi nàng đang cúi đầu giúp các nhân viên trong toán thu dọn máy móc.

Joseph nói, giọng thật thấp:

- Lời đúc kết của cô vào điểm cao nhất của phim khiến ai cũng phải lắng nghe, cô Boyce-Lewis ạ. Không biết cô có chút liên hệ nào với Ngài Đại tá Harold Boyce-Lewis từng ở đây với Quân đội Anh hồi cuối Thế Chiến Hai không?

Nghe tiếng nói của Joseph, Naomi quay lại, giật mình nhìn lên:

- Có phải ông có ý nói tới thân phụ tôi...

Người Mỹ cười thật tươi, chìa bàn tay:

- Hẳn đúng như vậy. Tôi là Joseph Sherman. Thưa, Ngài Harold có mạnh khỏe không ạ?

- Cha tôi bị hạ sát ở đây hồi năm 1945, ông Sherman ạ.

Naomi trả lời với giọng nhỏ nhẹ rồi khi nhìn Joseph chăm chú hơn, mắt nàng chợt sáng lên vẻ quan tâm:

- Nhưng nếu ông biết rõ về cha tôi thì thật thú vị cho tôi được trò chuyện với ông vào một lúc nào đó.

- 4 -

Tiếng gầm gừ của đám đông dân chúng Hà Nội dội vang rền vào tai Mark Sherman nghe như thể tiếng gào thét của những linh hồn bị dọa đầy chốn địa ngục. Hàng hàng lớp lớp đàn ông đàn bà và trẻ em vây kín Mark. Nước bọt họ nhổ lên người anh như mưa. Tay họ đập anh chân họ đá anh. Tóc trên đầu anh bị họ bứt từng nắm. Trong cơn điên dại, không biết bao nhiêu lần họ túm lấy Mark, lôi anh xuống đất, đá vào mặt, đập lên người, làm anh nằm bẹp dí trên mặt đường nhựa lờm chờm đá giẫm. Mark vừa gượng đứng lên chưa vững đã bị họ khoèo chân, xô tới đẩy lui, kéo giật anh quay mòng mòng giống như anh là con thú đang chạy trốn.

Trên đầu đám đông sùng sục thịnh nộ ấy, những ống kính đen ngòm hung ác của các máy quay phim vô tuyến đang thu hình cơn thống khổ lồ lộ của năm mươi phi công Không quân và Hải quân Hoa Kỳ đang lóng ngóng giữa một biển người. Những ống kính trông có vẻ đang căng thật thẳng, kéo ra dài ngoằng, và rồi chính chúng cũng tiếp tay hành hạ các phi công bằng dao đâm, tay thụi chân đạp, rất dữ dằn, rất ác liệt, cho tới khi các phi công ngã quỵ, bò lăn bò lóc trên mặt đường. Đằng sau các ống kính ấy là chuyên viên thu hình người Nga và Đông Âu to lớn, người Trung Hoa mắt ti hí và Việt Nam mắt xếch, tay quay phim, mặt khoái chí, mắt liếc đều cáng và miệng cười nham nhở. Về mặt họ giãn ra và vắn vẹo, môi mép há hốc, mở toang hoác, cho tới khi chính họ cũng hiệp đoàn và gào rú man dại theo đám đông dân chúng.

- Khẩu đầu, Sherman! Đồ khốn nạn! Khẩu cái đầu cút đái của mày xuống mà chịu khổ chịu nhục! Mày, đồ giặc Mỹ ác ôn! Địt mẹ bố tiên sư mày!

Giọng nói của lũ cai tù đang nhảy cẫng bên thân thể tù nhân vang lên thùng tai long óc qua chiếc loa phóng thanh di động họ cầm trên tay, kê sát lỗ miệng. Những tiếng lóng Mỹ mà họ dùng để rửa sả nghe trật lất vì lỗi phát âm như bắt chước tập nói tiếng Anh của họ. Nhưng hề mỗi lần nghe xướng tên một người Mỹ, đám đông lại lập tức hè nhau lạnh lạnh hô khẩu hiệu. Cuộc gào thét lệ làng bốc lên tới cực điểm. Rồi Mark cảm thấy một mũi lê nhọn hoắt rạch vô lưng mình, cùng lúc ấy, ánh sáng của một gã cai tù khác động vô bụng dưới, buộc anh phải đau đớn gập người xuống, làm theo những tiếng hò hét đang cất lên:

- Khẩu đầu, Sherman! Khẩu đầu! Cúi cái đầu chó đẻ của mày xuống! Giết sạch bọn giặc lái để quốc Mỹ! Treo cổ cả bọn chúng nó vì những tội ác đã làm chúng nó gây ra cho nhân dân Việt Nam anh hùng! Đả đảo đế quốc Mỹ!

Một ngọn lửa buốt và rất đốt giữa hai bắp vế Mark, cháy tới khô háng, khi anh thêm lần nữa cúi nhủi dưới những bàn chân dồn dập xô đẩy nhau. Anh lê người đứng dậy chỉ vì bạn tù thúc giục đứng lên, bằng không chắc hẳn anh cứ nằm yên dưới đất cho tới khi người ta đá anh chết lịm.

Thoạt đầu, lộp lộp đám đông biến người ấy đứng có hàng ngũ trên các khán đài được đặc biệt dựng lên ở hai bên vệ đường. Họ im lặng quan sát. Miệng họ há hốc và mắt nhìn chăm chăm các tù binh Mỹ còn đang ngơ ngác vì bị lừa xuống khỏi chiếc xe tải vừa chở tới đây, từ nhà giam Hỏa Lò ở trung tâm Hà Nội. Tù binh bị còng từng cặp với nhau và khi người ta chưa kịp tháo khăn bịt mắt của họ ra, đã có tiếng gầm gừ cất lên. Rồi đám đông bắt đầu ủa qua băng ghế, ào ào tràn xuống.

Cai tù hét lớn trong loa phóng thanh, sách động cho quần chúng nổi cơn mê loạn theo một phương án có tiên liệu kỹ lưỡng. Sau đó, họ đẩy các tù nhân vào nanh vuốt của đám đông. Và gần như lập tức, tiếng gào thét nổi lên như điên như dại:

- Johnson là thằng giết người! Rusk là thằng giết người! McNamara là thằng đồ tể tàn sát đàn bà trẻ con! Chúng mày là quân khốn nạn!

Tiếng gào rú chất ngất căm thù đó vang dội trong tai Mark làm anh có cảm tưởng mình bị nhấc bổng lên, bị chuyển đi trên mặt sóng thủy triều của đám đông, như thể bị vùi dập trong lòng biển cả âm u. Quần áo rách tả tơi. Máu từ vết thương trên đầu chảy xuống đầm đìa mặt. Mark ra sức trườn tới, huých đầu gối thúc cùi chỏ vào cái khối thân thể con người ta đó để bơi ra ngoài. Nhưng anh bị kéo giật ngược trở lại một cách hung hãn vì cổ tay phải anh đeo chung còng với một phi công hải quân trẻ tuổi. Người bạn hải quân ấy lúc này nằm mê man và khắp thân thể đầm đìa máu, đã bị chìm sâu dưới mặt nước làm Mark cảm thấy mình bị lôi theo, tuột thẳng xuống, không một điểm tựa cho mình gượng lại. Và anh bắt đầu quần quai, đấm đuổi. Mark vận vẹo, lật mình, hóp không khí, nhưng anh càng vùng vẫy càng bị đám đông ép chặt hơn. Da thịt họ dường như hoá lỏng thành nước, ủa vào ngáp miệng anh, sặc mũi anh.

Rồi mặt đất bên dưới Mark bỗng nứt ra. Cảm giác đang chết đuối biến thành một cảm giác cực kỳ kinh hãi hơn: anh đang rơi từ bầu trời cao thẳm và rục rờ xuống mặt đất xa xa bên dưới, người lơ lửng giữa không trung trong khi mắt cứ đăm đăm ngó chiếc Thunderchief F-105D quay mòng mòng phía dưới mình, tuôn khói mù mịt. Máy bay phát nổ trên một sườn đồi cây cối rậm rạp bên bờ sông Hồng, phun lửa màu da cam chói lọi. Những ngọn lửa cuồng nộ ấy vọt lên không trung cao ba bốn chục thước, liếm trúng thân thể đang rơi của Mark. Chúng đốt cháy phùng phục bộ đồ bay và chiếc dù, nướng khét lét thịt anh và làm anh lao xuống nhanh hơn. Nhưng dù sao đi nữa Mark vẫn cảm thấy, như mọi lần, cuối cùng

mình bỗng rơi nhẹ nhàng xuống đất và đáp thật lẹ trên hai chân. Ngay lập tức, anh bị bao vây bởi một đám nông dân người Việt đang đua nhau hò hét. Từ bên dưới lùm cây dưới chân đồi nơi trên đỉnh còn nguyên vẹn một pháo đài cũ của Pháp, họ vừa dậm chân chạy tới vừa gào rú luôn miệng. Rồi cán mã tấu cứng trũng của họ đập lên đầu Mark. Lưỡi mã tấu sần sùi của sâu vào người Mark cho tới khi máu trong cơ thể anh tuôn ra làm tắt ngúm những ngọn lửa đang hành hạ mình.

Mark rút khẩu súng lục .38, quát lớn bảo họ lui ra. Nhưng như thường lệ, họ không nghe lời anh. Anh chia mũi súng vào mặt người Việt Nam gần nhất. Như lúc nào cũng xảy ra trong thực tế, phát súng đầu tiên vẽ một chấm tròn màu đỏ; nó làm thủng một lỗ ngay chính giữa trán người nông dân. Và cũng như thường lệ, người nhà quê ấy gục xuống, đè lên trên người Mark, ghim chặt anh xuống đất. Nhưng dù Mark có vùng vẫy dữ dội tới mấy đi nữa, anh vẫn không thoát ra khỏi cái tử thi gầy còm đó. Nó nặng không ngờ. Nó đè anh lún thật nhanh và thật sâu xuống lòng đất nhão nhẹt. Bên trên ngực anh, nó càng lúc càng nặng, còn nặng hơn một toà cao ốc bốn chục tầng.

Rồi phía trên lòng đất, một biển cả những bộ mặt người Việt tọc mạch ngó Mark qua một vành đai đang thu hẹp dần, lúc này biến thành một huyết mộ hun hút sâu, hơn bao giờ hết. Và Mark lại thấy trong số những bộ mặt ấy có mẹ anh, viên đại tá tóc bạc của Lầu Năm Góc nay trở thành người cha kế của anh, và Gary, anh của anh. Họ thỉnh thoảng quan sát anh với ánh mắt trống rỗng, thỉnh thoảng lúc lắc đầu hoang mang. Khi Mark đang rán sức hết lên thật lớn cho họ nghe, họ tan đi thật lẹ trước mắt anh. Lập tức, anh lại quần quai trong xà-lim tối đen hôi hám nơi lần đầu tiên người ta khoá hai mắt cá chân của anh vào chiếc cùm gi sét được chế tạo bởi những tây thực dân thuở trước.

Mark không thể thấy hai bàn tay của mình. Chúng bị quặt ngược ra sau lưng trong “bộ còng khôn kiếp” đang siết chặt hai cổ tay anh, ăn hằn vô thịt, sâu tới gân, cho tới khi hai vòng răng của lờm chớm của cặp còng nghiền vào xương cườm tay. Chẳng mấy chốc, hai cánh tay Mark tím bầm, sưng lên gấp đôi kích cỡ bình thường. Và rồi trước mắt anh, những vết thương lở lói trên cổ tay anh hoá ra vàng khè, mưng mủ. Lũ bò cạp xanh lè và lũ chuột đen đuôi mập nung núc, chạy qua chạy lại thật lẹ trên người Mark. Khắp chân tay anh, mụn nhọt và những vết thương mưng mủ nổi lên như nấm. Những chén đồ ăn nước uống chập chờn lượn lờ ngoài tầm tay với của anh tựa những hồn ma đã lìa khỏi xác.

Khi cơn thống khổ vì mất nước và thiếu ăn càng lúc càng tăng một cách ác liệt, trong hai tai Mark rền lên như điên những tràng cười hô hố chế nhạo. Kế đó, bộ mặt đều cáng của gã cai ngục người Việt tra khảo anh ngay hôm đầu tiên, được anh đặt cho cái tên là “Thằng Chấn Lợn”, vênh vác nhìn vào không gian chật hẹp bên trong xà-lim biệt giam. Bộ mặt gã lớn dần, lớn dần rồi phình ra như trái bong bóng trẻ con thổi chơi, buộc Mark phải lùi dần lùi dần rồi ôm mặt khóc thút thít trong góc xà-lim. Và bộ mặt bặm trợn của gã cai ngục dài ra như mũi chim ưng. Nó mở toang hoác rồi chậm chậm áp thật gần như miệng cá chép khi hắt lẹ đi lẹ lại hai tiếng: “*Báo cáo! Báo cáo!*”

Dù Mark đã ép mình thật sát vào vách xà-lim để cố tránh những ngọn roi uốn lượn về phía anh, dập dềnh như những cọng rong biển dài ngoằng, nhưng chúng vẫn quấn chặt hai cánh tay anh làm nổi lên một cơn đau bất chợt. Hai vai Mark bị siết cụp vào sống lưng. Xương sườn sắp lòi ra khỏi lồng ngực. Và lúc ấy, anh lại cảm thấy nỗi sợ hãi quen thuộc rằng toàn bộ cơ thể của mình sắp bị bung ra khỏi dàn xương khung và trào lên khỏi cổ họng. Bắt đầu có âm thanh la hét nghe thật gớm guộc, lặp đi lặp lại hai tiếng gào thét của gã tra khảo thành một giọng the thé cao hết cỡ: “*Báo cáo! Báo cáo!*”

Tiếng gào thét điên cuồng đó cất lên thật lạ, tới một độ cao cực kỳ, nghe như tiếng huyết tự động của vòi ắm nước đang sôi. Sau cùng, Mark nhận ra rằng mình không còn bị kẹt cứng trong một cơn ác mộng mê mẩn, mà đã chòng tỉnh, đang nằm trên thêm xi-măng của xà-lim biệt giam và đang nghe tiếng nói lảm nhảm mất trí của chính mình. Bộ mặt của “Thằng Chăn Lợn” ở sát trước mắt anh cũng không còn là “trái bong bóng” đè anh ngạt thở trong giấc mơ. Nó là một thực tại bằng xương bằng thịt của gã cai ngục thích thú những trò tai ác. Gã đang lắc vai Mark để lôi anh đứng lên.

Khi thị giác của Mark rõ dần, trong ánh sáng ban mai màu xám, anh nhận ra người cán bộ Bắc Việt với y phục sạch sẽ thơm mát, kẻ dẫn độ anh trong xe Tatra đêm qua, lúc này đang đứng sau lưng “Thằng Chăn Lợn.” Trên mặt gã đại cán ấy dường như nở mãi một nụ cười yếu ớt. Và đúng lúc tiếng gào thét lịm xuống, gã bắt đầu cất lời với giọng đồ dằn:

- Trung úy Sherman ạ, anh vừa nằm thấy ác mộng — nhưng lúc này mọi căng thẳng đã qua hết rồi. Tôi tới đây để đưa anh đến một nơi mình có thể bình tĩnh chuyện trò với nhau.

Cúi xuống lượm chiếc chân thỏ đang nằm trên sàn xà-lim và bên cạnh Mark, Trần Văn Kim dịu dàng đặt nó vào lòng bàn tay viên phi công Mỹ:

- Đừng lo lắng nữa — mọi sự sẽ ổn thoả ngay thôi.

Kim mở cửa xà-lim, đứng tránh sang một bên để Mark đi qua trước mặt rồi ra hiệu cho “Thằng Chăn Lợn” đi theo. Anh đỡ người Mark lên bằng ghế sau chiếc Tatra hôm qua lúc này đậu sẵn trong sân nhà tù, rồi leo lên ngồi một bên Mark. “Thằng Chăn Lợn” ngồi trên ghế trước cạnh tài xế. Chỉ ít phút sau, chiếc xe thả cả ba xuống sân sau toà nhà Bộ Tư Pháp, tọa lạc gần Hỏa Lò.

Trong phòng thăm vấn trống trải, người ta bày sẵn trên mặt bàn nhỏ một bữa điểm tâm đạm bạc gồm bánh mì nướng, bánh bột dẹt và nước cam. Vẫy tay ra hiệu cho người Mỹ đi tới bàn ăn, trong khi đó, Kim cũng tới ngồi trên chiếc ghế đầu kê gần đó. Anh lôi từ xà cột đeo bên mình ra một kẹp hồ sơ bìa màu da trâu, còn gã cai tù đứng canh nơi cửa ra vào.

Sau khi trở mắt nghỉ ngơi nhìn bữa ăn sáng, Mark ngồi xuống và bắt đầu ăn. Khòm lưng chồm hồm trong lòng ghế như một con thú, anh nhai ngấu nghiến đồ ăn và nuốt ừng ực. Mark vừa ăn vừa uống vừa thỉnh thoảng liếc mắt nghỉ kị về phía Trần Văn Kim và “Thằng Chăn Lợn” như thể sợ cả hai đôi ý, đòi lại đồ ăn.

Kim nói thấp giọng, mặt không ngược lên:

- Theo hồ sơ của anh, tôi thấy suốt ba tháng trời kể từ lúc bị bắt, anh thà bị trừng phạt chứ không chịu tiết lộ họ và tên, số quân và ngày sinh của mình. Rõ ràng việc ấy đòi hỏi một sự gan góc cực kỳ.

Mark dò dẫm nhìn người Việt Nam trong một giây, miệng vẫn nhai. Rồi anh khom người xuống sát mặt bàn, ăn cho hết những thức còn lại.

- Thật tội nghiệp cho anh khi anh chọn lựa cách như thế để biểu dương lòng can đảm của mình. Nếu ngay từ đầu chúng tôi biết rõ anh là ai thì anh đã được cứu xét một cách rất đặc biệt.

Mark vẫn không trả lời. Kim tiếp tục đọc hồ sơ. Sau một hai phút im lặng, Kim ngược lên:

- Trung úy ạ, lý ra tôi không nói với anh điều này nhưng vì có một số rất nhỏ các tù binh Mỹ, trong đó có anh, không chịu kết án sự can dự lầm lạc của chính phủ Hoa Kỳ vào Việt Nam. Gần như hết thảy các đồng đội của anh đều đã nói để ghi âm hoặc viết lời cáo giác, và sau đó, chúng được xuất bản hoặc phát thanh ở nước ngoài. Và tại sao không làm như thế nhỉ? Hiện nay, tại Washington, một số thượng nghị sĩ cùng một số nhân vật quan trọng và nổi tiếng đang bắt đầu mô tả vai trò của xứ sở anh tại Việt Nam là “một sự phản bội trầm trọng nhất.”

Người Việt Nam lấy trong xà cọt ra chiếc máy ghi âm nhỏ rồi đặt lên mặt bàn kê sát bên ghế đầu. Kim bật máy và căn phòng tràn ngập những giọng nói căng thẳng của các phi công tù binh Mỹ. Giọng này kế tiếp giọng kia kết án sự tham chiến của chính mình. Các tính từ như “đê hèn,” “bất hợp pháp” và “vô luân” được dùng tới và lặp đi lặp lại. Đồng thời, các phi công mô tả nhiều lần rằng bản thân mình là “tên tội phạm độc ác nhất”, kẻ thực hiện các “cuộc không tập bất nhân.” Nhưng Mark không tỏ dấu hiệu nào cho thấy anh có để ý tới nội dung những lời ghi âm ấy hay không.

Chú người tới trước, Kim tắt máy và gõ gõ ngón tay trở vào tập hồ sơ đặt trên đùi:

- Trung úy ạ, anh biết không, đọc hồ sơ của anh là một việc rất thú vị vì chính trong khi quyết tâm không chịu khai báo đúng theo những điều chúng tôi đòi hỏi, anh đã nói ra với cán bộ chấp pháp mọi sự khác trên đời. Thí dụ, tôi rất buồn khi biết anh bất hoà với cha anh lúc anh mười sáu tuổi và kể từ lúc đó anh chưa bao giờ gặp lại ông ấy. Anh biết không, tôi cũng có quen biết với cha anh. Ông ấy là một người đặc biệt — ông ấy dám gánh hoàn toàn trách nhiệm về hành động cứu mạng Hồ Chủ tịch hồi năm 1945. Vì thế, chúng tôi có lý do để ngưỡng mộ ông. Và đó cũng là lý do chính đáng khiến chúng tôi phải làm một điều gì đó để đáp tạ lòng tử tế của ông — thí dụ, thả cho về nhà đứa con trai có thể ông tin rằng lúc này nó đã chết.

Mark chậm chậm ngược mặt lên ngó người Việt Nam. Dù ánh mắt của Mark vẫn lảng đãng, Kim để ý thấy lần đầu tiên anh cau mày như thể khó chịu. Kim nói chậm rãi hơn:

- Có thể lúc này anh quên, nhưng đã có lần anh nói với cán bộ chấp pháp rằng sau khi cha anh bỏ mẹ anh, anh thề sẽ không bao giờ nói chuyện với ông nữa. Hồ sơ cho thấy có một đêm, anh mê sảng và kể hết từ đầu tới cuối câu chuyện anh bất hoà với cha anh.

Mark có vẻ như cố làm cho mình bình tĩnh trở lại, tập trung tinh thần chuẩn bị thâm lắng phản bác những gì Kim đang nói, và rướn người tới gần bàn hơn. Thấy thế, Kim đứng lên, chậm chậm rảo bước quanh phòng cho tới khi dừng lại sát bên người Mỹ:

- Anh có biết rằng thái độ của anh làm cho cha anh bị tổn thương sâu sắc vì anh không chịu nói chuyện với ông? Có phải anh hả dạ khi biết rằng cha anh đau khổ vì hành động khinh suất của ông trong quá khứ? Và chính cái đó khiến anh không chút nào sẵn lòng gặp lại ông, chuyện trò với ông. Bằng sự im lặng của mình, anh muốn cho cha anh đau đớn hết mức có thể được. Bằng mọi giá, anh muốn trả đũa cha anh.

Kim ngừng một chút để thăm dò tác động của lời mình nói trên mặt người nghe, và thấy cặp lông mày của Mark nhíu lại rõ nét hơn. Kim mỉm cười:

- Nhưng rõ ràng bất chấp những cái như thế, cha anh vẫn lo lắng cho anh, đúng không? Bằng không ông đã không chấp nhận rắc rối khi nhân danh anh mà viết thư năn nỉ Bác Hồ kính yêu của chúng tôi. Bất chấp sự khắc nghiệt của anh đối với ông, rõ ràng cha anh vẫn rất quan tâm tới anh. Và nếu so sánh với hành động đó của ông thì thái độ của anh có thể nói là bất tương xứng, không ngang bằng, đúng không?

Trong khi Kim quan sát, vẻ mặt của Mark thêm lần nữa căng thẳng như thể bị tra vấn bởi những ý nghĩ trong đầu mình. Kế đó, Mark nhìn người đại cán Việt Nam với ánh mắt hoang mang. Kim nói tiếp:

- Đôi khi chúng ta đi quá xa trong mối oán hận những người ruột thịt của mình. Chúng ta thêm khát trả thù cho những tổn thương mà ta tưởng rằng mình đã phải chịu và không nhận ra rằng chính mình cũng đang cực kỳ tàn nhẫn. Bản thân tôi cũng biết sự bất hòa giữa cha và con gây đau khổ tới mức nào vì chính tôi, khi còn trẻ, cũng đã cãi nhau dữ dội với cha mình. Cũng như anh, tôi đã thề sẽ không thêm và không bao giờ dính dáng tới ông ấy. Ông bị giết mười bốn năm trước đây, vào lúc chấm dứt cuộc chiến tranh Việt-Pháp. Và dù lúc đó cái lý do gây ra phân ly giữa hai cha con tôi vẫn còn nguyên, tôi luôn luôn cảm thấy buồn thối mỗi khi nghĩ rằng trước lúc ông qua đời, tôi đã chẳng làm gì để nói cho ông biết những cảm xúc của tôi. Có thể cũng sẽ xảy tới cho anh một điều giống y như vậy. Có thể anh sẽ ở lại đây nhiều năm vì sự bướng bỉnh của anh. Và tới ngày anh được phóng thích, có thể cả cha lẫn mẹ anh đều đã qua đời. Có bao giờ anh nghĩ tới khả năng đó không?

Sợ thịt quai hàm của Mark săn lại, anh nhìn Kim ngỡ ngàng. Thấy Mark bắt đầu có loại phản ứng đúng như mình tiên liệu, người Việt Nam làm như tình cờ quay qua chỗ khác. Kim bước trở lại chiếc ghế đầu trên đó đặt kẹp hồ sơ.

- Nhưng có thể tôi xét đoán lầm anh. Có thể anh không giống như tôi; anh không phải là người cảm thấy ân hận và bận tâm tới những gì người khác đang cảm thấy. Có thể anh khép kín được anh trong thế giới ích kỷ của riêng anh, chỉ để làm khoan khoái bản thân anh thôi. Nói cho cùng, tại sao anh lại để cho mình phải quan tâm tới việc làm an lòng người cha đang lo lắng kia — và thậm chí người mẹ của anh nữa? Tôi đoán anh đang tự nhủ rằng mối quan tâm hiện nay của anh đâu phải là việc cha mẹ anh có vui mừng hay không khi anh được trở về nhà. Tôi đoán như vậy có đúng không? Tôi nghĩ là trong trí óc anh, anh chưa bao giờ suy nghĩ theo một lối khác, rằng trong khi anh chọn lựa để cho mình tiếp tục chịu khổ sở lâu thêm nữa ở đây thì chính vì sự bướng bỉnh đó của anh mà cùng lúc ấy, tại quê nhà, cha mẹ anh cũng phải chịu khổ sở, dưới một hình thức khác.

Kim quay mình ngó người Mỹ và thấy Mark đang đăm đăm nhìn chòng chọc tới đằng trước. Trong mắt viên phi công bắt đầu xuất hiện tia nhìn đau đáu và hơi thở bắt đầu dồn dập, đứt đoạn.

Kim nói tiếp với giọng an ủi:

- Nếu việc này chỉ giao cho một mình tôi quyết định thôi thì trung úy ạ, tôi sẽ vì cha anh mà lập tức thả anh ra. Nhưng chẳng may còn có những đồng chí lãnh đạo khác tôi phải tham khảo ý kiến, mà họ thì không quen biết với cha anh. Phải làm cho họ tin rằng việc phóng thích anh không làm hại tới chính nghĩa của chúng tôi. Đó là lý do khiến tôi bị buộc phải yêu cầu anh đưa ra một lời tuyên bố nếu tôi muốn thả anh về nhà. Đó chỉ là biện pháp phòng ngừa — và nó cũng chẳng nhiều nhận gì hơn cái mà các bạn của anh đã làm trong tù. Nhưng thật ra tôi không biết anh có muốn được phóng thích hay không, đúng không? Vì anh vẫn chẳng chịu

chuyện trò với tôi nên tôi không thể xét đoán rằng anh có quả thật muốn trở về để làm an lòng gia đình mình ở quê nhà hay không. Có thể anh đủ kiên cường chịu đựng cuộc sống tù ngục ở đây mà có lẽ sẽ kéo dài tới vô tận...

Kim rút rừ trong kẹp hồ sơ ra một mảnh giấy đánh máy và xem xét nó cẩn thận trong khoảng một phút. Qua khe mắt, anh để ý thấy Mark xoay người trên ghế, nhìn thẳng vào anh có ý dò hỏi.

Kim tiếp tục, giọng tiếc rẻ:

- Dĩ nhiên nếu anh bác bỏ cơ hội mà hôm nay tôi cống hiến cho anh thì nó sẽ không được đưa ra thêm lần nào nữa. Nếu anh quyết định không muốn đọc những lời đã được viết ra trên mảnh giấy này thì tôi chỉ còn một chọn lựa duy nhất là trả anh về cho cán bộ quản giáo để anh ta săn sóc anh. Và anh phải quay trở lại cái xà-lim biệt giam ấy mà chịu sự trừng trị.

Ngảng đầu và liếc thật lẹ về “Thằng Chấn Lợn” đang đứng bất động bên cửa ra vào, Kim im lặng mấy giây. Xong, anh quay lại nói với Mark:

- Nhưng tôi hy vọng anh không ép buộc tôi phải làm điều đó. Nếu anh quyết định anh có thể đọc cho chúng tôi, tôi cam đoan rằng anh sẽ nằm trong danh sách sớm được phóng thích. Rồi anh có thể về lại nhà mình và cảm ơn cha anh đã lo lắng giúp đỡ cho anh một cách đầy đủ!

Kim cầm máy ghi âm lên và đi tới bàn của Mark. Anh ra lệnh cho gã cai tù dọn dẹp khay đựng đồ ăn. Xong, anh đặt mảnh giấy với máy ghi âm xuống trước mặt Mark và nói rất dịu dàng:

- Chỉ đọc mất một hai phút thôi. Và chẳng việc gì phải gấp. Anh muốn kéo dài ra tới bao nhiêu lâu cũng được.

Khi Mark ngược mặt lên nhìn người Việt Nam, anh bắt gặp một nụ cười rất thân thiện. Đột nhiên trong mắt người Mỹ ánh lên tia nhìn dao động cực độ và anh gục đầu xuống giữa hai cánh tay. Một hai giây sau, vai Mark bắt đầu run rẩy. Và tiếng khóc sù sùi của anh, ban đầu thẳm lặng, rồi dần dần lớn hơn cho tới khi vỡ oà, tràn ngập cả căn phòng. Mark khóc nức nở suốt mười lăm phút. Trong thời gian đó, Kim nhẫn nại đứng chờ một bên. Sau cùng, khi Mark lặng yên trở lại, Kim vỗ vai anh như chia xẻ, an ủi và khích lệ. Và mở máy ghi âm.

Kim nói đồ dằn, giọng ngọt ngào dễ chịu như thấm vào xương:

- Trung úy Sherman ạ, chỉ đọc một chút thôi, với giọng bình thường thôi. Chỉ cần anh làm như vậy thôi. Có mất gì đâu. Chỉ có được thôi.

Mark ngồi im trong lòng ghế một hồi lâu, không nhúc nhích. Kế đó anh chậm chậm vươn thẳng lưng lên, cầm mảnh giấy có chữ đánh máy. Trong khi Mark xem tờ giấy, hai gò má anh thỉnh thoảng co giật. Rồi anh lắc lắc đầu, hít vào một hơi dài và thở ra thật lẹ. Hướng mặt về phía máy ghi âm, anh đọc lớn tiếng với giọng trống rỗng và ngập ngừng:

- Tôi là trung úy Mark Sherman thuộc Không lực Hoa Kỳ. Ông nội của tôi là thượng nghị sĩ Nathaniel Sherman, người làm thượng nghị sĩ Đảng Dân Chủ của tiểu bang Virginia từ hơn bốn mươi năm nay. Tôi muốn mọi người biết rõ rằng quan điểm của tôi trái ngược với quan điểm của ông nội tôi. Tôi thấy cuộc chiến tranh xâm lược tàn bạo mà Hoa Kỳ đang tiến hành

nhằm chống lại nhân dân Việt Nam anh hùng là một tội ác chống lại toàn thể loài người. Tôi bị bắn rớt trong khi thực hiện các cuộc oanh tạc bất nhân vào nhà thờ, đình chùa, nhà thương và trường học tại Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà, và tôi đánh giá vai trò của tôi trong cuộc chiến này là ác ôn và đáng hổ thẹn...

Thình thoảng Mark vấp vấp chữ này chữ nọ, nhưng mỗi lần như vậy, Kim kiên nhẫn bảo anh đọc lại câu đó thêm lần nữa. Hết lần nào Mark dừng lại và ngó lên, anh đều thấy “Thằng Chăn Lợn”, từ chỗ đứng một bên khung cửa, đang lò mắt gườm gườm ngó anh. Và anh miễn cưỡng đọc tiếp cho đến hết:

- ...các chính sách man rợ và vô luân của chính phủ Hoa Kỳ hoàn toàn bị kết án bởi các dân tộc tiến bộ trên thế giới.

Mark tiếp tục trong khi cuộn băng ghi âm trầm lặng quay trên bàn bên cạnh anh:

- Và lương tâm tôi sẽ không yên ổn cho tới khi tên lính xâm lược cuối cùng của đế quốc Mỹ bị quét sạch khỏi đất nước Việt Nam...

- 5 -

Naomi Boyce-Lewis nói với nụ cười buồn bã:

- Lúc nào tôi cũng cảm thấy mình bị Việt Nam gạt gắm, ngay cả trước khi tôi biết Việt Nam là gì và ở chỗ nào trên quả đất này. Lúc ấy, hết thầy các con bé học chung lớp với tôi, cha của chúng đều đã trở về. Chúng tôi ăn mừng và rõ ràng chiến tranh đã chấm dứt — nhưng người ta cứ nói với tôi là phải nhẫn nại chờ. Thình thoảng tôi nhận được một lá thư từ một nơi rất xa lạ có cái tên là “Sài Gòn”, một địa danh tại nơi tôi ở chưa ai từng nghe nói tới. Rồi bỗng dưng thư từ bất hẳn, và người ta nói với tôi rằng ông ấy sẽ không bao giờ về nữa. Tôi nghĩ là khi nhận được tin đó tôi vừa buồn vừa tức và thấy nó vô cùng phi lý. Khi tới đây lần đầu năm 1963, tôi vẫn nuôi thật sâu trong lòng mình ác cảm ấy. Tôi suy nghĩ mãi nhưng không hoàn toàn nhận ra rằng tôi cảm thấy Việt Nam mắc nợ tôi một cái gì đó.

Nàng cầm muỗng lên, loay hoay nghịch một lúc với ly sinh tố ướp lạnh kiểu Pháp vừa được người hầu bàn Việt Nam mặc áo vét trắng mang ra bàn của họ, trên hàng hiên Cầu lạc bộ Thể thao, cạnh vườn Tao Đàn. Trong khi ngắm Naomi, Joseph cảm thấy lòng rung rung xúc động. Dù chuyện xảy ra đã hơn hai mươi năm, anh vẫn choáng váng khi tại công viên Lam Sơn đêm qua, nghe tin viên đại tá tình báo Anh từng làm việc chung với mình bị tử thương trong lúc thi hành nhiệm vụ, chỉ một hai ngày sau khi anh lên đường rời Sài Gòn năm 1945.

Trong ký ức của Joseph, đại tá Boyce-Lewis là một nhân vật cách biệt và hơi có vẻ chiều cô, kẻ với thái độ khinh khỉnh nào đó đã bài bác mọi thiện cảm người Mỹ dành cho dân Việt Nam bản xứ. Nhưng hình ảnh ngu ngơ của cô bé khốn khổ chín tuổi đang phụng phịu chờ thân phụ trở về sau cuộc chiến, làm dâng lên trong lòng anh nỗi bồi hồi thương cảm.

Tin tử nạn ấy cũng làm sống động trở lại trong tâm tư Joseph những khoảnh khắc quá đổi buốt nhói trong đời mình vào khoảng thời gian cuối mùa thu năm 1945 — cuộc tái hợp với Lan và việc cả hai cứu Tuyết thoát khỏi nạn đói trầm trọng ở mạn bắc Trung Việt — và điều đó lại khiến anh cảm thấy xúc động thấm thía hơn.

- Chính xác thì ông ấy tử nạn như thế nào?

- Cha tôi bị một mũi tên tẩm độc bắn trúng cổ tại một khu vực người thượng ở mạn bắc Sài Gòn. Chỉ vài giờ sau, ông qua đời.

Naomi nói với giọng đều đều, không xúc cảm và vẫn nhìn xuống đĩa, còn Joseph, anh nhắm mắt mình lại trong vài giây. Một bầu không khí im lặng đáng sợ quện kín hai người. Trong một hồi lâu, cả hai ngồi nhìn đĩa thức ăn và không chạm tới thức uống, không ai nói với ai một lời. Cuối cùng, để phá vỡ tình trạng im lặng, Joseph mở miệng, cố chọn lời nói dối vô hại về những hoài tưởng liên quan tới cha nàng:

- Tôi xin lỗi. Lý ra tôi đừng hỏi. Theo như tôi còn nhớ, Ngài Harold là một người Anh mà mọi người Mỹ, dù thuộc bất cứ tầng lớp nào, cũng đều ngưỡng mộ. Phong cách thanh lịch vô hạn và sức chịu đựng đầy cao nhã, bất chấp mọi khiêu khích, là điều gì đó mà chúng tôi, những thần dân thô thiển cựi thuộc địa của quý vị, sinh ra và lớn lên bờ bên kia Đại Tây Dương, không thể nào thể hiện giống y như vậy. Đôi khi nó có thể khiến cho kẻ khác tức điên người — nhưng nó là một phẩm chất đáng để người ta ganh tị. Tôi nhớ lại bữa ăn tối tại phòng ăn của các sĩ quan tham mưu người Anh, nơi tôi gặp thân phụ cô lần cuối. Và đó cũng là cơ hội cho thấy cái cảm quan mang phong thái Anh trong những tình huống khó khăn. Những bộ đồ ăn bằng bạc cấp trung đoàn, khăn trải bàn bằng vải lanh, và ý thức cực độ về sự chừng mực mà những người dự tiệc đều tôn trọng — cho dù trên đường phố bên ngoài đang xảy ra những trận đánh dữ dội mở đầu cuộc Chiến Tranh Việt Pháp. Đối với tôi đó là một dịp đáng nhớ: được trở về với lối sống văn minh sau bao nhiêu tuần lễ sống chôn núi rừng phương bắc. Đêm đó, tôi khá khiêm nhã khi nổi nóng tới độ mất tự chủ về vấn đề đường lối chính sách của Anh nhưng thân phụ cô, lúc ấy ngồi bên cạnh tôi, chỉ lịch sự mỉm cười. Và bằng giọng độ lượng, ông đã vạch ra những gì mà ông thấy là sai lầm trong phong cách của tôi.

Naomi ngược lên nhìn Joseph, môi mỉm nụ cười âm áp phản ánh tâm trạng khoan khoái qua những hoài tưởng của anh gọi lên trong lòng nàng:

- Anh thật giống hệt cha tôi! Tôi chưa từng gặp người nào biết chính xác cha tôi làm chuyện gì ở đây trước khi ông qua đời. Và khi nghe tới cái thời đại anh vừa kể, tôi thấy nó rất đối lạ lùng đối với mình. Anh biết không, trong cuộc đời tôi, cha tôi là một hình bóng hết sức mờ mờ vì hầu hết quãng thời gian ấy ông đi xa. Dù gì đi nữa, việc nghe anh nói như thế về cha tôi cũng giúp cho tôi phục hồi được ký ức của mình về ông ấy.

Naomi tiếp tục mỉm cười với Joseph trong một chốc. Rồi nàng vội vàng quay mặt sang chỗ khác, như thể bối rối vì lời tâm sự thân mật và quá dễ dãi của mình. Joseph nói nhỏ nhẹ:

- Tôi sung sướng vì những điều nhỏ nhoi mình vừa nói đó đã giúp ích được ít nhiều, và tôi đang ao ước có thể kể cho cô nghe thêm nữa.

- Được nghe những sự việc xảy ra trong thực tế ở đây hồi “bốn mươi lăm” từ một người từng trải qua biến cố đó quả là một việc khá hiếm hoi.

Naomi thêm lần nữa mỉm cười và nhìn Joseph với vẻ hơi tiếc rẻ. Chiếc áo đầm trắng nàng mặc trông thật tươi mát, phía trước cài khuy từ cổ xuống ngang bụng. Mái tóc vừa cắt tía, chải thành dợn sóng mềm mại buông xỏa xuống vai. Bên ánh nến, trông Naomi dường như thư thái trở lại và đẹp rực rỡ. Nhưng rõ ràng sự phiền muộn do những lời chuyện vãn tối nay gây

ra trong lòng Naomi làm khoé miệng nàng thỉnh thoảng run rẩy, khiến nhan sắc ấy mang thêm vẻ dễ bị thương tổn.

Gần như từ đầu tới cuối bữa ăn tối, Naomi ngồi yên trong lòng ghế, cảm tì bất động trên lòng bàn tay trong khi Joseph diễn tả chi tiết những biến cố trong đó cha nàng và anh bị cuốn hút vào đạo mùa thu năm 1945. Nàng hầu như không chạm đến thức ăn và ly rượu của mình, đồng thời nói rất ít về mình cho tới khi anh sắp kể xong. Lúc ấy, với mắt nhìn xa xăm, Naomi cất tiếng:

- Tôi nghĩ chính vì cha mình mà giả dụ không trở thành phóng viên đi nữa, tôi vẫn bị cuốn hút phải đi Sài Gòn, không lúc này thì lúc khác, để nhìn xem địa danh ấy giống với cái gì. Nhưng ngay sau khi tới đây lần đầu tiên, tôi nghĩ mình sắp có một loại quan hệ vừa yêu vừa ghét cái xứ sở này. Gần như vừa đặt bàn chân tới đây, tôi đã phát hiện những câu chuyện gay cấn nhất đời mình, với các hình ảnh thu được trong cuộc phục kích ở Mộc Linh và vụ tự thiêu của hoà thượng Thích Quảng Đức. Dù từ lúc đó đến nay đã năm năm, và chỉ cần với một trong hai phóng sự như thế, tôi đã có thể sống những buổi tối thật an lành tại Luân Đôn...

Thình lình giọng của Joseph run rẩy xúc động:

- Cô cảm nhận nơi này theo cách như thế thì quả thật kỳ lạ. Suốt đời mình, tôi cũng có ít nhiều quan hệ vừa yêu vừa ghét với Việt Nam — thậm chí lúc này, tôi cũng không thể xác định trong hai cảm xúc đó cái nào mạnh nhất.

- Tại sao anh nói như vậy?

- Tôi tới đây lần đầu tiên lúc mới mười lăm tuổi, đi theo một cuộc săn bắn để góp phần sưu tập dã thú cho một nhà bảo tàng vạn vật học do ông nội tôi sáng lập. Tôi hoàn toàn sững sờ trước một dân tộc xa lạ, rừng núi, rồi cung điện ở Huế — nhưng vào ngày chốt của cuộc săn bắn, người anh của tôi tử nạn. Do đó trong cùng một lúc, tôi bị xứ sở này làm cho mình vừa say đắm vừa kinh hãi. Nhưng chuyến đi ấy cũng khiến tôi chọn chuyên đề lịch sử Á Đông. Rồi tựa như con bướm đêm bị cuốn hút vào ngọn lửa, mười năm sau tôi trở lại đây để nghiên cứu cho chuyên đề của mình. Đó là lúc chuyện tình cảm của tôi với Việt Nam bắt đầu đi thật xa và sâu hơn những gì của cô. Tôi cho rằng...

Joseph bỗng ngừng nói, mặt thoáng vẻ bối rối:

- Khôn nạn thật, Naomi, lúc này tôi đã biết ra tại sao cô là một ký giả ngoại hạng. Chỉ mới quen biết cô có hai phút, cô đã làm cho tôi phun ra hết bụng dạ của mình theo cách trước đây tôi chưa bao giờ làm như thế với ai.

Naomi chống chế bằng nụ cười thú vị:

- Nhưng tôi chỉ mới hỏi anh có một câu thôi mà!

- Có thể đó là bí thuật của cô!

Sự cáu tiết của Joseph rất chân thật tới độ lần đầu tiên từ khi gặp nhau, cả hai cùng bật cười. Rồi khi dứt tiếng cười, không cần ai thúc giục, Joseph tiếp tục kể lại câu chuyện tình bất hạnh của mình với Lan, cuộc hôn nhân với Tempe và sau đó, sự phát hiện Tuyết có mặt trên đời.

Về phần mình, Naomi cảm động khi nhìn người đàn ông đẹp trai và tự tin ngồi trước mặt mình đang càng tâm sự càng bối rối.

Ánh mắt Naomi đắm thắm quan sát Joseph đang tần ngần xoay xoay chân đế ly rượu vang. Trong khi nói, anh hầu như đưa mắt ngó chỗ khác, không nhìn nàng. Ngập ngừng, Joseph chầm chậm nói đến những cảm xúc của mình. Và Naomi có thể nhận ra chúng đã chôn thật sâu vùi thật kín trong lòng anh suốt nhiều năm trời. Anh chỉ đề cập ngắn ngủi tới cái chết của Lan, sự biến mất của Tuyết và việc anh lui về ẩn dật tại đại học Cornell. Sau đó, anh im lặng.

Naomi dịu dàng thúc giục:

- Nhưng sau khi bỏ đi biệt mười hai năm, cái gì làm cho anh đột nhiên quyết định liều lĩnh mở vết thương cũ ra lần nữa và trở lại nơi này?

Lúc lắc đầu rất chậm, Joseph thở ra thật dài:

- Naomi ạ, tôi đang sợ cô sẽ hỏi câu ấy. Cô biết không, sau khi vợ tôi bị tôi rời bỏ, cô ấy kết hôn với một quân nhân hiện dịch. Tôi cho rằng trong thời gian tôi không sống chung với hai con trai mình, ông ấy đã khiến cho chúng cảm thấy cuộc sống nhà binh là quyền rũ. Gary, đứa con đầu lòng mà cô từng gặp ở Mộc Linh, chọn Lục quân. Đứa con thứ hai của tôi gia nhập Không quân. Cả hai xét đoán rất khắc nghiệt việc tôi từ bỏ mẹ chúng. Kể từ ngày đó, Mark từ khước mọi giao tiếp với tôi. Còn Gary, dù có quan hệ ít nhiều với tôi nhưng cũng vẫn chỉ là những gặp gỡ rất hờ hững. Gary vừa trở lại đây được mấy tháng cho nhiệm kỳ phục vụ thứ hai. Hôm kia, hai cha con chúng tôi ăn trưa với nhau — nhưng rất tẻ nhạt. Mark bị bắn hạ ở Miền Bắc trong một phi vụ cất cánh từ Đà Nẵng hai năm trước đây. Dù vẫn hi vọng rằng nó còn sống nhưng tôi không nhận được tin tức gì về nó.

Joseph đưa tay lên gãi chân tóc. Naomi nhìn anh như muốn được nghe tiếp.

- Khi Gary quay lại Việt Nam thêm lần nữa, tôi vẫn ngồi tại Cornell phân vân nhìn đồng bào mình xâu xé nhau. Tôi thấy mình không thể đứng chung hàng ngũ với những người biểu tình phản chiến cùng những kẻ trốn quân dịch. Tôi cũng không hoà đồng thoải mái với phía bỏ câu hoặc với phía được gọi là đa số trầm lặng. Và bỗng dưng tôi nhận ra rằng chính vì sự ngu xuẩn của bản thân tôi khiến cho cả hai đứa con trai tới đây thi hành nhiệm vụ trong cuộc chiến tranh khủng khiếp này. Nếu trong khoảnh khắc mê lầm ấy tôi không sấp lưng bỏ đi thì có thể các con tôi đã không chọn binh nghiệp. Và thậm chí hiện nay, chú em Guy của tôi cũng đã trở lại đây cho một nhiệm kỳ phục vụ thứ hai tại Toà Đại sứ. Như thế, thỉnh thoảng tôi cảm thấy mình như người phạm tội thêm lần nữa. Và vì thế, quyết định đầu tiên của tôi là viết một lá thư riêng cho Hồ Chí Minh về Mark. Hồi cuối Thế Chiến Hai, tôi cùng với một đơn vị OSS được thả dù xuống Bắc kỳ. Lúc đó tôi gặp ông Hồ và quen biết khá nhiều với ông ấy. Tôi đi gặp người vợ cũ của mình, thảo luận ý tưởng đó, và tình cờ cô ấy đưa cho tôi xem một lá thư của Mark. Nó chuyển một lời nhắn không đầu không đuôi mà chính nó cũng không hiểu, từ một cô gái ở Đà Nẵng mà nó nghĩ cô ta xưng tên là “Tuyết”...

Hai mắt Naomi bỗng tròn xoe:

- Và anh nghĩ có thể tìm được đứa con gái mất tích của mình! Có phải đó là lý do thật sự khiến anh trở lại đây?

Mỉm cười như thể thú nhận rằng chẳng có gì đáng hãnh diện về một động cơ như thế, Joseph miễn cưỡng gật đầu:

- Tôi nghĩ nếu thành thật thì mình phải thừa nhận rằng lúc đó, đột nhiên tôi có toan tính phải bằng một cách nào đó cứu vãn cho đời mình đừng tan nát nữa. Không có hi vọng gì nhiều rằng Gary sẽ nhìn mọi sự theo cách của tôi và chỉ có Chúa mới biết tôi còn có cơ hội gặp lại Mark nữa hay không. Nhưng sâu trong thâm tâm mình, lúc nào tôi cũng cảm thấy chắc chắn Tuyết đã che giấu cảm xúc thật sự của nó đối với tôi.

Joseph lại thở dài và uống cạn ly:

- Vì lý lịch của tôi, trong một hai năm vừa qua có mấy cơ quan chính phủ cố thuyết phục tôi đảm trách một nhiệm vụ nào đó ở đây và tôi luôn luôn từ chối. Nhưng cách đây hai tháng, ngay sau khi nghe nói tới lá thư của Mark rồi lời đề nghị của JUSPAO thành hình từ trên trời rơi xuống, tôi lập tức quyết định tạm gác sang một bên những băn khoăn về tính đạo đức của việc tham chiến.

Naomi chậm chậm đáp lại, như thể vừa nói vừa suy nghĩ. Trong giọng nói của nàng có âm hưởng ngỡ ngàng:

- Joseph ạ, anh có lý, thật là kỳ lạ rằng dường như chúng ta không chỉ có chung mối quan hệ vừa yêu vừa ghét với Việt Nam. Nói cách khác, tôi nghĩ có thể cả hai chúng ta đã làm gần như trái ngược ý muốn của mình, mà tới đây hết lần này rồi lần nọ, để tìm cho ra một cái gì đó mình cảm thấy là hệ trọng — một cái gì đó mà chúng ta luôn luôn linh cảm mình sẽ không có nhiều hy vọng tìm thấy.

Joseph ngẩng đầu sừng sốt ngó Naomi. Ánh mắt cả hai gặp nhau và lặng yên nhìn nhau. Ngay khoảnh khắc đó, cả hai cảm nhận ra rằng trong lòng họ đang phát sinh một mối thân tình. Và Joseph mỉm cười với nàng:

- Naomi ạ, khi em tìm kiếm cái gì đó mà em không dám hi vọng sẽ tìm thấy nó thì thật đặc biệt hoặc thật tốt đẹp nếu em tìm thấy cái mà em không bao giờ dám mơ tới việc tìm kiếm nó.

Naomi tỉnh ngịch mỉm cười đáp lại Joseph:

- Câu anh nói nghe như thể anh dịch từ trong tác phẩm huyền học của một hiền giả Á Đông nào đó — hoặc đó là sự khôn ngoan theo kiểu “chỉ một mình Joseph Sheman mới có”?

- Người Việt Nam có một thành ngữ rất hay và không ủy mị chút nào để mô tả kẻ gặp hên bất chấp mọi điều kiện bất lợi. Họ nói: “Mèo mù vớ cá rán.”

Cả hai cùng phá lên cười. Joseph ngược mắt và nhận ra rằng các thực khách khác đã lần lượt ra về, chỉ còn lại anh và Naomi trên hàng hiên nhìn xuống chiếc sân rộng thênh thang lung linh mấy chiếc lưới quần vợt màu trắng. Mấy người hầu bàn đang sốt ruột chờ tín hiệu họ sẵn sàng rời đi. Joseph ra dấu xin lỗi và gọi tính tiền.

Kế đó, cả hai bước ra đường, di dọc dưới hàng cây thẳng tắp hai bên con đường sát hông Dinh Độc Lập. Trong bóng tối âm áp dưới tàng cây, hai người im lặng sóng bước bên nhau trong mấy phút, thanh thản tận hưởng niềm khoan khoái dễ chịu mà họ bất chợt cảm thấy nhờ đang

ở gần nhau. Sau cùng, chính Naomi là người phá vỡ không khí thinh lặng ấy. Nàng nói với giọng trầm ngâm:

- Em nghĩ rằng không người phương tây nào từng dính líu ít nhiều tới Việt Nam mà khi rời nơi đây bản thân họ không bị biến đổi chút nào. Có lẽ về khía cạnh đó, chúng ta cũng khá giống những người ấy. Khi chúng ta ở đây, có một đặc trưng thôi miên nào đó mà em không bao giờ chạm tới được; nó như thể một loại bùa ngải mê hoặc trọn vẹn tâm trí của chúng ta. Và dù nó là gì đi nữa, dường như nó có sức mạnh làm lộ rõ cái tốt đẹp nhất hoặc cái xấu xa nhất bên trong con người của chúng ta — đôi khi thậm chí cả hai.

- Anh nghĩ là mình biết em có ý nói tới cái gì.

- Ngay ngày đầu tiên ở Sài Gòn năm 1963, em đã cảm nhận ra cái đó. Và vào lúc mới đầu, em nghĩ nó làm lộ rõ cái xấu xa nhất bên trong con người của em.

Joseph hóm hỉnh trả lời:

- Nghe như thể em sắp thổ lộ những điều có thật và thú vị nào đó — hẳn là rất đáng quan tâm!

- Em cũng nghĩ như vậy — nhưng cái này chẳng phải chuyện đùa đâu. Trước đây em có kể với anh rằng em từng gặp Gary và Guy, em của anh, một thời gian ngắn trong nhiệm kỳ đầu ở đây của hai chú cháu ấy. Thật ra, lúc đó em kể không hoàn toàn đúng lắm. Thực tế, em chỉ gặp Gary có một lần thôi. Còn Guy thì em biết rất rõ vì Guy với em thấy đôi bên đều có lợi khi trao đổi nhau tin tức về cuộc khủng hoảng Phật Giáo. Giữa Guy và em có một tình thân hữu hơi nhì nhằng và có tán tỉnh nhau chút đỉnh nhưng trong thực tế chẳng bao giờ đưa tới cái gì cụ thể. Và em muốn kể điều đó cho anh nghe để đề phòng trường hợp em gặp anh và Guy chung một lượt.

Naomi dừng bước. Joseph thấy trong bóng tối, mặt nàng nghiêm trang:

- Joseph ạ, em nói như thế vì em có linh cảm mạnh mẽ rằng tình bạn của anh đối với em sẽ quan trọng — anh hiểu chứ?

Mặt nàng bắn khoản dò xét nét mặt Joseph và anh gật đầu:

- Vâng, anh hiểu.

- Lúc đó, trong khoảng thời gian có cuộc đảo chánh lật đổ Ngô Đình Diệm thì cũng có xảy ra một biến cố khác nữa. Nó liên quan tới Guy, nhưng em nghĩ lúc này em chưa thể kể hết cho anh nghe. Có lẽ tới một lúc nào đó — càng hiểu rõ anh hơn thì em càng dễ kể hơn. Nhưng nó làm cho em đột nhiên thấy rõ bản thân mình — làm cho em nhận ra rằng lúc đó mình có nguy cơ trở thành một cái gì đó mà mình không bao giờ ngưỡng mộ.

- Biến cố gì lúc đó vậy?

Lưỡng lự nhìn Joseph mấy giây, rồi Naomi quay mặt, nhấc chân đi tiếp:

- Joseph ạ, em lúc nào cũng là người có tham vọng. Có lẽ nó dính dáng sao đó tới việc mình là con gái của một người giàu của cải và có tước hiệu nhưng lại là kẻ xa lạ đối với em. Có thể các nhà phân tích tâm lý ở xứ anh sẽ nói với anh rằng em đang cố gắng khẳng định bản thân

đối với người cha quá cố của mình hoặc đang chứng minh rằng mình có thể thành công trong một lãnh vực nào đó mà bối cảnh đặc quyền chẳng giúp được gì — hoặc họ cũng sẽ giải thích bằng những thuật ngữ tâm lý rắc rối nào đó. Em không hiểu cái nào là lý do số một, nhưng em nhất định cất bước lên đường để làm cho bản thân và thế giới tin rằng em có thể thực hiện công việc phóng viên truyền hình giống như bất cứ người nào khác, thậm chí còn làm tốt hơn họ nữa. Và quả thật cho tới nay em chưa hề thay đổi ý kiến của em về vấn đề đó. Nhưng trong biến cố em đang nói tới đây, nó làm cho em nhận ra mình thèm khát thành công quá, thèm tới độ trong quá trình thực hiện, mình không màng tới sự đau khổ của người khác — đó là cái em có ý muốn nói khi em bảo rằng Việt Nam thoát đầu làm lộ rõ cái xấu xa nhất ở trong em.

Joseph nói giọng lắng đọng:

- Em chẳng thể nào xấu tới độ như em đang tự tô vẽ nếu đã có lần nào đó trong đời, em từng lắng nghe tiếng nói của lương tâm.

- Lúc này, em sắp mượn câu nói của anh: trước đây em chưa hề kể với ai như thế này. Nhưng tới nay, trong khi ngồi nghe anh nói, em bỗng ao ước được tin cậy nơi anh. Em có thể kể cho anh nghe tại sao. Và từ ngày đảo chánh Ngô Đình Diệm, em rần hết sức tỉnh táo khi nhìn các tin tức, các câu chuyện mình tường thuật với con mắt trắc ẩn hơn. Em rần hết sức trước tiên nghĩ tới nội dung thông tin chứ không phải chỉ nghĩ tới lợi ích cho bản thân. Em không biết mình có luôn luôn đạt kết quả hay không, nhưng ít ra em cũng đang rần hết sức mình.

Thêm lần nữa Joseph mỉm cười và nói:

- Naomi ạ, anh quen biết em chưa được bao lâu nhưng cũng đủ lâu để biết rằng em là người hiem có.

Cả hai băng ngang công viên trước Tòa Đô chánh, rẽ về hướng khách sạn Continental Palace. Naomi bước sát hơn vào người Joseph. Nàng vừa đi vừa nắm tay anh như để kết chặt tình thân hữu:

- Người Mỹ các anh rất lệ mồm lệ miệng khen ngợi người khác. Em hi vọng sớm nhận được cái gì đó giống như vậy về anh...

Đang bước xuống bậc thềm khách sạn Continental với một sĩ quan thuộc Sư đoàn Bộ binh 301 vừa dùng chung bữa tối, đại úy Gary Sherman bỗng liếc qua vỉa hè bên kia con đường trước khách sạn. Anh chợt thấy một người vai rộng mặc áo vét-can kiểu nhiệt đới màu nhạt đi bên cạnh một phụ nữ tóc hung thanh lịch và đẹp rực rỡ. Người đàn ông tóc hai bên thái dương lấm chấm bạc và đang cười. Gary lẳng đặng ngoảnh hai người trong vài ba giây rồi giật mình nhận ra đó chính là cha mình. Khoảnh khắc sau, anh cũng biết ra người đang bước sát bên ông tay trong tay ấy là ai. Vừa thấy mặt cả hai, Gary chừng lại tại chỗ và chăm chú ngoảnh họ đang tới thẳng chỗ mình đứng. Vì mãi mê chuyện trò, Joseph và Naomi không thấy Gary cho tới khi cả hai bắt đầu bước lên bậc thềm. Lúc đó, cả hai nhìn lên và thấy Gary đang đứng giữa lối đi của mình.

Về mặt Joseph rạng rỡ một nụ cười tươi tắn:

- Gary! Thật ngạc nhiên quá sức! Bố tưởng con đã hết hạn nghỉ phép, về lại đơn vị rồi. Chắc hẳn con có biết cô Boyce-Lewis đây...

- Hẳn nhiên rồi bố. Con với cô ấy từng gặp nhau một lần.

Cố tình nói với giọng lãnh đạm, Gary chào người nữ ký giả Anh bằng một cái gật đầu hờ hững. Joseph vẫn mỉm cười và nói:

- Cô Boyce-Lewis và bố vừa ăn tối ở Câu lạc bộ Thể thao. Bố tiếc đã không biết con còn ở lại thành phố. Nếu biết, cả ba chúng ta đã cùng đi ăn với nhau.

Joseph liếc viên sĩ quan kia nhưng Gary đứng yên, không giới thiệu bạn mình. Gary nói:

- Con vừa thấy hai người băng qua đường — dù sao thì ý kiến đó chưa hẳn hay ho lắm.

Nụ cười trên mặt Joseph hơi nhạt đi nhưng bàn tay vỗ vai con trai vẫn nồng nhiệt:

- Tầm bậy. Gary, bố thật sự rất muốn đi chung như vậy. Lần sau về lại Sài Gòn con phải tới dùng bữa tối với bố. Lúc này bố có chỗ ở yên ổn rồi. Con sẽ phải gặp vài ký giả Mỹ đang viết về chiến cuộc ở đây.

- Được vậy thì tốt quá — còn tốt hơn nữa nếu bố gửi cho con một thiệp mời, in ấn đàng hoàng, để con có thể dàn xếp với Việt Cộng ngừng bắn đêm đó.

Gary vừa nói vừa cười nhưng rõ ràng trong giọng nói có vẻ mỉa mai. Và thêm lần nữa anh gật đầu chào chiếu lệ Naomi trước khi bước thật lẹ xuống hết bậc thềm. Trong một chốc, Joseph nhìn theo bước chân của con rồi quay sang Naomi với vẻ ân hận:

- Anh xin lỗi về chuyện này.

Naomi đáp lại thật lẹ:

- Có gì đâu mà xin lỗi. Em cảm thấy mình có phần lỗi vì đã nắm tay anh.

Joseph nói cương quyết:

- Anh không muốn em nói lời xin lỗi nào về việc đó. Anh chẳng chút nào ân hận về việc đó.

Trong lô phòng của mình nơi tầng ba, Naomi chờ cho tới khi người hầu Việt Nam bưng vào chiếc khay đựng chai whisky Scotch, nước đá và nước suối Perrier, mới ngồi xuống cạnh Joseph trên xô-pha. Sau đôi chút lưỡng lự, nàng nắm tay anh:

- Joseph ạ, em không thể nào kể hết cho anh nghe tối nay có ý nghĩa ngần nào đối với em. Cám ơn anh đã giúp cho em có những giờ phút khoan khoái vì nói rất nhiều chuyện năm 1945 và về cha em — và vì tất cả những cái khác nữa.

- Đối với anh thì ít ra anh cũng đã được nói rất nhiều tới bản thân mình.

Joseph vừa đáp lại vừa mỉm cười. Rồi bất giác anh nâng bàn tay Naomi, dịu dàng áp môi mình lên các ngón tay của nàng. Nàng im lặng nhìn anh, mặt không tỏ vẻ xúc động nhưng không rút tay về:

- Joseph ạ, lúc này em quả thật nên ngủ đôi chút. Sáng mai em phải đi Hồng Kông bằng chuyến bay sớm nhất.

Joseph gật đầu đầy hiểu biết:

- Anh chỉ ao ước em ở đây lâu hơn.

- Chẳng bao lâu nữa em sẽ trở lại đây.

Naomi đứng lên rót rượu cho Joseph và đặt ly xuống mặt bàn thấp trước mặt anh. Trong một lúc, nàng đứng tần ngần bên xô-pha, rồi mỉm cười với anh thêm lần nữa:

- Em sửa soạn đi ngủ đây. Anh có năm phút để uống cạn ly whisky và sau đó, anh muốn đi đâu thì tùy ý.

Vẫn mỉm cười nhìn Joseph, Naomi cởi giày. Và với đôi chân còn mang vớ nàng bước về phía phòng ngủ. Nhưng trước khi mở cửa phòng, nàng ngoái lui nhìn anh và lại mỉm cười:

- Hoặc anh có thể ở lại đây nếu anh muốn.

Joseph ngược lên, ngạc nhiên:

- Anh nghĩ là em vừa nói em phải ngủ đôi chút và ngủ thật ngon.

- Anh nghe không kỹ Joseph ạ. Em nói là em “nên ngủ”.

Sau khi Naomi ra khỏi phòng khách, Joseph cởi áo vét, tháo cà-vạt và ngồi yên cả chục phút bên chai whisky. Cuối cùng, lúc Joseph mở cửa phòng ngủ, anh thấy bên trong mờ mờ tối; chỉ duy nhất một ngọn đèn còn sáng, và Naomi đang ngồi bên mép giường, đưa lưng lại phía anh. Nàng mặc áo ngủ màu trắng viền đăng-ten để lộ đôi vai trần và đang thong thả chải tóc.

Naomi nói với giọng thì thầm, không quay mình lại:

- Em bắt đầu nghĩ là anh chẳng vào đây.

- Anh cảm thấy mình nên đợi — đề phòng trường hợp em đổi ý.

Nàng lắc đầu thật lẹ và để lược xuống. Một lúc sau, Joseph bắt đầu cởi quần áo. Rồi Naomi cảm thấy mặt giường trĩu xuống dưới sức nặng của anh. Nàng nói dịu dàng:

- Joseph ạ, em cần phải nói cho anh biết là em đỡ kinh khủng cái chuyện ấy. Em hy vọng anh sẽ không bị thất vọng.

Naomi cười thật khê nhưng rõ ràng cơ thể đang căng thẳng. Và khi Joseph lướt môi trên vai nàng, anh cảm thấy da thịt nàng run rẩy. Anh đáp lại bằng một nụ cười và nói:

- Anh cũng chẳng khá gì hơn. Thật ngạc nhiên là vẻ bề ngoài thường làm người ta lầm lẫn hết sức!

Sau cùng, khi Naomi quay lại nhìn Joseph, đôi mắt nàng mở lớn như thể sững sốt về hành động của mình. Và anh dịu dàng hôn lên trán nàng trước khi ôm nàng trong tay.

Cuộc làm tình của cả hai khoan thai, gần như cẩn trọng và không đam mê bùng cháy. Nhưng trong khoảnh khắc ấy, một cách lặng lẽ và không một lời nói ra, mỗi người đều cảm thấy những ám ảnh riêng tư từng lồi cuốn họ trở lại Sài Gòn hết lần này sang lần nọ, lúc này đột nhiên dẫn tới một trạng thái khuây khoả cho cả hai.

- 6 -

Sáng hôm sau, đúng tám giờ rưỡi, trong khi mở khoá cửa văn phòng Joseph nghe bên trong vang ra tiếng điện thoại reo liên tục. Vừa nhắc ông liên hợp lên, anh nghe oang oang giọng khản trương của Guy:

- Joseph, anh qua Toà đại sứ liền bây giờ được không? Vừa xảy ra một chuyện rất đặc biệt!

- Chuyện gì vậy?

- Tôi không thể nói qua điện thoại. Suốt đêm qua tôi gọi anh nơi biệt thự cho tới bốn giờ sáng mới thôi gọi vì bác bếp nói anh vẫn chưa về nhà. Anh chẳng để lại số điện thoại nào cho người ta liên lạc cả!

Mắt Joseph nheo lại khi nhận ra cung điệu khiêu trách trong giọng nói của chú em.

- Guy ạ, đêm qua tôi có chuyện bất ngờ. Chú có thể nói cho biết đôi chút tại sao tôi phải lập tức chạy qua bên chú không?

Guy trả lời, giọng rất chậm và đắn đo:

- Chờ anh qua đây tôi mới nói thì tiện hơn. Nhưng tôi cam đoan với anh rằng qua đây càng sớm thì càng có lợi cho chính anh.

- Được, tôi sẽ có mặt ở bên đó ngay lập tức.

Bối rối trong bụng về cú điện thoại khẩn cấp của Guy, Joseph lật đật tới Đại sứ quán Hoa Kỳ, một toà nhà kiên cố mới được xây xong trên khu đất trước kia thuộc Trụ sở Bộ binh Pháp, phía bắc Quảng trường Nhà thờ Đức Bà. Guy đã quay lại Sài Gòn cho nhiệm kỳ phục vụ thứ hai, làm viên chức phản gián phụ trách bộ phận điều tra. Thông thường, JUSPAO — Cơ quan Dân Sự Vụ Hoa Kỳ — có rất ít hoặc gần như không có quan hệ trực tiếp với phân sở CIA Sài Gòn, một cơ quan ngày càng phình ra với các phòng làm việc chiếm hết ba tầng trên cùng của toà nhà sứ quán siêu hiện đại, tọa lạc sừng sững trên một ô phố góc tây bắc ngã tư Đại lộ Thống Nhất và đường Mạc Đĩnh Chi.

Trong chỗ riêng tư, mức độ ác cảm Joseph từng cảm thấy ngay từ đầu đối với Guy, người em kém mình mười sáu tuổi, đã không vơi chút nào theo với thời gian dần trôi. Và bởi sự khác biệt về tính nết cũng như sự mặc nhiên chấp nhận của cả hai anh em, quan hệ đôi bên lúc nào cũng lạnh nhạt và xa cách. Vì thế, Joseph kết luận rằng chắc chắn Guy gọi anh vì lý do nghề nghiệp. Anh cố lục lọi trong ký ức và nhớ ra giữa một tiệc tiếp tân nào đó mình từng nghe có người nói úp mở tới các báo cáo tình báo gợi ý cho thấy Việt Cộng đang dự tính tung ra một

cuộc tấn công trên khắp Miền Nam, trùng vào kỳ nghỉ hằng năm sẽ bắt đầu đúng hai ngày nữa.

Về mặt phản ứng chuyên môn, theo sự hiểu biết của Joseph, nếu các kế hoạch tấn công có tính đều khắp như thế bị lộ một cách quá dễ dàng, chắc chắn chúng chỉ nằm trong một thủ đoạn tuyên truyền mới và vì thế người ta chẳng mấy chút tin rằng đang có một sự đe dọa như thế. Joseph cho rằng biết đâu vừa xuất hiện bằng chứng mới mẻ nào đó và Guy muốn trình bày ngắn gọn cách riêng với anh. Thế nhưng Joseph lập tức buông bỏ sự suy đoán đó khi toà nhà sứ quán Mỹ xuất hiện trong tầm mắt anh với trọn vẹn vẻ thô kệch của nó.

Xây dựng ròng rã suốt hai năm và sau cùng, tới tháng Chín năm 1967, toà nhà sứ quán mới này được sử dụng thay cho toà nhà của một ngân hàng Pháp cũ ở đường Hàm Nghi nhìn xuống sông Sài Gòn, một địa điểm mãi tới cách đây bốn tháng vẫn được dùng làm trụ sở ngoại giao của Hoa Kỳ tại thủ đô Việt Nam Cộng Hòa.

Cũng như Dinh Độc lập của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, khắp mặt tiền của Đại sứ quán Mỹ được bảo vệ bởi những mảnh bê-tông trông như những mu rùa khổng lồ dùng làm lá chắn chống hoả tiễn và đạn pháo, tạo cho toà nhà sứ quán có diện mạo y hệt một pháo đài và trông góm ghiếc như một điếm gỗ. Bọc quanh khuôn viên Đại sứ quán là một vòng tường thành cao hơn ba thước. Trên nóc toà nhà sứ quán, người ta xây nhô lên một bệ đáp máy bay trực thăng. Bên trong khu vực, một lực lượng sáu mươi binh sĩ Thủy quân Lục chiến tuần phòng khắp khuôn viên suốt ngày suốt đêm.

Trong khi đứng nơi cổng chính phía đường Thống Nhất chờ một hạ sĩ TQLC xét thẻ tùy thân, Joseph âm thầm nghĩ rằng chính các tấm lưới mắt cáo chống hoả tiễn của Đại sứ quán và của Dinh Tổng Thống đã biến hai toà nhà ấy thành những đền đài hiu hắt, thường trực nhắc cho dân chúng nhớ tới tinh thần chiến đấu bền bỉ của bộ đội Việt Cộng. Những phòng thủ ở chốn tận cùng này là một xác nhận công khai và rõ ràng hơn bao giờ hết rằng lực lượng du kích có đủ sức mạnh, không ngăn trở nổi, để tiến công vào hai đại bản doanh song lập của kẻ thù ngay tại trung tâm thủ đô Sài Gòn.

Trong phòng làm việc của mình trên tầng năm toà nhà sứ quán, Guy không mất thì giờ nhập đề. Thấy Joseph vừa bước chân qua cửa, Guy vẫy anh mình ngồi xuống ghế và ấn nút chiếc máy ghi âm trên bàn giấy. Vì chất lượng âm thanh quá tồi tệ khi ghi và sang băng, Joseph nghe không rõ lời giới thiệu. Nhưng anh bật người ngồi thẳng lưng lên ghế khi tai quen dần với những gì rõ ràng được ghi lại từ một chương trình phát thanh trên làn sóng ngắn:

“...Ông nội của tôi là thượng nghị sĩ Nathaniel Sherman, người làm thượng nghị sĩ Đảng Dân Chủ của tiểu bang Virginia từ hơn bốn mươi năm nay. Tôi muốn mọi người biết rõ rằng quan điểm của tôi trái ngược với quan điểm của ông nội tôi. Tôi thấy cuộc chiến tranh xâm lược tàn bạo mà Hoa Kỳ đang tiến hành nhằm chống lại nhân dân Việt Nam anh hùng là một tội ác chống lại toàn thể loài người...”

Trên thành ghế, các đốt ngón tay của Joseph bấu tới trắng bệch. Anh nhìn đau đáu và chăm chập chiếc máy ghi âm:

- Cám ơn trời! Ít ra nó còn sống.

Gật đầu khốc liệt, Guy đưa ngón tay lên ngụ ý rằng cả hai nên nghe cho hết đoạn băng ghi âm.

“...Tôi bị bắn rớt trong khi thực hiện các cuộc oanh tạc bất nhân vào nhà thờ, đình chùa, nhà thương và trường học tại Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà và tôi đánh giá vai trò của tôi trong cuộc chiến này là ác ôn và đáng hổ thẹn...”

Trong nín lặng và choáng váng, Joseph lắng nghe phần tự kiểm còn lại của Mark. Lúc Guy tắt máy ghi âm, Joseph vui mặt trong hai lòng bàn tay. Sau cùng, khi ngược lên trở lại, mặt anh xanh xao và anh nói qua hai hàm răng nghiến chặt:

- Guy, nó còn sống — nhưng chúng đối xử với nó khôn nạn tới mức nào mới khiến được nó phải nói ra những lời như thế?

Guy trả lời, giọng run rẩy xúc động:

- Chúng nó hành hạ Mark giống y như chúng hành hạ những kẻ khốn khổ nào lỡ lọt vào tay chúng. Mark gan góc cực kỳ nên có lẽ chúng phải hành hạ nó ác liệt nhất — đó có thể là lý do tại sao chúng tốn nhiều thời gian như vậy để vắt cho ra những câu nhảm nhí tục tĩu đó.

Joseph hát hàm về phía máy ghi âm:

- Cái đó phát đi từ đâu vậy?

- Đài phát thanh Havana Cuba loan đi đêm qua.

Joseph làm bầm chữ thề rồi nhắm mắt lại. Guy nói, giọng sôi sục:

- Giả dụ Mark không phải là cháu của tôi đi nữa thì những lời đó cũng làm tôi lộn ruột. Hơn nữa, vì biết nó vốn là thằng chân chất gan dạ nên cái đó khiến cho mình cảm thấy tệ hại gấp cả chục lần.

Đứng lên khỏi ghế, Guy giận dữ sải chân bước ngang phòng và đứng nhìn chăm chăm ra ngoài cửa sổ:

- Anh Joseph này, liệu cái đó có làm cho trí óc anh suy nghĩ về mọi sự đơn giản hơn một chút không? Liệu nó có làm cho anh ít quan tâm hơn một chút tới “những phức tạp sâu xa và lâu đời” mà anh lúc nào cũng cảnh giác tôi? Liệu nó có khiến cho anh tự hỏi rằng có phải toàn bộ những phức tạp này đều quả thật phát sinh từ “sự bóc lột bất nhân” đám dân chúng từng chịu đau khổ dưới thời Pháp thuộc?

Bằng giọng câu tiết, Guy tiếp tục trau chuốt bản trích dẫn những lời Joseph từng nói với hắn trước đây:

- Và phải chăng bản thân những kẻ ấy sở hữu tính nết khoái trá những trò tàn ác và vì thế chúng muốn sát hại, làm tàn phế hoặc làm trì độn người khác chỉ đơn giản là vì cái thú tính khốn kiếp đó?

Joseph mệt mỏi thở dài và đứng lên. Anh nói trầm tĩnh:

- Guy ạ, có lẽ chúng ta sẽ thảo luận vấn đề cũ rích ấy vào một dịp khác. Trong lúc này, tôi muốn mượn cuốn băng để nếu được thì tự mình nghe lại.

Người em đột nhiên hoà hoãn. Hấn quay lại bàn giấy, ngồi xuống và dịu giọng:

- Joseph, xin anh ngồi xuống đã. Anh có lý — có lẽ đây không phải là lúc chúng ta nói toạc ra những điểm bất đồng. Tôi yêu cầu anh qua đây không chỉ để nghe cuốn băng đó thôi. Có một vấn đề khác còn lớn hơn chuyện đó nữa.

Joseph ngồi thật yên trong lòng ghế, cặp lông mày lo lắng nhíu lại thành một đường lằn:

- Chú muốn nói tới vấn đề gì?

- Tất cả những chi tiết tôi sắp nói ra đây được chính thức xếp loại là mật — chỉ một mình anh nghe thôi, chịu không?

Joseph gật đầu đồng ý.

- Mấy tháng vừa qua, Việt Cộng bắt đầu đưa ra các thăm dò bóng gió về việc thảo luận trao đổi tù binh và về những cái mà chúng gọi một cách ồm ồm ở trên như là “các vấn đề chính trị khác...”

Joseph mở lớn mắt kinh ngạc:

- Có phải chú có ý nói Việt Cộng muốn thương lượng? Chuyện như thế nghe không hợp chút nào với tính cách của chúng, phải không?

- Trước đây, chưa từng xảy ra chuyện như thế. Nay thì nó có thể là vỏ bọc bao che cho một cái gì khác — chúng tôi không thể loại trừ khả năng đó. Nhưng dù sao đi nữa, rải rác suốt hai ba năm vừa qua, chúng tôi tóm được một số tù nhân quan trọng ở Miền Nam: các cán bộ đầu não của Mặt Trận Giải Phóng. Lột của chúng dày cộm tới độ mấy ông bạn thăm vấn người Việt của chúng tôi ở đây, tại Sài Gòn này, cũng không thể lột tới tận tên họ thật của vài đứa trong bọn chúng. Thông thường, bọn chúng vứt hẳn vào sọt rác cái tên do cha mẹ đặt cho và mỗi đứa đều có ít nhất sáu bí danh. Anh thừa biết rằng không tên nào trong tập đoàn lãnh đạo chính trị và quân sự ở Miền Nam này là không do Hà Nội phái vào — nhưng chứng minh cho được điều đó lại là một chuyện khác.

- Và chú hiện có những tiếp cận nhất định liên quan tới các tù nhân ấy, có phải chú đang có ý nói tới vấn đề đó?

Guy gật đầu:

- Đúng thế. Cách đây ba tháng, những móc nối đầu tiên qua các thành phần thứ ba đã làm lộ ra một danh sách nửa tá tù nhân mà Mặt Trận muốn ta phóng thích ngay. Chúng đề nghị rằng để đổi lại, các phi công Mỹ ở Hà Nội cũng sẽ được phóng thích. Suốt mấy tuần lễ vừa rồi chúng tôi không nghe thấy gì cả ngoại trừ đêm qua — chỉ mấy giờ sau khi lời tự kiểm của Mark được Đài phát thanh Havana loan đi.

Joseph vội vàng hỏi:

- Có phải chú cho rằng việc chúng cho truyền thanh lời của Mark tới qua là có dụng ý?

- Gần như chắc chắn. Đường như chúng đánh giá Mark là con chủ bài vì nó là cháu nội của thượng nghị sĩ Nathaniel Sherman nổi tiếng. Đêm qua, Mặt Trận đưa ra danh sách mười hai tù binh Mỹ, lần đầu tiên nêu rõ họ và tên — và trong số đó có tên của Mark.

- Nhưng Guy này, đó là một tin tuyệt diệu!

- Chúng ta hãy cố giữ cái tuyệt diệu đó như một triển vọng — hiện hãy còn quá sớm. Và âm mưu ấy còn dày đặc hơn nữa.

- Chú có ý nói gì?

- Trong danh sách các tù nhân của Sài Gòn mà Mặt Trận muốn ta phóng thích để trao đổi, có thêm một đòi hỏi mới — cho một tù nhân quả thật rất đặc biệt. Hắn bị bắt ở đồng bằng sông Cửu Long cách đây một năm. Kể từ lúc đó, hắn bị biệt giam trong một xà-lim vách sơn trắng, có gắn máy lạnh, tại tầng hầm của Sở Liêm Phóng Pháp thuở trước ở đầu đường Tự Do. Hắn cực kỳ cứng cỏi tới độ ngay cả họ và tên của mình hắn cũng không tiết lộ. Hắn chỉ được chúng tôi đề cập tới với biệt hiệu “người trong phòng trắng” — và đó cũng là cách mà Mặt Trận gọi hắn ở trong danh sách. Chúng tôi biết chắc chắn rằng ít nhất hắn cũng ở trong Ủy Ban Trung Ương của Đảng Lao Động — thậm chí còn có thể là Ủy viên Bộ Chính Trị. Chúng tôi đang bắt đầu nghĩ rằng có thể hắn chính là đối tượng của toàn bộ việc trao đổi tù binh này. Và có thể Việt Cộng chờ cho tới lúc này mới đòi hỏi tới hắn để giả bộ hạ thấp tầm quan trọng của hắn. Suốt mười hai tháng qua, hắn không nói một tiếng. Nhưng chúng tôi biết chắc chắn, một cách tuyệt đối, rằng hắn là một tên Hà Nội cao cấp nhất từ trước tới nay đang nằm trong tay của chúng tôi.

- Vậy tại sao chú kể hết chuyện đó cho tôi nghe?

- Vì đêm qua, sau khi xuất hiện tên của Mark, bỗng dưng tôi giật nảy người — anh có thể biết rất rõ một điều mà không một người Mỹ nào ở Sài Gòn này biết.

- Điều gì vậy?

- Trong thời kỳ hoạt động phản gián cho OSS, anh từng sống quanh quẩn nơi rừng núi Bắc kỳ suốt mấy tuần lễ với một nửa các Ủy viên Bộ Chính Trị hiện nay, đúng không?

Joseph thận trọng gật đầu. Guy tiếp:

- Tôi nghĩ khi nhìn “người trong phòng trắng” anh có thể biết ngay hắn là ai. Hắn có thể là một trong các người bạn cố cựu của anh. Việc xác định ra hắn sẽ giúp chúng tôi lượng giá được cuộc trao đổi tù binh này.

Nói tới đây, từ phía sau bàn giấy, Guy đứng bật dậy:

- Tôi thấy là mình có thể tới đó ngó qua hắn một chút.

Joseph rùng mình khi cánh cửa màu trắng của phòng giam đặc biệt dưới tầng hầm Sở Liêm Phóng cũ, bót Catinat thời Pháp, đóng sầm lại sau lưng anh và Guy. Đôi mắt anh tự động

neoh lại dưới ánh chói lọi của những ngọn đèn pha sáng quắc từ bên trên đầu tỏa xuống, chảy lênh láng sàn phòng rồi phản chiếu lên bốn bức vách và dội ngược trở lại trần nhà mà mọi phía đều sơn một màu trắng toát đơn điệu.

Qua các lỗ lưới mắt cáo gắn ở mé cao trên vách, nghe rõ mồn một tiếng nhiều chiếc máy lạnh đặt đâu đó đang chạy vù vù, đều đều, và cái lạnh buốt nhói bên trong phòng cho thấy năng suất cực mạnh của chúng. Trên nền xà-lim diện tích khoảng hai chục thước vuông, người ta chỉ bày biện một xô nước nhỏ, một cái bàn, một chiếc ghế đầu và một giường ván; tất cả đều sơn màu trắng lấp lánh. Trong góc phòng, bên cạnh xô nước, có một cái lỗ, lộ liễu và không che chắn, dùng làm nơi vừa đại tiện vừa tiêu tiện.

Nhân vật cư trú độc nhất trong xà-lim ngồi trên ghế đầu xây lưng về phía họ — một dáng người đứng tuổi, nhỏ thó và rất co rút, mặc trên thân độc chiếc quần cụt màu trắng sờn xơ chỉ. Người ấy gần như cụp mình xuống tới hai lần với hai vai rút lên tận mang tai và hai tay ôm chặt hông để cố sức tự cung cấp chút hơi ấm cho thể xác đang run cầm cập của mình.

Guy nói giọng đều đều:

- Chúng tôi lập ra xà-lim này để đặc biệt dành cho hấn. Trong một cuộc hành quân của Lực lượng Đặc biệt, người ta bất chợt phát hiện bộ chỉ huy của hấn nhờ tình cờ bắt gặp một nhà bếp kiểu Điện Biên Phủ thuở trước ở gần Mộc Linh. Bọn cần vụ của hấn gồm sáu tên bảo vệ và hai tên đầu bếp nên chúng tôi biết mình đã lưới được một con cá cực lớn.

Đưa tay chỉ hai hàng lỗ thông gió đục cao trên vách trong khi hai anh em cùng bước tới phía người tù, người CIA nói tiếp:

- Không phải lỗ nào trên lưới mắt cáo kia cũng dùng để dẫn không khí vào. Chúng tôi gắn các mi-crô cực nhạy và các ống kính truyền hình để ghi nhận từng cử chỉ, từng âm thanh của hấn suốt hai mươi bốn giờ trong ngày dù hấn thức hay ngủ. Cho tới lúc này, hấn không để lộ gì cả. Tuy vậy, cũng cho tới lúc này, hấn chưa bao giờ mặt đối mặt với một sĩ quan OSS từng tiếp tay huấn luyện cái đám du kích Việt Minh còn con mà đầy mơ mộng hồi năm 1945.

Guy cất cao giọng để âm vang rõ hơn trong xà-lim nhưng khi cả hai tới gần, người Việt Nam còm cõi ấy vẫn không nhúc nhích, không quay lại. Thậm chí khi hai người Mỹ đi vòng tới đứng trước mặt, anh ta vẫn tiếp tục cúi mình, co ro ôm chặt thân thể tiêu tụy bằng hai cánh tay gầy guộc trơ xương, và họ chỉ thấy đỉnh đầu anh ta cúi xuống. Guy thấp giọng, nói bằng tiếng Pháp:

- Nay đồng chí, tôi đem một người bạn cũ của bác Hồ tới gặp nhà ngươi đây. Hãy để cho ông ta nhìn rõ ngươi một chút.

Trong một hồi lâu, người tù vẫn yên lặng cúi đầu xuống. Nhưng cuối cùng, khi anh ta nhướng mắt lên nhìn họ, Joseph bỗng căng cứng người và ém bụng hít vào nhẹ nhẹ. Dù hai gò má hốc hác lõm sâu và mớ tóc bạc bị cạo sát da đầu, đôi lông mày của một người học rộng và ánh mắt sáng quắc khiến Joseph lập tức nhận ra người Việt Nam ấy. Và ký ức anh quay trở lại thật nhanh thời điểm hai mươi ba năm trước, tới đôi ba ngày gần gũi anh trải qua trên mỏm đá bên ngoài hang Pắc Bó trong thời gian anh được săn sóc phục hồi sức khỏe sau khi chiếc máy bay Warhawk bị rớt. Trong chớp mắt đôi bên nhận ra nhau. Mắt của Đào Văn Lật cũng mở lớn, ánh lên một thoáng phù du, rồi nét mặt lại trở về vẻ trống rỗng cũ.

Guy chăm chú quan sát cả hai người và hần ghi nhận được những dấu hiệu bất giác ấy. Tiếng hần sắc lạnh, không kèm được âm vang đặc thảng trong giọng nói của mình:

- Joseph, tôi có thể nói là anh nhận ra hần. Hần là ai vậy?

Tiếp tục nhìn Lật đắm đắm, đầu óc Joseph rồi tung với những thôi thúc trái ngược nhau. Làm thế nào anh có thể kết hợp ổn thỏa trong tâm trí mình hình ảnh một người An Nam trí thức, trẻ tuổi và đầy lý tưởng, kẻ đã từng đọc thơ của Hồ Chí Minh cho anh nghe trên một sườn núi ở Bắc kỳ, với hình ảnh một lãnh tụ du kích chiến chuyên khủng bố phá hoại, pháo kích khu dân cư, ném lựu đạn vào nơi thị tứ, giết mìn xe đồ xe lửa, và rõ ràng cũng đã từng điều hành các chiến dịch đánh phá đẫm máu và không chừa một thủ đoạn nào của Việt Cộng ở Miền Nam? Và nếu anh xác nhận nhân dạng rằng người tù này là một trong những phụ tá thân cận của Hồ Chí Minh, liệu việc đó có khích lệ chính phủ Mỹ trao trả anh ta để đổi lấy một nhóm các phi công bị bắt trong đó có thể gồm luôn cả Mark? Hoặc việc biết rõ người tù này thật sự là ai chỉ khiến cho họ thêm muốn giữ chặt anh ta lâu hơn nữa? Còn nữa, Hồ Chí Minh có thể sẽ không nhả Mark, thậm chí trả thù tàn khốc khi biết ra người chỉ mặt Đào Văn Lật chính là cha của nó?

Trong vài giây, Joseph dấn vật cực độ. Anh không biết trong hai diễn tiến khả thi đó cái nào có thể đưa tới việc phóng thích Mark. Rồi không biết quyết định nên chọn cái nào, Joseph đột nhiên quay lưng lại với Lật. Anh nói chậm chậm:

- Tôi không biết chắc chắn. Tôi nghĩ mình có thể nhận diện được hần — nhưng tôi không chắc lắm.

Một vẻ nhẹ nhõm lướt qua khuôn mặt Lật. Và anh ta lại thêm lần nữa cúi đầu xuống, mắt nhìn chằm chặp sàn phòng.

- Nhưng hần từng là một tên trong bọn ở chung với Hồ Chí Minh trong động đá ở Bắc kỳ, phải không?

Giọng Guy giận dữ đề quyết. Joseph quay lại đối đầu hần và nói với nét mặt cau có:

- Guy này, tôi đã ở Việt Nam trong một quãng thời gian rất lâu, suốt bao nhiêu năm trời và gặp gỡ vô số người. Tôi nghĩ mình có nhớ ra mặt của anh ta ở đâu đó — nhưng có thể là vào hai ba chục năm về trước. Và thuở đó anh ta không bị biệt giam suốt cả năm dài trong cái địa ngục trắng xóa này. Tôi thật sự không nhớ rõ mình có thể đã gặp anh ta ở chỗ nào.

Guy nói lẹ làng:

- Ở Toà Đại sứ chúng tôi có hình ảnh ngược trở lại bốn chục năm về trước. Chúng tôi thừa hưởng kho lưu trữ hình ảnh của Sở Liêm Phóng Pháp. Có thể anh nhận dạng được một bức ảnh có ghi tên trên đó.

Mắt người CIA liếc xuống Lật lúc này vẫn ngồi đưa mắt nhìn trống rỗng phía trước mặt với thái độ như thể hai người Mỹ đã bỏ đi tự lúc nào.

- Nhưng Joseph ạ, còn có một cái khác có thể giúp gợi lại trí nhớ của anh — nó được ghi vào hồ sơ là “những vết sẹo và đặc trưng cá biệt về thể xác”.

Nắm một cánh tay đang mắc trong còng của Lật, Guy lôi anh ta đứng lên. Rồi với cử động của bàn tay còn lại, Guy túm chiếc quần cụt lỏng lẻo của Lật tuột thật lẹ khỏi hai ống quyển, xuống tận sàn nhà. Vẫn túm chặt cánh tay của người Việt Nam để anh ta không thể cúi xuống kéo quần lên, hấn quay anh ta về phía Joseph theo cách làm sao để háng của anh ta phô ra trọn vẹn:

- Lúc này anh đã biết tôi có ý nói gì — hẳn chẳng có một hòn đá khôn nạn nào cả!

Trơ vơ trong bàn tay nắm cứng của người Mỹ, Lật loay hoay rán hết sức vươn cái thể xác ốm o tàn tạ của mình lên để cố giữ đầu ngẩng thật cao nhìn thẳng tới bức tường trắng trước mặt, nơi đằng xa kia, cố sức phấn đấu giữ cho bằng được cái tư thế mà ít nhất theo tâm tưởng của anh, nó cũng biểu lộ một phẩm cách nào đó.

- Anh giải thích ra sao về cái này, Joseph? Liệu có thể hẳn từng là một loại thái giám nào đó ở cung đình Huế ngày xưa ngày xưa? Có phải đó là nơi có thể anh từng gặp hẳn?

Lật đang nghiêng qua lắc lại cố giữ thẳng bằng. Joseph quay mặt đi ra cửa để khỏi phải nhìn cái thân thể còm cõi và bị thiếu của người Việt Nam sáu mươi lăm tuổi ấy.

- Guy, cái đó chẳng giúp ích được gì — hãy để cho hẳn mặc quần vào. Chúng ta đi thôi, về xem các bức ảnh.

Joseph gõ mạnh lên cánh cửa, cố ý cho cai tù bên ngoài biết cả hai muốn đi ra và không quay lại nữa. Nhưng trong khi chờ cửa mở, xuyên qua khe mắt, Joseph có thể thấy Lật đang run lẩy bẩy ngồi khom người trên chiếc ghế đầu màu trắng. Hai cánh tay khằng khiu và bị còng đang cố sức túm chiếc quần cụt tả tơi kéo lên che kín háng mình.

- 8 -

Vì phòng lưu trữ của CIA về hình ảnh những kẻ tình nghi khủng bố đặt ở tầng trên cùng của toà nhà sứ quán và được xếp chính thức vào loại “Mật” nên Guy phải tháp tùng Joseph đi qua mấy chốt kiểm tra an ninh và ở lại với anh suốt thời gian xem xét. Bên ngoài, thỉnh thoảng tiếng máy bay trực thăng quạt nhịp phần phật nghe rõ mồn một khi đáp xuống hoặc bốc lên từ nóc toà nhà, hợp với tiếng loạch xoạch đơn điệu từ trên rầm rộ của mấy chiếc máy cắt giấy đang xén vụn hồ sơ phế thải, tạo thành một bối cảnh âm thanh đều đều buồn tẻ trong khi Joseph bắt đầu công việc gian nan là xem xét tỉ mỉ tủ hồ sơ dự trữ gồm hàng trăm bức ảnh cũ trong các ngăn kéo nằm rời nhau.

Đứng sau lưng Joseph, Guy chăm chú quan sát. Thỉnh thoảng hẳn sốt ruột quay mặt nhìn ra bên ngoài khung cửa sổ bằng nhựa, xuyên qua các lỗ hồng nơi mu rùa lá chắn chống hoả tiễn, ngó xuống quãng đường cấm xe cộ bên dưới. Joseph làm việc một cách máy móc, lướt qua một chuỗi những bộ mặt người Việt vô danh bị chụp hình bên dưới các biểu ngữ chống đối người Pháp hồi thập niên 1930 mà không thật sự xem xét chúng. Anh chỉ thấy độc nhất trong tâm trí mình khuôn mặt hốc hác của Đào Văn Lật, bị giam giữ trong một ngục sâu lung linh và trống trải nơi có vẻ thích hợp với cảnh giới của truyện khoa học giả tưởng hơn là bản doanh cảnh sát.

Sau vài phút, Joseph ngừng tay. Anh quay lại nhìn chú em rồi hỏi với giọng khẩn khoản:

- Ý tưởng lập ra cái xà-lim ác mộng đó là của ai vậy Guy?

- Tại đây là do CIA tưởng tượng ra.

- Nhưng sao lại sơn màu trắng? Tại sao nhiệt độ gần như đông lạnh và thêm nữa, có các ống kính thu hình thám sát?

- Anh thừa biết rằng người Việt Nam nào cũng lật đật chạy đi mặc áo lạnh khi nhiệt độ xuống dưới hai chục độ, phải không? Giống với hết thầy đồng bào của mình, người tù sẽ mừng rỡ mừng mạch máu của hân co rút lại trong nhiệt độ lạnh — đó là kỹ thuật làm mất định hướng. Cũng vì lý do đó nó được sơn màu trắng.

- Một nơi như thế có vẻ khiến người ta mất trí hơn là làm cho người ta mở miệng.

Guy lẹ làng đáp trả:

- Thật là một tình cảm đáng ngạc nhiên, phát xuất từ một người vừa biết tin con trai mình bị hành hạ tới nỗi trì độn tại Hà Nội.

- Nhưng đó không phải là lý do khôn nạn khiến cho chúng ta phải làm như thế!

Guy cố ý đặt cả hai tay lên mặt tủ và chòm người tới trước:

- Anh nghe đây! Ngay tại Sài Gòn này, những người bạn đồng minh nhỏ thó của chúng ta cũng hiểu rõ kỹ thuật “thuyết phục dịu dàng” không kém người anh em ruột thịt của họ tại Hà Nội. Và chúng tôi không thể ngăn cản chuyện đó — anh nhớ cho đây là xứ sở của họ. Chúng tôi phải cương quyết đặt ông bạn của chúng ta vào xà-lim đặc biệt đó là để mang hân ra khỏi nanh vuốt của họ — nghĩa là để bảo vệ hân. Những người Việt Nam canh gác và phụ trách máy ghi âm và thu hình là do chúng tôi trả lương — họ là nhân viên của CIA. Chúng tôi dứt khoát phải làm như thế. Nếu để hân cho người Việt Nam Cộng Hòa thì hân toi mạng từ lâu rồi.

Joseph khịt khịt mũi cáu tiết:

- Chúc mừng chú! Chú đã khám phá ra một hình thức tra tấn nhân đạo đầu tiên trên thế giới!

Guy trả miếng:

- Nếu anh rất quan tâm tới ông bạn của chúng ta thì anh chỉ việc tìm cho ra một tấm hình và cho chúng tôi biết họ với tên của hân. Lúc đó, hân sẽ mở miệng. Nghe xong chúng tôi sẽ khoác cho hân một cái áo ấm, và anh sẽ hoàn toàn thấy rằng dù sao đi nữa làm như thế vẫn tốt hơn. Anh không hiểu ư? Chúng ta đang có cơ hội bằng vàng để đạt tới một thoả thuận to lớn qua đó sẽ khiến cho Mark được phóng thích — nếu anh làm được chỉ một việc thôi là làm sao cho bật ra cái họ và tên của hân.

Vì khuôn mặt của Guy quá gần, Joseph bất chợt nhận ra một cách sắc sảo hơn bao giờ hết cái nét gô-loa trên vẻ mặt của hân. Tóc đen, mặt nhỏ và dài. Vẻ mặt hăm hờ ấy bỗng dưng nhắc anh nhớ tới một người anh biết rất rõ. Và anh giật mình rúng động trong lòng khi nhận ra mình đang nhìn một phiên bản khác của bộ mặt Paul Devraux thời trai trẻ. Đôi mắt Guy bốc lửa, cùng một loại dám sống dám chết với cái lý tưởng mà chung cuộc đã chứng tỏ cho người

Pháp đó thấy tính định mệnh của nó. Ngay khoảnh khắc ấy, Joseph quyết định bỏ qua bất cứ bức hình nào trông có vẻ giống Lật, có thể được anh tìm thấy trong phòng lưu trữ này. Không đáp trả Guy, anh quay lại tủ hồ sơ. Rồi với cử chỉ máy móc, Joseph lại bắt tay tiếp tục việc kiểm tra các bức hình.

Trong gần mười lăm phút, Joseph lọc lựa hết ngăn kéo này sang ngăn kéo khác, cố ý tạo ấn tượng rằng anh đang xem xét cẩn kẽ từng phong bì bên trong đựng ảnh và làm như chú mục nhìn kỹ hơn vài bức rồi lướt qua thật lẹ các bức khác. Cùng với tiếng đồng hồ kêu tích tắc, Guy càng lúc càng thêm nôn nóng. Trong khi chờ đợi, hắn bắt đầu nhấc chân bước, chậm chậm đi tới đi lui. Tình cờ, Joseph quyết định nhìn tỉ mỉ hơn một bức hình có vẻ như một chân dung vô danh nào đó. Rồi một bộ mặt phụ nữ hiện ra dưới mắt Joseph làm tim anh nhảy thót trong lồng ngực.

Dù ánh mắt của Joseph chưa hoàn toàn tập trung nhưng đôi gò má cao với hai con mắt đặc biệt sáng rực, từng có thời hết lượt này tới lượt khác hề gặp anh lúc nào là chậm chọc và kết án anh lúc đó, đã làm loé lên trong anh một thông điệp. Nó được gởi trực tiếp và nhanh nhạy tới một bộ phận nào đó trong đầu anh khiến óc não vốn thường trực thao thức đón chờ nay bùng lên vì đã tới khoảnh khắc tiếp nhận.

Bức hình có vẻ như được phóng lớn, chụp bằng ống viễn kính từ một điểm rất xa. Không đội nón và rõ ràng không biết mình đang bị chụp lén, đứa con gái của anh trong bức ảnh với mái tóc dài buông xuống phía trước vai trái, thắt bằng chiếc nơ dày và xinh xắn. Phía sau nó là hậu cảnh một xóm nhà tranh và mấy lùm dừa nước gợi cho thấy nó đang ở tại một làng quê vùng đồng bằng sông Cửu Long. Với hai tay run lẩy bẩy, Joseph lật bức hình và đọc hàng chữ đánh máy ở mặt sau: *"Tuyết Lương, tỉnh Long An, tháng Giêng năm 1963."*

Sau một lúc chết lặng nhìn bức ảnh, Joseph nhận ra Guy đã dừng bước. Đứng từ đằng kia phòng, hắn đưa mắt ngó tới và thấy anh mình đang nhìn chăm chú. Trong một thoáng, ánh mắt hai anh em chùng lại, rồi Guy bắt đầu bước về phía Joseph. Nhưng hắn chưa kịp tới kế bên, Joseph đã bình tĩnh cho bức hình vào lại phong bì bằng giấy màu nâu và nhét nó vào nằm lẫn giữa các phong bì khác.

Guy sắc giọng hỏi:

- Anh đã tìm ra ai có vẻ giống hắn chưa?

- Chưa — không có ai đáng để ý.

Joseph nói, không nguốc mắt và tiếp tục kiểm tra tủ hồ sơ này qua tủ hồ sơ khác suốt năm phút. Sau đó anh đứng lên, dụi mắt:

- Guy, chú có phiền lòng không nếu chúng ta tạm ngưng ở đây và để một lúc nào khác sẽ làm xong việc này? Tôi muốn có chút thì giờ ra bên ngoài để nghe lại cuộn băng của Mark. Và có lẽ liên lạc với Gary nữa để báo cho nó biết.

Guy miễn cưỡng gật đầu:

- Được thôi. Có điều chúng ta rán trở lại với việc này càng sớm càng tốt.

Hắn thắp đèn Joseph tới lối ra của Đại sứ quán rồi lập tức quay lại phòng lưu trữ hình ảnh. Đi một mạch tới gần cuối cùng nơi Joseph vừa làm việc, hắn xem xét những bìa hồ sơ quần một góc bên trong đựng các bức ảnh. Lúc này, khi bước về phía Joseph, Guy đã cẩn thận liếc tấm bìa hồ sơ mà Joseph đặt lại vào đó một tấm hình rõ ràng vừa làm cho ông anh giật mình. Đề ý trên góc tấm bìa đó có chút sòn rách, hắn ghi nhớ vị trí phía trước cái ngăn kéo Joseph vừa xếp hồ sơ vào đó. Giờ đây, kéo ngăn ra thêm lần nữa, Guy lôi ra một bức ảnh. Hắn bắt gặp khuôn mặt xinh đẹp của một thiếu nữ trông có vẻ như người có cha mẹ dị chủng. Lật mặt sau tấm hình, hắn đọc câu ghi chú rồi viết họ tên thiếu nữ cùng số tham khảo vào một mảnh giấy.

Guy bốc điện thoại lên gọi và một viên phụ tá xuất hiện nơi khung cửa. Hắn yêu cầu anh ta kiểm tra họ và tên của thiếu nữ trên máy điện toán. Xong, hắn vẫn ở lại trong phòng lưu trữ, thỉnh thoảng ngắm bức ảnh. Năm phút sau, người phụ tá quay lại với một tờ giấy vừa in ra trên tay. Anh ta nhìn xuống tờ giấy và nói:

- Suốt ba năm vừa qua, có đưa vào hồ sơ mấy bản báo cáo về tung tích của Tuyết Lương nhưng không bản nào được xác nhận và được tiếp tục theo dõi. Báo cáo từ Qui Nhơn và Đà Nẵng cho biết thường thấy cô ta tại hai nơi đó. Báo cáo sau cùng là từ Huế hai tháng trước đây. Tôi nguyên thủy của cô ta là tình nghi hạ sát hai nhân viên cảnh sát an ninh VNCH vào năm 1961. Và người ta tin rằng một tháng sau đó, cô ta đã ném lựu đạn vào hai nhân viên hoạt vụ của ta. Cả hai thoát chết, chỉ bị thương nhẹ. Hai bản báo cáo đầu tiên về tung tích chỉ có tính thông lệ. Khi nhận được chúng, đã không có hành động tiếp theo nào vì lúc ấy có nhiều hồ sơ khẩn cấp ưu tiên. Báo cáo sau cùng vẫn nằm y nguyên trong hồ sơ vì không người nào có đủ quan tâm để dõi theo nó. Có thể nói trong thời gian hiện nay, Tuyết Lương không có gì đáng chú ý nữa.

Guy gật đầu, cầm lấy bản in trên tay người phụ tá:

- Cho lệnh Huế kiểm tra dấu vết. Khi nhận được kết quả, lập tức báo cho tôi biết.

Người phụ tá trả lời nhanh nhẩu:

- Vâng thưa ông. Tôi tiến hành việc đó ngay bây giờ.

- 9 -

Tối đó bên bàn ăn, Joseph ngồi một mình, mắt lẳng đăm nhìn vào bóng tối bên kia mấy ngọn nến vừa được bác bếp thắp lên. Tô canh chưa đặt trước mặt hơn mười lăm phút anh không chạm đũa đang nguội dần. Cứ cách vài phút, bác bếp lại thập thò trước cửa nhìn ra, xem anh dùng xong chưa để dọn lên món kế tiếp. Sát bên khuỷu tay Joseph để sẵn một chai rượu đế Việt Nam loại Gò Đen nguyên chất và một chiếc ly có chân, nhỏ và mỏng. Anh thường đều đặn nâng ly nhấp chút rượu gạo nồng đượm ấy nhưng không muốn đụng tới thức ăn.

Lúc con người thấp và mập của bác bếp im lặng xuất hiện bên cạnh, Joseph giật mình ngó lên. Rồi anh đưa tay ra dấu xin lỗi khi thấy người Việt Nam nhìn anh với vẻ trách móc vì tô canh vẫn còn nguyên:

- Bác Hợi ạ, tôi xin lỗi — tôi nay tôi không cảm thấy đói.

Người bếp phàn nàn bằng nụ cười năn nỉ:

- Nhưng Monsieur Sherman, canh chua là món canh ngon nhất của tôi. Ông không biết chứ nó là món đặc sản; gồm cá lóc, giá, khóm, cà chua, đậu bắp, bạc hà... Tôi nấu toàn đồ ngon đồ bổ cho ông ăn. Monsieur chịu khó ăn đi. Món bò nướng lá lốt cũng chín tới nơi rồi.

- Không sao đâu bác Hợi. Bác cứ mang món bò nướng lá lốt ra đây cho nóng. Tôi sẽ rán ăn đôi chút.

Người Việt Nam cầm tô canh lên, vội vã bung trở vô nhà bếp. Bác chưa trở ra với món bò nướng bỗng có tiếng điện thoại reo. Joseph nghe bác trả lời giọng ập ứng, lơ lớ thứ tiếng Anh ngắc ngứ chêm mấy tiếng Pháp bồi. Khi xuất hiện trở lại với mấy xâu thịt bò xanh đượm — bò vằm thật nhuyễn ướp gia vị, gói trong lá lốt rồi nướng trên lửa than thật hồng — bác mỉm cười sung sướng:

- Monsieur Sherman, em ông mới gọi đó. Ông ấy hỏi tôi ông có nhà không. Khi tôi nói ông đang ngồi một mình, ông ấy bảo sẽ tới đây ngay. Tôi mang thêm chục xâu bò nướng lá lốt cho ông em của ông có được không Monsieur Sherman?

Mặt Joseph thoáng mờ, rồi anh gật đầu:

- Được, nếu chú ấy chưa ăn tối.

Mười lăm phút sau Guy tới. Bác bếp cười tươi rồi dẫn khách vào phòng ăn. Chưa đầy một phút, đĩa bò nướng đã được đặt xuống trước mặt khách. Guy nói với vẻ như xin lỗi:

- Tôi không có ý tự động tới đây để dùng bữa tối. Thật ra, tôi chỉ muốn nói chuyện với anh.

Rót rượu trắng cho cả hai anh em, Joseph đáp với vẻ mặt dè dặt:

- Chú tới lúc này càng tốt. Bác bếp của tôi thích có người thưởng thức công trình nấu nướng của bác nhưng tối nay tôi lại phụ lòng bác. Washington có phản ứng gì về việc trao đổi tù binh chưa?

- Chưa — nhưng chúng tôi nhận được một yêu cầu khẩn cấp của Bộ Ngoại giao về việc cố tìm cho ra “người trong phòng trắng” thật sự là thằng cha nào. Chẳng người nào ở thủ đô Washington ưa nổi cái ý tưởng để cho một kẻ không tên không họ được ra đi tự do.

Guy nhấp rượu và bắt đầu ăn. Hắn sử dụng đôi đũa bằng động tác thành thạo lạ thường:

- Đó là lý do tôi có mặt tại đây — để cố thuyết phục anh tối nay quay lại Tòa đại sứ nhằm tra cứu cho xong mấy bức hình.

Thay vì trả lời, Joseph uống cạn ly rồi lại rót đầy. Anh không nhìn em cũng không chạm tới món bò nướng. Trong vài phút, Guy im lặng ăn rồi đẩy đĩa ra xa, ngồi dựa ngửa ra lưng ghế. Hắn nói với giọng nôn nóng:

- Joseph này, anh biết không, tôi chẳng bao giờ có thể đọc được những gì đang diễn ra trong đầu anh. Anh luôn luôn tỏ ra hết sức lãnh đạm với tôi vì những lý do chỉ một mình anh biết rõ. Còn tôi, tôi chấp nhận chuyện đó như là định chuẩn tới một mức nào đó, trong quan hệ

giữa anh và tôi. Nhưng thật khốn nạn, tôi bắt đầu nghĩ rằng anh hẳn là một loại sinh vật nào đó có máu lạnh từ đầu tới chân. Phải chăng anh không có chút cảm xúc nhân tính nào? Sau hai năm trời, anh mới biết được thằng con trai thứ hai của anh còn sống trong khi có thể nó đã chết. Rồi thay vì làm hết sức mình để giúp nó, anh lại nhốt mình một chỗ, trong cái biệt thự này. Anh ngồi ăn tối một mình và không làm gì cả! Tôi thật sự hoàn toàn hiểu không ra.

Joseph đặt ly xuống, nhìn đứa em ngồi bên kia bàn:

- Guy ạ, bộ chú không thể nghĩ ra rằng nếu người tù trong phòng trắng ấy đúng là một kẻ nằm trong hàng ngũ chớp bu do Hà Nội phái vào, thì việc đó có thể làm hại toàn bộ cuộc thương lượng liên quan tới Mark. Nghĩ là người nắm quyết định giữ hoặc thả hoặc trao đổi hẳn chắc gì sẽ hoàn toàn tùy thuộc vào ý muốn của chú? Bộ chú không thể nghĩ ra rằng nếu tôi nhận diện được hẳn một cách xác thực, thì hành động đó của tôi tự nó có thể khiến cho Hà Nội kết án Mark chịu thêm vài năm bị hành hạ khổ sở — thậm chí có thể tàn tệ hơn nữa?

Trong một chốc, Guy trầm ngâm nhìn Joseph. Khi mở miệng trở lại, giọng của hẳn bỗng có thiện cảm hơn:

- Tôi nghĩ tôi đã không nhìn vấn đề từ góc độ đó. Vậy phải chăng như thế có nghĩa anh biết rõ hẳn là ai — nhưng lúc này anh không nói ra?

Joseph đột ngột đứng lên, rời bàn và bước vào nhà bếp. Khi trở ra, anh mang theo một chai rượu để còn nguyên. Rồi vẫn im lặng, anh rót đầy ly của hai anh em. Guy cầm ly mình lên:

- Thôi được. Tôi có thể thấy là anh không muốn trả lời câu hỏi đó. Ngay lúc này, tôi không hối thúc anh về chuyện đó nữa. Nhưng có lẽ chúng ta đang đạt được một tiến bộ nào đó. Lần đầu tiên trong đời mình, anh thật sự san sẻ tâm sự với đứa em quá ít tuổi hơn anh này. Có lẽ chúng ta nên uống mừng điều đó.

Guy vừa nhếch mép cười vừa nâng ly lên môi. Dù giọng điệu hơi có vẻ châm biếm, thái độ của hẳn mềm mỏng một cách đáng chú ý. Bỗng dưng Joseph cảm thấy lòng nhói nhói ân hận vì đã luôn luôn giữ thái độ xa cách đối với em. Anh nói tần ngần:

- Guy ạ, có lẽ tôi cũng nên kể cho chú nghe một chuyện khác nữa. Hôm nay, không phải tôi chỉ bị choáng váng một lần thôi — nhưng trong khi lướt qua các bức ảnh đó, tôi còn bị một cú choáng váng thứ hai.

- Phải chăng anh có ý nói là khi anh nhìn vào bức ảnh cô gái nhà quê ấy...

Nói tới đây Guy ngừng lại một cách đầy ý nghĩa rồi hỏi:

- Tuyết Lương?

Mắt Joseph mở lớn kinh ngạc:

- Làm sao chú biết?

- Tôi thấy vẻ mặt của anh khi đó. Lúc anh chuỗi nó vô lại ngăn kéo, tôi ghi nhớ trong đầu mình vị trí đặt hồ sơ đó. Sau khi anh ra về, tôi kiểm tra nó và tôi đoán chắc cô ta là người anh

từng gặp vào một lúc nào đó — một người mà lúc đó anh không nghĩ nó là Cộng Sản. Phải vậy không?

Joseph cúi đầu xuống. Anh nói trong khi mắt nhìn mặt bàn:

- Không. Không đúng. Tuyết Lương là con gái của tôi.

- Con gái của anh?

Guy há hốc miệng không tin nổi. Trong một lúc hần ngồi yên nhìn Joseph chăm chăm. Kẽ đó hần gật gù mấy lần:

- Tôi nghĩ lúc này mình đã hiểu tại sao anh ngồi đây trong bóng tối và không nuốt nổi bữa ăn chiều.

- Từ năm 1954 tới nay tôi không gặp Tuyết — lúc đó nó mười bảy tuổi. Kể từ khi trở lại đây, tôi nghe người ta nói tới một người có cái tên giống như tên nó đang nằm trong danh sách “truy nã” — nhưng tôi thật sự không bao giờ tin những lời đồn đãi đó cho tới sáng nay, khi nhìn thấy bức ảnh ấy.

- Nhưng mẹ của nó là ai? Và lý do khốn nạn nào khiến nó đi qua phía Việt Cộng?

Joseph trả lời với vẻ cam chịu:

- Guy ạ, chuyện dài lắm. Nhưng nếu chú có thì giờ thì tôi rất muốn kể hết cho chú nghe.

Guy nói thật lẹ:

- Anh kể đi, nếu việc đó làm anh ngỏi ngoai và tôi có thể giúp được phần nào.

Bằng giọng đôi khi nghèn nghẹn vì xúc động, Joseph kể cho chú em nghe về sự dính líu lâu dài giữa anh với Lan và Tuyết, không giấu diếm điều gì. Khi anh chấm dứt, Guy thở ra một hơi thật trầm và thật mạnh:

- Trong nhiều năm trời, tôi có nghe nói loáng thoáng trong gia đình về cái chuyện luân quản ấy nhưng tôi không bao giờ tưởng tượng nổi những chuyện đó lại hoàn toàn có thật và xảy ra trong cuộc đời của anh.

Guy cầm chai rượu lên, thêm lần nữa rót đầy ly của Joseph và của mình. Hai anh em lặng yên trong một trạng thái không nói nhưng đầy cảm thông. Sau cùng, Guy cất tiếng với giọng kinh ngạc:

- Joseph này, anh có biết không, đây là lần đầu tiên trong đời anh không đắn đo giữ kẽ với tôi. Tôi tán thưởng thái độ ấy còn hơn anh tưởng nữa. Lúc còn bé, tôi cứ băn khoăn ngẫm nghĩ hoài về việc tại sao anh lại có thái độ như thể cố tình gây thương tổn cho tôi hoặc cố tình ghét bỏ tôi. Trong một thời gian rất dài, anh khiến cho tôi có cảm tưởng rằng tôi bất xứng, không đáng làm em của anh hoặc của anh Chuck. Anh có nhớ không?

Joseph đáp lại, giọng trầm hần:

- Tôi biết. Tôi biết mình đã cư xử như thế đối với chú, và chưa bao giờ tôi có chút hãnh diện nào về thái độ đó — thật ra chú chẳng có lỗi gì trong việc đó.

Guy mỉm cười hoang mang:

- Anh nói như vậy là có ý gì?

- Tôi hoàn toàn phi lý. Tôi đã qui trách cho chú về một việc không can dự gì tới chú.

- Đó là việc gì?

Trong khi cân nhắc lời lẽ để trả lời, Joseph choáng váng nhận ra rằng anh đang vô tình đi tới điểm sắp sửa kể cho Guy nghe câu chuyện từng được anh thề sẽ giữ câm lặng suốt đời. Liếc chai rượu để thứ hai trên bàn, đặt ở giữa hai anh em, Joseph thấy chỉ còn một góc chai và anh ân hận mình đã để cho rượu vào lời ra. Đưa tay lên dụi hai mắt, anh nói thật lẹ:

- Bỏ qua đi Guy. Đó chỉ là rượu nói thôi.

Guy trút hết phần rượu còn lại vào cả hai ly rồi cười lớn:

- Không được. Anh không thể chuồn êm như vậy được. Lúc này rượu đã bắt đầu nói rồi thì cứ để nó nói luôn cho xong chuyện.

Trong cùng một lúc, cả hai nâng ly lên uống và Joseph đáp lại với một nụ cười:

- Guy ạ, tôi không biết chắc là mình nên bắt đầu câu chuyện như thế nào — nhưng tôi nghĩ chú có lý — nó là một cái gì đó quá thật chú nên biết trọn vẹn từ đầu tới cuối...

Guy cười thúc giục:

- Anh nói lẹ lên, bỏ cái lối úp úp mở mở đó đi. Tối nay tôi lớn bộn rồi!

- Thôi được. Có bao giờ chú tự hỏi tại sao bố và mẹ chung sống với nhau chừng ấy năm trời trong ngôi nhà rộng thênh thang ở Georgetown mà mỗi người lại ở riêng một tầng lầu? Có bao giờ chú tự hỏi tại sao mẹ uống quá nhiều rượu vào những năm cuối đời của bà? Có bao giờ chú tự hỏi tình trạng đó xảy ra đã bao lâu rồi không?

Guy mỉm cười yếu ớt:

- Không. Quả thật tôi chưa hề suy nghĩ tới tình trạng đó. Lúc đó, tôi cứ cho rằng một thượng nghị sĩ Virginia ưa náo nhiệt như bố thì lúc nào cũng cần nhiều không gian cho những sinh hoạt chính trị khoa đại và phô trương của ông, và bà mẹ khôn ngoan của chúng ta thích giữ một khoảng cách an toàn đối với bố.

Nhìn sâu vào đáy ly rượu, Joseph bỗng dung thấy lại hình ảnh của mẹ vào thời điểm khoảng một tháng trước ngày bà từ trần. Hôm đó Flavia đón anh và đưa lên các phòng riêng của bà được trang trí lộng lẫy nơi mấy tầng trên của toà nhà to lớn tại đường Dunbarton, Georgetown. Ở mỗi đầu chiếc bàn dùng đãi tiệc trưa đều sắp riêng ra cho Flavia nhiều chai rượu. Và bà một mình uống hết một chai rượu trắng. Uống xong, Flavia thả ly rượu hình bầu

dục vô lò sưởi. Rồi bà vừa khóc nức nở trong hai cánh tay của con trai vừa thổ lộ điều bị bà gọi là “bí mật khủng khiếp” về sự chào đời của Guy.

Bà kinh hãi nhìn Joseph khi anh bảo rằng anh biết điều đó từ lâu. Rằng đêm ấy anh đã tình cờ thấy bà trong con bão rừng khuya và anh đã nhận ra Guy càng lớn càng giống hệt người cha ruột của hắn. Trước khi Joseph ra về, bà bắt anh hứa sẽ không bao giờ tiết lộ bí mật ấy cho cha anh hoặc Guy biết. Lúc này, trong khi Joseph chợt nhớ lại và Guy chờ anh kể tiếp câu chuyện, lời thề ấy thêm lần nữa ám ảnh trí óc anh. Anh bỗng nghe mình chất lưỡi:

- Guy ạ, chú biết không, chuyện không hoàn toàn đúng như chú nhớ. Bố và mẹ không chỉ sống riêng mỗi người một tầng lầu suốt hai mươi năm sau cùng mà thôi — thậm chí từ vài năm trước khi chú ra đời, bố và mẹ đã không ở chung với nhau một tầng lầu.

- Có phải đó là lý do khiến ông già thích nhắc lại và thường đùa cợt với tôi rằng tôi được “gây giống” ở trong rừng nhân một chuyến đi săn?

- Đúng ở một mức độ nào đó — nhưng cái mà ông không bao giờ biết là sự thật của sự việc đó như thế nào.

- Joseph này, ngang đây thì cách tốt nhất là anh nên làm rõ ra anh có ý nói tới cái gì, để cả anh lẫn tôi đều hiểu rõ những gì anh đang nắm được.

- Guy ạ, tôi đang tìm cách kể cho chú nghe đây. Rằng cái người mà lúc nào chú cũng nghĩ là bố ấy, người đó không thật sự là cha ruột của chú.

Nụ cười lập tức tắt dần trên bộ mặt của Guy. Môi hắn mím lại. Bộ mặt hắn từ từ biến thành một cục đá. Sự tiết lộ tàn nhẫn đó làm hắn nín lặng. Và Joseph cảm thấy một đợt sóng cảnh giác đang trào lên trong lòng mình. Anh vội vàng nói:

- Ngoài tôi ra, không một người nào khác biết chuyện này Guy ạ. Tôi đã thề không bao giờ kể với ông ấy — hoặc với chú — nhưng tôi nghĩ chú có quyền biết.

Guy hỏi dữ dội giữa hai hàm răng nghiến chặt:

- Và vì lý do khôn kiếp nào mà anh được chia sẻ cái bí mật khủng khiếp đó?

- Mẹ thổ lộ với tôi mấy tuần lễ trước khi bà qua đời. Mẹ bị dẫn vật tâm trí và bà phải kể với một kẻ nào đó để vơi bớt khổ não.

- Nhưng tại sao kẻ đó phải là anh?

- Có lẽ mẹ cảm thấy rằng tôi hiểu câu chuyện về trại săn ấy là có thật. Chú biết không, vị thượng nghị sĩ vĩ đại của Virginia đã say quắc cần câu trong đêm xảy ra việc đó. Tôi thấy ông đi chân nọ đá chân kia khi về lều của hai ông bà. Rồi một lát sau, liếp lều mở và tôi thấy mẹ chạy ra ngoài, dưới trời mưa bão...

- Thế rồi anh đóng vai kẻ ưa nhìn lén! Hèn gì anh biết mặt cha ruột của tôi!

Guy cao giọng kết án và Joseph gật đầu.

- Thế thì ông ấy là ai?

- Một người Pháp hướng dẫn săn bắn — một cựu sĩ quan quân đội Pháp. Sau đó, ông ấy làm thanh tra Sở Liêm Phóng tại đây, vào những năm ba mươi.

- Ông ấy còn sống không?

Joseph lẹ làng lắc đầu:

- Ông ấy bị những người Việt Nam theo Cộng Sản chủ nghĩa ám sát tại Huế năm 1936.

Guy đứng bật dậy, chiếc ghế sau lưng hắn ngã đánh rầm xuống sàn nhà. Mặt hắn trắng bệch, hơi thở hắn đứt đoạn:

- Vậy là từ đêm ấy về sau, cậu bé Joseph nhóc tí làm ra vẻ mộ đạo của mẹ quyết định sẽ dành suốt cuộc đời mình đưa mũi khinh khỉnh ngó xuống thằng em út của nó vì nó coi hắn là thằng con rơi con rớt — có đúng vậy không?

Joseph khỏn khỏ ngược mắt nhìn lên mặt em:

- Guy ạ, tôi nghĩ, tự trong thâm tâm mình tôi luôn luôn biết mình có thái độ đó là sai — nhưng dù sao đi nữa, tôi không thể rũ sạch ý nghĩ ấy. Tôi xin lỗi.

- Đừng xin lỗi mất công!

Mắt Guy rục lên tia nhìn dữ dội và lạnh như băng. Trong một thoáng, Joseph nghĩ hắn sắp sửa mắng như tát nước vào mặt mình. Nhưng Guy cố sức tự chủ:

- Nếu trong bụng anh còn những bí mật kinh tởm nào nữa của gia đình thì cứ giữ lấy cho riêng anh — tôi không muốn nghe nữa!

Guy xoay người rào bước ra ngả cửa hông của biệt thự. Nhưng hắn chưa tới cửa, Joseph đã đứng bật lên, lật đật chạy theo:

- Guy, chờ chút! Nếu tôi nghĩ ra chú phản ứng như thế này thì tôi đã không bao giờ kể cho chú nghe...

Anh chưa tới nơi, cửa đã đóng sầm vào mặt anh. Khoảnh khắc sau, Joseph nghe tiếng xe hơi khởi động trên đường phố bên ngoài. Máy xe rú lên như điên trong một hai giây rồi có tiếng bánh xe nghiêng xuống mặt đường nhựa, lao đi thật nhanh.

Joseph ngồi suốt đêm không ngủ. Tới nửa đêm, tiếng pháo nổ vang rền trên đường phố thoát đầu làm anh giật nảy người. Rồi anh nhớ lại đêm nay giao thừa và mai là ngày Tết con khỉ. Pháo nổ liên tục suốt mấy tiếng đồng hồ. Anh pha cho mình mấy ly cà-phê rồi thao thức đi tới đi lui trong nhà, lắng nghe tiếng pháo. Thỉnh thoảng, Joseph ngồi xuống ghế, mê thiếp chập chờn. Nhưng khi trời vừa rạng sáng, anh ra vườn đi dạo.

Không biết bao nhiêu lần Joseph dẫn vật mình khi nhớ lại cuộc đời mặt đau lòng và tủi cực giữa anh và Paul Devraux tại Điện Biên Phủ. Lúc ấy cũng như lúc này, anh đã nhẹ dạ tin

tưởng rằng sự thật sẽ chinh phục mọi người và khi biết sự thật, người khác sẽ cảm thông và độ lượng vì sự chân tình và lòng thành thật của anh. Nhưng rồi đức tin nông nổi đó lại chính là nguyên cớ gây ra phiền muộn sâu xa. Joseph thở dài cả trăm lần và nguyên rủa mình suốt đêm về sự ngu ngốc đó. Anh cố nghĩ cho ra một phương cách nào đó để hàn gắn với Guy nhưng rồi anh nhận ra, với cảm giác tuyệt vọng, rằng không còn đường trở lui nữa.

Tới lúc bác bếp đến và bắt đầu làm việc, Joseph tắm rửa cạo râu và yêu cầu dọn bữa sáng ngoài hàng hiên. Đang giữa bữa điểm tâm, có tiếng chuông cửa sân trước reo vang. Khi bác bếp mở cổng, Joseph kinh ngạc thấy Guy đang đứng trên vỉa hè, tay xách cặp.

Người Việt Nam tươi cười dẫn Guy tới bàn ăn sáng. Hai anh em ngồi im lặng cho tới khi cà phê và bánh ngọt được dọn ra. Guy tí toáy con dao ăn một hồi lâu, rõ ràng đang bứt rứt. Cuối cùng, khi mở miệng, mắt hắn vẫn nhìn chăm chú xuống đĩa thức ăn:

- Joseph ạ, tôi nghĩ là tôi muốn được nghe đôi điều về người cha ruột của mình. Ông ấy có vẻ như thế nào?

Lòng Joseph se lại, bồi hồi xúc động vì xót thương em. Anh cảm thấy cổ họng mình tắc nghẹn. Sau khi lấy lại bình tĩnh, anh nói, giọng sâu lắng:

- Tên ông ấy là Jacques Devraux. Vào thuở xảy ra cuộc săn bắn đó, tôi mười lăm tuổi và có ấn tượng rất sâu sắc về ông ấy. Ông là nhà thiện xạ, hiểu rất rõ tất cả những gì cần biết về rừng rậm và dã thú, và dường như không biết sợ hãi là gì. Ông là người ít nói, lúc nào cũng ngẩng cao đầu — ông làm tôi nhớ tới các dũng sĩ anh hùng thời cổ Hi Lạp trong cuốn sách lịch sử của tôi...

Hai anh em trò chuyện suốt nửa giờ. Từ đầu tới cuối cuộc đàm thoại, cách cư xử của Guy mềm mỏng và không tỏ vẻ thù nghịch. Hắn đặt nhiều câu hỏi với giọng bối rối và Joseph nhẫn nại trả lời, luôn luôn cố làm nổi bật những khía cạnh tích cực trong cá tính của Jacques Devraux. Anh cũng nói tới Paul cùng tình bằng hữu lâu dài giữa hai người. Và anh kể với Guy rằng anh nhận thấy trong Guy có cùng một loại năng động và nhiệt tình mãnh liệt mà anh đã từng rất ngưỡng mộ Paul về mặt đó. Tới lúc dường như đã thấm mệt về đề tài ấy, cả hai ngồi lặng thinh bứt rứt.

Kế đó, khi Joseph đứng dậy, bắt đầu sửa soạn rời nhà để đến cơ quan làm việc, Guy rút trong cặp ra một phong bì màu nâu và đặt lên mặt bàn. Hắn nói thấp giọng:

- Joseph ạ, tôi nghĩ hẳn anh quan tâm tới cái này.

- Đó là cái gì vậy?

- Một tung tích đã được xác định, được gọi về đây khuya đêm qua. Tôi đã kiểm tra bằng máy điện toán và dõi theo đường dây cũ. Tuyết Lương hiện sống ở Huế.

Joseph chụp lấy phong bì. Bằng hai bàn tay run lẩy bẩy, anh bắt đầu mở ra:

- Chú có địa chỉ của nó không?

Guy gật đầu:

- Tất cả ở trong đó. Có một chuyến bay của hãng Hàng Không Việt Nam cất cánh từ Tân Sơn Nhứt lúc hai giờ chiều nay. Tôi đã giữ một chỗ với tên của anh trên chuyến đó. Anh cũng sẽ thấy trong phong bì này có sẵn vé.

- Guy ạ, tôi không biết cảm ơn chú thế nào đây. Sau đêm vừa qua, tôi hầu như chẳng còn trông mong chút nào vào sự giúp đỡ của chú.

Guy rút ruột khoát tay ra hiệu cho Joseph đừng nói nữa:

- Có lẽ lúc này chúng ta chỉ nên nghĩ tới chuyện trước mặt thôi — việc đó để lúc khác thảo luận.

Hắn tần ngần nhìn anh với ánh mắt cảnh giác:

- Nhưng có một điều quan trọng nữa tôi buộc lòng phải nói cho anh biết. Ngay khi chúng tôi vừa yêu cầu xác định bản báo cáo tung tích thì mấy ông bạn an ninh Ty Cảnh Sát Quốc Gia Thừa Thiên Huế của chúng ta tự động hành quân liền. Và nếu tung tích ấy tỏ ra xác thực thì họ lúc nào cũng lập tức ra tay bắt kẻ tình nghi mà không cần có thêm chỉ thị.

- Vậy là Tuyết sắp bị bắt?

Guy nhún vai:

- Cái đó tùy vào anh. Tôi không thể chặn đứng — nhưng tôi có thẩm quyền hoãn lệnh đó hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Đó là thủ tục đúng qui cách để chúng tôi có cơ hội phối trí những hoạt động thiết yếu nào mà các phái viên của chúng tôi cần tới. Tôi chỉ có thể đưa lệnh tạm hoãn. Họ sẽ không ra tay với Tuyết cho tới giờ này sáng mai. Nếu anh có mặt tại chỗ trước khi họ hành sự thì...

Guy lại nhún vai bỏ lửng câu nói. Joseph mở xong phong bì, đọc các mảnh giấy bên trong rồi nhìn người em thêm lần nữa với ánh mắt kỳ quặc:

- Guy này, cái gì làm bụng dạ chú bỗng dưng thay đổi vậy?

- Hắn phải có lý do — nhưng lúc này đừng hỏi tôi về cái đó.

Người CIA quay lưng và hai anh em đi bên nhau ra tới cổng. Trong khi đi, Joseph xem đồng hồ tay. Lúc này là tám giờ rưỡi sáng thứ Ba ngày 30 tháng Giêng dương lịch, ngày thứ nhất của kỳ nghỉ mấy ngày Tết — buổi sáng đầu tiên của năm Mậu Thân. Thông thường sáng thứ Ba vào thời khắc này là giờ cao điểm sớm mai của một Sài Gòn tấp nập hoạt động và đô thành tràn ngập tiếng động âm ỉ. Nhưng vì hôm nay là ngày nghỉ lễ và truyền thống ngưng hoạt động vào dịp tết, nên khi Joseph mở cổng, đường phố bên ngoài biệt thự yên ắng kỳ lạ.

Joseph đi với Guy ra lề đường. Khi tới bên xe hơi, anh chìa tay. Guy im lặng bắt tay anh rồi chuôi mình vào sau tay lái. Trước khi cho nổ máy, hắn nghiêng đầu ra cửa xe, vẫy tay về phía chiếc phong bì Joseph đang cầm:

- Chỉ đề phòng trường hợp anh cảm thấy choáng váng khi tới chỗ đó nên tôi phải báo trước cho anh biết: địa chỉ tôi đưa đó không phải là nhà riêng — mà là một nhà thổ lớn nhất ở Huế.

Không nói thêm một tiếng, Guy khởi động máy và từ từ cho xe lăn bánh ra giữa đường. Joseph đứng nhìn vói cho tới khi chiếc xe biến mất khỏi tầm mắt, dọc theo đại lộ vắng vẻ.

- 10 -

Ánh sáng bắt đầu nhạt dần khi Joseph đi qua chiếc cầu nhỏ Thượng Tứ bằng đá, uốn theo hình vòng cung và hoa văn thật đẹp, bắc ngang con hào bọc quanh Kinh thành Huế. Trong chiều tà, ngọn gió nam nhẹ nhàng thổi lay động những đóa sen trắng sen hồng đang quấn tụ nhau trên mặt nước yên tĩnh đậm màu xanh rêu. Từ lan can cầu nhìn xuống, Joseph thấy hình ảnh lữ thành phản chiếu trên mặt nước bỗng dung thay đổi sắc màu. Chỉ trong khoảnh khắc, những tường thành cao ngất màu phơn phớt đen với đôi chỗ nứt còn lung linh gạch đỏ tươi, trong nắng hoàng hôn tất cả bất chợt biến thành đỏ thắm, màu của máu.

Joseph quay mình và vừa kịp thấy vàng thái dương từ từ lặn xuống đằng sau các đỉnh núi đỏ tía của dải Trường Sơn ở phía tây. Những tia nắng lịm dần của nó toả hình nan quạt lấp lánh trên mặt nước sông Hương dài hun hút, rộng mênh mang và rợp bóng mát đang nằm lặng yên tịch mịch trong ánh sáng êm đềm của chiều đang trôi. Anh tưởng chừng nghe ra tiếng mấy hàng liễu mảnh mai và lau sậy lướt thướt hai bên bờ đang rì rào chuyện trò trong gió. Và cứ thế, Joseph đứng lặng hồi lâu, uống cho đầy mắt, hoà cho lạc mất mình trong cơn hoài tưởng chuyến viếng thăm năm nào. Kế đó, lòng lặng yên trở lại, anh vội vàng cất bước vào Thành Nội.

Đây là lần thứ nhất Joseph về lại Huế kể từ năm 1936. Theo bản đồ của Guy cung cấp trong phong bì màu nâu sáng nay, Joseph biết rõ góc đông bắc kinh thành kiên cố và xưa cũ của Hoàng đế Gia Long nay đã trở thành Bộ tư lệnh Mang Cá của Sư đoàn 1 Bộ binh thuộc Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa. Anh thấp thỏm chờ thấy các hoạt động quân sự với những đoàn xe vận tải và xe kéo pháo hiện đại tấp nập ra vào, khuấy động không khí yên tĩnh của đất thần kinh. Anh e ngại sẽ chứng kiến những chiếc xe tăng đầu sừng sừng bên công thành thay cho các thớt voi đường bộ ngày xưa. Hoặc những người lính quần áo rằn ri mình đầy súng ống sẽ đứng vào chỗ của các ông quan bằng đá hay lính thị vệ đầu đội nón chóp có miếng vải che ngực lất lay trong gió. Nhưng rồi Joseph thở ra nhẹ nhõm vì trong thành phố Huế, đặc biệt khu vực nội thành gần như không có dấu vết chiến tranh, ngoại trừ rải rác đôi ba người lính mặc quân phục, vai không đeo vũ khí, chậm chậm chạy xe Honda trên đường về nhà hay tới đơn vị.

Các đơn vị cấp trung đoàn đóng hậu cứ và căn cứ tiền phương xa Huế vài chục cây số. Lính trong bộ tư lệnh sư đoàn hầu hết thuộc các phòng ban hành chánh, hậu cần và đại đội Hắc Báo tăng phái. Bom đạn dường như xa lánh Huế. Trong năm năm trở lại, Huế gần như chỉ bị đối phương pháo kích bằng vài ba phát súng cối lẻ tẻ vào khu dân cư gần Mang Cá. Lần chịu tai ương nặng nề nhất của Huế là bị quân khủng bố ném lựu đạn vào hội chợ Phú Văn Lâu ba năm trước làm chết và bị thương khoảng mười người dân đang xem triển lãm. Trong thành phố không có bóng dáng đi lại của quân nhân Mỹ. Cũng không có quán rượu xập xình, vũ trường xanh đỏ hoặc tiệm ăn tấp nập. Các loại xe quân sự kể cả xe kéo pháo đều không được phép qua cầu Tràng Tiền. Chúng phải dùng cầu Bạch Hổ và bọc đường Quốc Lộ I chạy tới một cửa thành ở mạn đông bắc hoàng thành để vào Mang Cá. Thỉnh thoảng Joseph mới thấy có một chiếc xe díp chở vài ba quân nhân áo quần đầy bụi, súng xếp dưới sàn xe, chạy lạch lỏng trên đường phố, dừng lại trước chợ Đông Ba để uống cà phê Lạc Sơn hay đang tìm đường qua vịnh đò Gia Hội. Cuộc sống mộc mạc vật chất và sâu lắng tâm linh của người dân Huế hình như ngày càng kết tinh hơn bởi không còn những xáo trộn chính trị và chỉ chịu ảnh

hương tối thiểu của viện trợ Mỹ và tiếng động thời chiến. Trong không khí Huế vẫn thoang thoảng mùi hoa sen, hoa huệ và hàng trăm loại hoa cỏ dịu dàng đưa hương từ mỗi vườn nhà nội ngoại thành.

Bất chấp những tàn phá chiến tranh tại các vùng đất khác của xứ sở, đối với Joseph, dọc hai bên bờ sông Hương lặng lẽ trôi, lịch sử và truyền thống của đất nước Việt Nam dường như vẫn được bảo tồn trong hoà hợp với vẻ đẹp đầm thắm của cảnh sắc nơi đây. Lòng lâng lâng cảm giác thú vị, anh ngược mắt nhìn lên những con rồng vỹ viển nhẹ nhàng nơi mái cong bên trên cung điện. Rồi khi rảo bước giữa những lùm bụi và cây cảnh trong những hoa viên thẳng tắp, Joseph ngửi ra mùi hương hoa sứ thoang thoảng. Anh có thể nghe ra tiếng chuông chùa xa xa trầm lắng điểm thu không và thấy mình đang thiết tha hy vọng rằng mọi biểu tượng thanh bình của một thời quá khứ giờ đây có thể trở thành những điềm lành đầy may mắn cho anh trong cuộc tìm kiếm đứa con gái lạc loài.

Từ Sài Gòn, Joseph phải đi Huế bằng phi cơ dân sự bốn cánh quạt, máy kêu ầm ỉ và thỉnh thoảng thân tàu run bần bật của Air Việt Nam. Khi chiếc xe nhà của một người Việt Nam được sử dụng như một thứ tắc-xi đưa rước, vừa chở Joseph ra khỏi phi trường Phú Bài sau chuyến bay dài hai tiếng đồng hồ, vượt tám trăm cây số cất cánh từ Tân Sơn Nhứt, anh quên hết mệt nhọc bởi có cảm tưởng như thể đang trên một chuyến xe chở mình lần đường tìm về quá khứ.

Phú Bài nằm cách cố đô An Nam khoảng mười lăm cây số về hướng nam. Con đường quốc lộ hẹp, gồ ghề, chạy qua những cánh đồng Hương Thủy xanh mướt hầu như chưa bị bom đạn chạm tới. Từ những rặng tre vây kín làng mạc, trẻ em cười như hoa mới nở và xúng xính trong bộ quần áo mới ngày Tết màu tươi rói, lật đật chạy ra đầu con đường đất dẫn vào làng, sung sướng đưa tay vẫy vẫy chiếc xe. Nhiều lần tài xế buộc lòng phải dừng xe bên chiếc cống nhỏ chờ cho một con trâu nặng nề đứng định lê bước băng ngang quốc lộ, ngay trước đầu xe. Trong cuộc hành trình dài nửa giờ ấy, mắt Joseph thường bắt gặp những miếu thờ lẫn khuất và tháp thoáng trong mây bụi chuối hay dưới các lùm me.

Toàn bộ quang cảnh ấy và vẻ bình yên bất tận của những cánh đồng lúa vắng lặng cùng những xóm nhà tranh năm rải rác nhắc nhở Joseph, một cách sinh động, về cách mà xứ sở này đang bị hư hoại và tình trạng Mỹ hóa Sài Gòn cùng vài thành phố đông dân khác trong quá trình nỗ lực cứu vãn Miền Nam khỏi bàn tay Cộng Sản. Và anh cảm thấy trong lòng hoài nhớ thăm thía thời thanh xuân của mình, thuở Việt Nam có vẻ như không bị xáo trộn như hiện nay.

Vừa thấy thấp thoáng những con đường thênh thang của thành phố Huế và dòng sông tĩnh lặng trôi êm đềm bên tường thành đế đô, Joseph đã nghe vọng lại trong tâm tưởng lời nhận xét đầu tiên từng được Lan nói với anh hơn ba mươi năm trước: “Joseph ạ, nếu lắng tai thật kỹ anh có thể nghe ra trong Huế nhịp đập của con tim An Nam.” Nhưng khi xe chạy dọc đại lộ Lê Lợi, bên bờ sông phía nam, nhịp đập duy nhất mà anh nghe ra lại chính là của trái tim mình.

Theo lời người tài xế Việt Nam, địa chỉ do Guy cung cấp ở mãi tận cuối Gia Hội, một khu vực cổ của thành phố, tọa lạc ngoài vòng thành và ở bờ bắc bên kia sông. Những con phố hẹp của khu vực ấy đổ về ngôi chợ Đông Ba đang nằm uest oải không xa chân cầu Clémenceau ngày cũ, nay được gọi là cầu Tràng Tiền. Lòng càng lúc càng khắc khoải, Joseph bảo tài xế cho xe chạy một mạch qua cầu Tràng Tiền, chở anh tới thẳng địa chỉ ấy trước khi ghé vào làm thủ tục nhập khách sạn Hương Giang, nơi Guy đã đánh điện lấy phòng cho anh.

Qua tới khu vực Gia Hội cổ xưa, Joseph thấy những ngôi nhà san sát hai bên đường phố chật hẹp lúc này treo chỉ chít các dải giấy hồng điều tươi thắm, ghi những câu bằng chữ nho ước mong một mùa xuân mới tràn đầy an lạc. Trước cửa nhà, Joseph để ý thấy có cây nêu trang hoàng một túm lá và bùa để xua đuổi ác thần, cùng một cách thức với loại cây nêu được dựng bên ngoài chánh điện đặt ngay vàng của Hoàng đế Khải Định trong chuyến anh viếng thăm Huế lần đầu tiên, thuở còn là cậu bé mười lăm tuổi.

Đúng giờ giao thừa đêm qua, tại Huế cũng như mọi nơi khác trên khắp đất nước, dân chúng trang trọng cử hành nghi lễ đón hương hồn ông bà tổ tiên đầu năm ngự về cùng ăn tết với con cháu. Và giờ đây, người ta hân hoan nhàn nhã tụ tập thành từng đám đông trên đường phố. Đâu đâu cũng thấy tà áo dài màu tím Huế đậm thắm hay màu sắc lễ hội vờn bay trong gió vì phụ nữ Huế, từ khuê các tới buôn thúng bán bưng, đều có tập quán mặc áo dài khi ra đường. Lúc trời sắp hoàng hôn, tiếng pháo chào mừng ngày Nguyên đán thêm lần nữa nổ rân. Khi xe chạy qua những ngôi nhà nhỏ mở rộng cửa, Joseph có thể thấy các ngọn nến lung linh trên bàn thờ gia tiên đầy hoa tươi và các đĩa trái cây mới hái.

Dọc vỉa hè trước nhà, có các đám đông người lớn và trẻ em ngồi chồm hổm, háo hức cười khúc khích hoặc cãi vã om sòm quanh hột xí ngầu hay những trò chơi cờ bạc khác. Và vì ít khi có người Mỹ xuất hiện tại khu vực phố cổ này nên người Việt Nam đang đi trên đường thường đứng lại thành từng đám, nhìn vào cửa xe, trầm trồ chỉ chỗ Joseph.

Xe không thể chạy nhanh vì phải len lỏi giữa các đám người đông đúc rôn ràng khiến Joseph càng lúc càng nôn nóng và căng thẳng cực độ. Dù xảy tới tình huống nào đi nữa, viễn ảnh gặp lại Tuyết cũng làm lòng anh nôn nao bứt rứt, nhất là khi anh cảm thấy mình mỗi lúc một căng thẳng trước hoàn cảnh Tuyết sắp bị bắt và tiếp đó, sẽ bị cáo buộc về tội ám sát và khủng bố.

Trong nhiều năm trời hun hút, giấc mơ gặp lại con gái chưa bao giờ thành có thật nên lúc này, Joseph bắt đầu e sợ biết đâu phút cuối sẽ xảy tới điều gì đó trục trặc. Có thể người ta không tôn trọng lệnh tạm hoãn của Guy hoặc có thể sự việc biến thành một trường hợp nhận diện sai người và Tuyết không chút nào có mặt tại đây, hoặc có thể người ta cho lầm địa chỉ.

Trong khi xe vẫn trườn lách tới trước, những giả dụ ấy và những e sợ phi lý khác vụt qua tâm trí Joseph làm anh xao xuyến thêm lên, không phải chỉ đơn thuần cảnh giác mà còn bởi một lý do khác. Kể từ sáng nay, từ đáy lòng Joseph càng lúc càng dâng cao một nỗi sợ hãi mơ hồ hơn: trong lúc anh và Guy ngồi dùng điểm tâm nơi biệt thự của anh ở đường Duy Tân, Sài Gòn đang nhận từng chút một các báo cáo về những cuộc giao tranh mới nổ ra. Và sau đó, trong những giờ ngồi làm việc ở văn phòng JUSPAO, anh ghi nhận được chi tiết của những trận tấn công đó.

Trong đêm vừa qua, các đơn vị Việt Cộng đã vi phạm cuộc hưu chiến ba ngày để ăn tết Mậu Thân. Họ tung ra một loạt tấn công bất ngờ và dồn dập vào bảy thành phố phía bắc Sài Gòn. Tướng William Westmoreland, tư lệnh quân đội Hoa Kỳ tại Việt Nam, đã hạ lệnh hủy bỏ cuộc ngừng bắn Nguyên Đán và tuyên bố tình trạng báo động tối đa cho các lực lượng Hoa Kỳ trên khắp Việt Nam. Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu sáng nay cũng làm y như vậy. Ông đặt các lực lượng Nam Việt Nam trong tình trạng báo động tương tự, nhưng vào lúc đó, một nửa số lính của ông đã rời đơn vị đi nghỉ phép và đang ở nhà ăn Tết.

Đà Nẵng, Nha Trang, Qui Nhơn, Pleiku, Hội An, Kontum và Ban Mê Thuột là những thành phố phía bắc Sài Gòn, duyên hải hoặc cao nguyên, trở thành tâm điểm các cuộc tấn công của

Việt Cộng. Chúng được phóng ra cùng một lúc với tiếng pháo nổ đầu tiên trong đêm giao thừa. Và dường như đó là một sáng kiến mới mẻ của lực lượng Cộng Sản vì cho đến nay họ lúc nào cũng chỉ hành quân giới hạn, khi ẩn khi hiện, trong vùng rừng sâu, đồi cao và nông thôn hẻo lánh.

Mặc dù cuộc đụng độ tại bảy thành phố đó vẫn tiếp diễn trong trời tang täng sáng, cho tới lúc Joseph rời Sài Gòn, các chỉ huy trưởng liên quân Việt Mỹ vẫn hoài nghi về viễn ảnh của một cuộc tổng tấn công đều khắp. Các sĩ quan cao cấp nhún vai nói với Joseph rằng trước đây, đã có vô số lần “báo động đỏ tối đa” nhưng rồi chẳng xảy ra chuyện gì, và rằng các cuộc tấn công đêm qua cũng chỉ là những cú vi phạm ngừng bắn đã thành thói quen của Cộng Sản.

Chiếc máy bay DC-4 của hãng Hàng Không Việt Nam chở Joseph ra phương bắc bay lơ lửng giữa mây trời. Dù thường đưa mắt nhìn xuống mặt đất, anh vẫn không thể dò tìm được bằng chứng nào về những cuộc đụng độ đang được tường trình. Sau khi đi xe hơi từ Phú Bài ngang qua vùng quê Dạ Lê đầy vẻ thanh bình và nhận thấy kinh đô lâu đời của An Nam vẫn nằm yên trong ánh hào quang tĩnh mịch của quá khứ, lòng Joseph vui bớt nỗi sợ. Và rồi anh lại càng cảm thấy tin tưởng hơn với ý nghĩ rằng phản ứng chính thức của Sài Gòn sáng nay là hợp lý.

Nhưng tới lúc nghe tiếng pháo bắt đầu nổ ran trở lại trên đường phố Gia Hội Joseph chợt nhớ đến chiến công thần tốc và lẫy lừng trong ngày Tết của một vị Đại đế An Nam, vào thế kỷ mười tám. Thuở ấy, đạo binh nam mười vạn quân từ Đàng Trong vượt sông Gianh kéo ra Đàng Ngoài, rồi tràn vào thành Thăng Long, tàn sát kẻ thù Mãn Thanh giữa cuộc truy hoan mừng xuân của hai chục vạn ngoại nhân phương bắc. Và nay nhớ tới chuyện ấy, lòng Joseph bỗng dưng thêm lần nữa tràn ngập sợ hãi. Anh chồm mình tới trước, thúc giục tài xế cố rướn cho xe chạy tới nhanh hơn, qua những con đường nhỏ đông đúc. Và tài xế bắt đầu bóp còi inh ỏi.

Cuối cùng, khi xe lách qua được các đám đông đang túm tụm quanh mấy khu vực chợ búa, nó lăn bánh dọc theo một con đường đất dơ dáy và ra tới gần vùng Bãi Dâu, mõm đất cuối của thành phố. Joseph mất tinh thần khi thấy những túp lều xiêu vẹo, mái lợp tôn dợn sóng cong vòng. Người tài xế gầy gò chỉ tới các túp lều rồi lơ quờ hoa tay về phía khu nhà tồi tàn sát mé sông, đối diện với bờ bên kia, nơi rõ ràng là khu vực cấm thường dân đi lại. Anh ta nói láu táu bằng tiếng Pháp:

- Lính tráng gọi đây là “Đường Cung Tần Mỹ Nữ”. Ông thấy đó, lính bộ tư lệnh Sư đoàn 1 chỉ cần chống sào nhảy qua con sông nhỏ này là nhập cung ngay.

Nhìn qua cửa xe, Josep thấy thấp thoáng xa xa một pháo đài đặt trên tháp canh Cửa Trái, góc đông bắc của hoàng thành. Người tài xế dừng xe tại một góc đường và chỉ tay về phía một toà nhà lớn và đồ nát, trông như thể được dùng làm kho gạo, với lan can bằng gỗ nứt nẻ chạy men theo mé ngoài của tầng bên trên. Anh ta lém lỉnh nói tiếp:

- Có điều người ta không mở cửa cung trong ba ngày tết nên cung phi mỹ nữ phải lưu vong xuống các vạ đồ kiếm ăn. Nhưng biết đâu đâu năm ông gặp hên. Đó, địa chỉ ông tìm đó. Ông nhìn kia, có người đứng chờ sẵn đấy!

Joseph thấy ở đó có một dãy cửa sổ dùng làm cửa ra vào, ăn thông với lan can gỗ. Dọc theo chiều dài của lan can, đang phơi mấy dây quần áo bạc thếp, bay phất phơ trong gió nhẹ. Sơn

phai màu tróc và bung ra từng mảng trên các vách ván cong vòng, có vẻ như đã tới lúc sạm hẳn. Ngay đầu tầng cấp cao nhất dẫn lên lan can, có hình dáng vắn vẹo của một người đàn bà lớn tuổi mặc bộ đồ đen, đang lom khom bên lan can, ngó xuống chiếc xe.

Người tài xế nháy mắt với Joseph và nói:

- Monsieur, có thể nó không đẹp nhưng “đi” rẻ là cái chắc...

- Chờ tôi tại đây!

Joseph giận dữ ngắt lời và lao mình ra cửa xe nhưng chưa vội trả tiền cho anh lái. Trong khi anh nhảy một bước hai bậc, chạy lên tầng cấp, người đàn bà luống tuổi trên lan can quay mình, nhắc chân đi khắp khênh về phía một khung cửa long cánh và đang khép hờ. Nhưng Joseph bắt kịp dễ dàng và túm lấy cánh tay của bà ta.

Rút trong túi bức hình của con gái do Guy sáng nay bỏ chung trong phong bì, anh vừa dí vào mũi người đàn bà vừa hỏi bằng tiếng Việt, cố ý nói thật chậm:

- Chị Tuyết Lương có đây không?

Người đàn bà nhìn bức hình rồi lắc đầu, không ngó Joseph. Ngoác miệng như sắp kêu cứu và vùng vẫy với sức mạnh không ngờ, bà ta cố gỡ mình thoát khỏi tay nắm của người Mỹ. Thấy thế Joseph buộc lòng phải buông ra. Bà vọt lẹ vô phía trong rồi đóng sầm cửa lại. Joseph chầm chậm đi lui dọc theo lan can, ướm từng cánh cửa mỏng mảnh. Anh đưa tay túm nắm cửa, rung lách cách cho tới khi mở bật ra được một cánh.

Cửa mở thẳng vào một buồng nhỏ, tối tăm, mốc meo, xông mùi tanh tưởi. Lập tức mắt Joseph bắt gặp một bàn thờ ông địa đặt dưới đất, mặt khói ám lem luốc. Căn buồng làm bằng ván ọp ẹp, chỉ có một bức màn tả tơi vừa che vừa ngăn với hành lang bên trong. Joseph đi dọc tới cuối hành lang, lên tầng trên, vạch hết bức màn này tới bức màn khác. Đồ đạc độc nhất trong mỗi căn buồng dơ dáy đó là một giường ván sần sùi, trải manh chiếu lác đen sì ở giữa. Đầu giường vắt chiếc khăn nhỏ nhóp nhúa, sờn tới độ sắp rách. Cuối chân giường để một cái xô bằng nhôm và chiếc ca nhựa mức nước. Đầu đó trong phòng vương vãi mấy miếng giấy kèm màu vàng, như hai mặt của một đồng đô-la tròn trịa úp vào nhau. Joseph rùng mình khi thoáng nghĩ tới công dụng của những đồ đạc ấy. Sau khi xem xét tới căn buồng cuối cùng, Joseph quay mình trở lui.

Để ý thấy hình dáng lờ mờ của người đàn bà luống tuổi từ cuối hành lang đang lăm lét nhìn theo mình, Joseph lật đật quay lại, ấn vào tay bà tờ giấy con cộp năm trăm đồng. Và thêm lần nữa, anh rút bức ảnh của Tuyết ra. Anh nói bằng tiếng Việt, cố ý phát âm thật chậm từng tiếng một:

- Đúng nửa đêm nay, tôi sẽ tới đây lần nữa. Bà phải nói với Tuyết Lương rằng nó phải gặp tôi ở đây. Bà phải nói với nó rằng tên tôi là Joseph Sherman. Việc này rất quan trọng. Một vấn đề sống chết.

Bộ mặt choắt cheo của người đàn bà nhả lại lưỡng lự nhưng dù gì đi nữa, bà vẫn túm chặt tờ giấy bạc bằng cả hai tay. Trong một hồi lâu bà nhìn Joseph với ánh mắt kỳ dị rồi lê chân đi một mạch, chẳng tỏ vẻ mình có hiểu hay không lời vừa nói của người Mỹ.

Joseph bảo người tài xế chở anh tới khách sạn rồi nói anh ta chờ trong khi anh mang túi đồ ngủ qua đêm lên nhận phòng. Sau cùng, Joseph trả tiền cho người tài xế khi anh ta thả anh xuống bên cạnh chiếc cầu nhỏ bằng đá bắc qua hào sen bên ngoài cửa Thượng Tứ, lúc mặt trời đang lặn. Nhìn những con đường xanh bóng cây và nhà cửa bên trong Kinh thành, Joseph thấy lòng dịu lại. So với thành Bắc Kinh khô khan đầy nắng gió thì thành nội Huế thơ mộng, sinh động và có hơi người vì dân chúng ăn ở đi lại đông đúc, nhà cửa khi leo lên gần bờ thành, khi núp bóng trong những vườn cây rậm rạp. Joseph khắp khởi mừng, nghĩ rằng dù sao lần này mình cũng sẽ được đặt chân vào Tử cấm thành u tịch. Nhưng qua cửa Hiển Nhân, vào hẻm bên trong Đại Nội và nôn nóng đi vòng ra mé sau điện Thái Hòa, Joseph bàng hoàng khi thấy những thâm cung huyền bí bốn mươi ba năm trước từng hiện lên thắp thoáng trong đôi mắt mê mẩn và tò mò của cậu bé mười lăm tuổi, nay chỉ là hoang tàn bình địa.

Tử cấm Thành không còn thành nữa. Vườn Thượng uyển đằng xa kia lơ lửng trên cao như sân khấu trống trơn của một vận động trường điêu tàn mà khán giả chỉ là hàng chục luống rau tím, bụi cải vàng lay lắt trong gió hoàng hôn. Hầu hết miếu đền cung điện chỉ còn trơ lại nền. Kể cả lầu Kiến Trung, nơi tháng 8.1945, đại diện địa phương của Việt Minh long trọng cam kết với hoàng đế Bảo Đại là sẽ giữ gìn đền miếu lăng tẩm của nhà Nguyễn. Đó đây ngả nghiêng vài di tích như những trang thờ bằng gạch xanh biếc màu rêu, nằm xiêu lệch làm dấu mốc cho các vườn rau hay mấy vạt cỏ hoang.

Trên mỗi nền đất hoang giờ đây có cắm tấm bảng, bằng ba thứ tiếng Việt, Pháp và Anh, đề tên cung điện và ghi thêm rằng tháng Hai năm 1947, khi mặt trận Huế vỡ, Việt Minh giật sập bằng chất nổ trước khi họ rút khỏi cố đô, bắt đầu cuộc tiêu thổ kháng chiến chống Pháp nơi đồng ruộng. Cũng may còn lại vài ba đền đài. Riêng Điện Thái Hòa không hiểu sao họ chỉ chất củi đốt nên lính Pháp vào cứu kịp. Hay là Cộng Sản cũng sợ làm kinh động long mạch, nơi giao hòa của Thanh long và Bạch hổ. Thở đều một lát cho những xúc cảm ấy lắng xuống, Joseph tiếp tục một mình đi bộ loanh quanh trên sân Đại Triều Nghi để thám thía vè sâu thẳm của Ngọ Môn dưới lầu Ngũ Phụng và tận hưởng mùi hương hoa đại thoang thoảng từ các vườn hoa cỏ đại mọc đầy.

Phát sinh từ lòng ngưỡng mộ những truyền thống quân vương và tôn trọng các chùa chiền lăng tẩm, Hoa Kỳ không bao giờ để cho lực lượng quân sự của mình trú đóng tại Huế ngoại trừ một số ít ỏi các cố vấn quân sự chiếm cứ toà nhà khách sạn Thuận Hóa ở mạn nam sông Hương. Một nhóm nhỏ dân sự Mỹ sống trong thành phố đảm trách công tác lãnh sự và tình báo. Joseph làm theo lời khuyên được Guy ghi trên một mảnh giấy để sẵn trong phong bì, dặn rằng khi tới cố đô, anh nên thông báo sự có mặt của mình tại Huế với văn phòng CORDS — Civil Operation Revolutionary Development Support: Cơ Quan Bình Định và Phát Triển — tên gọi một bộ phận lúc đó điều hợp chương trình bình định nông thôn của Mỹ. Tại đó, anh bắt gặp một nữ thư ký người Việt đang một mình trực văn phòng.

Joseph cho cô ta biết họ và tên của mình, địa chỉ khách sạn, và chỉ nói rằng anh tới Huế trong hai ngày nghỉ để ngoạn cảnh hoàng cung. Cô ta viết các chi tiết đó vào một cuốn sổ. Một viên chức CIA trong lớp vỏ nhân viên CORDS, được Guy báo trước chuẩn bị đón một quan chức JUSPAO cao cấp từ Sài Gòn ra, đã để lại số điện thoại riêng cùng lời mời Joseph dùng cơm tối với anh ta. Nhưng Joseph cảm thấy không có bụng dạ hào hứng với chuyện giao tiếp xã hội nên anh một mình đi bộ trở lại khách sạn.

Ở đó, Joseph rán ăn uống đôi chút bữa cơm chiều tại phòng ăn nhìn xuống dòng sông, nhưng không chạm nổi đĩa thức ăn. Suốt một tiếng đồng hồ, anh ngồi đưa mắt nhìn qua cửa sổ, ngó

xuống những con thuyền treo đèn ú ngũ sắc đậu thành từng chòm nhỏ dọc bờ sông. Trời bên ngoài càng về chiều theo với tiếng pháo nổ ran từ mọi hướng, lòng Joseph càng nôn nóng. Cuối cùng, anh bước ra đường, lang thang dọc bờ sông, tìm cách giết cho hết khoảng thời gian đang chậm chậm trôi qua làm nặng trĩu thêm cái tâm trạng vốn đã khắc khoải cực độ.

Đi hết công viên đầy hoa ven bờ sông, trước hai ngôi trường trung học nam và nữ lớn nhất của Huế, bất giác Joseph thấy ra mình đang rẽ qua hướng nam, bước dọc theo những hàng cây thẳng tắp dẫn lên đàn Nam Giao, nơi thuở nào anh cùng Lan quan chiêm Lễ Tế Trời. Và rồi anh thấy ra rằng những tường thành cao của tế đàn nay cỏ bò lan khắp, rêu bám đầy và nhiều chỗ sụp lở. Cây trong Rừng Thông Công xơ xác, bị dân địa phương đồn làm củi hoặc trẻ mục đồng bẻ cành làm trò đánh giặc. Trong trời nhá nhem tối, quần thể tế lễ thái cổ đó không những đã mất sức mê hoặc mà còn đầy vẻ thô lương hiu quạnh. Joseph lại lẳng lặng đi lang thang suốt một lúc trên những con đường đất chung quanh tế đàn.

Joseph bắt đầu cảm thấy chán nản và lòng dạ ủ ê hơn khi khám phá ra tại khu vực ven đô này không kiếm nổi phương tiện cơ giới về lại thành phố. Cuối cùng, anh đi bộ một quãng rất xa tới đầu dốc Bến Ngự, chỗ ngoặt thẳng xuống con sông đào, mới vấy được một chiếc xích-lô ọp ẹp. Xe chở Joseph thẳng tới nhà thổ xiêu vẹo để anh giữ đúng lời hẹn nửa đêm với đứa con gái lúc này không chỉ là người xa lạ đối với anh mà còn là kẻ tự khẳng định công khai, suốt bảy năm qua, rằng sẽ dùng hết trí tuệ và thân xác đối đầu quyết tử với đất nước của cha mình để trả thù chồng.

- 11 -

- Tại sao tới đây?

Có tiếng hỏi đột ngột và gay gắt ngay sau lưng làm Joseph giật bắn người. Anh nhìn quanh, chỉ thấy mờ mờ một hình dáng người nữ mặc toàn đồ đen. Dáng ấy nói the thé bằng tiếng Anh, giọng không thềm che đầy hận thù.

- Con đó, phải không Tuyệt?

Joseph vừa hỏi vừa hăm hở bước vào vùng tối đen bên dưới lan can gỗ của kho gạo cũ nhưng đáng ấy lùi lại một bước, gần giọng:

- Nói cho tôi biết mau, tại sao tới đây?

Khi mắt quen với bóng tối, Joseph nhận ra khuôn mặt phụ nữ ấy và cảm thấy ngệt thờ. Anh bước thêm bước nữa, đang rộng tay như muốn ôm choàng hai vai của con gái:

- Tuyệt, cha tới đây báo động cho con! Con phải lập tức đi khỏi đây ngay. Sáng sớm mai, mặt vụ bắt con đó!

- Đừng đụng người tôi!

Lần này Tuyệt đứng yên nhưng giọng nói lạnh lẽo tới độ làm Joseph sửng người. Hai cha con đứng mặt ngó mặt nhau, mắt nhìn mắt nhau. Chỉ có tiếng pháo ngày xuân lịm dần, lẹt đẹt điểm ròi rạc vào tình thế im lặng và căng thẳng giữa cha và con.

Trước đó, Joseph hầu như sắp buông bỏ mọi hy vọng gặp lại con gái. Tới nửa đêm, kho gạo khoá kín cửa. Quang cảnh vắng tanh. Thậm chí người đàn bà lớn tuổi cũng mất dạng. Anh ngóng đợi, đi lang thang quanh quần khắp khu xóm tồi tàn nhớp nhúa, không còn để ý đến giờ giấc. Anh lòng vòng hết tới lại lui nơi góc đường bên ngoài kho gạo dù trong bụng không còn chút hi vọng tìm thấy con gái ở đây. Rồi đúng trước ba giờ sáng, ngay khi Joseph vừa quay lại lần chót sau một ngày khắc khoải cùng kiệt, Tuyết bỗng xuất hiện trong bóng tối đằng sau lưng cha làm anh xây xẩm mặt mày.

Joseph nói như đuối sức và tuyệt vọng:

- Tuyết ạ, con chỉ còn có hai giờ thôi. May mắn lắm là ba giờ nữa. Cứ để cha giúp con, đưa con vô Sài Gòn. Ngay sáng mai, cha con mình có thể đi chuyến máy bay đầu tiên. Cha sẽ che giấu con cho tới khi tìm được cách mang con ra khỏi Việt Nam.

Tiếng Tuyết cười khanh khách trong bóng tối làm Joseph rợn người:

- Bọn mật vụ của đế quốc Mỹ lựa đúng giờ xấu nhất của chúng để ra tay bắt tôi. Kẻ đang lâm nguy không phải là tôi mà chính là bọn chúng — và luôn cả các người!

Đêm mù mịt. Joseph bước tới gần hơn, cố nhìn rõ nét mặt con:

- Con nói như thế là có ý gì vậy Tuyết?

Anh thấy Tuyết đưa cườm tay lên gần mắt, nhìn cho rõ vành số lân tinh trên mặt chiếc đồng hồ rẻ tiền đeo nơi cổ tay:

- Bọn giặc Mỹ ở đây và lũ chư hầu của các người ở Sài Gòn chỉ còn không tới mười lăm phút nữa để tháo chạy thực mạng. Sau thời điểm đó, Huế sẽ rơi vào tay của nhân dân.

Joseph nhìn Tuyết, không tin nổi những gì tai vừa nghe:

- Con có ý nói Cộng Sản sắp chiếm thành phố này ư?

- Không chỉ thành phố này thôi. Hàng trăm thành thị Miền Nam sắp được hoàn toàn giải phóng — kể cả Sài Gòn. Nói cho mà biết. Đã bắt đầu Cuộc Tổng Công Kích. Thắng Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu bù nhìn của đế quốc Mỹ và thắng tướng giặc lái Nguyễn Cao Kỳ sẽ bị giết chết. Hết thấy các đài phát thanh sẽ bị chiếm lĩnh. Sắp nổ ra Cuộc Tổng Khởi Nghĩa của toàn thể nhân dân Miền Nam.

- Con nói có thật không Tuyết?

Tuyết nhún vai:

- Có lẽ “người ta” sẽ không tin lời tôi cho tới khi bị đại diện của nhân dân tới khách sạn bắt đi! Nói nữa cho mà biết. Trong khi “người ta” đang ngồi nhâm nhi bữa ăn tối ở khách sạn Hương Giang thì hai trung đoàn quân giải phóng cùng hai tiểu đoàn đặc công, pháo binh và quân du kích các huyện ngoại thành đã áp sát thành phố này, khắp cả hai phía tả ngạn hữu ngạn!

- Làm sao con biết chỗ cha ở?

- Chị thư ký làm việc cho văn phòng CORDS là mật báo viên của chúng tôi. Ngay sau chín giờ tối nay, đã ghi thêm tên Joseph Sherman của Juspao vào danh sách giặc Mỹ bị tâm nã.

Joseph kinh hãi, nhìn chăm chăm con gái:

- Nhưng mà Tuyết, ngay tại Huế này, một cuộc tấn công như thế làm sao thành công nổi? Nguyên bộ tư lệnh của một sư đoàn bộ binh thiện chiến nhất của quân chính phủ đóng trong thành nội và ba bốn tiểu đoàn Thủy quân Lục chiến Mỹ sẵn sàng ứng chiến ở Phú Bài — chỉ cần vài phút là họ có thể kéo quân tới đây ngay!

- Có ít nhất một nửa bọn lính Sư đoàn 1 đã về nhà ăn Tết. Những tên lính ngự còn lại chỉ là dân văn phòng, đang say khướt hoặc nằm ôm vợ ôm con ngủ như chết! Chúng tôi chắc ăn vì chúng tôi chỉ chọn chiến trường khi quân số, vũ khí và hỏa lực của chúng tôi phải mạnh gấp mấy lần lính ngự. Lần này chúng tôi tràn vào bất ngờ với súng AK, B-40, thượng liên hiện đại, còn bọn ngự trong thành nội quân ít, tài hèn lại xài toàn Các-bin, Garand cổ lỗ sĩ phé thải của đế quốc Mỹ!

Giọng Tuyết đầy khinh mạn và lạnh như nước đá. Dù trong bóng tối lơ mờ, Joseph vẫn có thể thấy Tuyết bặm môi với vẻ kinh tởm. Hoa tay về phía kho gạo cũ, Tuyết nói tiếp:

- Suốt sáu tháng vừa qua, chúng tôi đã lên kế hoạch sát sao và chuẩn bị triệt để cho Cuộc Tổng Công Kích này. Từ một năm nay, tôi đến ở tại cái chỗ khủng khiếp đó, chịu đựng đủ thứ nhơ nhớp trong những đêm những ngày mưa lê thê của xứ Huế chính là để tổ chức một cụm điệp báo. Chỉ với hai chục thiếu nữ, chúng tôi biết hết những tin tức đáng giá về lính ngự và những thằng chỉ huy bọn chúng — cùng như về tất cả các lực lượng của giặc Mỹ tại Huế. Như vậy, lúc này đã hiểu tại sao không tới đây thì tốt hơn chưa?

Joseph im lặng suy xét lời của con gái. Khi anh mở miệng trở lại, giọng anh còn hơn năn nỉ:

- Tuyết ạ, ngay cả lúc này cha vẫn không chút nào ân hận về việc cha tới chỗ này tìm con. Từ lúc xa con tới nay, suốt mười bốn năm qua, ngày nào cha cũng nghĩ tới con. Bộ con cho là cha hoàn toàn quên con rồi sao?

Tuyết nói dửng dưng:

- Cõi tôi sống hoàn toàn khác với thế giới của các người. Đối với tôi, cái đáng nhớ nhất chính là hàng ngàn thằng Mỹ gian ác, no cơm ấm cật ngất ngưỡng bao nhiêu năm trời nay trên xác chết của người khác. Nay đã tới lúc cả bọn chúng nó thế mạng cho chồng tôi, đền bù cho hạnh phúc của tôi.

Joseph lẹ làng bước tới túm hai vai Tuyết, không để con gái kịp lạng người:

- Tuyết, ta là cha của con! Và cha không bao giờ thôi hy vọng một ngày nào đó sẽ tìm ra con dù con đi bất cứ đâu.

Tuyết càng cố vùng vẫy quẫy người ra Joseph càng túm chặt hơn. Mặt hai cha con áp sát nhau trong bóng tối. Thành linh, có ánh chớp rực lên chiếu sáng khung trời trên kinh thành bên kia sông, và nhờ thế anh lần đầu tiên thấy rõ mặt con gái. Đôi mắt hạnh đào. Hai gò má cao. Miệng rộng với vành môi đầy đặn. Khuôn mặt ấy hiện lên trọn vẹn trước mặt Joseph như qua

một ống kính quay phim lướt thật nhanh trong một chớp mắt mà chỉ có tiềm thức mới thấy kịp. Vẻ đẹp của Tuyết lúc này lên tới cực điểm nhan sắc và được tôn thêm nhiều lần nhờ ánh chớp sáng rực. Tuyết trông có vẻ giật mình và mất bình tĩnh. Rồi sau ánh chớp và trong bóng đêm trở lại tối đen như mực, Joseph cảm thấy thân thể đứa con gái chột diệu lại trong bàn tay nắm chặt của cha. Tuyết nói với giọng thật thấp:

- Để cho tôi yên, hãy đi khỏi chỗ này ngay. Và đừng kể với ai những gì tôi vừa nói. Nếu còn ở lại thì khi họ tới đây, họ sẽ giết không tha.

Từ phương tây, một loạt tiếng nổ lóe hơn bất cứ tiếng pháo Tết nào, xé toạc màn đêm. Joseph vội vàng quay đầu ngó. Trong một lúc, anh lắng nghe, nhận ra tiếng gầm rú của hàng loạt đạn trọng pháo cùng với hoả tiễn và đạn súng cối. Tới lúc anh quay lại nhìn con gái, ánh sáng pháo kích chớp nháy liên tục và hai cha con hoàn toàn nhìn rõ mặt nhau. Tuyết nói sắc lạnh:

- Suốt tám năm nay tôi chỉ mơ tới phút này thôi. Giờ đây, tôi sẽ không bỏ cuộc và bỏ chạy — vì bất cứ lý do gì hoặc bởi bất cứ ai.

Không nói một lời, Joseph kéo con gái vào ngực mình. Anh siết thật chặt, hít thật sâu và nhắm mắt lại, để mặc cho lòng chìm đắm với những xúc động rào rạt như nước lụt vỡ bờ. Khoảnh khắc phù du ấy Tuyết cũng níu lấy cha. Nhưng rồi nàng buông tay và đẩy Joseph ra:

- Tại sao cha không đi đi? Có phải cha muốn họ thấy tôi đang đứng với cha để tôi phải chết theo cha? Có phải cha muốn họ tin rằng dù sao tôi cũng là một tên phản bội?

Joseph buông lỏng hai tay, tần ngần nhìn con gái:

- Tuyết ạ, cha không thể bỏ con sắp lung mà đi. Cha không thể lại để con trong tình trạng như thế này...

Anh buông lỏng câu nói vì chợt thấy có một loạt chuyển động trên con đường đằng sau lưng Tuyết, từ mé sông dẫn thẳng vào. Cảm giác về mặt báo động của Joseph, Tuyết quay mình nhìn theo con mắt cha và thấy hình dáng của mấy chục người cầm súng đang chạy thật lẹ về hướng hai cha con. Khi tới gần, toán quân vội vàng nép mình vào bóng tối trong xóm nhà tồi tàn. Nhưng lúc ấy, ánh sáng của cuộc pháo kích dồn dập và hoả châu bên trên thành phố đủ soi sáng cho Joseph nhận ra những chiếc mũ tai bèo đặc biệt và ba-lô hình vuông có cắm lá trên lưng họ.

Joseph thờ gáp:

- Ngó họ như thể lính Miền Bắc.

Tuyết thì thầm:

- Đúng — các anh ấy là toán tiền trạm của Tiểu đoàn 804 Quân đội Nhân dân Việt Nam. Họ vừa vượt sông bằng phao.

Joseph cố đẩy Tuyết vào sâu hơn trong vùng tối phía dưới lan can, nhưng ánh hoả châu và ánh chớp của đạn pháo soi sáng rực cả con đường. Hai cha con thấy rõ khoảng hai chục bộ đội đang đi tới. Chưa kịp triển khai đội hình, toán tiền trạm ấy cũng bắt chợt thấy cả hai. Tổ đi

đầu lập tức trụ chân bầm cò. Tiếng AK vang lên, ròn rã hơn pháo tết. Súng nổ ran từng loạt, đạn cày lên vách ván của kho gạo vốn rạn sần, làm dăm gỗ văng tứ tung khắp chung quanh hai cha con. Joseph đột nhiên cảm thấy rất bỏng nơi lồng ngực. Anh chói với, đưa hai tay lên ôm ngực và khuyu xuống. Gần như lập tức, mười ngón tay anh dính bết máu và mắt anh đứng tròn nhìn con gái.

Trong một thoáng, Tuyết lạng người chôn chân tại chỗ, rồi lòn tay qua nách của Joseph, xóc cha đứng lên. Thấy loáng thoáng bóng người và nghe văng vẳng tiếng động, toán bộ đội Bắc Việt bắn tiếp. Đạn cắm bình bịch, gỗ văng tan tác trên đầu hai cha con. Càng tới gần mục tiêu, bộ đội càng chạy nhanh hơn. Tuyết liếc lui thật lẹ rồi nhanh như cắt kéo Joseph quành qua một góc kho gạo, lôi cha băng ngang đường. Hai cha con chạy vào bóng tối của một con hẻm nhỏ đưa tới trung tâm một khu vực nhà của kháng trang. Từ chỗ đó, Tuyết dìu cha men theo vách các ngôi nhà gạch, lủi thẳng tới vạt đồ nhỏ đậu bên này bờ, cách cửa Đông Ba ở bờ bên kia một quãng.

- 12 -

Cùng thời điểm ấy tại Sài Gòn, nơi văn phòng dành riêng cho viên chức trực phân sở CIA trong Đại sứ quán Mỹ, Guy Sherman ngồi sau bàn giấy đọc báo cáo. Thỉnh thoảng, hắn ngừng đọc, ngẩng đầu thận trọng nghe ngóng tiếng pháo nổ ran trên các đường phố bên dưới. Đêm càng khuya tiếng nổ càng rời rạc và Guy đợi cho tới lúc tai nghe một tiếng nổ đặc biệt lớn để chấm dứt một tràng pháo như thường lệ. Sau đó, hắn đứng lên bước tới khung cửa sổ, đưa mắt nhìn xuống mái những toà nhà chung quanh nhưng hắn không thể quan sát bao quát vì lớp lá chắn hoá tiền bảo vệ sứ quán làm tầm nhìn bị thu hẹp.

Đây không phải lần đầu Guy thấy mình bỗng bất giác đưa tay sờ vào khẩu súng lục tự động .38 đang nằm yên trong bao da đeo dưới nách trái. Hắn không biết chắc động tác sờ súng ấy chỉ là thói quen của người thích đi săn hoặc chỉ để yên chí súng vẫn còn đeo bên mình sẵn sàng ứng chiến. Nhưng hắn hiểu rõ rằng đêm nay, trong khu vực Đại sứ quán, hắn không phải là kẻ duy nhất cảm thấy thần kinh căng thẳng khi nghe tiếng pháo cứ nối tiếp nhau nổ ran từng chập.

Lần nào đi một vòng tuần tra Guy cũng nhận thấy vẻ mặt của lính Thủy quân Lục chiến canh gác phía sân trước và trên nóc sân thượng sứ quán đều như căng ra và đánh lại. Họ cố che giấu tâm trạng bứt rứt bằng những câu nói đùa dí dỏm và động tác giả vờ chụp vũ khí mỗi khi nghe vang một tiếng nổ đặc biệt. Nhưng rõ ràng thái độ bông đùa đó hé cho thấy trong ruột họ đang bồn chồn nóng nảy. Họ đã biết các báo cáo về tình trạng Việt Cộng vi phạm ngưng bắn bắt đầu lan rộng khắp nơi từ đêm qua và suốt hôm nay. Và họ bức bối vì tiếng pháo mừng xuân nổ ròn trên đường phố Sài Gòn làm họ mất định hướng, không thể dùng thính giác để đoán có cuộc đụng độ nào vừa nổ ra hay không.

Guy cố nói vài lời trấn an lính gác rằng theo như hắn thấy cho tới giờ này, tình hình đô thành vẫn nằm trong tầm kiểm soát của chính phủ VNCH. Nhưng hắn biết rõ những lời vỗ về đó không thể làm họ thật sự yên tâm. Cuối cùng, khi mọi sự im lặng trở lại, Guy rời cửa sổ quay về bàn giấy, ngồi xuống, tiếp tục nghiên cứu bản báo cáo dài lê thê vừa do một phái viên mới tuyển ở lục tỉnh gửi về. Hắn cố tập trung vào lối hành văn lủng củng và nội dung rối rắm của nó để phân biệt đâu là ý kiến chủ quan của người viết đâu là sự kiện cụ thể đáng ghi nhận. Cứ thế, dần dần Guy không còn nghe ra tiếng pháo và rồi, chỉ một lát sau, hắn gần như không còn để ý tới các tiếng động chung quanh.

Trong khi Guy Sherman ngồi giải quyết công việc thì bên trong một ga-ra sửa chữa ô tô khoá kín cửa trên đường Phan Thanh Giản, cách Đại sứ quán Mỹ khoảng tám trăm thước, một toán hai mươi đặc công cảm tử tinh nhuệ của Tiểu đoàn C-10 thuộc Lực Lượng Võ trang Giải phóng Nhân dân tụ tập kể bên chiếc xe vận tải nhẹ một tấn, hiệu Peugeot.

Trên sàn xi-măng loang lổ vết dầu nhớt dưới chân các đặc công, sắp sẵn các thúng gạo và mấy cần xé cà chua bên trong giấu những bộ phận rời của súng phóng hỏa tiễn B-40, súng chống tăng ba-zô-ca, súng máy, lựu đạn và cả ngàn băng đạn. Nhưng lúc này, các du kích quân tạm thời không nghĩ tới vũ khí. Họ đang dồn mọi con mắt vào viên chính ủy đứng với tờ giấy đánh máy dưới một bóng đèn không có chụp, treo lơ lửng giữa trần nhà đầy mạng nhện. Vách ga-ra bằng tôn mỏng, cửa sổ chỉ được che kín bằng bao bố, âm thanh nào hơi lớn một chút là có thể lọt ra ngoài nên người bên trong chỉ có thể nói thì thầm. Tuy thế, với vẻ mặt cực kỳ nghiêm trọng, giọng của viên chính ủy vừa đủ nghe nhưng vẫn nhấn mạnh từng tiếng để nội dung khích động của lời kêu gọi thấm sâu vào lòng từng chiến sĩ sắp vào trận.

- *“Tiến lên toàn thắng ắt về ta!”* — đó là lời của Hồ Chủ tịch phát đi từ Hà Nội cho tất cả các cán bộ và chiến sĩ tham gia cuộc tổng tấn công lịch sử này. Câu chúc Tết đó của Bác Hồ cũng là hiệu lệnh xung trận cho toàn thể quân đội và toàn thể nhân dân chúng ta.

Càng nghe chăm chú, nét mặt của các đặc công càng căng thẳng khi nghĩ tới cuộc tấn công quyết liệt sắp tới, do chính họ chủ động. Y phục của toán đặc công không người nào giống người nào với những màu sắc đen, tím, nâu... lộn xộn. Đầu không đội mũ. Chân đi dép Nhật. Bên trên chiếc quần tây nhàn nhó là áo sơ-mi bèo nhèo. Kiểu cách ăn mặc ấy thích hợp với nhân dáng người nhà quê, làm họ trông giống như phu phen lao động nặng nhọc và không gây chú ý khi di chuyển trong thành phố tới chỗ tập trung quân. Và lát nữa, người ta sẽ thấy toán đặc công không có vẻ gì đặc biệt nếu bị chặn hỏi trên chuyến xe chở họ tới đột nhập khuôn viên và tòa nhà của Đại sứ quán Hoa Kỳ. Người trẻ nhất trong toán quyết tử là Ngô Văn Kiệt, cháu thừa tự duy nhất của kẻ từng có thời là “chú bồi” trại săn của Jacques Devraux. Mím miệng và liếm môi, Kiệt gồng người bóp chặt hai nắm tay và ép thật sát vào hai cạnh sườn để đè nén cảm giác khích động đang làm lộn lạo ruột gan.

Hai gò má Kiệt còn nguyên vẻ bầu bĩnh, không một sợi lông măng, với hai con mắt thơ ngây của một thiếu niên mười bảy tuổi. Đồng đội khi muốn chọc quê cậu vẫn gọi đùa là “Ốc Tí”, như Ngô Văn Đồng, người cha quá cố thường gọi thuở cậu còn là thiếu nhi giao liên. Trong khi nghe chính ủy nói, hai mắt Kiệt không nháy nháy. Cậu cố dương dương khí thế để che lấp số tuổi còn quá nhỏ của mình. Ngược lại, mấy đầu ngón tay của cậu thỉnh thoảng âm thầm sờ vào đường lằn quanh hông, chỗ phía dưới thắt lưng, nơi cậu quấn chặt quanh mình một dải lụa màu xanh đỏ và lộn thật kỹ bên trong hai lớp vải quần ka ki vàng và áo sơ-mi nâu. Mọi khi, cậu giấu dải lụa ấy ở nơi chỉ một mình cậu biết, nhưng lần này, cậu đeo nó theo trong người vì đây là đêm mười chết một sống.

Dải lụa xanh đỏ ấy rất cũ, gần như phai màu hết một nửa. Nó nguyên là băng cờ xung trận thuở nào được thân phụ của Kiệt, cùng kẻ vai sát cánh với ông nội và chú của cậu, phát lên thật cao khi phóng bàn chân trần lao vào trại binh của Pháp tại Yên Bái năm 1930. Sau đó, nó được truyền lại cho Kiệt vào ngày đầu tiên cậu được kết nạp làm thành viên đội thiếu nhi giao liên của Mặt trận Dân tộc GPMN tại Mộc Linh. Dù trong lòng tự hào vô bờ bến về dải băng cờ đó, Kiệt lúc nào cũng theo đúng lời dặn nghiêm khắc của cha là phải thận trọng giữ nó kín đáo tuyệt đối, cực kỳ bí mật. Tuy không hiểu rõ nguyên nhân nhưng Kiệt biết một thực tế là

từ trước tới nay, các đảng viên Cộng Sản lớn tuổi tuy lớn tiếng hô hào đấu tranh cho độc lập dân tộc, họ vẫn đánh giá, một cách chính thức, rằng hoạt động thuở trước của những người dân tộc chủ nghĩa đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng không đáng được liệt vào lịch sử cách mạng Việt Nam. Theo lời mẹ Kiệt kể lại, cha cậu có lần cắn chặt răng, âm thầm đốt bỏ một tài liệu học tập về công trạng của Đảng Cộng Sản Đông Dương trong đó có ghi lời phán xét của Bí thư thứ nhất Lê Duẩn rằng khởi nghĩa Yên Bái chỉ là một cuộc bạo động bất đắc dĩ, hăng hái nhất thời và non yếu của bọn tư sản, đồng thời, cậu nói ‘Không thành công thì thành nhân’ của Nguyễn Thái Học chỉ biểu lộ đặc tính thiếu kiên trì của tầng lớp tiểu tư sản trí thức. Nhận định rề rúng ấy chưa phản ánh đúng mức thái độ quyết liệt của đảng Cộng Sản trong thực tế. Họ luôn luôn xem Việt Nam Quốc Dân Đảng là một kẻ thù tiềm ẩn và truyền kiếp. Khi đấu tố cải cách ruộng đất, họ hào phóng chụp chiếc mũ Việt Quốc lên đầu hàng chục ngàn con cháu địa chủ, trong đó có vô số người từng tham gia kháng chiến ở cấp ủy viên chính trị và cấp chỉ huy trưởng quân sự.

Lúc này, viên chính ủy bắt đầu đọc chậm rãi theo nguyên văn ghi trong tờ giấy:

- Đúng theo lệnh tấn công của Ủy ban Trung ương của Đoàn Chủ tịch Mặt trận Giải phóng Miền Nam, tất cả cán bộ và chiến sĩ của Lực lượng Võ trang Giải phóng lúc này hãy tiến lên tấn công thẳng vào các bộ chỉ huy địch, bẻ gãy ý đồ xâm lược của đế quốc Mỹ và đập tan nguy quyền nguy quân bù nhìn, tay sai của Mỹ. Mục tiêu chủ yếu của chúng ta là phục hồi quyền lực cho nhân dân, giải phóng toàn bộ mười bốn triệu nhân dân Miền Nam và hoàn thành nhiệm vụ cách mạng thiết lập nền dân chủ trên cả nước!

Chính ủy ngược lên, mắt lấp lánh nhìn lần lượt từng bộ mặt của hai mươi chiến sĩ đặc công, rồi đọc tiếp:

- Các đồng chí, cuộc Tổng Công Kích Tết Mậu Thân năm 1968 này sẽ là trận chiến vĩ đại nhất trong suốt quá trình lịch sử lâu dài của dân tộc ta. Nó sẽ làm thay đổi toàn bộ thế giới nhưng nó cũng đòi hỏi nhiều hi sinh. Nó sẽ quyết định vận mệnh và sự sống còn của tổ quốc ta và làm rung động thế giới... Đất nước chúng ta có một lịch sử bốn ngàn năm chiến đấu và đánh bại ngoại xâm, đặc biệt những chiến thắng vinh quang như Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa và Điện Biên Phủ. Chúng ta đã đánh bại cái gọi là chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ và chúng ta đang đánh bại cái gọi là chiến tranh giới hạn của bọn chúng. Giờ đây, chúng ta nhất quyết tiến lên đánh bại hoàn toàn bọn xâm lược Mỹ để phục hồi độc lập và tự do trên tổ quốc của chúng ta!

Với ánh mắt mê mẩn, các đặc công quyết tử nhìn viên chính ủy từ cấp trung đoàn được đặc biệt điều xuống để động viên trung đội của họ. Rõ ràng họ bồi hồi xúc động bởi vẻ hùng tráng trong lời đọc đầy ấn tượng của ông ta. Hết thấy họ đều biết rõ rằng ông từng là tự vệ thành Hà Nội chiến đấu chống Pháp suốt cuộc Chiến Tranh Đông Dương Thứ Nhất, từ thuở cách mạng bùng lên rồi kháng chiến trường kỳ, cuối cùng ông bị thương tại Điện Biên Phủ. Bàn tay phải của ông cụt hết ba ngón. Vết thương chiến trận ấy làm chân ông đi khập khểnh. Họ thấy ông cũng bị xúc động trước thời điểm này và ông không che giấu chút nào những giọt lệ long lanh trong mắt.

Ông đọc tiếp, giọng rung rung:

- Các đồng chí thân mến, bọn xâm lược Mỹ biết rõ chúng đang thua. Tiếng gọi xung phong để giành độc lập đang vang lên! Dải Trường Sơn uy hùng và sông Cửu Long vĩ đại đang chuyển mình để tiếp thêm cho chúng ta sức mạnh lớn lao của sông núi! Đêm nay, các đồng chí phải

hành động như những vị anh hùng của Việt Nam. Các đồng chí phải hành động với tinh thần và lòng tự hào của người chiến sĩ chân chính của Quân đội Giải phóng! Các đồng chí phải chiếm lĩnh Đại sứ quán Mỹ! Phải giết sạch bọn chúng ở trong đó! Phải đẩy lùi tất cả các nỗ lực tái chiếm của địch! Các đồng chí phải chiến đấu tới giọt máu cuối cùng — và không bao giờ đầu hàng!

Hạ thấp tờ giấy rồi với hai con mắt rực lửa, ông thêm lần nữa lần lượt nhìn chậm chậm vào mặt từng cảm tử quân:

- Đồng chí ạ, chiến thắng cuối cùng nhất định sẽ về ta!

Hai mươi đặc công đồng lòng như một, cùng nhau lặp lại lời thúc quân tới hậu ấy với giọng thì thào khản đặc: “Chiến thắng cuối cùng nhất định sẽ về ta!” Họ vừa hô vừa cung tay đưa lên cao quá đầu mình. Viên chính ủy đứng nhìn hết người này tới người nọ thêm ba mươi giây nữa rồi trở gót, chuôi người thật êm và thật nhẹ ra khỏi ga-ra.

Lập tức cậu thiếu niên Kiệt cùng mười chín đồng đội bắt đầu xúc gạo ra khỏi thúng, lấy hết cà chua ra khỏi cần xé, để lộ ra những vũ khí đạn dược đã được lén lút đem vào trung tâm Sài Gòn suốt tuần lễ vừa qua. Sau khi lẹ làng ráp súng, các đặc công chuyển vũ khí, ếm hết sức cẩn thận lên thùng xe Peugeot và cốp của một chiếc xe tắc xi Renault nhỏ, móp méo, sơn màu trắng xanh, đã đậu sẵn ở mé sau ga-ra. Kiệt chạy ra kéo mạnh sợi xích sắt, nâng liếp cửa mở thẳng ra đường. Trong khi xích còn rung lèng xèng, hai chiếc xe đã chạy ra ngoài và Kiệt thả sợi xích, chạy theo nhòai người đu lên xe tải. Mười phút sau khi viên chính ủy đọc xong lệnh ra trận, hai chiếc xe nổ bình bịch, không bật đèn, nối đuôi nhau chạy qua mấy con đường Sài Gòn vắng vẻ, tiến vào mục tiêu.

- 13 -

Trong phòng trực dành cho viên chức CIA trên tầng năm toà nhà sứ quán, Guy Sherman tình cờ bước tới, đứng bên cửa sổ. Dù tầm nhìn bị giới hạn bởi các bưng lá chắn chống hoá tiễn, hắn vẫn chợt thấy thấp thoáng hai chiếc xe hơi không mở đèn, đang nối đuôi nhau chạy về phía nam, theo đường Mạc Đình Chi. Chỉ khoảnh khắc sau, chiếc xe tải loại nhẹ Peugeot và chiếc tắc xi Renault biến khỏi tầm mắt của Guy, lẫn vào bên dưới bờ tường thành cao ba thước bọc quanh khuôn viên Đại sứ quán. Nhưng hiện tượng xe chạy không bật đèn đủ khiến Guy cảm thấy có điều gì không ổn. Chụp khẩu tiểu liên Beretta dành cho sĩ quan trực trên giá súng, Guy chạy tới dãy thang máy giữa tầng năm. Bước vào một hộp thang, hắn bấm nút cho thang tuột xuống đất ngay phía tiền sảnh, nơi phòng đợi trong toà nhà sứ quán.

Trong lúc thang máy chưa xuống tới tiền sảnh và Guy còn trong hộp thang, bốn đặc công cảm tử trong chiếc tắc xi Renault xanh trắng đã kê súng tiểu liên lên thành cửa sổ xe. Họ cùng khai hỏa một lượt vào hai quân cảnh Mỹ đang đứng hai bên cổng hông Đại sứ quán, nơi trạm gác phía đường Mạc Đình Chi. Mấy loạt đạn đó không trúng mục tiêu nhưng làm cả hai lính Mỹ chạy lùi vào bên trong, đóng sập cửa sắt. Kế đó, xe tải và xe tắc xi rẽ phải, quẹo qua đại lộ Thống Nhất, ngay đằng trước cổng chính có cửa sập của Đại sứ quán.

Đang đứng gác chiếu lệ trong các bốt gác nhỏ bằng bê tông, có cửa sổ xây gắn vào tường thành, bốn cảnh sát viên Miền Nam vừa nghe loạt súng đầu tiên đã lật đật chạy tìm chỗ nấp. Thấy vậy, Ngô Văn Kiệt lập tức nhảy xuống đất, ôm theo trước bụng quả bộc phá C-4 nặng bảy ki-lô. Vốn là người chạy lẹ nhất và nhanh tay nhất trong khoá huấn luyện sử dụng chất nổ

nên đêm nay cậu có nhiệm vụ đặt chất nổ phá thùng lỗ đầu tiên nơi tường thành Đại sứ quán, cũng là lỗ quyết định. Kiệt lao mình thẳng tới vị trí đã định, chỉ cách ngả ba Thống Nhất — Mạc Đình Chi mấy thước. Dù hai bàn tay hơi run, Kiệt vẫn gắn gọn gàng ngòi nổ chậm mười giây vào chân tường thành. Xong, cậu vọt lui. Cùng với các đặc công khác, cậu núp mình gọn lỏn ở hông bên kia của xe tải.

Tiếng bộc phá gầm lên rung chuyển toà cao ốc Đại sứ quán. Guy ngã bật người trong hộp thang máy. Khi bụi đất do quả bộc phá bắn tung tóe chưa kịp lắng xuống, trung đội trưởng đặc công đã thối còi và dẫn đầu trung đội chui lẹ qua lỗ thùng cao và rộng chưa tới một thước, sát mặt đất. Cách vòng tường hai chục thước, sau cơn choáng váng do tiếng nổ của quả bộc phá gây ra, hai quân cảnh gác cửa hông toà nhà hồi tỉnh thật lẹ. Chung quanh họ, gạch đá vẫn còn rơi nhưng mỗi người đã kịp nâng khẩu tiểu liên lên, bắn thẳng vào toán du kích Việt Cộng từ lỗ thùng nơi chân tường túa lên. Cả hai thấy có một hai đặc công chới với, ngã gục. Nhưng những đặc công còn lại kịp thời nhào người xuống đất, bắt đầu bắn trả xối xả về hướng hai quân cảnh. Một quân cảnh trúng đạn chết tại chỗ. Người còn lại bò tới máy truyền tin đặt bên trong trạm gác, hét đi hét lại vào máy:

- Chúng tôi! Bọn chúng tôi rồi! Chúng tôi cần yểm trợ!

Nhưng chỉ mấy giây sau, trạm gác bị đạn quật trúng lỗ chỗ. Máy truyền tin câm bật. Đầu và ngực của người quân cảnh sống sót gầm đầy đạn. Toán đặc công C-10 bắt đầu tự do bố trí súng phóng hỏa tiễn B-40 và súng ba-zô-ca bên trong khuôn viên, ngay mặt trước toà nhà sứ quán, để từ cự li gần nhất có thể nhắm thẳng vào các vị trí tấn công trực diện.

Bên trong toà nhà sứ quán, Guy từ hộp thang máy vọt ra phòng đợi nơi tầng trệt. Hắn kịp thời ngó thấy viên trung sĩ Thủy quân Lục chiến phóng mình tới cửa trước đang mở. Phải mất một hai giây, anh ta mới kéo được hai cánh cửa gỗ lim khổng lồ sập vào. Then chưa kịp gài thì hàng loạt đạn tiểu liên khác đã bắn vỡ tung các khung kính nơi mấy cửa sổ kế bên cửa lớn. Người CIA khom mình xuống thật thấp, vừa chạy tới bên viên trung sĩ vừa quật khẩu Beretta thật lẹ qua khung cửa sổ không còn kính rồi hụp đầu xuống phía dưới thành cửa. Guy gào lớn át tiếng đạn bay rào rạt:

- Trung sĩ, mau tới nhà kho lấy vũ khí. Phải làm cho bọn ngoài bãi cỏ kia tưởng trong này có cả một đạo quân!

Viên trung sĩ vừa vọt chạy tới phòng chứa vũ khí, Guy nghe viên hạ sĩ TQLC phụ trách tổng đài của bộ phận gác khản trương điện thoại gọi yểm trợ. Guy biết lúc này, bên trong toà nhà sứ quán đang bị bao vây, ngoài hẳn ra chỉ có hai chục người. Họ gồm có mười hai quân nhân Mỹ, cộng thêm hai TQLC nơi tiền sảnh, một trung sĩ TQLC khác tại bốt gác trên nóc, bốn nhân viên truyền tin và mật mã ở mấy tầng trên và một viên chức trẻ tuổi thuộc ngành ngoại giao đang trực — anh ta mới tới, đang trải qua đêm đầu tiên tại Sài Gòn và lúc này ở trong một văn phòng nơi tầng thứ tư. Để tự vệ, ngoài vũ khí cá nhân của 15 quân nhân, 6 người dân sự còn lại chỉ có vài khẩu súng lục .38, một hai khẩu súng bắn đạn chùm và sáu khẩu tiểu liên Y.

Trên bãi cỏ trước sân toà nhà sứ quán, cậu đặc công thiếu niên Ngô Văn Kiệt đang tiếp tay ngắm khẩu B-40 thứ nhất vừa được kê đúng vị trí. Cửa tiền sảnh tuy đã khép nhưng đèn vẫn sáng bên trên cửa. Kiệt và hai xạ thủ khác quyết định nhắm phát đạn đầu tiên thẳng vào con ó ngay chính giữa bảng Quốc huy Hoa Kỳ gắn trên phiến đá cẩm thạch dày và tròn, lấp lánh một bên cửa. Với cự ly gần, nó là mục tiêu dễ tác xạ. Và cả ba thét lên sung sướng khi trái hỏa

tiền lao mạnh vào đúng tấm bảng, tuy hơi lệch xuống bên phải một chút. Các đặc công khác cũng đã vào vị trí trên bãi cỏ, đằng sau các bồn bê tông tròn và lớn, đường kính hơn bốn thước, cao nửa thước, để trồng hoa hoặc cây kiểng. Ở đó, sau khi bố trí súng B-40 phóng hỏa tiền và ba-zô-ca, họ lần lượt khai hỏa từng khẩu một, nhắm vào mặt tiền toà nhà sứ quán.

Quả B-40 đầu tiên xuyên thủng bức vách gắn bảng quốc huy, chạm trần nhà và phát nổ ngay bên trên trạm gác của TQLC. Mảnh thép hỏa tiễn nóng hơn lửa làm trọng thương viên hạ sĩ đang gọi điện thoại yểm trợ, đồng thời, phá nát dàn máy truyền tin, cắt đứt liên lạc với viên trung sĩ gác trên nóc sân thượng tòa nhà cũng như với các đơn vị TQLC khác ở Sài Gòn.

Đang lom khom bên dưới thành cửa sổ, Guy cũng bị tiếng nổ ấy làm xây xẩm mặt mày, hai tai điếc đặc trong một lúc. Rồi hấn lão đảo đứng lên, nép sát vách, lùi dần. Guy chưa lùi được mấy thước, quả hỏa tiễn thứ hai xuyên thủng cánh cửa gỗ lim, chạm trúng bức vách sau của toà nhà sứ quán, nổ nghe thủng tai lủng óc. Vài giây sau, quả thứ ba phát nổ, bắn trúng mé cao trên bức vách, và Guy nhào người thật lẹ xuống sàn nhà đằng sau chiếc cột ở cuối khách sảnh.

Phía sau bàn trực gác, viên trung sĩ TQLC vừa từ kho vũ khí trở về với hai tay ôm một bó súng ống, đang cố cấp cứu viên hạ sĩ bị trọng thương. Thấy vậy, Guy chạy tới một bên. Hướng mặt về phía hai cánh cửa lim tan nát, hấn nâng khẩu Beretta chia ra khung cửa và chờ đợi, tin chắc rằng ngay sau màn hỏa lực B-40, sẽ tới một đợt xung phong của đối phương vào toà nhà sứ quán.

Trong khi viên chức CIA Guy Sherman đang quì ghìem súng canh chừng khung cửa, chờ xảy tới một sự việc tồi tệ nhất, thì khắp Sài Gòn, tin tức Việt Cộng tấn công và chiếm được mảnh đất thuộc khu vực chủ quyền quốc gia của Hoa Kỳ tại tâm điểm đô thành làm choáng váng các chỉ huy trưởng quân đội và các nhà ngoại giao Mỹ ngay trên giường ngủ của họ. Cũng thế, trong khi mắt họ ngái ngủ chân cạp rạp bước xuống giường, qua điện thoại và máy truyền tin, những báo cáo khác bắt đầu truyền về dồn dập, cho biết các cuộc tấn công bất ngờ và có phối hợp đã được phóng ra cùng một lúc trên tất cả các thành phố lớn vào giữa đêm 30 tháng Giêng năm 1968. Và Nam Việt Nam bỗng chốc rực cháy suốt từ đầu này tới đầu kia lãnh thổ.

Ký giả nước ngoài của các hãng thông tấn, báo chí và truyền hình cũng bị choáng váng. Trong khi loạng choạng bước khỏi giường ngủ, họ bỗng nhận ra rằng cuộc xung đột cút bắt “lùng và diệt” mới đây còn khiến họ buột lòng phải chạy tìm đi nó ở chốn rừng sâu núi thẳm, lúc này hiện ra ngay trên ngưỡng cửa nhà họ. Hết người này tới người nọ lần lượt phát hiện rằng chỉ cách khách sạn hoặc nhà ở của mình vài khu phố, vừa khởi sự một trận quyết đấu gay cấn nhất trong toàn bộ cuộc chiến. Rồi từng phút từng phút trôi qua, họ bắt đầu hiểu ra rằng từ lúc khởi sự cuộc chiến tới nay, đây là trận đụng độ đầu tiên giúp họ có thể làm cho dân chúng ở ngay tại Hoa Kỳ hoặc ngay tại quê nhà xa xôi của họ lãnh hội nhanh chóng và thấu đáo về chiến tranh Việt Nam.

Các phóng viên lao mình tới những khu vực giao tranh để được chứng kiến tận mắt. Họ điện thoại và hỏi chuyện với những người Mỹ đang ngơ ngác trong mấy tầng trên của toà nhà sứ quán Hoa Kỳ bị vây hãm. Suốt cả đêm, họ tới tập đánh điện tín, gọi điện thoại và gửi các bản tin viễn ký về trận đánh đang xảy ra, cho New York, Luân Đôn, Paris... và từ những nơi đó, chúng được truyền qua hàng chục ngàn đài phát thanh, trạm truyền hình và báo chí trên khắp quả đất. Và thế giới hồi hộp theo dõi, lắng nghe, đọc kỹ lưỡng những sự kiện mới nhất trong cuộc xung đột không cân sức tại Việt Nam, giữa con cháu Á Đông với chiếc xe tăng

không lồ của chú Sam. Người ta hầu như không tin nổi rằng một nhóm nhỏ du kích quân Cộng Sản đã chiếm được cái bản doanh biểu tượng cho một quốc gia có quân lực hùng mạnh nhất thế giới, và hiện đang đủ khả năng đẩy lùi mọi nỗ lực tái chiếm bản doanh đó.

Tại tiền sảnh của toà nhà sứ quán, bất chấp sự khắc khoải trông ngóng từng giây từng phút của viên trung sĩ TQLC không bị thương lẫn Guy, đợt xung phong tối hậu của đối phương vẫn không xảy tới. Cả hai đều không biết rằng ngay trong mấy giây đầu tiên của cuộc đột nhập, khi toán đặc công vừa chui qua lỗ thủng nơi chân tường thành, họ đã mất người chỉ huy. Anh ta bị một trong hai quân cảnh gác cổng giết lúc hai bên mới bắt đầu trao đổi hỏa lực. Kết quả toán đặc công mất thủ trưởng cứ loay hoay chúm mình, dùng các bồn hoa làm ụ che chắn, không ai có quyết định dứt khoát. Họ tạm thời bằng lòng với việc bắn từng chập B-40, từng tràng súng máy vào toà nhà sứ quán, vào bất cứ người Mỹ nào xuất hiện trên các mái nhà nơi mấy đường phố chung quanh. Kế đó, họ bước vào bên trong các bồn hoa, nằm ép mình theo mép vành bê-tông và tiếp tục bắn phá.

Một đơn vị quân cảnh Mỹ được phái tới bên ngoài để xông vào giải vây. Họ thấy hai cổng trước vẫn khoá chặt và trong khi cố mở cánh cổng bên hông, họ bị hỏa lực của đặc công bắn ra đẩy lùi. Viên sĩ quan chỉ huy quyết định không nên liều tính mạng của binh sĩ bằng cách leo qua tường thành để tấn công trong đêm tối. Hơn nữa, họ cũng không trông thấy cái lỗ sát mặt đất vốn bị đặc công Việt Cộng dùng chất nổ phá thủng trước đây. Vì vậy, cũng giống các nhà chỉ huy quân sự Mỹ khác, suốt đêm họ cứ thắc mắc hoài làm thế nào Việt Cộng lại tràn được vào khuôn viên Đại sứ quán với đầy đủ khí giới rồi khoá chặt cả hai cánh cổng lại đằng sau.

Trong bóng đêm tiếp tục dày đặc, trận đánh càng lúc càng thêm hoang mang. Sau khi quyết định cứ chờ bên ngoài cho tới lúc trời sáng, người ta bố trí lính Mỹ hàng hàng lớp lớp trên các mái nhà chung quanh Đại sứ quán. Dưới ánh sáng hoả châu, lính Mỹ nổ súng ào ạt xuống các đặc công, không cho địch ngóc đầu lên, để địch không thể xung phong vào toà nhà sứ quán. Người ta gọi trực thăng tới nhưng không thể đáp xuống nóc tòa nhà sứ quán vì hỏa lực Việt Cộng từ bên dưới các bồn hoa bê tông bắn lên.

Vì các thiết bị truyền tin tại trạm gác của TQLC nơi tiền sảnh đã bị phát B-40 đầu tiên phá nát nên những người Mỹ mắc kẹt nơi mấy tầng trên trong toà nhà cũng không biết bên dưới đang xảy ra chuyện gì. Suốt đêm, họ ngồi chờ giây phút cửa phòng của mình bị đập tung và đặc công Việt Cộng ào vào tàn sát họ. Viên chức ngoại giao cầm khẩu súng lục .38, rút vào phòng mật mã, nơi có thể liên lạc trực tiếp và nói chuyện với cấp trên ở Bộ Ngoại giao tại thủ đô Washington. Và cho tới lúc đó, anh ta cứ tự hỏi phải chăng cuộc đời mình tới đây là bế mạc.

Sau khi lom khom nơi cửa trước suốt cả tiếng đồng hồ để chờ đẩy lui một đợt xung phong không bao giờ xảy tới, Guy rời tiền sảnh, lật đặt quay lại văn phòng trực trên tầng năm. Hắn ngồi yên, lắng nghe tin tức thế giới qua các đài phát thanh BBC và VOA. Kế đó bỏ ra gần một giờ, hắn dùng điện thoại liên lạc các nơi và ráp nối thành một bản lượng giá chính xác sức mạnh của lực lượng đặc công. “Lầu Năm Góc Phương Đông” tức Bộ tư lệnh Tân Sơn Nhứt của tướng Westmoreland cũng đang bị bốn tiểu đoàn Việt Cộng tấn công. Một sĩ quan quân báo cao cấp tại đó nói với Guy rằng theo quan sát từ các mái nhà ở hai bên đại lộ Thống Nhất, người ta thấy có khoảng mười hoặc mười hai thi thể Việt Cộng nằm rải rác quanh các bồn hoa. Ngoài ra còn đếm được khoảng năm sáu đặc công di chuyển thoăn thoắt giữa các bồn hoa bê tông và đang bắn trả.

- Đường như những gã sông sót ấy quyết định chống cự tới giọt máu cuối cùng. Nhưng chúng tôi đoán quân số tham gia cuộc tấn công chỉ khoảng một trung đội. So với những gì đang diễn ra tại Huế, Đà Nẵng và khắp các địa điểm khốn nạn khác thì chuyện xảy ra ở Tòa Đại sứ chỉ là một trận đánh chẳng có gì đáng kể!

Guy nôn nóng đáp lại:

- Được thôi! Nhưng nói cho tôi biết lý do khốn kiếp nào khiến các ông không phái ai tới đây để dọn sạch bọn chúng. Việt Cộng càng bám chặt khu vực chủ quyền này của chúng ta lâu chừng nào thì chúng càng bắn bừa bãi tùm lum lên báo chí quốc tế nhiều chừng ấy.

Viên sĩ quan quân báo nói, giọng đều đều:

- Các cấp chỉ huy của chúng tôi đã quyết định rằng không liều tính mạng của lính trước khi trời sáng. Thế thôi. Cho tới lúc đó, không bàn thảo gì nữa về vấn đề này.

Guy nổi cáu:

- Trời đất ơi, thế thì trễ mất! Tôi vừa nghe tin tức qua các đài phát thanh — khắp thế giới người ta bảo rằng bọn Việt Cộng đang làm mưa làm gió, chạy tứ lung tung trong cái Tòa Đại sứ khốn nạn này mà chúng ta không trực nổi chúng ra! Có phải chúng ta cứ ngồi yên, để mặc bọn chúng tha hồ kiểm điểm bằng cái phép thắng lợi tuyên truyền này?

Viên sĩ quan quân báo nói hờ hững:

- Tôi sẽ cố liên lạc với người nào đó để điều chỉnh lại cái ấn tượng sai lạc ấy của các hãng thông tấn. Tin tôi đi. Ở đây chúng tôi có toàn bộ hình ảnh hơn ông. Ông chỉ việc ngồi yên thôi. Mọi sự rồi sẽ ổn thoả đâu vào đó.

- Khốn nạn, chỉ cần vài TQLC có quyết tâm là trong mấy phút thôi, có thể quét sạch bọn chúng...

Guy giận dữ hét lớn nhưng đường dây đã tắt. Hắn chửi thề, dần mạnh ông nói. Khi bước tới bên khung cửa sổ, nhìn ra, hắn thấy dưới ánh sáng hoả châu lâu lâu lại loé lên, mấy gã đặc công trong các bồn hoa vẫn tiếp tục trao đổi hỏa lực với lính Mỹ trên các mái nhà chung quanh; ròi ròi rạc rạc bằng vũ khí cá nhân. Hắn đứng nhìn suốt nửa giờ, ruột càng lúc càng nóng, rồi lật đật trở xuống tiền sảnh.

Ở đó, Guy thấy viên hạ sĩ đã được đặt nằm yên trên băng-ca. Bảng điện thoại ở tầng trên, viên trung sĩ TQLC đang cố sắp xếp để tải thương anh ta qua ngã nóc toà nhà ngay khi trực thăng có thể đáp xuống. Nhìn đồng hồ thấy gần năm giờ sáng và bất chợt có một quyết định, Guy cầm lên khẩu súng bắn đạn chùm 12 li của viên trung sĩ rồi bốc một nắm đạn dòn chặt cứng túi quần. Tay kia vẫn cầm khẩu tiểu liên Beretta, hắn khom người thật thấp, lúi tới cửa trước, nhìn ra ngoài qua khung cửa sổ vỡ nát.

Guy bỏ ra vài phút để ghi nhận vị trí của các đặc công Việt Cộng còn lại. Kế đó, hắn vội vã bước về hướng có một trong những cửa nhỏ hơn, trở ra mặt sau toà nhà sứ quán.

Khi Guy đi ngang bàn trực, viên trung sĩ gọi hắn với giọng quan tâm:

- Ông tính chuyện gì vậy? Có cần tôi tiếp một tay không?

- Không, trung sĩ ở yên đó.

Guy vừa lắc đầu vừa nói ra câu ấy rồi cười rầu rĩ:

- Tôi chỉ muốn thử nghiệm một trong những lý thuyết của bố tôi trước đây về ý chí và quyết tâm chiến thắng.

- 14 -

Từ mặt sau toà nhà sứ quán, Guy nhích từng chút một, nhô mình ra khỏi chỗ che chắn. Hắn mọp người sát đất, chống hai cùi chỏ trườn tới. Giữ khẩu súng bắn đạn rìa và khẩu Beretta ngay trước mặt, cứ tiến được vài thước, hắn dừng lại nghỉ. Nhắm một bồn hoa bê tông gần toà nhà nơi lúc này, dưới ánh sáng hoả châu, Guy ngó xuống thấy ở đó có hai gã đặc công nằm sóng soài trên cỏ, hình như đã chết. Hắn đoán rằng mấy tên địch sống sót có thể vẫn cố thủ bên trong hai bồn bê tông cách hắn khoảng ba chục thước, và ở chốt chiếm giữ đó, chúng rất khó bị bắn trúng.

Trước khi rời toà nhà sứ quán, Guy gọi cú điện thoại sau cùng cho viên sĩ quan quân báo ở “Lầu Năm Góc Phương Đông”, yêu cầu anh ta ra lệnh các lực lượng bên ngoài Đại sứ quán ngưng phóng trái sáng lên phía trên khuôn viên Đại sứ quán, vì Guy biết chắc chắn mình sẽ không còn mạng nếu để đối phương thấy ra mình tại khoảng đất trống.

Dựa vào kết quả xem xét tình hình từ khung cửa sổ vỡ nát nơi toà nhà sứ quán, Guy tin rằng chỉ còn sống sót nhiều nhất năm đặc công Việt Cộng. Và dường như chúng đang tập trung quanh các bồn hoa nằm dọc hai bên lối đi dẫn vào cửa chính phía mặt tiền toà nhà. Trong bóng tối trước lúc trời chưa rạng sáng, Guy không thể thấy rõ các đặc công nhưng khi âm thầm trườn mình qua bãi cỏ, trong khoảnh khắc im ắng giữa các loạt súng nổ, một đôi lần hắn nghe có tiếng nói thì thầm suýt soát của đối phương.

Khi tới được một bồn bê tông lớn nơi Guy dự tính dùng làm ụ che chắn cho mình, hắn thấy tại đó có hai gã du kích. Một đã chết còn một đang nằm lịm trong vũng máu, thở thoi thóp và hoàn toàn bất tỉnh. Trong vài phút, Guy ngừng trườn, nằm thật yên bên cạnh họ, lấy lại hơi thở. Kế đó, Guy ngóc đầu lên nhìn tới bồn hoa kế tiếp. Vừa rồi, quan sát từ khung cửa sổ toà nhà sứ quán, hắn đã thấy hai gã bên trong bồn hoa đó cứ vài phút lại ngóc đầu lên trên thành bồn để bắn về phía mái nhà bên kia đường Thống Nhất. Đoán thế nào chúng cũng sẽ lặp lại động tác ấy, Guy nâng khẩu Beretta lên, nhắm thẳng hướng đối phương, chờ đợi.

Khắp khuôn viên bỗng im lặng hẳn. Vài phút trôi qua không một ai động dậy. Miệng Guy khô. Hắn thấy lòng lâng lâng kích động với cảm giác nôn nao hồi hộp trước đây hắn từng nếm trải khi đi săn trong rừng núi Đông Virginia vào những sáng mùa thu lúc trời còn tờ mờ.

Trong khi thu mình nhìn chăm chú vào một điểm trên mép bồn hoa, chỗ hắn kỳ vọng con mồi sẽ ngóc đầu lên, Guy chợt nghĩ rằng cảm giác này có lẽ không phải được truyền lại từ thượng nghị sĩ Nathaniel Sherman. Nó chắc hẳn là di sản thừa kế của một người Pháp hướng dẫn săn bắn hắn không biết mặt nhưng, theo lời kể của Joseph, là kẻ lão luyện, từng rượt theo cọp và voi trong rừng sâu của xứ Việt Nam thời thuộc địa. Cũng trong khoảnh khắc ấy, Guy nhớ lại câu chuyện người cha ruột của mình bị những người Việt Nam theo chủ nghĩa Cộng

Sân ám sát. Và như thế, hắn thấy lòng hào hứng cực độ với niềm xác tín ngất ngây rằng, đối với hắn, việc săn lùng và bắn gục những kẻ đột nhập Đại sứ quán đêm nay hắn là một hành động trả mỗi hận thù riêng tư và truyền kiếp.

Vào lúc ấy, bên trong bồn bê tông cách Guy ba chục thước, cậu thiếu niên đặc công Ngô Văn Kiệt nạp vào nòng khẩu tiểu liên xung kích AK-47 một băng đạn còn đầy và cuối cùng, rồi trao súng cho người đồng đội lớn tuổi đang nằm bên cạnh. Anh ta vừa bắn xong băng đạn chót. Chung quanh hai người rải rác vỏ đạn đồng. Tay đặc công ấy nhìn Kiệt, nường mày lên thắc mắc. Kiệt nói nhẹ nhàng:

- Đồng chí cầm lấy súng của em. Anh bắn giỏi hơn em nhiều.

Nói xong, cậu nghiêng người qua một bên, chỉ vào hai quả lựu đạn miếng đeo nơi thắt lưng:

- Em còn cái này. Em thạo ba cái thứ nổ to và dữ dằn này hơn.

Người đồng đội của Kiệt lại ngó cậu, mắt chớp nháy cảnh giác. Lời động viên và căn dặn của viên chính ủy trong ga-ra sửa xe chợt vang lên trở lại trong tâm trí anh, cực kỳ sống động: *“Các đồng chí phải hành động như những vị anh hùng của Việt Nam. Các đồng chí phải hành động với tinh thần và lòng tự hào của người chiến sĩ chân chính của Quân đội Giải phóng! Các đồng chí phải chiến đấu tới giọt máu cuối cùng — và không bao giờ đầu hàng!”* Anh tự hỏi, như vậy phải chăng tới giờ cuối, Kiệt sẽ dùng lựu đạn cho nổ banh xác cả hai anh em vì tình thế không còn hy vọng và cả hai sắp hết đạn?

Cảm giác được nỗi sợ hãi cam lạng đằng sau vẻ mặt của đồng chí mình, Kiệt lắc đầu:

- Anh đừng lo — em chỉ dùng chúng để giết bọn đế quốc Mỹ. Em chỉ giết đứa nào dám tính tới chuyện bắt chúng ta làm tù binh.

Bên kia đường bắn sang một loạt đạn thăm dò thật dài. Thêm lần nữa, đạn cào một lần ngang lăm chằm lăm văng tung tóe hạt bê tông trên thành bồn hoa. Kiệt cảm thấy người đồng chí bên cạnh bỗng cứng người. Anh ta nhìn xuyên lên trời đêm tối đen, cố tìm dấu vết xạ thủ Mỹ nơi mái nhà trong bóng tối bên trên họ. Ngay khi dứt loạt đạn của địch, anh rướn người, tì cùi chỏ lên mép bồn hoa, bắn trả ba phát thật lẹ về phía mới lóe sáng.

Từ chỗ núp cách đó ba mươi thước, Guy siết cò súng Beretta ngay khi vừa thấy đầu và vai đối phương nhô lên trên mép bồn bê tông. Khẩu súng rung lên trong tay khi hắn kèm loạt đạn, quét trúng đầu và ngực người Việt Nam, giết chết tươi anh ta. Trong một hai giây, tiếng đạn cắm vào da thịt con người ngay bên cạnh làm Kiệt choáng váng. Nhưng khi nghe có tiếng chân chạy qua bãi cỏ hướng về phía mình, cậu nghiêng người sang một bên, rút quả lựu đạn miếng khỏi thắt lưng. Kiệt kéo khuy nhưng chưa ném. Lắng nghe tiếng chân của Guy, cậu buông chót và bắt đầu đếm ngược trở lại bốn giây, rút ngắn khoảng thời gian nổ của quả lựu đạn khi rời khỏi bàn tay cậu.

Trong ánh sáng lờ mờ của bình minh đang tới, Guy thấy Kiệt vịn người vào tư thế ném lựu đạn. Hắn bắt đầu vừa bắn vừa chạy. Cậu thiếu niên đặc công liều mạng ngóc đầu ngó ra trong khi đạn cắm vào thành bê tông bên ngoài kêu loảng xoảng. Khi Guy chỉ còn cách mấy bước, Kiệt vịn cổ tay tung quả lựu đạn qua thành bồn.

Người CIA điên tiết, há miệng thét lớn, nhào tới, nhảy lên thành bồn đúng lúc quả lựu đạn bay cầu vòng rớt xuống bãi cỏ. Kiệt ngồi dậy và lùi lại, hoảng kinh khi thấy hình dáng lò mờ của người Mỹ vụt hiện ra ngay trên đầu mình. Cậu bật ngựa người đúng lúc đạn từ khẩu Beretta bay ra, ghim đầy ngực. Cũng gần như ngay trong tích tắc đó, quả lựu đạn phát nổ, điếc tai. Những mảnh kim loại lổm chổm, nóng bỏng và đầy chết chóc của nó đâm thủng háng Guy, xuyên thẳng vào bụng hắn. Trong một thoáng, Guy đứng chới vơi trên mép bồn hoa, thét lên đau đớn. Rồi thân thể của người Mỹ đổ nhào tới trước, hai tay dang ra bên trên thi thể của cậu bé Việt Nam, và nằm bất động.

Khi trời sáng hẳn, những người Mỹ bên ngoài Đại sứ quán dần dần thấy rõ trung đội đặc công Việt Cộng đã kiệt quệ. Sau khi phát hiện lỗ thủng nơi chân tường thành, một chiếc xe díp của quân cảnh húc vào cổng trước bị khoá chặt đồng thời lính Sư đoàn 101 Không kỵ bắt đầu đổ bộ bằng trực thăng xuống nóc toà nhà sứ quán. Lính nhảy dù chạy rầm rập khắp sáu tầng lầu toà nhà, tay vung vẩy súng tiểu liên, lựu đạn và dao găm, hi vọng tìm ra vài tên Việt Cộng bên trong toà nhà. Nhưng họ hết sức ngạc nhiên khi thấy chỉ có một nhóm nhỏ người Mỹ mặt tái xanh, run rẩy lộ mình ra khỏi chỗ nấp.

Cuộc đụng độ vẫn tiếp tục đôi chút trong và chung quanh khu vực sát các căn nhà nhỏ khác bên trong khuôn viên vì có vài đặc công Việt Cộng sống sót quyết chống cự tới giọt máu cuối cùng. Rồi sau cùng, trước chín giờ sáng, Đại sứ quán trở lại tình trạng an ninh khi tướng Westmoreland đến thanh tra hiện trường.

Cộng Sản chiếm được khuôn viên Đại sứ quán Hoa Kỳ trong sáu tiếng rưỡi đồng hồ — một cuộc chiếm cứ tương đối ngắn ngủi nhưng làm người Mỹ choáng váng sâu xa. Trong số hai mươi Việt Cộng đột nhập, chỉ có hai người sống sót, bị thương và bị bắt. Mười chín thi thể khác được tìm thấy nằm rải rác khắp khuôn viên giữa gạch đá đổ nát văng ra từ mặt tiền của toà nhà bị trúng mấy quả B-40. Trong số tử thi có mấy tài xế của Đại sứ quán, những kẻ có thể là Việt Cộng cũng có thể không. Thậm chí các ký giả dày dạn kinh nghiệm cũng phải kinh hãi trước quang cảnh tàn sát và hủy hoại khi họ được phép vào để phỏng vấn tướng Westmoreland về trận đánh Đại sứ quán Mỹ và về cuộc tổng công kích của Cộng Sản lúc đó đang nổ ra trên khắp thành thị Miền Nam.

Người CIA Guy Sherman và cậu thiếu niên Ngô Văn Kiệt được tìm thấy cùng nằm chết với nhau. Thi thể của cả hai quấn vào nhau trong khoảnh khắc lìa đời. Khi người ta kéo riêng họ ra, quần áo người này thấm máu người kia. Và không ai để ý rằng dải băng cở bên dưới lớp áo nâu quần vàng đầm máu của Kiệt nguyên thủy có sọc màu vàng.

Y hệt bản thân của hai kẻ đã chết ấy, các ký giả đang quan sát cũng như các TQLC mặt mày ảm đạm phụ trách việc tách rời hai thi thể của Guy và Kiệt, không một ai biết rằng cái chết của cả hai đã đưa tới một chung cuộc cho những hận thù cá nhân phức tạp và chẳng chịt, có hệ lụy từ hơn bốn chục năm về trước nơi một trại săn từng được dựng lên trong rừng thẳm Nam kỳ phía bắc Sài Gòn thời thuộc địa.

Có giọng nói nghe rất khê và lúng búng, bằng tiếng Việt, làm Joseph giật mình. Anh mở mắt, thấy một bé gái khoảng mười tuổi đang ngồi chồm hổm mé dưới chân mình. Con bé mặc áo cánh cổ kiềng màu xám, quần dài nâu may bằng vải rẻ tiền, đi chân trần và đang hình mũi, nhú đôi lông mày dọ hỏi. Khi ấy, Joseph mới nhận ra mình vừa rên lên đau đớn lúc trở người trong lòng đồ. Con đồ đóng đưa nhẹ nhẹ theo chuyển động của mặt nước sông Hương nhưng hai lớp chiếu cói lót dưới lưng chỉ làm bớt phần nào cảm giác khó chịu vì anh nằm ngửa, lưng đè sát mặt ván thô nhám sần sùi.

- Không, chỉ đau chút chút thôi.

Joseph vừa nói vừa há miệng hớp không khí, hít vào thở ra khò khè, nặng nhọc. Miếng băng cột xéo ở mé bên trên lồng ngực chỗ vàng khè, chỗ đỏ bầm, đầy máu khô, cứng trũng. Khó khăn lắm anh mới có thể nhấc lên cánh tay phải đang tê dại. Viên đạn trúng ngay chính giữa giữa hai chiếc xương sườn trên cùng, ngay phía dưới xương đòn gánh bên phải và phạm vào phổi. Nhưng qua vết thương dưới nách, anh đoán đầu đạn xuyên suốt người, bay thẳng ra ngoài. Lá phổi bên phải của Joseph bị phá rách. Và sau năm ngày đêm, lúc này anh đã quen dần với việc thở từng hơi ngắn thích ứng với khả năng của lá phổi còn lại.

- Có phải ông sắp chết không?

Joseph nhìn vào hai con mắt tròn xoe đầy thắc mắc ấy. Trong lúc con bé đưa mắt nhìn anh hóng câu trả lời, bộ mặt mười tuổi với vẻ thơ dại mộc mạc và nét đẹp chưa thành hình của nó bỗng đầy vẻ nghiêm trọng. Joseph chống một bên sườn, nhòm người lên, nhắm mắt đau đớn:

- Không, ông thấy ông không chết. Mai một ông khoẻ lại. Đến lúc đó, ông sẽ đem cháu với mẹ của cháu với em của cháu tới một nơi không có chút giặc giã nào cả.

- Không có chút giặc giã nào cả?

Bộ mặt thiên thần màu hồng phách ấy cau lại vì hiểu không ra. Xa xa ngoài kia tiếng súng trường cắc bụp và tiếng súng liên thanh lấp lụp bắn liên tục. Thình thoảng tiếng ỳnh ỳnh nghe sâu hơn của đại bác 90 li gắn trên xe tăng và tiếng oành oành của đạn súng cối làm mặt đất rung chuyển, át tiếng nổ của các loại vũ khí nhẹ hơn, nhưng hiếm khi bật hẳn tiếng nổ ròn rã của súng cá nhân.

Mười tiểu đoàn gồm bộ binh, pháo binh và đặc công Cộng Sản tràn vào thị xã Huế trong những giờ đầu ngày 31 tháng Giêng; chỉ nội một hai tiếng đồng hồ đã chiếm được Thành Nội, Gia Hội, khu vực phố xá quanh chợ Đông Ba và các vùng phụ cận dọc mạn nam sông Hương mà chỉ gặp đôi chút kháng cự. Tiểu đoàn I Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ ở Phú Bài, cũng chỉ nội một hai tiếng đồng hồ đã mở được đường tới cơ quan MACV — Military Assistance Command-Vietnam: Bộ Chỉ huy Hỗ trợ Quân sự tại Việt Nam, đóng trụ sở tại khách sạn Thuận Hóa, trong khu vực hữu ngạn sông Hương, đối diện với Kinh Thành. Vài ngày sau, lính Mỹ mới khởi sự đụng độ với Việt Cộng. Nhưng lúc ấy, mọi nỗ lực của lính Mỹ nhằm xông ra quét sạch bệ đội Bắc Việt và cán binh Việt Cộng khỏi các khu vực khác ở mạn nam sông Hương đều gặp kháng cự trên từng bước một.

Phía bờ bên kia, ở khu vực tả ngạn, những binh lính Sư đoàn 1 còn ở lại đơn vị khi Cộng Sản tấn công và đại đội Hắc Báo thiện chiến lúc này cũng ra sức phản công nhưng chưa vượt quá khu vực quanh bộ tư lệnh. Và Cộng Sản đang chiếm Hoàng Thành Đại Nội, dùng các cung điện trong đó làm nơi đặt bộ chỉ huy. Thủy quân Lục chiến Mỹ thận trọng tiến quân trên

đường phố, lom khom bước đằng sau xe tăng theo kiểu đánh thời Thế Chiến Hai. Nhưng dù áp dụng chiến thuật đó, xem ra cũng ít có hiệu quả vì nó lạ lẫm với các binh sĩ đã ngày càng quen thuộc lối chiến đấu trong vùng rừng núi và nông thôn Việt Nam. Vì thế, phải mất hơn bốn ngày, lính Mỹ và lính nhảy dù của QLVNCH mới quét sạch địch ở khu vực Hữu Ngạn.

Súng phóng hỏa tiễn B-40 rất chính xác gây thiệt hại cho xe tăng. Đối phương vốn quen lẫn lút nơi rừng núi nay chứng tỏ tinh thần quyết tử đáng kinh ngạc với trận thế cận chiến từ nhà này sang nhà nọ trong thành phố. Mây thấp và mưa lất phất khiến không thể cung ứng được những phi vụ yểm trợ chiến thuật bay thật sát. Chung quanh vạn đồ lúc nhúc bên bờ bắc của sông Hương, nơi buồng neo con đò có Joseph đang nằm, cuộc đụng độ giành giật khu vực Tả Ngạn đang diễn ra ác liệt và chứng tỏ là một trận đánh gây tổn thất đắt giá cho cả đôi bên.

Joseph nói, giọng rất trầm:

- Ở chỗ này của cháu, kể từ ngày mẹ cháu sinh cháu ra cho tới lúc này, người ta cứ bắn nhau hoài bắn nhau miết. Nhưng ở các chỗ khác thì không chỗ nào giống như chỗ này. Ở các chỗ khác, mấy đứa con nít ngang tuổi của cháu và của em cháu chơi trò chơi cả ngày. Chúng nó đi bơi. Chúng nó đi chỗ này chỗ khác. Cháu có thích chơi trò chơi, thích đi bơi đi chơi không?

Ngó Joseph với vẻ tần ngần, con bé tí chiếc cằm thanh và nhỏ lên hai nắm tay nhỏ xíu, không trả lời. Suốt năm ngày vừa qua, một đôi lần anh thấy nó rụt rè ngó ra, mặt lấp ló bên mép chiếc chiếu cói treo ngăn đôi khoang đò, dưới mui đò lợp bằng lá gồi mỏng mảnh. Thông thường, ngày nào nó cũng theo Tuyết và đứa em trai tên Chương rời đò lúc sáng sớm, cho tới khi trời chạng vạng tối ba mẹ con mới trở về. Tuy vậy, ít nhất có một lần, con bé ở lại nơi ngăn khoang đầu lái đò ở mé gần bờ sông. Và anh nghĩ rằng nó đã leo qua ngòi bên anh khi anh đang nằm ngủ ở ngăn khoang đầu mũi đò nhìn ra giữa sông.

Bộ mặt nhỏ nhắn của con bé thêm lần nữa cau lại, ngỡ ngàng:

- Có thật ông là cha của mẹ con...

- Thật, thật đó.

- Nhưng ông là đế quốc Mỹ... sao mà có thể thiệt được?

- Được chứ. Để mai một ông khỏe ông nói thật rõ cho cháu nghe.

Joseph co rúm người và nhắm mắt lại. Một chút rần sức thôi cũng đủ làm anh mệt lã. Hể hơi nhúc nhích người là anh cảm thấy chóng mặt vì vết thương gây choáng váng và mất nhiều máu. Suốt năm ngày đầu tiên, gần như Joseph chỉ ngủ chập chờn, hôn mê và đóng đưa lui tới trong trạng thái nửa tỉnh nửa mê. Anh chỉ nghe loáng thoáng những tiếng động chiến trận đang diễn ra bên ngoài. Đôi khi anh chợt tỉnh, thấy Tuyết đang quì một bên sàn sóc chỗ bị thương của anh. Và qua lớp băng vải nặng mùi hôi, anh đoán vết thương bắt đầu làm độc.

Mỗi ngày, Tuyết mất nửa giờ tháo băng, rửa vết thương bằng mấy ấm nước đun sôi trên chiếc bếp cồn nhỏ đằng sau khoang đò. Nhưng dù cứ chỉ lúc nào cũng nhẹ nhàng chu đáo, về mặt Tuyết lạnh lẽo như một chiếc mặt nạ vô cảm và cố tình né tránh ánh mắt của cha. Mỗi khi Joseph cố mở miệng gọi chuyện, nàng ra hiệu cho anh im lặng hoặc không chịu trả lời.

Joseph chỉ nhớ lơ mờ bằng cách nào hai cha con tới được con đồ này. Dù bị thương nặng, anh cũng đi trầm trầy trầm trật ra khỏi khu phố nhóp nhép ấy nhờ Tuyết đỡ một bên và cả hai ra tới mé sông mà không bị phát hiện. Họ thấy thêm nhiều bộ đội Bắc Việt vượt sông bằng xuồng nhưng lúc ấy, Joseph cảm thấy kiệt sức và chóng mặt. Hai cha con núp một hồi lâu nơi mé sông rồi sau đó Tuyết dìu cha đi tới một con đồ nào đó nhưng lúc ấy anh hoàn toàn bất tỉnh. Anh tỉnh lại, thấy Tuyết đang tuyệt vọng và tới tấp lên mặt anh. Rồi với sự nâng đỡ của con gái, anh leo lên chiếc đồ mui che kín mít này. Nằm lơ mơ, anh ngó ra sau thấy Tuyết chống sào, rồi chèo đồ thật chậm, đi thật xa, hình như là ra sông Hương. Joseph nhớ lại sau đêm đầu tiên, trong ánh sáng sớm mai, anh mở mắt và thấy Tuyết đang đút cháo gạo nấu thật nhuyễn vào miệng cha.

Khi trí óc đủ tỉnh táo để nhận ra rằng hai cha con đang ở dưới mé nước Phú Văn Lâu, trong khu vực thành phố bị đối phương chiếm đóng, Joseph hỏi Tuyết:

- Liệu người của con có sẽ tìm thấy cha ở đây không? Có phải chúng ta vẫn còn bị nguy hiểm?

Tuyết trả lời cộc lốc:

- Con đồ này có thể miễn khám xét của tư lệnh Lực lượng Vô trang Giải phóng Nhân dân cấp. Người ta biết rất rõ rằng con sống nơi vạn đồ này suốt cả năm nay, kể từ ngày được điều ra Huế.

Trong khi Tuyết nói, Joseph nhìn chăm chú con gái. Mặc dù Tuyết tỏ thái độ bất cần, anh vẫn cảm thấy con gái đang e ngại chiếc đồ có thể bị bất thần khám xét. Anh nói dịu dàng:

- Tuyết ạ, cha rất ân hận. Cha tới tìm con là để cảnh báo cho con — chứ không phải để làm con bị lâm vào một hoàn cảnh nguy hiểm lớn lao hơn.

Lúc đó, Tuyết đột ngột quay lưng lại với anh, chăm chú nhìn miếng băng vải mới thay và chẳng tỏ vẻ có để ý hay không tới lời xin lỗi của cha.

Khi Joseph mở mắt ra lại, con bé vẫn còn đứng yên lặng bên anh và đang ngó anh với hai con mắt tò mò lẫn nghi hoặc. Anh nhìn đồng hồ, kinh ngạc thấy ra mình lại vừa ngủ hơn hai giờ. Qua mui đồ te tua mỏng mảnh, anh có thể thấy bên ngoài trời đã về chiều và hình như lần đầu tiên lắng tiếng đưng độ. Con bé hỏi, giọng nôn nóng, như thể nó chờ đặt câu hỏi đó suốt hai giờ nay:

- Ông tên gì vậy?

- Joseph Sherman.

Con bé lặp lại thành tiếng lơ lơ vài lần cái tên đó với giọng Việt Nam nhỏ nhẹ nghe như hát. Rồi đột nhiên nó ngừng lại:

- Nếu ông là cha của mẹ con thì tức là ông là ông ngoại của con.

Mặt nó trầm trọng như thể đã mất một thời gian suy nghĩ cân nhắc trong đầu óc mình cái triển vọng dễ sợ đó, và Joseph cảm thấy ứa nước mắt. Khi mở nổi miệng, anh dịu dàng gạt đầu và cười với nó. Không cười lại, con bé tiếp tục nhìn anh chăm chú với tia mắt bút rút:

- Nhưng làm chi có chuyện đó— ông là giặc Mỹ mà?

Joseph tiếp tục cười với nó:

- Cắt nghĩa cho cháu hiểu hết chuyện đó thì thiệt là khó. Tên của cháu là gì?

Nó im lặng xem xét bộ mặt của Joseph một hồi lâu, như thể nghi ngại rằng chẳng biết mình có nên tin cậy người Mỹ hay không. Rồi nó hít vào một hơi thở bực bội để tỏ ra cực chẳng đã phải tiết lộ. Nó nói nghiêm trang:

- Con tên là Trinh. Triệu Hồng Trinh.

- Tên của cháu đẹp lắm — nó có nghĩa là “trong sạch lắm và đạo đức lắm”, phải không? Ông dám đánh cá rằng cháu là một thiên thần tí hon đang giả dạng làm người, đúng không?

Trinh bật cười khúc khích và đưa tay lên che miệng nhưng vẫn tiếp tục nhìn Joseph chăm chú. Bên trên các đầu ngón tay, hai mắt con bé long lanh vẻ hờn hờ. Rồi nó cúi mình tới trước, giật giật mấy sợi lông mọc trên bắp tay ông ngoại:

- Tại sao tên đế quốc Mỹ nào cũng lông mọc đầy người như mấy con khỉ?

Về mặt tò mò thơ ngây của con bé làm Joseph bật cười. Và anh chợt nhớ, thật sinh động, tới Lan lúc mười tuổi với con khỉ nhỏ trong hoa viên dinh thống đốc Nam kỳ. Anh thấy sâu trong đôi mắt của Trinh loé lên nét di truyền hao hao. Cảm thấy cổ họng mình se lại, Joseph vẫy tay ra dấu cho con bé tới gần hơn. Nhưng ngay lúc ấy, con đồ tròng trành lắc mạnh hết bên này tới bên kia dưới sức nặng của một người nào đó đang từ trên bờ bước xuống. Trên bộ mặt của Trinh nụ cười tắt ngúm.

Nó chưa kịp rút ra đằng sau, manh chiếu đã bị vén lên một bên và Tuyết xuất hiện. Mặt Tuyết sa sầm khi thấy hai ông cháu với nhau. Nàng cao giọng nói với Trinh bằng tiếng Việt, lú lo và liên thoảng tới độ Joseph không thể nghe ra nàng trách mắng cái gì. Con bé giật nảy mình, lập tức bò ra khỏi ngăn khoang của ông ngoại. Anh nghe Tuyết tiếp tục mắng mỏ con đằng sau manh chiếu ngăn đôi.

Một giờ sau, khi Tuyết mang sang cho Joseph chén cháo buổi tối và cá khô, mặt Tuyết vẫn nặng chình chịch, đầy vẻ khó chịu. Không nói một lời, nàng đặt thức ăn xuống trước mặt cha rồi sấp lưng dợm trở lui ngăn khoang của mình, không xem xét miếng vải băng vết thương như thường lệ. Joseph nghe xa xa tiếng súng lại rộ lên lớp lớp như đang bắt đầu một cuộc đụng độ khác.

Anh nói trầm giọng:

- Tuyết ạ, con chịu khó ở lại nói chuyện với cha một phút thôi. Cha muốn biết những gì đang diễn ra trong thành phố này.

- Bọn lính đế quốc của cha và bọn nguy quân tay sai của chúng đang ra sức đập tan quyền làm chủ của nhân dân — nhưng chắc chắn bọn chúng sẽ không thành công. Cuộc cách mạng tại Huế thế nào cũng tiến đến toàn thắng.

Tuyết nói, vẫn đưa lưng về phía cha. Nhưng Joseph để ý thấy trong lời lẽ của con gái không còn sự tự tin tuyệt đối như trước nữa. Và hai vai Tuyết có vẻ đang chùng xuống vì lo lắng.

- Tuyết ạ, cha có thể hỏi là hằng ngày con đi đâu vậy không?

- Để giúp cách mạng tiến tới. Có nhiều công tác phải thực hiện. Tại các khu vực giải phóng trong thành phố, cán bộ phải đi khắp các đường phố kêu gọi bọn viên chức thối nát của nguy quyền Thiệu Kỳ ra đầu thú. Chúng tôi thành lập nhiều trung tâm cải tạo...

Joseph cố tình ngắt lời con, anh nói:

- Cha thấy hai đứa con của con quanh quẩn thui thủi với nhau. Hôm nay, cha thấy chúng nó có vẻ sợ khi bị con bỏ lại trên đò. Con đừng có quở trách Trinh mà tội nghiệp. Cháu nó chỉ qua đây nói chuyện với ông ngoại để hai ông cháu đỡ buồn thôi..

Tuyết bỏ thật lẹ dọc theo con đò về phía Joseph, mắt rực lửa, giận dữ:

- Đi lên bờ hay ở dưới đò, cái gì tốt hơn nào? Đi hoạt động cho cách mạng như người ta đang trông chờ nơi tôi? Hoặc ở yên một chỗ để người ta phải tới con đò này tìm tôi? Rồi lúc đó người ta phát hiện có cha đang ở đây!

Sự căng thẳng và mệt mỏi trên mặt Tuyết trông rõ từng nét, và Joseph sửng sốt khi thấy con gái sắp trào nước mắt. Anh chợt nhận ra và lần đầu tiên anh hiểu tình thế nghiêm trọng tới lui đều cực khó đang vật vã con gái:

- Tuyết, cha xin lỗi, cha mù mờ quá. Lúc này cha thấy ra là mình làm cho mọi sự hóa ra khó khăn biết mấy. Cha ở lại chỗ này thì rất nguy hiểm cho cha, cho con và cho các con của con.

Nói tới đây, anh đau đớn trở mình, cố nhin đau rán ngồi dậy:

- Cha nghĩ lúc này cha đủ sức rời đò rồi. Tối nay, trong bóng đêm, cha sẽ tìm đường tới phòng tuyến của phe bên kia, chung quanh trụ sở MACV.

- Cha nhắm bơi nổi qua sông không? Có qua được, cha cũng không đi nổi quá vài bước! Với một lá phổi bị liệt, cha chỉ có thể mò từng bước rất chậm. Cha quá yếu vì mất máu — đi chưa tới trăm thước là bị người ta bắt rồi! Cũng không thể dùng thuyền để vượt sông, qua tới khách sạn Thuận Hóa. Quân hai bên đang giữ chặt hai đầu cầu Tràng Tiền, sẵn sàng bắn vào bất cứ thuyền đò nào dám sang sông. Có cắm lá cờ bên nào cũng chết.

Joseph lật chiếc mền đang đắp trên hai chân qua một bên và bóp bóp hai đầu gối:

- Thà như vậy vẫn tốt hơn bị tìm thấy ở đây. Bị người ta bắt thì cũng phải có ngày trao trả tù binh. Cha đi rồi thì con và hai cháu sẽ an toàn trở lại.

Tuyết chụp mền đắp lại lên mình cha rồi bỗng cứng người vì đột nhiên có tiếng nói ở trên bờ. Hai cha con nghe giọng như chim hót của Trinh đang trả lời các câu hỏi của ai đó đang cật vấn với âm thanh léo nhéo trong cổ họng của người Miền Bắc. Qua câu đối đáp của Trinh, thấy rõ là con bé đang run lẩy bẩy.

- Có người nào nữa ở dưới thuyền không đấy?

- Mẹ cháu, em cháu, cháu và...

Trinh bỗng dung ngưng bật. Hai cha con nghe con bé bật khóc. Joseph ghé mắt vào một kẻ nứt nơi bức liếp bằng cốt tre mỏng mảnh, thấy ba cán binh chính qui Bắc Việt. Cả ba đều mặc quần áo bộ đội bằng vải ka-ki nội hóa, chân đi dép râu, đầu đội mũ tai bèo, ba lô trên lưng không cắm lá cây. Người cán binh duy nhất mặc quần dài màu xanh lá cây, có vẻ cấp bậc cao hơn hai người mặc quần cụt màu đen, hung hãn bóp chặt cườm tay của Trinh làm nó sợ hãi rúm người lại:

- Ai nữa? Nào, nói nhanh nào!

Joseph cảm thấy con đồ chao mạnh. Kẻ đó, thấy Tuyết trườn lên bờ sông, chạy tới bên con gái. Nàng cầm trên tay một tờ giấy, chìa ra trước mặt người bộ đội:

- Tôi là Tuyết Lương. Tôi là cán bộ chính trị công tác với Lực lượng Võ trang Giải phóng Nhân dân. Con đồ này của tôi. Đây là giấy miễn khám xét nó, do chính tay tư lệnh của chúng tôi ký.

Người lính Bắc Việt nhìn Tuyết chằm chằm từ trên xuống dưới, mắt gườm gườm. Rồi quay sang đồng đội, anh ta khịt khịt mũi chế nhạo:

- Chúng ta không thể lúc nào cũng cực kỳ tín nhiệm vào trí óc lô-gic của các chị em ta trong nam, có đúng thể không các đồng chí?

Joseph thấy người lính đó lại nhìn Tuyết từ dưới lên trên. Lần này mắt hắn mở lớn, chăm chăm ngắm nghía rồi lấp lánh vẻ dâm dăng:

- Các đồng chí ạ, tôi nghĩ là để đảm bảo, dù sao ta cũng phải kiểm tra triệt để chiếc thuyền này. Các đồng chí có đồng ý không đấy?

Hắn buông cườm tay Trinh, chụp cánh tay Tuyết và bước về phía đuôi thuyền. Tuyết xoay người lại, ưỡn ngực, buộc gã bộ đội phải đứng lại:

- Chờ chút! Con trai tôi đang ngủ. Nó bị lên sởi rất nặng, đang sốt đỏ cả người. Đừng làm nó thức dậy.

Nhìn quá bức liếp, Joseph thấy mặt tên cán binh ấy bùng giận. Kẻ đó, Tuyết rán rặn ra trên môi một nụ cười giả tạo rồi đặt bàn tay lên cánh tay hắn. Nàng hất đầu về chiếc đồ đang đậu kế bên, cũng không một bóng người như tất cả những con đồ khác đang cắm neo dưới bờ vì dân chúng trong đồ đã bỏ trốn lên bờ. Tuyết nói với giọng dẫn dụ:

- Có lẽ anh nên khám xét chiếc đồ đậu kế bên đó. Em sẽ tiếp anh một tay nếu anh thích triệt để — vậy anh để em cho con gái của em xuống đồ đi ngủ nhé!

Nàng vẫy tay cho Trinh bước lẹ xuống chiếc đò của ba mẹ con. Xong, nàng mỉm cười kéo gã bộ đội bước xuống con đò kế bên.

Joseph nghe tiếng chân bé Trinh chạy vội vào khoang đò rồi ngồi xuống kế bên cậu em đang ngủ. Qua bức liếp, anh thấy hai cán binh Bắc Việt kia đi lui đi tới, cười rúc rích. Thỉnh thoảng cả hai đưa mắt nhìn xuống con đò bên cạnh rồi liếc nhau như lé, có vẻ sốt ruột chờ tới lượt mình. Anh đưa tay lên dụi mắt rồi nằm xuống kéo mền lên đắp ngang ngực, mắt nhìn trân trân mũi đò.

Tiếng súng giao tranh lại tắt ngúm, lẹ làng không kém lúc mới cất lên. Mặt sông yên tĩnh trở lại. Joseph cố hết sức bịt hai tai nhưng anh không thể xua đi những âm thanh thoát ra từ con đò kế cận. Trong nhịp đò nhún và kêu nhóp nhép trên mặt nước, anh nghe có tiếng gã bộ đội Bắc Việt cắn nhai, thở hồng hộc. Và đôi ba lần, anh tưởng chừng mình nghe ra tiếng Tuyết bật khóc.

Hơn một giờ sau, khi Tuyết đơn độc trở về con đò của mình, Joseph nghe con gái thầm lặng khóc tẩm tức trên chiếc chiếu cói ở ngăn trước một hồi lâu, trước khi anh tê dại thiếp vào giấc ngủ.

- 16 -

Sáng hôm sau, Joseph thức dậy muộn. Gió mùa đông bắc mang mưa phùn với những giọt nước lạnh lẽo rơi lất phất trên cổ đô đang lâm trận, làm bầu trời dường như ép xuống sát mặt đất hơn bao giờ hết. Nước mưa đọng lại, hơi nước rịn qua mũi đò, đều đặn nhỏ từng giọt lên chiếc mền đắp trên thân anh. Trước khi tỉnh táo hẳn, Joseph thấy mình lơ mơ tự hỏi tại sao trong khi ngủ anh nghe tiếng súng nổ lộp bộp ở một nơi thật xa, tới lúc thức lại nghe như bỗng lan rộng hơn và dày đặc hơn. Nhưng chỉ phút chốc sau, anh nhận ra rằng trận tuyến đang di chuyển về phía vịnh đò đang có anh ẩn núp.

Trong khi nằm nhìn lên mũi đò, Joseph căng hai tai hy vọng rằng bên trên tiếng động chiến tranh đó mình có thể nghe ra tiếng người hoặc tiếng lục đục phía bên kia bức màn chiếu ngăn đôi khoang đò. Nhưng dần dà anh nhận ra rõ ràng là Tuyết và hai cháu ngoại của anh không còn ở bên ngăn đó nữa. Khi Joseph chống cùi chỏ cố ngóc đầu lên nhìn ra ngoài qua khe hở tấm liếp cót, vết thương bị nhiễm độc trên ngực bỗng đau nhói khác thường. Ngửi ra mùi mủ hôi thối quyện với mùi máu tanh tươi trên miếng băng vải anh bắt đầu tự hỏi không biết mình còn có thể sống được bao lâu nếu vẫn tiếp tục không được chữa trị đúng cách như thế này.

Qua kẽ hở nơi tấm liếp, Joseph thấy chốc chốc lại phụt lên đám khói trắng của một quả hỏa tiễn đang nổ. Dọc theo bờ sông, lửa do cuộc pháo kích của trọng pháo Mỹ đêm qua từ hướng bờ biển Thuận An, cách Huế mười cây số, rót vào thành phố, lúc này vẫn cháy âm ỉ làm bốc lên trời một màn khói đen dày đặc. Anh thấy thật rõ tường thành của cố đô với gạch vôi rơi vãi tứ tung. Mặt thành có những vết thẹo lở chỗ vì đạn pháo của Mỹ và Nam Việt Nam nhưng tường thành dày hai chục thước và cao sáu thước vẫn kiên cố. Nó đủ sức che chắn cho những tay bắn tỉa của Bắc quân thỉnh thoảng nổ súng qua gờ thành hoặc qua các lỗ châu mai trên cao.

Một làn gió mạnh thổi xoay dọc con đò, song song với mé nước. Joseph giật bắn người khi nhìn thấy lá cờ utor súng đang treo ử rử trên cột Kỳ đài kiên cố, cao ba ngàn và ba chục thước,

thăng hương cửa Ngọ Môn, là lá cờ hai màu xanh đỏ với ngôi sao vàng ở giữa của Mặt trận Dân tộc Giải phóng. Dù Tuyết có kể cho anh nghe rằng từ một tuần nay, từ bộ chỉ huy đóng trong Tử cấm thành của các hoàng đế nhà Nguyễn, Cộng Sản kiểm soát hầu hết thành phố Huế; lính Thủy quân Lục Chiến của Mỹ và Không lực VNCH không dám dùng phi pháo ào ạt để đánh bật họ ra khỏi nơi mang tính cách biểu tượng đó vì sợ làm tan nát Đại Nội và vài ba cung điện hư hao còn sót lại, nhưng hình ảnh lá cờ và tin tức ấy vẫn làm anh choáng váng.

Joseph cũng thấy ra rằng cầu Tràng Tiền do người Pháp xây lên thuở trước nay chẳng còn đủ mười hai nhịp. Một vài thép khổng lồ bị gãy và rớt chìm xuống lòng sông, do Cộng quân giật sập để chặn đường của liên quân Mỹ-Việt từ mạn nam kéo qua giải phóng khu vực Tả ngạn. Mặc dù vấp phải những trở ngại đó, anh vẫn không hiểu tại sao với ưu thế về hỏa lực, quân đồng minh lúc này không thể tái chiếm Huế thật nhanh vì đây là lần đầu tiên đối phương thực hiện điều từ lâu liên quân Mỹ-Việt vẫn mong muốn họ làm. Đó là hãy ra khỏi những chỗ ẩn núp nơi vùng rừng xanh núi thẳm chập chờn để quần thảo tay đôi giữa chốn đồng bằng trống trải.

Ngày như kéo ra dài dằng dặc. Con đau trong ngực Joseph càng lúc càng nhức nhối thêm lên. Anh chỉ biết nằm trơ trong khoang dò bong bênh, ngủ lơ mơ giữa những khoảnh khắc tạm ngưng tiếng chiến trận. Thỉnh thoảng, qua mũi dò, anh thấy thấp thoáng mấy chiếc mũ tai bèo màu vàng nhạt và ba lô không còn cắm cành lá của bộ đội Bắc Việt. Dường như họ đang cúi đầu chạy vội vã dọc theo bờ sông và Joseph đoán có lẽ họ đang rút về phía tây dòng sông, hướng đối diện với mũi tiến quân của liên quân Mỹ-Việt.

Trong lòng dò vắng lặng, thời gian càng trôi qua Joseph càng tin chắc Tuyết đã bỏ trốn, mang theo hai con. Anh tính chuyện rời con dò nhưng rồi lại quyết định rằng nếu để cho mình kẹt giữa làn đạn của binh lính hai bên thì còn nguy hiểm hơn tiếp tục ở lại trong lòng dò. Khấp mình mẩy Joseph, chỗ nào dường như cũng nhức buốt theo với con đau nơi vết thương làm anh cảm thấy xây xẩm rủ liệt. Trong mụ mẫm ngây dại, anh tự hỏi phải chăng mình đang ở khoảnh khắc lìa đời. Anh cảm thấy mệt mỏi cùng cực. Càng cảm giác một cách chắc chắn rằng Tuyết đã vĩnh viễn bỏ đi, trí óc anh càng thăm thía một tâm trạng chán ngán. Và cứ thế, anh hầu như chẳng còn lo lắng điều gì sẽ xảy tới cho mình nữa.

Tới xế chiều, Joseph lại buồn ngủ. Anh nghĩ mình đang mơ khi có cảm giác con dò tròn trành và nghe thoang thoang tiếng người khe khẽ sụt sắng sau manh chiếu dùng làm màn ngăn. Rồi trong mơ màng, anh nghe tiếng sột soạt của con gái anh chầm bập cón nhỏ, sửa soạn bữa ăn đạm bạc với sự phụ giúp của hai cháu bé. Cũng vẫn những âm thanh ấy, cử chỉ ấy, y hệt những gì ba mẹ con từng làm trong cũi thật suốt bảy đêm vừa qua. Dù có cảm thấy ầm lòng đôi chút nhưng cũng chỉ là mơ thôi. Anh nhủ lòng như vậy rồi lặng yên nhắm mắt, thiu thiu ngủ.

Joseph chỉ mở mắt ra khi Tuyết vạch manh chiếu qua một bên, mang sang cho anh chén cháo đặc và cá khô như thường lệ. Sau khi đặt cháo và cá xuống trước mặt cha, Tuyết lui ra ngay, không nói một tiếng. Nhưng Joseph đã nhòm dậy thật lẹ, chụp cổ tay con gái:

- Tuyết, cha tưởng đêm nay con không trở về đây nữa...

Tuyết quay đầu lại ngó cha, không chống cự. Ngay lúc ấy, Joseph nhận ra vẻ mặt của con gái mình xanh xao, run rẩy. Anh nói tiếp:

- Cha rất mừng khi thấy con trở về vì cha muốn cảm ơn con về việc chiều hôm qua. Cha không có quyền trông mong một chuyện như vậy...

Tiếng nói của Joseph ràn rạn trong cổ họng. Tuyết nhẹ nhàng rút cườm tay ra khỏi tay nắm của cha và ngồi xuống. Trong thế ngồi chồm hổm chụm hai chân, nàng thụt lùi một chút. Hai khuỷu tay Tuyết xoắn vào nhau ôm hai đầu gối, mắt đăm đăm nhìn sàn đồ. Bên ngoài bỗng vang lên tiếng súng bắn trả nhau, nghe gần hơn lúc này.

- Trận tuyến đang tới gần hơn phải không Tuyết? Có phải đó là lý do khiến con lo lắng — có phải vì con sắp mất Huế?

- Lúc này, con chẳng còn lo ai thắng ai thua nữa!

Hai má sần lại, răng cắn răng, Tuyết thì thầm câu nói ấy với vẻ khốc liệt. Tuy vẻ mặt dữ dội nhưng hai con mắt Tuyết đầy ứ nước mắt.

- Tại sao vậy Tuyết?

Tuyết dụi dụi mắt, lắc lắc đầu:

- Con càng ngày càng thấm mệt vì giết chóc và máu đỏ! Lính ngự chiến đấu lì lợm không ngờ. Quân giải phóng bị tổn thất ngoài sức tưởng tượng. Nhất là hôm nay con thấy và nghe nói tới cả trăm người không vũ khí bị tàn sát không chút xót thương. Một số bị bắn vào đầu, một số bị đập tới chết bằng khúc cây, bằng báng súng.

Joseph choáng váng rụng rời. Tuyết vừa nói vừa rung mình rung động, nổi gai ốc khắp hai cánh tay trần:

- Thậm chí, một số còn bị chôn sống!

Joseph chóng mặt, ngó con gái:

- Những người ấy là ai? Ai giết họ?

Giọng Tuyết bỗng cay đắng và tỏ vẻ khinh miệt:

- Các chiến hữu dũng cảm và quý báu của con. Các đồng chí thân thương của con giết họ vì tất cả đã tính sai nước cờ.

- Con có ý nói gì vậy?

- Con không giấu gì cha nữa. Chúng con sai lầm về vấn đề khởi nghĩa. Trước đây, theo dự kiến thì tiếp liền sau cuộc Tổng Công Kích của quân đội giải phóng là lập tức có cuộc Tổng Khởi Nghĩa vĩ đại của toàn thể nhân dân thành thị Miền Nam. Khắp nơi trên Miền Nam, lý ra nhân dân phải tung bừng hoan hỉ kéo nhau ra đường để nghênh đón các lực lượng giải phóng tiến vào thành thị trong chiến thắng — nhưng nhân dân đã không làm như vậy. Nhân dân vẫn giữ thái độ lãnh đạm, xa lánh, thậm chí còn kéo nhau vượt phòng tuyến, chạy về phía lính ngự. Tại Huế cũng vậy. Còn nữa, ngự quân ở đây phản công rất ngoan cố. Bọn Mỹ lại đổi ngay vũ khí hiện đại cho chúng. Lính dù và lính thủy đánh bộ ngự từ Sài Gòn vừa đổ bộ ra Huế. Hai trung đoàn giải phóng quân bị tổn thất nặng nề. Hiện nay bộ chỉ huy mặt trận bị

khoá chặt trong Đại Nội, không rút ra được theo cửa Chánh Tây hoặc cửa Hữu. Bộ đội tiếp ứng trên La Chữ bị phi pháo không bằng đồng Hương Trà nổi. Máu sẽ đổ rất nhiều. Chưa kể những gì còn lại trong Đại Nội, luôn cả điện Thái Hòa cũng sẽ tan tành. Con nghe nói có vài lãnh đạo đang nổi điên. Họ nói trung ương bị trúng kế “điều hổ ly sơn” của Mỹ Thiệu.

Joseph kinh hãi:

- Chẳng lẽ không có phương án hai sao?

Tuyết lắc đầu:

- Hoàn toàn không. Hoàn toàn tin vào Tổng Khởi Nghĩa và tin một trăm phần trăm rằng chính quyền chắc chắn sẽ về tay nhân dân. Vì thế, hàng ngàn cán bộ nằm vùng bao nhiêu năm nay, lúc này hoàn toàn bị lộ diện vì đã ra công khai đề huy động tổng khởi nghĩa và lòng bất ngụy quân ngụy quyền. Không có kế hoạch dự trù cho họ rút theo quân giải phóng nên họ lúc này như cá nằm trên cạn. Cơ sở nội thành xây dựng bằng khổ nhục tù đầy giờ đây không ai giật mà sập. Ngược lại, phía giải phóng đang hạ sát những kẻ bị bắt gồm các lính ngụy, thủ trưởng ngụy quyền, rất đông các công chức cán bộ cấp thấp, các thanh niên trong hạng tuổi quân dịch, các tên cầm đầu đảng phái phản động, các cha cố...

Thình lình có tiếng nổ thật lớn gần con đò, hai cha con chững lại, lắng tai cảnh giác. Tiếng vũ khí cá nhân lác cắc tiếp tục nổ vang nghe lớn hơn. Tiếng khạc đạn ròn rã của tiểu liên xung phong AK-47 do Nga chế tạo tương phản rõ rệt với tiếng lụp bụp nghe âm vang hơn của súng M-16 hoặc AR-15 của Mỹ

- Có lẽ đây là lần duy nhất con nói thật với cha. Con cần có người nghe con nói để nhẹ bụng đôi chút. Công tác của con ở đây là tiếp tay sưu tập danh sách các viên chức ngụy quyền, sĩ quan ngụy quân, lãnh tụ tôn giáo, giáo chức, hội viên hội đồng tỉnh, thị và xã ấp... và những người đại loại như vậy. Trước đây, người ta bảo chúng con rằng sẽ mang những người ấy đi cải tạo, nhưng giờ đây, thực tế đó chỉ là danh sách những kẻ bị tử hình vì họ đều bị Mặt Trận liệt vào thành phần ác ôn. Hôm nay, vì cấp lãnh đạo thấy rằng chúng con sắp bị đánh bật khỏi Huế, công lao xương máu bao nhiêu năm trời nay hóa thành tro thành bụi nên họ uất hận, bắt tay vào chiến dịch giết người tập thể, không một chút xót thương. Chắc chắn sẽ có tới hàng ngàn người bị giết.

Tuyết ngừng nói, rồi giọng lắng xuống thành tiếng thì thầm:

- Các chị em thuộc tổ công tác của con trước khi trốn người mỗi ngả đã kể với con những chuyện không ai tin nổi. Trong số những kẻ bị giết có rất nhiều người nước ngoài — ba bác sĩ người Đức đến dạy thiện nguyện ở đại học y khoa Huế; có một bác sĩ chết chung với bà vợ người Đức. Có một giáo sư bác sĩ còn rất trẻ, cao, tóc vàng giống y như tóc của cha. Họ trối quật tay anh ta ra sau, đẩy anh ta quì xuống sát một bên lỗ huyết. Rồi họ bắn vô gáy anh ta. Họ chôn anh ta trong khi người anh ta vẫn còn nhúc nhích. Còn có hai người Mỹ, một giáo sư đại học người Pháp bị giết vì làm là Mỹ. Rồi còn hai linh mục Pháp và một số người Phi luật tân...

Tuyết ôm đầu, mắt đăm đăm nhìn manh chiếu cỏi:

- Tại sao ra nông nỗi này. Sinh viên thoát ly quay về giết sinh viên nội thành. Bạn học cũ theo cách mạng tìm giết bạn học cũ về phép ăn tết. Người ta lập tòa án nhân dân trong trường học,

trong chũng viện, xử qua loa các thành phần bị liệt kê là ác ôn hoặc phản động, rồi chôn sống, rồi đập đầu... Rồi nã đạn pháo lung tung vào khu vực dân chúng ở bên kia phòng tuyến. Gần như chỗ nào cũng có xác chết. Heo sỏ chuồng đi lang thang khắp nơi, dân chúng sợ nó gặm xác người, không dám bắt làm thịt. Người ta còn lừa hàng ngàn người xuống Phú Vang, lên Nam Đông. Để làm gì chớ. Để cho phi pháo của Mỹ rớt theo bắn ư? Để chết dần chết mòn với nhau sao?

Nước mắt bắt đầu nhỏ xuống má từng giọt, Tuyết nhắm mắt lại. Nàng ngồi như thế hồi lâu. Các ngón tay run rẩy hết co vào lại duỗi ra cuốn lấy nhau, mỗi lúc một rối loạn. Càng nghe Tuyết nói Joseph càng thất kinh, lặng người. Sau cùng, cúi mình tới phía con gái, anh cầm tay Tuyết nài nỉ:

- Tuyết ạ, con hãy để cha mang cả ba mẹ con qua Mỹ. Con trả thù chồng như thế đủ rồi. Có thêm nữa thì chỉ tự làm tan nát đời con và tương lai của hai cháu thôi. Con vẫn có thể để mọi sự đó ở lại đây, ở lại đằng sau con. Còn kịp mà con.

Vẫn nhắm mắt, Tuyết lắc đầu thật lẹ:

- Không thể được!

- Tuyết ạ, nếu con tha thiết muốn việc đó thì không có gì là không thể được. Nếu con đủ lòng tin vào việc đó thì nó trở thành có thể được. Con còn có cha đây. Cứ để cho cha lo. Cha muốn đem con đi khỏi Việt Nam còn hơn muốn mọi sự khác trên đời.

Tuyết lại lắc đầu, hít vào thật sâu rồi chậm chậm nhắm mắt và thở ra nhẹ nhẹ. Lát sau, nàng mở mắt, thấy cha đang nhìn mình đau đáu. Mím chặt đôi môi run rẩy, Tuyết cố lấy lại bình tĩnh:

- Con cũng đã làm nhiều điều ghê gớm. Vâng, ở Sài Gòn con đã ném lựu đạn giết những kẻ tra khảo chồng của con, chẳng biết cha có nghe người ta nói tới chuyện đó không. Và con không ân hận nếu phải hành động như vậy thêm lần nữa! Bằng việc giết chết anh Lương của con, bọn nguy quyền đã cướp mất niềm hạnh phúc duy nhất mà con bắt đầu biết tới trong suốt cuộc đời con! Và suốt một thời gian dài, con ôm ấp trong lòng con nỗi khao khát trả mối thù ấy. Con đã tiến hành nhiều vụ khủng khiếp. Con đã chiến đấu, làm trung đội trưởng xung kích Giải phóng quân ở lục tỉnh suốt hai năm. Con đã nhiều lần giết người — lính Mỹ có, lính Diệm có, tụi ác ôn xã áp có.

- Cha đã biết hết mọi sự đó.

Joseph nói như thế với giọng thật điềm đạm. Tuyết nhìn cha chăm chăm, miệng mở lớn kinh ngạc:

- Cha biết tất cả những chuyện đó — vậy mà cha cứ tới đây tìm con?

Joseph im lặng gật đầu. Tuyết tròn xoe mắt như thể đột nhiên kinh hãi vì những gì mình vừa nói. Rồi trong tiếng khóc đau xót sục sùi, nàng đưa hai tay lên dịu dàng ôm cổ Joseph và cúi đầu xuống cho tới khi trán dựa vào bộ ngực trần của cha. Trong mấy phút, tiếng khóc ngắt quãng và cố nén làm cả người Tuyết rung động. Joseph cũng thầm lặng khóc, hai tay ôm thật chặt con gái. Bên ngoài, dọc theo mé nước tan hoang, trận chiến tiến đều đặn về phía hai cha con.

Trong khi ôm con gái trong tay, Joseph thấy hai bộ mặt run rẩy của bé Trinh và đứa em trai tên Chương lộ ra bên mép chiều cúi, len lét nhìn lo lắng. Cực chẳng đã Joseph phải thả hai tay xuống. Anh hỏi dịu dàng:

- Tuyệt ạ, con tính sao đây? Chỉ vài giờ nữa thôi, có thể khu vực này sẽ rơi vào tay quân Mỹ hoặc quân chính phủ. Tại sao con không nhân cơ hội này mà ở lại đây với cha? Cha sẽ mang cả ba mẹ con sang Hoa Kỳ.

Anh đưa mắt về phía hai cháu ngoại, mỉm cười và nhân mạnh:

- Tất cả bốn chúng ta.

Tuyệt lùi lại, hai tay ôm lấy thân mình như thể để giúp cho quyết định của nàng thêm phần dứt khoát. Sau một lúc im lặng, Tuyệt lắc đầu một cách quả quyết:

- Con không đi theo cha. Nước Mỹ không có chỗ trong tâm hồn con. Tám năm thù hận, dốt hết trí tuệ, dùng hết thể xác để trả thù Mỹ, tới nay thì sự căm thù Mỹ đã lặn vào máu của con. Có qua tới bên đó con cũng không thể thích nghi với đời sống Mỹ. Con không thể nào quên chuyện anh Lương đã vì ai mà chết.

- Nhưng ở đây cũng đâu có chỗ cho con!

Tuyệt gạt đầu, xoắn một sợi dây thun thắt lại mái tóc:

- Cha nói đúng. Con biết rất rõ điều đó, kể cả với những kẻ trong Mặt Trận GPMN đang gọi con là đồng chí của họ. Họ dùng con để chiến đấu cho những mục đích của họ. Còn con, con nương theo họ để trả thù. Những thứ khác đối với con chỉ là khẩu hiệu có cổ nuốt vào bụng cũng không tiêu hóa nổi. Con là con lai, học trường Tây, cha Mỹ gia đình chính khách, mẹ Việt dòng dõi quan lại. Trinh và Chương mang ba dòng máu Mỹ, Hoa, Việt. Có chung một hàng ngũ với người ta thì cũng chẳng êm thấm lắm. Và nhất là, kể từ mấy hôm nay, hình ảnh của MTGPMN trong con không còn như cũ.

Trong khi Tuyệt nói, Joseph tưởng chừng mình nghẹt thở. Anh hít lệ vào một hơi thật mạnh rồi thở ra mà như nén lại:

- Vậy con tính tương lai như thế nào?

Tuyệt trả lời thật nhanh:

- Con ra bắc, mang theo Trinh và Chương. Dù sao Việt Nam cũng là quê hương của con. Con tin rằng xã hội ngoài ấy người ta sống khắc khổ, có nền nếp, đàng hoàng, thuần nhất và đùm bọc nhau hơn trong nam này. Con sẽ cố không nhớ tưởng tới hận thù nữa, sống cuộc đời bình thường. Ổn định và yên thân.

Nàng liếc Joseph thật lẹ:

- Cậu Kim đang giữ địa vị cao trong Bộ Chính trị của Đảng Lao động. Cậu ấy là người gần gũi và tâm phúc của Hồ Chủ tịch. Năm ngoái, cậu Kim muốn con ra ngoài đó và có ý giúp tìm

cho con một căn hộ ở gần cậu, tại Hà Nội. Rồi thế nào cũng còn ông cậu Lật...

Tuyết vội vã quay mình, dẫn hai con trở ra ngăn khoang đằng lái. Joseph nghe có tiếng lục đục rồi lờ thì thâm dạn dò khi ba mẹ con thu xếp những đồ vật còm cõi của mình. Sau vài phút, Trinh lại leo qua ngăn đồ của Joseph, lật đặt tới bên ông ngoại. Con bé nhìn Joseph một lúc, bằng đôi mắt buồn rười, rồi nó đưa tay ra, một ngón tay sờ nhẹ lên lớp băng vải. Bỗng dưng mặt nó đỏ ửng, giọng thủ thủ:

- Ông ngoại, con cầu mong cho ông ngoại mau lành.

Trinh nín thở, mím môi như thể sắp nói thêm một câu gì nữa. Nhưng từ bên kia bức màn chiếu vang lên tiếng mẹ nó gọi sang, giọng rất gấp, làm bộ mặt bầu bình của con bé ánh lên vẻ cảnh giác. Sau khi liếc ngược trở lại đằng sau rất lẹ, nó cúi xuống thật sát Joseph và thì thầm vào tai anh: “Thưa ông ngoại con đi.” Nói xong, Trinh lẹ làng áp chiếc miệng nhỏ nhắn lên một bên gò má râu ria lờm chờm của Joseph, rồi lủi thật nhanh về phía mẹ, vừa đi vừa gãi môi.

Joseph khốn khổ nằm chờ Tuyết sang để nói lời từ biệt với con gái, nhưng chỉ tới khi cảm thấy con đồ lắc qua lắc lại ba lần thật mạnh, anh mới nhận ra con gái mình đã cố ý tránh cuộc từ giã đau lòng. Tim nhức buốt, Joseph gọi lớn tên Tuyết, lật hai đầu gối trườn tới. Anh bò như điên qua ngăn đồ trống trải phía sau và bò ra ngoài, tới phía đầu lái bằng phẳng.

Tiếng đạn súng cối và vũ khí cá nhân vang vang điếc tai buốt óc. Tuyết đã đi xa được khoảng ba chục thước, chân bước thoăn thoắt dọc theo bờ sông, nhắm hướng tây. Người Tuyết hoá thành một hình bóng vô danh trong bầu trời âm đạm đang tối dần. Hai ống quần đen rộng thùng thình phồng lên hai bên đùi khi Tuyết cố giữ cho thẳng bằng chiếc đòn gánh gác qua vai trái. Trong cặp gióng là một đôi thúng chất lúa thừa bếp lò nấu ăn cùng các vật dụng linh tinh hèn mọn khác, thu dọn từ con đồ và gánh đi. Hai đứa bé hót hời. Đứa nín lấy tay phải, đứa túm chặt quần áo mẹ. Mỗi đứa một bên mẹ, vừa đi vừa chạy, vượt qua những tiếng nổ làm điếc đặc tai người của trận chiến chất ngất trong trời hoàng hôn bàng lãng.

Dù mắt Joseph nhìn không rời ba mẹ con, cả Tuyết lẫn Chương đều không nhìn lui. Chỉ có bé Trinh ngoảnh lại một lần về hướng ông ngoại. Thấy như vậy, anh đưa cánh tay không bị thương lên buồn bã vẫy chào vĩnh biệt. Con bé ngược đầu lên, vừa hăm hở nói gì đó với mẹ vừa chỉ chỗ về phía ông ngoại. Nhưng nó đang nói thì bị trượt chân và anh thấy Tuyết túm lấy Trinh, giận giữ lắc lắc nó với vẻ la rầy. Dần dần, hình ảnh mong manh ấy mất biệt trong trời chạng vạng tối và đầy sương mù. Trên đồ, Joseph chậm chậm gục xuống đầu lái, người lạnh buốt, ruột quặn thắt vì chắc chắn sẽ chẳng bao giờ gặp lại con và hai cháu nữa. Nước mắt Joseph ứa ra đầy mặt. Anh không biết giọt nào khóc cho Tuyết vì chồng giọt nào khóc cho Lan mẹ của nó vì cha, giọt nào khóc cho Trinh và Chương sẽ lưu lạc trên đất bắc. Và giọt nào khóc cho bản thân bị mọi người thân yêu kẻ oán hận, kẻ bỏ đi; chỉ còn lại một mình trên dòng sông mênh mông, trong con thuyền mỏng mảnh, giữa tiếng động kinh hoàng của chiến trận đang tràn tới.

Nửa giờ sau, một đại đội Thủy quân Lục Chiến VNCH trên đường truy kích Bắc quân, tìm thấy Joseph đang lom khom nơi đầu lái con đồ. Trước đó, anh đã bò vô lại khoang đồ, lấy chiếc áo sơ mi dính đầy máu ra, rồi chậm chậm vẩy áo lên quá đầu để ngăn những người lính mặc đồ rằn ri có gắn huy hiệu con trâu nổi điên ấy đừng bắn mình. Một thượng sĩ người đen đui, mặt rỗ và đầy sẹo, miệng ngậm điếu thuốc Ruby quân tiếp vụ, từ trong bóng tối lờ mờ

bước ra với hai TQLC khác. Làm như không nghe Joseph kể lắp bắp bằng tiếng Việt, anh ta tay cầm khẩu AR-15 dí lom lom mũi súng tay vuốt khắp người Joseph cho đến khi chắc chắn đối tượng không có vũ khí hoặc không phải người Nga. Anh ta lên bờ và lát sau đi xuống với viên đại úy đại đội trưởng. Nhìn con đò và nhìn Joseph, mặt viên đại úy lộ vẻ sùng sốt. Anh ta nói bằng tiếng Anh:

- Trời đất ơi! Có phải ông muốn nói ông là người Mỹ. Và một người Mỹ làm cho Juspao Sài Gòn như ông lại ẩn núp trong khoang chiếc đò khốn nạn nhỏ xíu này, suốt một tuần lễ, với vết thương nặng như thế kia?

Nói xong, anh ta gọi viên hạ sĩ mang máy truyền tin tới, bóc máy báo về bộ chỉ huy. Còn tay thượng sĩ mặt đỏ thì cười tùm tùm với vẻ tiểu lâm khi giúp Joseph lên bờ. Kế đó anh ta bước xuống đò, bỏ cả hai chân hai tay vào kiểm soát bên trong khoang. Lát sau, anh ta vọt lên bờ, phủi mạnh quần áo và nhăn mũi rồi cười khà khà:

- Đại úy ơi, thằng cha Mèo này mà bỏ được cái chồn dzui dzẻ đó chắc “nó” mừng hết lớn. Dưới đó mùi gì cũng có!

Joseph chỉ nhìn viên thượng sĩ, không cự nự cũng không tỏ ý giận. Trời vẫn còn đủ sáng cho anh lần đầu tiên nhìn thấy toàn cảnh con đò. Lúc này nó cắm sào đối diện với bờ sông bên kia, chỗ thuở nào anh đã trải qua đêm đầu tiên sum vầy với Lan trên sông Hương ba mươi hai năm trước.

- 17 -

Trong hầm trú ẩn nhộp nháp và ẩm thấp của mình tại căn cứ hỏa lực Birmingham, đại úy Gary Sherman ngồi dậy và dụi mắt. Bên ngoài, bóng chiều phủ khắp vùng đồng bằng ven biển Quảng Ngãi, một nơi cách Sài Gòn khoảng sáu trăm cây số. Anh vừa ngủ được nửa giờ nhưng mắt vẫn còn vẻ hốc hác phờ phạc.

Chỉ mới ba giờ trước đây, Gary dẫn đại đội Hai với quân số hao hụt trở về căn cứ sau chuyến “lùng và diệt địch” lần thứ ba trong tuần. Với cũng chỉ một mục đích càn quét các thôn ấp nghèo nàn nằm rải rác khắp vùng duyên hải thấp trũng và nhiều đầm lầy của tỉnh Quảng Ngãi, cuộc hành quân không thu lượm được kết quả nào. Diễn tiến từ đầu tới cuối của nó như thông lệ: toàn thể đại đội trải qua hai đêm sục sạo và ăn ngủ giữa trời mà không một lần chạm trán Việt Cộng, ngược lại còn bị mất thêm sáu binh sĩ vì đâm trúng mìn bẫy của đối phương.

Tới cuối cuộc hành quân, những binh lính sống sót mệt lã mừng vì thoát nạn và buồn bã đưa mắt nhìn các đồng đội thương vong được máy bay trực thăng tải đi. Gary hiểu rằng có một số lính quân dịch non nớt và rụt rè đang được anh ra sức huấn luyện để trở thành những binh sĩ chiến đấu hữu hiệu, hẳn sẽ cảm thấy nhẹ nhõm nếu bản thân họ được thay vào chỗ các thương binh ấy với một thương tật nào đó nhẹ nhàng ở chân.

Trong số sáu binh sĩ tử thương vì mảnh mìn văng trúng, có hai người chỉ bị nhẹ, một mất bàn chân và một bay trụ các ngón tay phải, ngoài ra có tới ba người chết tại chỗ. Đạp trúng mìn thì kết quả bao giờ cũng y như nhau: thân thể của cả ba nạn nhân vỡ nát không còn hình thù. Những đồng đội còn lại choáng váng nín lặng, mắt đờ đẫn nhìn theo chiếc trực thăng chở ba thi thể bọc trong tấm poncho đi mưa của chính chủ nhân của nó vừa tử trận.

Đây là lần thứ ba trong tuần đại đội Hai bị sa bãi mìn. Tổng cộng tổn thất khoảng ba mươi người trong đó bảy chết tại chỗ, nhiều người bị thương nặng, cụt tay què chân hoặc mất bộ phận cơ thể khiến phải thương tật hay tàn phế suốt đời. Cuộc Tổng Công Kích Tết Mậu Thân vừa qua làm lực lượng Cộng Sản trả giá đắt khủng khiếp, vì thế, lúc này mọi vùng quê Nam Việt Nam đều trở thành vùng đất cạm bẫy cùng một kiểu như nhau. Những con đường khúc khuỷu dẫn vào chốn đồi núi hoặc lộng gió chạy xuyên qua các xóm làng vùng ven biển giờ đây bị đối phương gài mìn bẫy dày đặc hơn trước, khiến mức độ thương vong của liên quân đồng minh cao hơn bình thường.

Dù hình ảnh chiến trận trên đường phố tại các thành thị lớn của Miền Nam làm công chúng Hoa Kỳ choáng váng cực độ, con số tổn thất của bộ đội Việt Cộng và cán binh Bắc Việt, tính cho tới lúc rút ra, lên tới ba chục ngàn người thương vong. Trong số đó có mười lăm ngàn tử trận, đối chiếu với con số tổn thất của binh sĩ Mỹ và Nam Việt Nam chỉ có khoảng mười ngàn người thương vong trong đó số tử trận về phía Mỹ là ba trăm sáu mươi bảy, phía VNCH là bảy trăm. Cơ sở nằm vùng của Việt Cộng tại Huế và miền trung gần như bị phá vỡ toàn bộ. Cán bộ chính trị hiếm hoi sót lại không dám ra mặt vận động quần chúng vì sợ gặp phản ứng ngược. Nhất là sau khi người ta khai quật nhiều hầm chôn tập thể trong thành phố Huế và các địa điểm phụ cận tại Phú Vang và vùng xa như Nam Đông với tổng số nạn nhân được phát hiện lên tới khoảng ba ngàn người. Hậu quả về quân sự là ngay sau khi chấm dứt cuộc tổng công kích, các đơn vị Cộng Sản kiệt quệ phải quay về lối đánh du kích quen thuộc cũ. Họ tiếp tục chiến thuật lẩn tránh và nghỉ binh trong vùng rừng rú và đồi núi. Thành thạo họ huy động quân số và hỏa lực ít nhất cũng hơn gấp ba để tấn công một đồn trọng điểm của VNCH nhưng cơ may thành công vẫn rất mong manh. Như vậy, phía quân đội VNCH, Mỹ và đồng minh lại phải quay về phương pháp “lùng và diệt” như cũ.

Nôn nóng khai thác thể thượng phong ấy, các chỉ huy trưởng quân đội Hoa Kỳ tại Nam Việt Nam khắc nghiệt thúc binh sĩ dưới quyền đuổi theo đối phương. Và vì lý do đó, Gary đã nhiều lần bị từ chối lời anh đề nghị cho đại đội đang sa sút tinh thần của mình được rút khỏi những công tác tích cực.

Tướng Westmoreland, tư lệnh quân đội Mỹ tại Nam Việt Nam, yêu cầu Hoa Kỳ gửi thêm một số lượng lớn binh sĩ sang để tiếp tay đẩy mạnh chiến dịch truy kích quyết liệt và mới mẻ này. Nhưng cuộc Tổng Công Kích Mùa Xuân đã đẩy phong trào phản chiến mạnh mẽ ở Mỹ lên tới cực điểm và Tổng Thống Johnson từ chối lời yêu cầu đó. Những tường thuật của các phóng viên quốc tế “xông xáo” và hình ảnh “sống động” trên vô tuyến truyền hình không phản ánh trung thực thành quả chiến thắng của liên quân Mỹ-Việt, tinh thần dũng cảm và khả năng chiến đấu hữu hiệu của lính Cộng hòa, sự thiệt hại đến cùng kiệt của Cộng Sản cũng như tâm trạng chán ghét cực độ MTGPMN của dân chúng Miền Nam. Ngược lại, dư luận thế giới ngày càng hoài nghi các bản báo cáo lạc quan về tình hình chiến sự của tướng Westmoreland. Hậu quả là, ngay cả đại đội Hai của Gary cũng không nhận được quân số điền khuyết đúng mức những binh sĩ thương vong.

Sau khi thức giấc, Gary nằm bất động vài phút trên chiếc nệm hơi, kê trên giường ván, mệt mỏi ngẫm nghĩ về tình trạng gay go của mình. Anh thấy có vẻ như không thể nào chấm dứt được tình trạng suy sụp kinh khủng của binh sĩ thuộc quyền và anh không biết làm thế nào nâng cao tinh thần họ nhằm chuẩn bị cho cuộc hành quân sắp tới.

Chiều nay, ngay lúc vừa trở về căn cứ, Gary hầu như không tin nổi hai tai mình khi nghe đại tá chỉ huy trưởng bốn đại đội Lực lượng Đặc nhiệm tại căn cứ hỏa lực Birmingham tuyên bố rằng đại đội Hai của anh được giao nhiệm vụ chặn đường rút lui của đối phương trong cuộc

đổ bộ sáng mai của toàn bộ lực lượng vào làng Quảng Tơ. Tin tình báo đáng tin cậy cho biết tại đó hiện có mặt một thành phần đông đảo của Tiểu đoàn Cơ động 42 Việt Cộng.

Đầu tóc cụt ngắn và nụ cười tự mãn, đại tá chỉ huy trưởng trình bày với các sĩ quan:

- Tụi chó đẻ đó đang núp trong mấy ngôi nhà gạch và các địa đạo bên dưới. Tôi nghĩ rằng hết thảy các bạn đều cần một cú đề lên tinh thần — chúng ta đã trải qua quá nhiều tuần lễ nản chí vì chẳng có cái đêch gì cho mình đánh đấm. Vậy lúc này, các bạn có thể nói với binh lính dưới quyền của các bạn rằng ngày mai, ta sẽ cho họ cơ hội thật sự bắn thùng đít bọn vi-xi.

Nhìn đồng hồ thấy còn ba mươi phút nữa mới tới giờ thuyết trình hành quân, Gary miễn cưỡng lê người đứng lên và bắt đầu rửa ráy. Vừa đắp nước trong chiếc ca cầm tay lên bộ mặt ngái ngủ, hai lỗ tai của Gary bỗng bị ngứa ngáy bởi tiếng cười rậm rịt nham nhở từ bên ngoài vọng vào. Anh dừng tay, bước ra ngoài cửa hầm.

Hai tân binh quân dịch trong đại đội Hai, nguyên là hai công nhân ngành thép ở tiểu bang Indiana, đang từ hướng “*căn cứ bum-bum*” đi loạng choạng về phía hầm trú đóng của đơn vị. “Căn cứ bum-bum” là một dãy mấy hàng quán xiêu vẹo dựng sát Quốc lộ Một, nơi các Miss Chu Lai nhà quê lấy thể xác mình làm sinh kế nuôi thân dưới mắt nhìn láo liên của một Madame Điện Biên Phủ. Thông thường, các tân binh quân dịch từ Mỹ mới qua, mắt ba chớp ba nháng, không phân biệt nổi tuổi tác của các nữ chiêu đãi viên người Việt. Trong quán rượu, nghe gọi Madame Điện Biên Phủ họ biết ngay phụ nữ ấy đứng tuổi, còn Miss Chu Lai tức là thiếu nữ còn nhỏ tuổi. Cả hai vừa chuyện nhau hút chung điếu cần sa vừa khoác vai nhau đi ngúc ngắc, nghiêng ngả. Một trong hai người lính có thân hình vạm vỡ, mái tóc vàng trẻ trung, đang đưa lon bia Mỹ lên miệng tu một hơi rồi cười nắc nẻ. Nhìn hai người lính đi chân nọ quệt chân kia, Gary nhớ lại sáng nay trên mặt trận, anh đã thấy họ tiếp tay khiêng một thi hài đồng đội vỡ nát lên trục thẳng. Cả hai chưa thay quần áo và Gary có thể thấy những vết máu của một đồng đội thương vong nào đó còn dính lôm đôm bộ đồ trận dơ bẩn và bết bùn của họ.

Gary nói gọn lỏn:

- Các cậu đi thay đồ sạch ngay. Tôi muốn mọi người mặc quần áo tràng hoàng khi tôi thuyết trình vào một giờ sau.

Hai người lính ngừng cười trong mấy giây đủ để đưa tay lên chào chiếu lệ đại đội trưởng. Nhưng khi Gary trở vô hầm, anh lại nghe họ cất tiếng cười sảng sặc và tiếp tục đùa giỡn ầm ĩ trên đường về hầm trú ẩn. Anh đứng yên, suy nghĩ lằng đằng về hai người lính ba gai ấy trong một chốc. Rồi không để tâm tới buổi thuyết trình hành quân sắp tới nữa, anh lôi ra một xấp giấy viết thư và ngồi xuống viết cho cha mình.

Gary bắt đầu: “*Bố thân mến,*

“Xin bố đừng hiểu lầm việc con chậm trả lời bức thư của bố gửi từ Luân Đôn là một bằng chứng tỏ có chuyện này chuyện nọ. Đó chẳng qua chỉ vì vào những ngày này, con thường bận túi bụi và cực kỳ mệt mỏi nên chẳng viết nổi thư. Suốt bốn tháng nay, kể từ khi con hoang mang sợ hãi ngày Tết Mậu Thân lắng xuống, cuộc sống ở đây là một loạt náo động và kéo dài đằng đẵng những cuộc hành quân “lùng và diệt địch” nhưng trong đó cái khôn nạn là chúng con lùng thì rất nhiều mà diệt thì chẳng được mấy móng. Bù lại, dĩ nhiên chúng con nhận

lãnh đều đặn một số lượng tổn thất những đồng đội thương vong vì mìn bẫy. Đối với bố, chuyện đó nghe như thể “có này có kia như trước đây”, nhưng bố tin con đi, lúc này nó là một loại thuốc mạnh hơn bao giờ hết mà khi nuốt vào chẳng cảm thấy thú vị chút nào.

“Thư của bố đến tuần trước và con đang tranh thủ đôi ba phút giữa các chuyến xuất kích để viết vội vài hàng trả lời vì con muốn nói với bố rằng con sung sướng biết bao khi đọc mấy dòng chữ đầu tiên của bố về việc chẳng bao lâu nữa Mark sẽ ra khỏi cái lò hỏa ngục ở Hà Nội.

“Cũng giống như bố, con hoàn toàn chẳng chút để tâm tới mấy nhóm hoà bình nào đó sang tận Hà Nội mang Mark trở về quê nhà, miễn sao nó an toàn thoát ra khỏi tất cả những gì nó đang trải qua là được rồi. Con chắc chắn lá thư riêng mà bố viết cho Hồ Chí Minh đã giúp nó được vô số điều dù con đang ao ước rằng lý ra trước đây bố nên nói cho con biết về lá thư đó — nó có thể giúp con cư xử hợp lý hơn trong đôi ba lần bố con mình gặp gỡ nhau vừa qua.

“Thêm một tiết lộ quan trọng nữa của bố là bố đã âm thầm làm lễ thành hôn với Tiểu thư Boyce-Lewis và quyết định ở hẳn tại Anh cũng làm cho con, theo một cách nào đó, cảm thấy hổ thẹn hơn vì việc mình đã làm. Đêm đó, bên ngoài khách sạn Continental, khi thấy bố và cô ấy đi với nhau, con có hơi thiếu lịch sự, và sau đó, lương tâm con ray rứt mãi. Chính vì muốn làm tâm trí mình nhẹ nhõm mà con nói ra cho bố biết việc đó và con xin bày tỏ lời xin lỗi vụng về cùng với lời chúc mừng chân thành của con cho cả hai...”

Có một tràng tiếng nổ nghe như tiếng súng đại liên xa xa phá tan bầu không khí yên lặng, Gary ngừng viết, lắng tai nghe. Khi tiếng nổ ấy tiếp tục, càng lúc càng lớn và càng nhanh hơn, anh nhận ra đó là tiếng phành phạch lạ lùng của máy bay lên thẳng. Rõ ràng là một trong ba đại đội kia đang trở về Birmingham sau khi hành quân. Anh lặng lẽ nghe cho tới khi các trực thăng đáp hẳn xuống đất.

Khi chiếc trực thăng cuối cùng tắt máy, Gary tiếp tục:

“Con vừa có ý nói rằng con hy vọng vai của bố đã lành hẳn, nhưng nay con đoán chắc là nó ổn thoả rồi khi bố cảm thấy có đủ sức khoẻ để “cùng nhau đi lên giữa hai dây ghế” trong nhà thờ và toà thị chính Caxton. Nếu bố đang bắt tay vào việc phê bình chính sách của chúng ta về Việt Nam dưới hình thức một cuốn sách, như bố đã viết trong thư, thì con đoán lúc này hẳn bố khá sung sức — như vậy, con cũng xin chúc bố thành công trong công việc đó. Một cuốn sách thuộc loại như thế, được viết bởi một người có kiến thức sâu xa về vấn đề đó, chắc chắn sẽ bán được số lượng đáng kể — thế nào các thư viện ở Toà Bạch ốc, Bộ Ngoại giao và Ngũ Giác Đài cũng sẽ đặt trước nhiều cuốn để biết bố viết ra sao về các ông chủ của họ. Riêng phần con, con cảm thấy mình có thể đóng góp đôi dòng ngay lúc này về sự phê bình của chính con đối với tình hình ở đây. (Cái này rõ ràng phải gửi thư đi một cách bí mật qua đường bưu điện dân sự để nó tới tay bố nguyên vẹn những gì mà con có thể hiểu biết về vấn đề đó).

“Chúng con vừa thực hiện tới ba cuộc hành quân trong một tuần và đến rạng sáng ngày mai, chúng con lại lên đường nữa. Chúng con bị hao hụt quân số trầm trọng và những kẻ còn lại thì tinh thần xuống rất thấp. Chẳng biết chúng con có còn gặp may mắn nữa hay không, lần này con hết sức nghi ngờ, và e rằng mình đang cảm thấy khá chán nản trước tất cả những cái đó.

“Lúc này, con thấy mình bị giằng co với nỗi khao khát từ nhiệm, rút chân ra, nhưng bên cạnh đó, ý thức trách nhiệm lại nói với con rằng mình nên ở lại đây và làm điều mình có thể làm để

hạn chế phần nào những gì tồi tệ đang diễn ra ở đây. Thí dụ, hiện có một nguyên tắc rằng khi chúng con vào làng mà gặp bất cứ người Việt Nam nào không chịu đứng lại và tự khai báo thì cứ bắn người ấy. Thực tế, nhiều người nhà quê bỏ chạy chỉ vì sợ hãi thôi, và lúc đó, việc “cứ nổ súng rồi đặt câu hỏi” là cả một vấn đề! Việc đó, như bố có thể tưởng tượng ra, đưa tới rất nhiều trường hợp giết người bừa bãi.

“Người ta cũng không bao giờ có thể biết chắc chắn rằng một khi vào làng rồi thì sẽ tìm thấy chỉ đàn bà trẻ em thôi hay vài ba tên bắn sẽ đang núp lén hoặc nguyên cả một tiểu đoàn Việt Cộng khôn nạn. Vậy hể lúc nào cảm thấy cần thiết là chúng con phải bố trí hỏa tiễn và trọng pháo để bắn phòng ngừa và bắn ào ạt vào làng. Quả thật là điên khùng. Thường dân bị thương ở mức độ rất cao là điều không tránh khỏi, và trong tình huống như thế này, công tác “chinh phục con tim và trí óc của dân chúng” mà người ta đề ra cho chúng con là một việc không thể nào thực hiện nổi...

Gary ngừng viết, lại nhìn đồng hồ. Chỉ còn năm phút nữa bắt đầu cuộc họp thuyết trình hành quân. Anh miễn cưỡng gom mấy trang thư lại, rồi lật đặt thêm vào ở cuối trang anh vừa viết:

“Bây giờ con phải chạy đi họp ‘hội đồng chiến tranh’ một lần nữa. Vậy tạm thời con chỉ thêm vào hai chữ bắt hủ mà các nhà văn viết chuyện dài trên các báo thích viết: ‘còn tiếp’.”

Không đọc lại những gì vừa viết, Gary gấp mấy trang giấy vào nhau và đút vô túi áo ngực.

Khi Gary ra khỏi hầm, bóng tối bên ngoài ẩm ướt và hơi ẩm phủ vào mặt anh. Vì trời nóng bức, anh đi chậm rãi tới bộ chỉ huy căn cứ, nơi các sĩ quan của bốn đại đội bắt đầu tụ về. Để gạt khỏi tâm trí viễn ảnh ám đạm của cuộc thuyết trình, Gary buông thả cho ý nghĩ lang thang trở lại lá thư của cha. Và anh vừa đi vừa tự hỏi làm sao chú em Mark ứng xử vấn đề thích nghi với cuộc sống tự do sau một thời gian tù ngục khủng khiếp như thế.

Gary cũng cố mừng tượng lối sống của cha trong thời gian sắp tới với bà vợ mới người Anh. Trong óc anh chợt nảy sinh ý nghĩ rằng cuộc đời của em anh, cha anh và của chính anh đều đã bị Việt Nam ghi dấu ấn sâu đậm. Trong khi ngẫm nghĩ như vậy, tâm thức của Gary bắt giác loé lên hình ảnh cuộc đi săn dã thú trong rừng sâu Nam kỳ và cao nguyên Trung kỳ của ông nội và người bác đã chết bốn mươi ba năm về trước.

Gary nhớ lại việc cha của anh đã cố giải thích như thế nào về lòng ác cảm của ông đối với cái hoạt cảnh trưng bày ấy trong lần gặp gỡ đầy khôn khổ của hai cha con tại nhà bảo tàng. Những lời được ông nói ra lúc đó một cách ngập ngừng, giờ đây âm vang trở lại trong tai anh, nghe rõ mồn một: “...Gary ạ, có trời mới biết, hầu như tất cả chúng ta đều làm mồi cho những khía cạnh tồi tệ nhất trong bản tính của mình... Chúng ta rất thường bị lôi cuốn bởi ý muốn chiến thắng bằng bất cứ giá nào.”

Vì lý do nào đó, ký ức ấy mang trở lại cảm giác mơ hồ về một điềm gở mà Gary từng linh cảm trước đây khi hay tin mình sẽ lại phải xuất kích quá sớm với các tân binh đang mệt lã. Và cảm giác ấy càng lúc càng bốc lên thật nhanh khi anh tới gần phòng thuyết trình. Vào lúc Gary trình diện đại tá chỉ huy Birmingham, tâm trạng của anh hoá ra bi quan cùng cực.

Trong khi diễn ra cuộc thuyết trình ngắn của các sĩ quan Mỹ, cách căn cứ hỏa lực gần hai mươi lăm cây số, tại làng Quảng Tơ, hai trăm quân du kích của Tiểu đoàn Cơ động 42 thuộc

Quân đội Giải phóng đang dừng quân nghỉ bồi dưỡng qua đêm trong những “chòi” tranh có cửa hầm được che đầy cẩn thận. Mỗi hầm trở thẳng xuống hệ thống địa đạo ngay bên dưới làng. Các địa đạo dài khoảng hai cây số dẫn tới cửa thoát ở bờ biển. Du kích quân đã trải qua nhiều lần thực tập rút xuống địa đạo thật lẹ để thử nghiệm việc bỏ trống làng theo một tốc độ nhanh nhất và một diễn tiến hoàn chỉnh nhất. Trong những trường hợp như thế, các bà vợ và gia đình của họ lúc nào cũng ở lại trong làng, trên mặt đất.

Đêm đó, trong khi người chính trị viên đứng tuổi của tiểu đoàn đi từ chòi này sang chòi khác thì thầm ra lệnh cho bộ đội rút ra bờ biển, ông ta còn kèm theo lời cảnh báo các gia đình ở lại rằng họ sẽ bị quân Mỹ trừng phạt thê thảm. Về phần dân làng, chính họ cũng biết thân và đang chờ đợi vì đã được một thiếu nữ ở quán bum-bum bên ngoài Căn cứ hoả lực Birmingham báo về cho biết sẽ có cuộc đổ bộ của lính Mỹ vào rạng sáng ngày mai. Và họ cũng được chỉ thị, một cách cực kỳ khắc nghiệt từ phía quân giải phóng, rằng không được hợp tác với bọn lính đế quốc, dù bằng bất cứ hình thức nào.

Sau khi dùng cơm tối xong, các cán binh Việt Cộng chào từ giã gia đình, rồi từ từ kẻ trước người sau, họ chuồn thật êm xuống địa đạo, kéo nhau ra bờ biển. Tới nửa đêm, trên mặt đất làng Quảng Tơ chỉ còn lại đàn bà, trẻ con và người già quá hạn tuổi thi hành quân dịch.

Sáng hôm sau, khi Lực lượng Đặc nhiệm lên đường trong ánh nắng sớm mai, Gary bay trên chiếc trực thăng dẫn đầu. Anh đưa mắt nhìn lui và thấy phần còn lại của đợt xuất quân thứ nhất dàn ra đằng sau mình. Mười hai chiếc bóng hình con ong bay nghiêng nghiêng và đập dềnh theo hàng một, nổi bật trên nền ánh sáng màu da cam chói lọi của mặt trời đang mọc.

Gary cũng nhìn thấy phía đằng trước đoàn quân có chớp loé sáng rồi khói bùng lên, lan khắp năm sáu xóm nhà trong thôn làng sẽ đến. Qua bức màn khói ấy, các trực thăng võ trang Cobra chúí đầu rồi ngóc đầu, phóng hoả tiễn và bắn đại liên xuống các túp lều tranh.

Khi đoàn quân tới gần bãi đáp ấn định trên một cánh đồng dài hai trăm thước ở phía nam Ấp Một, mọi xạ thủ ngòi ngay cửa các chiếc trực thăng chuyển quân đều khai hoả khẩu đại liên 60 li cơ hữu dù không một dấu hiệu nào chứng tỏ có đạn từ dưới đất bắn lên. Hai người lính bị Gary khiển trách tối qua lúc này cùng bay với anh trong chiếc trực thăng dẫn đầu, chung với các chiến sĩ cùng trung đội. Tất cả đều cứng người, căng thẳng. Ai cũng nắm chặt khẩu súng M-16 kẹp giữa hai đùi, mắt nhìn qua cửa trực thăng tìm dấu vết của Tiểu đoàn Cơ động 42. Theo lời đồn đó là một đơn vị Việt Cộng thiện chiến; một khi đã chọn lựa chạm trán, nó sẽ đánh rất quyết liệt và tàn độc.

Một trong hai người lính “thợ sắt” Indiana, kẻ vạm vỡ hơn bạn đồng nghiệp cũ đang ngồi kế bên, vỗ bôm bốp báng súng và nói:

- Bữa nay tụi mình hốt trọn ổ lũ vàng khè khôn kiếp đó. Chỉ còn một vấn đề khôn nạn là lâu hay mau thôi.

Người đi cặp với anh ta, có nước da sạm và thân hình mảnh dẻ, gật đầu đồng ý với bạn rồi quay sang nhe răng cười với Gary:

- Đúng ngay chóc — nếu mấy chả trong đại đội Một lừa được bọn thổ dân khôn kiếp đó chạy về hướng tụi mình. Đại úy ơi, tụi tui sẽ ra tay vì ông đó — và vì các cậu đại đội Hai của mình bị đi đút mấy chuyến trước.

Gary đáp lại bằng cái gật đầu gọn lỏn rồi để hết tâm trí quan sát mặt đất khi đại đội bắt đầu nhảy xuống khu ruộng đổ bộ. Trong cuộc thuyết trình vừa qua, đại tá chỉ huy trưởng hạ lệnh cho các sĩ quan phải nhấn mạnh vào viễn ảnh rửa hận cho những đồng đội bị thương vong, nhằm làm sôi máu binh lính lực lượng đặc nhiệm. Không tìm được cách nào khác để điều chỉnh tình trạng rã rời tinh thần của đại đội, Gary phải miễn cưỡng làm theo lời cấp trên nhưng anh vẫn áy náy về hai tiếng rửa hận cùng những phát tác vô lường của nó. Và trong khi Gary đang tự hỏi không biết hành động như thế của mình là đúng hay sai, hai còng trực thăng đã chạm mặt đất. Rồi bỗng nhiên nổi thắc mắc đó không còn là vấn đề khi binh sĩ ào ra của trực thăng, nhào xuống lớp cỏ mọc cao ngang hông và cúi mình chạy thật lẹ tìm chỗ nấp, với ý nghĩ độc nhất trong đầu mỗi người là phải sống sót đã.

Công tác thứ nhất của đại đội Hai là bảo vệ an toàn bãi đáp. Gary quát lớn ra lệnh các trung đội trưởng dàn quân thành một vòng tròn rộng. Kế đó, suốt mười lăm phút, trực thăng hết gầm lại rú, hết vào lại ra, thả xuống các đại đội xung phong. Cứ mỗi lần máy bay đáp xuống, cánh quạt tạt hơi gió thành những đợt sóng lớn, cuộn cuộn rượt theo nhau trên mặt cỏ cao. Gary quan sát binh sĩ các đại đội Một, Ba và Bốn xô đẩy nhau ào ra khỏi máy bay trực thăng. Vào khoảnh khắc đặt chân xuống đất, vẻ mặt người nào cũng căng thẳng và bồn chồn không kém binh sĩ trong đại đội của anh.

Và trên mọi bộ mặt căng cứng đều lộ lộ dấu vết mệt mỏi. Họ e ngại nhìn vùng đất phía trước, mắt trông chừng mình bấy trong khi chân dò dẫm từng bước một trên con đường dẫn vào Áp Một. Rồi tiếng máy bay trực thăng chìm dần ở chôn xa xa. Tiếng động của các binh sĩ đang tiến vào sâu hơn trong ấp nghe cũng yếu dần. Một bầu không khí tĩnh mịch trùm lên Quảng Tơ. Dần dần, ánh nắng mặt trời đang mọc chuyển từ màu da cam sang màu vàng, nhạt hơn và chói lọi hơn.

Khi Gary khởi sự di chuyển đại đội dàn ra thành hình vòng cung theo tư thế vây chặn ở khu vực phía nam làng, anh bỗng nghe có tiếng nổ âm thật lớn và thấy đất đen vọt lên như suối bên trên một rặng cây xa xa. Tiếp theo tiếng nổ, khói bùng bành lượn lờ rồi chậm chậm bốc lên cao quá ngọn cây.

Người lính tóc đen gốc Indiana bò tới bên sĩ quan phụ tá của Gary, miệng thì thầm:

- Đồ khốn kiếp! Đụ má, lại thêm một trái mìn khốn nạn nữa!

Tiếp theo tiếng mìn nổ là tiếng súng vang lên ròn rã. Gary ra lệnh cho đại đội nằm yên. Súng tiếp tục nổ nhưng tiếng nghe rời rạc và không chuyển biến thành một cuộc trao đổi hoả lực ồ ạt và kéo dài như một dấu hiệu chứng tỏ hai bên đang chạm trán. Tới lúc đại đội Hai vào xong vị trí, Gary nghe rõ tiếng lửa cháy răng rắc. Và từ những ngôi nhà tranh bị đốt, khói đua nhau bốc lên, bắt đầu làm mờ mịt bầu trời.

Người lính Indiana bên cạnh Gary thở phào:

- Rồi rồi, xảy tới đụng độ rồi đó. Đại úy ơi, cuối cùng mình cũng bắn thùng dít tụi da vàng.

Gary Sherman nhăn mặt. Máy truyền tin RTO kêu rào rào tiếng người gọi đi gọi lại nhưng không cho thấy một hình ảnh rõ nét nào về cuộc càn quét. Anh vội vàng ra lệnh cho người lính Indiana:

- Cách tốt là cậu đi ngó qua một cái, xem đang xảy ra chuyện gì — rồi về thẳng đây ngay.

Trong một thoáng, người tân binh trẻ tuổi có vẻ ngần ngại rồi tuân lệnh, lúp xúp chạy tới rặng cây. Năm phút sau anh ta chạy về. Gary lập tức để ý thấy vẻ mặt anh ta vừa hả hê vừa hãi hùng. Anh ta nói với giọng kinh hoàng:

- Đại úy, đại đội Một bắn tuốt luốt cả cái làng khốn nạn đó. Họ bắn hết thầy bọn bản xứ. Họ đẩy tất cả bọn chúng nó xuống hố. Họ đốt nhà, giết gia súc. Họ chà láng cái chỗ đó — trẻ em, con nít, đàn bà, người già, gà vịt, không chừa một mống!

Gary nhìn anh ta chăm chăm, không tin nổi:

- Cậu có biết chắc chắn rằng cậu đang nói cái gì không? Không có Việt Cộng ở đó à?

Người lính lắc đầu nguây nguẩy.

- Vậy chớ ai đang bắn người ta?

- Ai cũng bắn hết! Mấy ông trung sĩ, một ông trung úy, tất cả bọn họ! Họ cũng hiếp cả đàn bà nữa!

Người lính gốc thợ sắt nói thật lớn bằng giọng sôi nổi. Những người khác trong đại đội thấy vậy cũng chạy tới đồng tai nghe. Thấy thế, Gary khoát tay giận dữ:

- Tất cả về ngay vị trí! Chúng ta đang làm nút chặn, phải giữ kỷ luật. Đại đội giữ đúng công tác, ở lại tại chỗ.

Quát xong, anh vẫy một trung úy:

- Anh phụ trách ở đây. Tôi đi vô làng.

Gary ra hiệu cho hai tân binh Indiana và dẫn họ chạy theo mình vô rặng cây. Anh lao qua bụi cây, vào tới ấp thứ nhất. Tại đó anh thấy hai lính Mỹ chĩa súng bắn thẳng vào một đám đông đàn bà trẻ con đang co rúm dón sát vào nhau, kể bên một đường mương. Trong hai lính Mỹ đó có một trung úy, kẻ kia là trung sĩ. Và tiếng la rú kinh hoàng của đám dân quê Việt Nam tắt ngấm trong cuồng hống khi đạn đại liên cùng với M-16 bắn nát càn cỏ họ.

Họ vừa gục xuống đất liền bị một lính TQLC khác bắt đầu đá và hất những tử thi đầm máu ấy xuống đường mương. Mắt Gary bắt gặp trong đó có chút động đậy. Quay qua, anh thấy một đứa bé đang vạch đám xác chết. Không biết nó đang kiếm một người thân nào đó đã chết hoặc chỉ để tìm chỗ núp đạn. Khi viên trung sĩ thấy ra điều đó, hắn bắn mấy loạt đạn vào đứa bé cho tới khi nó lật ngửa, nằm không chút nhúc nhích.

Miệng khô rang hãi hùng, Gary gỡ khẩu AR-15 của mình xuống khỏi vai và bắn một loạt lên phía trên đầu hai lính Mỹ. Anh vừa lao người ra khỏi rặng cây vừa hét lớn:

- Thả súng xuống không tao giết cả hai đứa!

Liền ngay đó, Gary có cảm giác mình đang bay trên không khí. Chỉ tới khi thân thể anh thôi văng lên, đầu chúi xuống trước, cắm thẳng vào những vùi đất đen đang phun tủa lên khắp chung quanh, anh mới nhận ra mình vừa đập trúng mìn.

Khi cơ thể Gary nằm thẳng cẳng trên mặt đất, hai người lính TQLC gốc Indiana nhìn xuống anh, kinh hãi. Họ có thể thấy tất cả các bộ phận trong người Gary — tim, gan, phổi — đang đập rộn ràng bên trong lồng ngực toang hoác. Và máu anh bắn ra ướt đầm mặt đất chung quanh họ. Gary hấp hối suốt năm phút. Họ chỉ có thể bắt lực ngó anh nằm đó, trên đất đen, quần quai rên la. Cuối cùng, một người lính gốc thợ sắt chạy trở lại gặp viên trung úy phụ trách đại đội Hai. Rồi tất cả những người còn lại trong các chốt ngăn chặn đều tập trung chung quanh thi thể người đại đội trưởng của mình.

Tới lúc y tá cứu hộ của đại đội Hai đến hiện trường, bắt đầu sửa soạn gói thi thể tan nát của Gary vào tấm poncho, nhiều người lính của anh bật khóc nức nở. Những người khác rít lên kêu trời, chửi rủa tục tù như kẻ mất trí. Rồi dần dần, từng người một, họ nổi bước nhau đi sâu vào làng, tham gia cuộc tàn sát. Nhiều người trong bọn họ tiếp tục vừa khóc tảm tức vừa gào thét trong khi tiếp tay sẵn lòng và bắn gục những dân làng còn lại. Họ giết người Việt Nam. Giết theo từng người một hoặc theo từng nhóm. Họ cướp phá tan hoang nhà cửa. Đốt làng và thọc lưỡi lê đâm chết trâu bò gia súc.

Có vài người lính rút người lại, hãi hùng vì những gì đang xảy ra. Họ tìm cách tránh mặt hoặc cố cứu một thôn nữ hay một bà lão lẽ loi. Nhưng những nỗ lực của vài người ít ỏi ấy không tác động gì nhiều trên những binh sĩ còn lại của cả hai đại đội. Cuộc bắn giết kéo dài suốt mấy tiếng đồng hồ, không một chút ngừng nghỉ. Và tới cuối cuộc tàn sát đó, xác chết chất thành đống bên trong và chung quanh làng Quảng Tơ lên tới con số hàng trăm.

- 18 -

Người dẫn chương trình *Panorama: Toàn Cảnh*, một tiết mục hội thoại thời sự có uy tín nhất nước Anh, cầm cuốn sách vừa xuất bản và đặt chênh chếch trên đùi mình để một trong mấy ống kính thu hình có thể lấy cận cảnh bức ảnh nơi bìa trước cuốn sách. Khi màn ảnh vô tuyến truyền hình trong các tư gia trên khắp nước Anh tràn ngập bức ảnh ấy, với hình một lính Thủy quân Lục chiến Mỹ bị thương và đang quần quai trong cuộc Tổng Công Kích Tết Mậu Thân ở Huế, người dẫn chương trình bắt đầu đọc lời nói đầu cuốn sách. Một ống kính truyền hình từ đằng sau chậm chậm quét theo từng dòng và phóng lớn từng chữ:

“Trong buổi khai mạc hội nghị soạn thảo hiến pháp Hiệp chúng quốc Hoa Kỳ năm 1787, George Washington đã nói: ‘Chúng ta hãy đề ra định chuẩn để người khôn ngoan lẫn người chân thật đều có thể thường xuyên theo đó mà hiệu chỉnh.’ Kể từ lúc đó, hầu hết các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ đều ao ước điều hành đất nước theo đúng những nguyên tắc giản dị ấy. Thế nhưng hiện nay định chuẩn mà chúng ta đang theo để chiến đấu tại Nam Việt Nam, vốn đã được đề ra và giương cao bởi các Tổng Thống kế tục nhau suốt mười năm qua, trên một qui mô lớn, lại phát xuất từ những lý do không chỉ liên quan tới sự tự cao tự đại của cá nhân họ mà còn liên quan tới cảm giác tự hào dân tộc không đúng chỗ. Chính định chuẩn ấy hôm nay bay lượn chập chờn trên đầu hơn nửa triệu binh sĩ Hoa Kỳ tại chiến trường Việt Nam — nhưng sự thật càng ngày càng rõ rệt rằng chân thật và khôn ngoan đóng vai trò quá ít ỏi hoặc chẳng dự phần chút nào vào quá trình lập quyết định đưa chúng ta tham chiến và giữ chúng ta tiếp tục ở lại chiến đấu tại đó, cho dù hiện nay người ta đã thấy rõ rằng không bao giờ có viễn ảnh sở đắc được sự chiến thắng đáng ca ngợi nào. Thay vì chân thật và khôn ngoan, hiện nay

hồ thẹn và kinh tởm đang lan rộng ở Hiệp chúng quốc Hoa Kỳ và mọi nơi khác trên thế giới phương tây vì những hành động của chúng ta tại Đông Nam Á. Tôi tin rằng đã tới lúc tất cả những người ‘khôn ngoan’ và những người ‘chân thật’ ở bên trong cũng như bên ngoài chính quyền phải dừng tay lại. Chúng ta nên chấm dứt ngay lập tức sự can thiệp quân sự đầy tai họa tại Việt Nam và chận đứng ngay lập tức sự xuất huyết kinh hoàng mạng sống và của cải của nhân dân Mỹ, bằng không thì sẽ tiếp tục tới vô tận mà không mang lại bất cứ lợi ích nào cho cả Hoa Kỳ lẫn phương tây...”

Bộ mặt chữ điền của người dẫn chương trình, nghiêm nghị và cứng nhắc với lớp điểm trang làm nổi bật sắc mặt, lại quay về phía ống kính. Anh ta ngừng một chút để tăng thêm phần gay cấn cho ý nghĩa lời nói của mình và làm nó lắng sâu trong lòng khán giả:

- Đó là quan điểm của Joseph Sherman, tác giả một cuốn sách mới xuất bản về chiến tranh Việt Nam có tựa đề là “Người Mỹ Bị Phản Bội” — *The American Betrayed* — mà đang nhanh chóng trở thành cuốn thánh kinh của phong trào phản chiến hiện đang làm rối loạn nước Mỹ. Ông Sherman làm thông tin viên hải ngoại tại Á Đông vào thập niên 1950 và sau đó, là giáo sư môn nghiên cứu Á Đông tại Đại học Cornell, và chỉ mới cách đây hơn một năm, ông rút lui khỏi chức vụ cố vấn đặc biệt cho nhà cầm quyền Mỹ tại Sài Gòn, để viết cuốn sách này. Cuốn sách được ra mắt trong tuần lễ này tại đây, ở Luân Đôn. Vừa được phát hành tại Hoa Kỳ thì cuốn sách gây tranh cãi sâu rộng, một đàng lôi cuốn sự chỉ trích gay gắt của những người ủng hộ vai trò của Hoa Kỳ, một đàng chiếm được sự tán thưởng nhiệt liệt của những người chống chiến tranh về nội dung can đảm của nó...

Ông kính lùi xa người dẫn chương trình để cho thấy hình ảnh Joseph đang ở bên cạnh anh ta. Joseph ngồi ngượng ngịu trong lòng ghế giữa phòng thu hình. Một bên vai bị thương tại Huế mười bốn tháng trước đây lệch xuống gượng gạo, tạo cho thế ngồi của anh có vẻ cấn cấn. Trong khi lời dẫn nhập tiếp tục, người đạo diễn chương trình ngồi trước một dãy màn hình trong phòng kiểm soát, bấm nút một máy phát riêng hình Joseph và vẫn giữ nguyên giọng nói sang sảng và trang trọng của người điều dẫn. Ông kính xoay đều đặn, từ từ thu gập vào và cuối cùng đóng khung hẳn bộ mặt của Joseph, từ cằm lên mái tóc, với vẻ mặt vốn xanh xao và hốc hác sẵn vì vết thương hành hạ cả thể xác lẫn tâm hồn, lúc này nghiêm lại thành nét khắc khổ với đôi môi mím chặt.

- Ông Sherman vừa thành hôn với Naomi Boyce-Lewis, một phóng viên truyền hình Anh. Ông đến thường trú tại đây, ở nước Anh này — nhưng ông không phải là một nhà phê bình suông, không dính dáng gì tới cuộc chiến tranh Việt Nam của Hoa Kỳ. Bản thân ông bị thương nơi vai trong cuộc Tổng Công Kích Tết Mậu Thân năm ngoái tại Huế. Và trong thực tế, sự can dự của gia đình ông vào cuộc xung đột đó có lẽ cũng đầy tính bi đát, không kếm bất cứ gia đình nào tại Mỹ.

Người dẫn chương trình ngưng một chút, biết rằng những lời mình sắp nói hẳn sẽ gây buốt nhói cho người đang ngồi bên cạnh.

- Người con trai cả của ông Sherman, một đại úy lục quân, qua đời năm ngoái trong một cuộc phục kích tại một làng quê. Người con trai thứ của ông, một phi công không quân, bị bắt làm tù binh tại Hà Nội suốt ba năm và vừa được phóng thích. Còn nữa, một người em ruột của ông làm việc cho Bộ Ngoại giao bị đặc công Việt Cộng hạ sát trong cuộc đột kích của họ vào Toà Đại sứ Mỹ dịp Tết Mậu Thân — như thế, có lẽ ông Sherman là người có đủ tư cách và đủ độ đau để có ý kiến về con quần quai tại Hoa Kỳ do Việt Nam gây ra.

Ông kính rà cận cảnh khuôn mặt của Joseph, ghi nhận các sớ thịt nơi quai hàm của anh chuyển động thật lẹ và hai mắt anh nheo lại. Hàng triệu khán giả thấy anh nuốt xuống khó nhọc và hai mắt anh nheo nheo dưới ánh đèn thu hình chói lọi, rồi về mặt anh điềm tĩnh trở lại.

Người dẫn chương trình nói tiếp:

- Nhưng có lẽ không có gì tiêu biểu cho cách thức mà cuộc chiến tranh Việt Nam hiện làm chia rẽ đất nước Hoa Kỳ hơn là sự kiện chính thân phụ của tác giả đang trở thành một trong những người chỉ trích gay gắt nhất cuốn sách đó. Cuộc tranh luận ấy mang thêm một ý nghĩa khác thường vì thân phụ của tác giả không ai khác hơn là Nathaniel Sherman, thượng nghị sĩ thuộc Đảng Dân Chủ, đại diện tiểu bang Virginia suốt bốn mươi năm nay. Ông là một phần tử lão thành của Thượng nghị viện và là một trong những khuôn mặt chính trị nổi tiếng rộng rãi nhất và mang nhiều sắc thái nhất... Thượng nghị sĩ Sherman hiện có mặt tại phòng thu hình của chúng tôi ở thủ đô Washington, đang chờ chúng tôi qua vệ tinh viễn thông truyền hình. Và ông đã vô cùng khả ái nhận lời tham gia cuộc hội thoại của chúng ta...

Trong lúc người dẫn chương trình dẫn giải, màn hình lớn phía trên anh ta được bật lên cho thấy đầu và hai vai của thượng nghị sĩ đang ngồi yên lặng nơi phòng thu hình ở Washington của đài BBC và đang thận trọng lắng nghe lời giới thiệu. Dù tuổi ngoài tám mươi, ngoại hình của ông vẫn rất bắt mắt. Vẻ mặt hồng hào, sắc sảo nhưng cẩn trọng. Mái tóc bạc như cước cùng đôi lông mày rậm khiến ông có phong thái chừng chặc và trưởng thượng. Mặc bộ vét-tông trang nhã bằng vải lanh trắng, rõ ràng ông thích thú vai trò một chính khách cao niên khả kính. Và sự việc ông mất cánh tay trái không còn lôi cuốn sự chú ý của người khác vì ông hiện đeo một cánh tay giả.

Người dẫn chương trình hướng mặt về phía màn hình và nói:

- Kính chào Thượng nghị sĩ. Xin cảm ơn ông đã vui lòng tham dự với chúng tôi.

- Thưa anh, chính tôi mới là người hoàn toàn thích thú. Tôi sung sướng được có cơ hội đàm đạo với anh và với khán giả người Anh của quý đài.

Thượng nghị sĩ mỉm cười và khẽ nghiêng đầu với cử chỉ ghi nhận đầy vẻ thượng lưu. Khi Joseph nhìn lên bộ mặt được phóng lớn ấy trên màn hình, anh nhận ra cha mình, vốn lúc nào cũng vẫn là người trình diễn, đang theo phản xạ cố ý kéo dài cái giọng lê thê cố hữu của người Miền Nam để làm vui vẻ khán giả người Anh.

Người dẫn chương trình nói với vẻ tôn trọng:

- Thưa Thượng nghị sĩ, chẳng mấy chốc nữa chúng tôi sẽ thỉnh ý ông. Nay trước hết, chúng tôi xin được bắt đầu bằng cách đặt câu hỏi cho con trai của ông hiện có mặt ở đây, tại Luân Đôn.

Anh ta quay sang Joseph, vừa hỏi vừa ghé mắt nhìn xuống bản ghi danh sách các câu hỏi đã được soạn sẵn:

- Thưa ông Sherman, trước hết xin yêu cầu ông giải thích cặn kẽ và rõ ràng tại sao ông tin tưởng hết sức mãnh liệt rằng Hoa Kỳ nên rút khỏi Việt Nam. Và có lẽ cũng xin ông vui lòng nói cho chúng tôi biết rằng kết luận như thế của ông là do chỉ dựa duy nhất vào sự phân tích

có tính chi tiết về tình trạng tại vùng đất ấy — hoặc có phải dù sao đi nữa, nó còn bị ảnh hưởng bởi những đau khổ riêng tư mà Việt Nam gây ra cho ông?

Joseph không trả lời ngay. Người dẫn chương trình bỗng lo sợ rằng câu hỏi đầu tiên ấy có thể quá thẳng thắn và nhẫn tâm; anh ta ngược mắt lo âu nhìn vị khách Mỹ. Và anh ta sững sờ khi thấy Joseph vẫn lẳng đặng ngó lên hình ảnh của thân phụ truyền qua viễn thông. Nhưng rồi chỉ khoảnh khắc sau, dường như Joseph tập trung được tâm trí và quay sang đối mặt với người dẫn chương trình. Joseph nói với giọng tự chế:

- Việc mất một đứa con trai thân thể bị tan nát vì mìn bẫy và có một đứa nữa là đối tượng hành hạ suốt ba năm dài đồng thời bị làm cho trì độn, nhất định có góp phần vào vấn đề tập trung trí óc của tôi. Nhưng trong cuốn sách của mình, tôi kết luận rằng rút quân là sự chọn lựa hợp lý và duy nhất của chúng tôi. Các lý do đưa tôi tới kết luận ấy hoàn toàn dựa trên sự am hiểu và những cái nhìn vào nội tình mà tôi thu lượm được qua nhiều năm trời tôi có quan hệ với Việt Nam. Giờ đây, người ta đau đớn thấy rõ ra rằng nhân dân Hoa Kỳ đã và đang để cho xứ sở của mình bị trôi giạt vào cơn ác mộng hiện nay vì chúng tôi đã lơ là, không theo dõi chặt chẽ và đầy đủ các nhà lãnh đạo chính trị và quân sự của mình cùng với những động cơ của họ. Không ai trong chúng tôi có đầy đủ cảnh giác — nhưng vì tôi biết Việt Nam một cách mật thiết trong hầu hết cuộc đời của tôi, nên sau cuộc Tổng Công Kích Tết Mậu Thân, tôi cảm thấy đau đớn cực độ về sự lơ là ấy của chính mình. Và vì bản thân tôi cũng chịu đau khổ tột cùng, tôi cảm thấy mình càng có thêm động cơ thúc đẩy để, bằng cuốn sách này, cố khôi phục sự cân bằng.

Trong khi Joseph nói, bên trên đầu anh, bộ mặt phóng lớn của thân phụ anh tối sầm lại, chứng tỏ sự bất đồng của ông. Ngay khi anh vừa chấm dứt, thượng nghị sĩ êm ái xen lời, không đợi mời. Với vẻ đáng tiếc, ông nói với người dẫn chương trình bằng giọng lịch sự đầy trau chuốt:

- Nếu tôi được phép đóng góp ý kiến về vấn đề này thì thưa điều dẫn viên, tôi muốn nói rõ quan điểm của mình ngay từ đầu. Tôi chống lại mọi hình thức “rút ra” dù nó được cổ vũ bởi những kẻ gọi là bỏ câu trắng trong Quốc hội Hoa Kỳ tại Washington đây — hoặc bởi chính con trai của tôi đang ngồi bên cạnh anh tại nước Anh đó.

Với giọng tạ lỗi, người dẫn chương trình lệ làng đáp:

- Tôi hiểu, thưa Thượng nghị sĩ, rằng ông rất nóng lòng muốn cho biết lập trường của ông trong cuộc tranh luận này, và chúng tôi cũng nóng lòng không kém muốn được nghe lập luận ấy, nhưng xin ông vui lòng chờ. Tôi muốn trước tiên được đặt thêm một đôi câu hỏi cho con trai của ông.

Anh ta xoay ghế đối mặt trở lại với Joseph:

- Thưa ông Sherman, thật là thẳng thắn khi ông thừa nhận mình không thể tách rời sự xúc động cá nhân để nó không can dự vào những luận cứ khách quan của ông về Việt Nam — nhưng phải chăng không có nguy cơ khiến cho việc ông tin rằng không thể thắng được cuộc chiến tranh ấy nảy sinh trực tiếp từ sự mất mát tới hai lần mà ông đang phải chịu — cùng với tâm trạng khắc khoải của kẻ đứng bên lề bất lực nhìn đứa con trai thứ của mình mòn mỏi vì bị làm tù binh chiến tranh tại Hà Nội?

Thêm lần nữa Joseph không trả lời ngay. Tiếng nói êm như nhung của cha anh và vẻ đáng tiếc vờ vĩnh trong giọng nói khi ông phát biểu, không che đậy nổi sự thù nghịch không nguôi, tiềm

ân trong những gì ông có ý nói. Khi đồng ý tham gia chương trình hội thoại này với cha, Joseph đã nuôi niềm hy vọng mơ hồ rằng biết đâu những đau khổ riêng tư đang được cả hai cùng chia sẻ có thể góp phần giúp cho người ngoại cuộc cá nhân hóa sự thống khổ mà Việt Nam đang tạo ra ngay tại xứ sở của mình. Cùng lúc ấy, Joseph bỗng nhận ra trước đây mình đã hy vọng rằng, đối với hai cha con, một cuộc thảo luận công khai về các vấn đề có ý nghĩa đau đớn riêng tư đến thế, dù sao đi nữa cũng có thể kéo cả hai tới gần nhau hơn, đồng thời có thể đưa cả hai tới một loại thông cảm sâu xa nào đó trong quãng đời xế bóng của con người. Thế nhưng lời can thiệp đồng dục của thượng nghị sĩ và lời ám chỉ cầu kỳ tới sự kiện bản thân Joseph hiện sống tại nước Anh làm anh nghi ngờ rằng cha mình đã hoạch định và sắp sẵn các nhận xét của ông một cách cẩn thận không kém việc sửa soạn các diễn từ có tính toán trước tại Thượng nghị viện.

Những ý nghĩ ấy rượt đuổi nhau trong tâm trí Joseph khi anh chuẩn bị trả lời câu hỏi của người dẫn chương trình. Sau cùng, khi Joseph mở miệng, thay vì phát biểu một cách nồng nhiệt, giọng anh lại chán nản nguội lạnh. Anh nói trầm giọng:

- Chẳng có chút nguy cơ nào khiến tôi lẫn lộn những bi thương mà mình cảm thấy về các cái chết trong gia đình tôi với những tính toán sai lầm và hào nhoáng về chính trị đã gây ra các cái chết đó. Trước hết, tôi thành thật tin tưởng rằng chúng tôi đến Việt Nam với lý tưởng cao đẹp. Chúng tôi đã đặt vào đó uy tín của nước Mỹ với niềm tin rằng mình sẽ làm tốt hơn người Pháp. Thế rồi toàn bộ chính sách nằm trong tay những kẻ ở Bộ Ngoại Giao, Tòa Bạch Ốc và Ngũ Giác Đài, những kẻ tự xem mình thuộc giới ưu tú nhất nước Mỹ. Trong khi thiếu nghiên cứu tường tận văn hóa của người Việt cùng các hệ lụy và các phức tạp trong dòng lịch sử của dân tộc Việt Nam, thì để nhanh chóng đạt cứu cánh, những kẻ ưu tú ấy chỉ muốn điều hành chiến tranh theo lối đặt trọng tâm vào hoạt động quân sự, đồng thời muốn có loại chính quyền bản địa thích hợp với cách thức giải quyết chiến tranh theo kiểu của họ. Chúng tôi ngây thơ, tự tin, thiếu kiên nhẫn. Chúng tôi biến cuộc chiến tại Việt Nam thành cuộc chiến của Hoa Kỳ khiến cho nguyên có tham chiến bị xuyên tạc và chính nghĩa chống cộng của người Miền Nam bị xoi mòn. Chúng tôi hỗ trợ rồi dựng lên tại Sài Gòn các chính quyền được giả định là dân chủ, nhưng thực tế những kẻ cai trị đó không có năng lực điều hòa quyền lợi cá nhân của họ với quyền lợi tập thể của dân chúng. Vì thế, họ không xây dựng được những nền tảng căn bản cho một chế độ dân chủ và pháp trị. Và vì thế, người dân vừa thờ ơ với những chương trình kế hoạch của chính quyền vừa xa lánh các viên chức hành chính lẫn quân sự. Ban đầu họ không thoát ra được cái não trạng và quán tính của giới quan lại nam triều và thư lại thời Pháp thuộc. Tiếp đó họ là những tay quân phiệt thiếu thiện chí phục vụ, khả năng xây dựng và không chịu nhìn xa trông rộng. Nếu không có viện trợ Mỹ thì các chính quyền ấy không tồn tại quá năm phút. Họ nhân danh tình trạng chiến tranh để làm đủ thứ tệ hại còn chúng tôi nhân danh nhu cầu chiến thắng để bảo vệ họ. Do đó, hoàn toàn không thiết lập được những nền tảng căn bản cho một chế độ dân chủ mà vì nó quân dân Miền Nam chiến đấu và chúng tôi hỗ trợ họ chiến đấu. Như thế, thật là gian trá khi chúng tôi làm như thể mình đang bảo vệ một chính quyền dân chủ. Sự hiện hữu loại chính quyền phản dân chủ đó, sự can thiệp thô bạo của chúng tôi và việc sử dụng hỏa lực ồ ạt trước mỗi cuộc hành quân gây tang tóc cho dân quê, chỉ tạo thêm nguyên do cho đối thủ của chúng tôi tuyên truyền, để một mặt làm phá sản chính sách của Hoa Kỳ và làm uổng phí xương máu của quân dân Miền Nam, một mặt biến những gì gọi là hy sinh và khắc khổ của Việt Cộng trở thành quyền rũ. Bên cạnh đó, người Nam Việt Nam không ngồi lại được với nhau, và chúng tôi không thật sự có nỗ lực giúp cho họ có thể ngồi với nhau, để làm tiền đề giải quyết những vấn đề của họ nên không ai có thể giải quyết thay cho họ. Thêm nữa, để nhanh chóng kết thúc cuộc chiến theo sinh hoạt chính trị bất nhất của Hoa Kỳ, chúng tôi có những can thiệp thô bạo, khi thế này khi thế nọ, rồi cuối cùng chỉ còn hai mục đích. Thứ nhất là ưu tiên duy trì sự ổn định tại Nam Việt Nam, khiến cho lạc mất

nghĩa vụ góp phần xây dựng một thể chế dân chủ. Thứ hai là tìm cách làm vừa lòng dư luận nhất thời tại Hoa Kỳ trong các đợt bầu cử khiến cho xa rời lý tưởng cao đẹp ban đầu. Tình trạng lẩn quẩn ấy sẽ kéo dài tới bất tận bất chấp những tuyên bố dối trá và hào nhoáng vì tự ái dân tộc Hoa Kỳ và vì không dám thừa nhận rằng mình đang loanh quanh và vá vúi. Hiện nay, Chiến tranh Việt Nam đang làm nước Mỹ ngày càng quần quai chia rẽ, xứ sở Việt Nam ngày càng tan nát và dân chúng tại đó ngày càng đổ thêm nhiều xương máu. Lúc này toan tính chuyện thay đổi sự việc đó thì đã quá trễ — đó là lý do chúng tôi không thể thắng cuộc chiến tranh ấy.

Joseph cố ý giữ cho mắt không ngược nhìn màn hình trên đó đang lộ bộ mặt của cha. Và anh thận trọng chỉnh lại thể ngồi, dựa thẳng vào lưng ghế, chờ câu hỏi kế tiếp. Tuy thế, người dẫn chương trình ngược mắt lên kiểm tra phản ứng của thượng nghị sĩ Nathaniel Sherman. Thấy vẻ mặt ông càng lúc càng nôn nóng nên anh ta quyết định rằng đã tới lúc kéo ông vào cuộc thảo luận để gây tác động tối đa. Anh ta nói nhanh nhẩu:

- Thưa Thượng nghị sĩ, có lẽ lúc này ông đang muốn nói cho chúng tôi biết tại sao ông không chia sẻ quan điểm với con trai mình về việc không thể nào có khả năng chiến thắng tại Việt Nam?

Ông lão từ trong lòng ghế cúi người tới trước như xông trận và đằng hắng một cách gay cấn:

- Đúng thế, thưa anh. Những sự việc như cái chết của người trong gia đình tác động lên người này người nọ bằng những cách thức khác nhau. Đối với một số người này thì nó làm họ mất tinh thần và khiến họ muốn đầu hàng. Đối với một số người nọ thì nó làm bền vững thêm ý chí của họ và khiến họ quyết tâm hơn bao giờ hết để tiếp tục chiến đấu đến thắng lợi cuối cùng.

Ông đột ngột ngừng lại, đầu vươn ra đằng trước trên chiếc cổ da nhẵn thành nếp:

- Trong gần năm mươi năm phục vụ công chúng, tôi hãnh diện được công tác trong Ủy ban Quân lực của Thượng nghị viện Hoa Kỳ và tôi xin được nhắc nhở với khán giả quý đài rằng hiện nay, chúng tôi có lực quân lớn nhất, hải quân lớn nhất và không quân lớn nhất thế giới! Nhưng bất chấp thực tế ấy, chúng tôi vẫn bị sa lầy tại Việt Nam, chịu thương vong mỗi tuần lễ hai ngàn người, chẳng qua vì chúng tôi đang phóng ra nỗ lực chiến tranh trong những giới hạn do tự mình đặt ra cho mình. Cho tới nay, gần như chúng tôi bị lòng vòng trong thuật ngữ “chiến tranh hạn chế”. Con đường Trường Sơn vẫn là hành lang chuyển quân của Cộng Sản Hà Nội. Hải cảng Kampong Thom vẫn là nơi cập bến quân khí của Bắc Việt. Cambodia và Lào là đất bất khả xâm phạm đối với chúng tôi trong khi lại là nơi Cộng Sản ung dung lui về dưỡng quân, chấn chỉnh các đơn vị bị tổn thất. Cùng với sự tham chiến ồ ạt, nếu chúng tôi có một thỏa hiệp với Lào cho phép quân Mỹ trú đóng, làm hàng rào băng qua Lào và Việt Nam theo vĩ tuyến 17, cắt ngang đường mòn Hồ Chí Minh thì chắc chắn chúng tôi thành công. Nếu quân Mỹ đóng chốt khắp các biên giới Việt-Lào và Việt-Miên thì lúc ấy, chúng tôi có lập được chiến trường, chặn hẳn nguồn tiếp tế nhân vật lực của Bắc Việt cho các đơn vị của họ ở Miền Nam. Lãnh thổ Miền Nam thành nơi cho các lực lượng phối hợp Mỹ Việt thay vì “lùng và diệt địch” thì “tảo thanh và giữ đất”. Nhưng cho tới nay, những kẻ lập quyết định vẫn không chọn đường lối đó vì không vượt qua nổi các hạn chế về ngoại giao và chính trị nội bộ. Nghĩa là, chúng tôi bị lẩn quẩn trong chủ trương “đánh mà đừng thắng”. Nếu chúng tôi hất tung các hạn chế đó, ném toàn bộ sức mạnh hải và không quân vào cuộc chiến thì lúc đó, Hồ Chí Minh bị buộc phải nhanh chóng ngưng lập tức cuộc chiến tranh xâm lược của ông ta. Hai tiếng “chiến thắng” không làm tôi hoảng sợ như nó đang làm cho một số người hoảng sợ —

nhưng để đạt chiến thắng, chúng tôi cần vận dụng ý chí quốc gia tới mức độ đầy đủ nhất của nó. Không phải chỉ vì đã chịu một hai bước thoái bộ tại rừng núi và nông thôn ở Việt Nam mà chúng tôi có lý do để bỏ rơi những nguyên tắc về sự cao cả, tự do và can trường vốn là đặc trưng của quốc gia chúng tôi từ khi nó ra đời...

Trong khi thân phụ tiếp tục trau chuốt quan điểm của ông bằng những cụm từ nghe thật kêu, Joseph chợt cảm thấy có nỗi thôi thúc đứng lên xin lỗi và rút lui khỏi cuộc phỏng vấn. Vì sau khi xuất viện tại Sài Gòn, Joseph bay thẳng đến Luân Đôn để gặp Naomi và ở lại Anh cho tới khi cả hai làm lễ cưới, nên đã hơn một năm hai cha con không gặp nhau. Lúc này, qua màn ảnh vô tuyến, việc khám phá ra rằng quan điểm cũng như thái độ của thượng nghị sĩ không giảm thiểu chút nào sau cái chết của Guy và Gary làm anh choáng váng và buồn thảm thía. Joseph thấy mình đang tự hỏi một cách phi lý rằng có phải việc thượng nghị sĩ tiếp tục điếc đặc một cách kiên quyết đối với số lượng ý kiến phản chiến ngày càng tăng, là phát xuất từ lòng tin tưởng thật sự hay chỉ vì ông không chịu đựng nổi việc thừa nhận rằng đưa con trai mà ông bắt hoà với nó suốt đời, lần này lập trường của nó có thể hữu lý.

Trong khi giọng rề rề của cha tiếp tục vang lên sang sảng, Joseph cũng bắt đầu lo ngại rằng khi tới hồi sắp kết thúc, cuộc hội thoại tay ba này có thể làm lộ rõ những dị biệt trong cuộc sống giữa hai cha con hơn là phô bày sự ủng hộ của anh đối với việc Hoa Kỳ rút chân ra khỏi Việt Nam. Và khi hướng sự chú ý của mình về những gì đang được phát biểu từ Washington, Joseph kinh hãi nhận ra rằng lời ứng đối của thượng nghị sĩ đã trở nên cá nhân một cách sâu xa:

- ...Có lẽ tôi nên làm rõ ra rằng Joseph, con trai tôi, và tôi, chúng tôi chưa bao giờ có chung quan điểm...

Nathaniel vừa nói vừa giữ một nụ cười quynh rũ để hoá giải tính chất độc địa trong lời lẽ của mình:

- Việt Nam không phải là vấn đề đầu tiên mà cha con chúng tôi bất hoà nhau. Về mặt tính khí, Joseph lúc nào cũng có khuynh hướng thoả hiệp hơn tôi; vì thế lập trường mà nó đưa ra trong cuốn sách này quả thật không khiến tôi ngạc nhiên bao nhiêu — dù tôi lấy làm tiếc khi thấy con trai mình đang chủ trương rằng chúng tôi nên cắt đứt và tháo chạy khỏi cuộc chiến tranh ấy bằng một cung cách mà sẽ mang lại sự nhục nhã cho xứ sở của chúng tôi.

Người dẫn chương trình cảm nhận được tâm trạng của Joseph đang càng lúc càng căng thẳng khi cha anh đối đáp nên anh ta quyết định không đặt câu hỏi xen kẽ nào. Thay vào đó, anh ta chỉ nhướn đôi lông mày và ngửa lòng bàn tay về phía Joseph, ý nói Joseph có toàn quyền trả lời.

Joseph nói với giọng căng thẳng:

- Tôi chỉ muốn giới hạn ý kiến của mình trong phạm vi các vấn đề được nêu ra. Vì tôi nghĩ rằng cái ý tưởng nguy hiểm nhất trong mọi ý tưởng là khi chúng tôi phát biểu rằng chúng tôi nên dồn nỗ lực quân sự mạnh mẽ thêm nữa. Nếu chúng tôi đưa một triệu lính Mỹ vào Việt Nam thì lúc ấy, họ sẽ gây thêm tan hoang và thậm chí hủy hoại những gì còn lại của xứ sở đó. Cuộc không tập của chúng tôi tại Bắc Việt không đóng góp chút nào vào những thành quả quân sự tại Miền Nam. Chúng không những đã chẳng bảo vệ binh lính của chúng tôi được chút đáng kể nào mà còn tạo cho chế độ Hà Nội có lý do cụ thể và cấp bách để khích động

quân chúng Miền Bắc quyết tâm hy sinh thêm nữa, kéo dài cuộc chiến thêm nữa và đánh bại chúng tôi...

Không để người dẫn chương trình có thì giờ xen lời vào, Nathaniel cất tiếng nhanh như chớp:

- Thừa điều dẫn viên, tôi hoàn toàn không đồng ý chút nào với nhận xét đó. Nếu muốn đổi đầu thành công với sự gây hấn của Cộng Sản thì chúng tôi cần hoạt động triệt để và cần huy động toàn bộ sức mạnh của đất nước vĩ đại của chúng tôi. Nhân dân Virginia, những người mà tôi đại diện, cũng giống như đại đa số nhân dân Hoa Kỳ, họ đều là những người yêu nước và cũng giống như tôi, hàng ngàn người đã mất con mất cháu tại Việt Nam. Cũng giống như tôi, họ đều tin tưởng rằng những tên Cộng Sản xâm lược Miền Nam ấy phải bị trừng phạt.

Ông lại ngừng một chút và mắt long lanh phản chiếu sự mãnh liệt trong lời ông sắp nói:

- Họ không giống như con trai của tôi! Đối với họ, niềm tự hào về xứ sở của mình không phải là một tội lỗi!

Cứng người trong lòng ghế, Joseph nhìn lên màn ảnh đang phóng lớn hình ảnh của thân phụ. Anh nói, giọng sắc gọn:

- Tôi chẳng bao giờ lên án bất cứ người nào chỉ vì họ tự hào về xứ sở của họ hoặc vì họ chống cộng. Nhưng cái loại tự hào giả dối và ngoan cố khiến cho một người hoặc một quốc gia không thể nào thừa nhận rằng mình đang lầm lẫn thì cần phải xem đó là loại gì — đó là một cung cách đi tới tai hoạ!

Tại Washington, Nathaniel Sherman rít một hơi dài điều xì-gà ông vừa châm. Trong một vài giây, ông cân nhắc làm sao kết thúc một cách đầy nhiệt tình khi người dẫn chương trình “Toàn Cảnh” mời ông phát biểu ý kiến đúc kết. Rồi thêm lần nữa ông đưa mắt lên nhìn thẳng vào ống kính, và thêm lần nữa nở một nụ cười đáng tiếc mà suốt cuộc thảo luận, lúc nào cũng lấp lánh trên vẻ mặt ông:

- Thừa điều dẫn viên, thật không phải là không có tác động lên độc giả của cuốn “Người Mỹ Bị Phản Bội” khi sách ấy đề cập tới các lãnh tụ của đôi phương như Hồ Chí Minh và tướng Võ Nguyên Giáp với những diễn đạt bằng lối nói đầy tôn trọng. Cuốn sách ấy cũng trình bày việc tác giả của nó từng gặp gỡ và làm việc ra sao bên cạnh những kẻ đó trong thời gian anh ta công tác cho OSS tại Đông Dương năm 1945. Một số người điếm sách ở đây, tại Hoa Kỳ, kết luận rằng những ảnh hưởng thuở trước ấy tồn tại trong tâm tư tác giả mạnh mẽ hơn những sự kiện gần đây. Một số khác còn vạch ra rằng cuốn sách ấy được xuất bản trong thời điểm tác giả của nó rời Hiệp chúng quốc Hoa Kỳ đến sống tại Vương quốc Anh. Tôi tin rằng những người điếm sách ấy thậm chí còn có ý gọi cho thấy nhan đề của cuốn sách ám chỉ một cách xác đáng tới việc tác giả của nó quyết định quay lưng lại với di sản dân tộc đầy tự hào của mình hơn tới bất cứ việc nào nước Mỹ đang thực hiện tại Việt Nam nhằm ngăn chặn sự bành trướng của Cộng Sản trên khắp thế giới.

Thượng nghị sĩ dừng lại, rít một hơi dài xì-gà, rồi thêm lần nữa mỉm cười nhìn thật sâu vào ống kính máy thu hình:

- Vì tác giả cuốn sách đó là con trai của tôi nên tôi xin được bác bỏ lời lên án của những người điếm sách ấy — nhưng với tất cả lòng chân thật, tôi buộc lòng phải thú nhận rằng, xét theo bề ngoài thì dường như họ cũng có được một đôi điểm.

Vì đang sôi giận, Joseph cảm thấy mình không thể nhìn lên màn hình đang chiếu bộ mặt tươi cười của cha. Và biết rằng ông kính đang chĩa thẳng vào mình, anh cố giấu cảm xúc nhưng mặt anh tái mét và các đốt ngón tay trắng bệch trên thành ghế.

- Ông có muốn trả lời thật ngắn gọn không, thưa ông Sherman?

Người dẫn chương trình vội vàng hỏi câu đó trong khi người điều hành tại chỗ ra hiệu với anh ta rằng sắp sửa bắt đầu nhạc hiệu để từ từ kết thúc chương trình. Joseph lắc đầu âm thầm:

- Tôi chẳng có gì để nói thêm.

Người dẫn chương trình chưa kịp chặn lại, Joseph đã đứng bật lên, sai chân qua phòng thu hình, bước vào chỗ tối. Naomi Boyce-Lewis đang đứng phập phồng quan sát cuộc hội thoại viễn thông trực tiếp ấy từ vị trí một bên cửa phòng thu hình, đưa tay ra an ủi Joseph khi anh bước tới phía nàng nhưng anh gạt qua một bên. Hai lá cửa phòng thu hình bật lui bật tới kêu lách cắc trên bản lề, và Joseph giận dữ tiếp tục đi thẳng một mạch ra hành lang đầy bóng tối ở bên ngoài.

Thoạt đầu, đạo diễn của chương trình dội ngược vì sự bỏ đi bất thần của Joseph nhưng rồi kịp thời trấn tĩnh, ra hiệu cho chuyên viên thu hình tiếp tục quay chiếc ghế của Joseph, trống trải và gay cấn. Đằng sau nó, hiện ra lò mờ hình ảnh của Nathaniel Sherman qua vệ tinh viễn thông. Dưới ánh đèn chói lọi trong phòng thu hình ở Washington, ông vẫn giữ vẻ kiên quyết, bập bập điều xì-gà và cười tự tin nhìn thẳng vào ống kính cho tới khi nó lần lượt chiếu xong danh sách những người thực hiện cuốn phim.

- 19 -

Từng đoàn xe dò và xe buýt đậu kế tiếp nhau, chiếc này nối đuôi chiếc kia, dàn thành hàng dọc bên lề các con đường bên ngoài Nhà Trắng trông như thể những cỗ xe ngựa bốn bánh mũi trùn vải bạt làm thành vòng đai bọc kín một ô đề kháng tại vùng Viễn Tây Hoa Kỳ thuở nào. Nhưng xuyên qua màn mưa tuyết đang dòn dập kéo về lúc nửa đêm Thứ Sáu ngày 14 tháng Mười một năm 1969, ngay tại con tim của Washington, thay vì đoàn người da đỏ hí vang và xông tới chướng ngại vật gồm những phương tiện vận chuyển ấy, lại xuất hiện một đội hình im lặng gồm toàn những người Mỹ chịu tang, tay cầm ngọn nến thấp sáng, đặt bên trong chiếc ly nhựa nhỏ để che mưa chắn gió.

Họ bước theo nhịp đánh chầm chậm của những chiếc trống mặt bạt vải để ém tiếng cho ra sâu thẳm. Trong đội hình đi áp chốt gồm bốn chục ngàn người tham gia biểu tình hòa bình "*March Against Death: Cuộc Diễu Hành Chống Thần Chết*" kéo dài bốn mươi tiếng đồng hồ mà mỗi người đeo trước ngực một tấm bảng nhỏ do chính tay mình viết tên một người Mỹ tử trận tại Việt Nam hoặc tên một làng mạc Việt Nam bị tàn phá, Mark Sherman người cứng nhắc, đi lơ dờ giữa đoàn biểu tình. Anh cử động như một xác chết biết đi, miệng mở lớn, mặt căng thẳng đầy vẻ dờ dẩn ngây dại, khiến người ngoài nhìn vào có thể cho rằng anh đang cười mỉm hoặc cũng có thể đang nhăn nhó vì đau đớn.

Một người trong ban tổ chức biểu tình để ý tới hiện tượng đó. Và mặc dù bận rộn tất bật, anh ta vẫn nhúu mày lo lắng khi thấy một chuyên viên thu hình đang quay phim những người diễu hành đi đằng trước. Anh ta lật đặt bước tới bên mẹ của Mark cũng đang đi với con và khẩn

trương thì thắm vào tai Tempe. Sau khi anh ta đi khuất, Tempe đưa tay dịu dàng quàng lên vai Mark, ôm ái vồ về con một lúc thật lâu như thể dỗ dành một đứa bé. Mark lắng nghe, về mặt dần dần dịu lại rồi tiếp tục cất chân bước, mắt ngó trống rỗng tới đằng trước, nhìn xuyên qua màn mưa giá lạnh.

Trên tấm bảng nhỏ đeo dưới cổ Mark, những chữ viết bằng sơn tên Gary, anh của mình, đã bắt đầu nhoè nhoẹt và mờ phai vì trời ẩm ướt. Tấm bảng trên ngực Tempe vẽ lem luốc tên “Quảng Tơ”, ngôi làng nơi Gary tử trận. Và Joseph bước đi lạnh lùng sát vai bên kia của đứa con trai thứ, đeo tấm bảng ghi tên của Guy với đầy đủ cả họ và ngày xảy ra cuộc đột kích Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Sài Gòn.

Dù bản chất vốn không bao giờ là người hoạt động chính trị, Joseph vẫn đồng ý bay từ Anh sang đây tham gia cuộc tuần hành ngay khi Tempe liên lạc với anh để nói cho biết rằng Mark cứ nhất quyết tham dự vì biến cố này hình như đang trở thành một cuộc tụ họp biểu dương chính trị lớn nhất và chưa từng xảy ra trên đất Mỹ. Tempe nói với Joseph rằng nàng lo lắng cho tình trạng thần kinh của Mark vốn đang liên tục suy sụp kể từ lúc được thả về mười hai tháng trước đây. Thêm nữa, vì Mark là cháu nội của thượng nghị sĩ Nathaniel Sherman và là con của tác giả cuốn sách chống chiến tranh Việt Nam nổi tiếng nhất nên anh thường được một số người hoạt động trong phong trào hoà bình tới lui thăm viếng với thiện cảm ngày càng tăng.

Từ ngày trở về Hoa Kỳ, Mark đến sống với Tempe và người chồng sau của mẹ. Tempe kể với Joseph rằng lúc này, tâm tính Mark thay đổi bất thường và chuyển biến cực nhanh. Vừa mới thu mình buồn rầu ủ rũ bỗng dung nổi cơn thịnh nộ nửa khùng nửa tỉnh. Khi đề cập tới chiến tranh Việt Nam, Mark khăng khăng lên án bằng những câu nói làm người nghe nhớ lại những câu tự kiểm được truyền đi trên đài phát thanh Havana trong khi anh còn là tù binh ở Hà Nội. Tuy thế, Mark không chịu tiết lộ chút nào về chuyện trong tù của mình, kể cả đối với các bác sĩ phân tích tâm lý của không quân lẫn các bác sĩ tâm thần trị liệu do Joseph và Tempe mời tới chữa trị sau ngày anh giải ngũ.

Mark đã quen với việc chấp nhận lời mời tham dự mọi cuộc biểu tình vì hoà bình. Và hễ có ai tìm cách ngăn cản, anh liền phát đại phát điên, không kiểm soát nổi. Kết quả Mark trở thành một khuôn mặt quần chúng, bị thắm và âm u. Sự hiện diện của anh tại một số cuộc biểu tình vì hoà bình bị khai thác triệt để.

Đi bên cạnh Mark, thỉnh thoảng Joseph đưa mắt nhìn con, sẵn sàng nở nụ cười thân thiện và khích lệ. Nhưng Mark vẫn tỏ vẻ hờ hững đối với cha y như từ lúc mới được phóng thích và giữ đầu thật thẳng, mắt ngó miệt mài tới đằng trước. Thậm chí khi Joseph cố gọi chuyện bằng những nhận xét về thời tiết hoặc cảnh tượng trên đường đi, Mark vẫn tiếp tục không chút ngó ngang tới cha.

Cùng với một nhóm nhỏ các đồng bào khác có quan hệ với những người đã chết tại Việt Nam, Mark, Tempe và Joseph đi trong một phái đoàn đặc biệt, ngay chính giữa nổi bật vóc dáng gầy guộc và mái tóc bạc phơ của Tiến sĩ Y khoa Benjamin Spock. Ông là một bác sĩ lừng danh với cuốn sách bất hủ về vấn đề chăm sóc ấu nhi với nội dung chỉ bảo cho nhiều thế hệ cách làm thế nào nuôi dưỡng con thơ của họ.

Spock trở thành người chỉ trích nổi tiếng và đầy nhiệt tình cuộc chiến tranh Việt Nam, một cuộc chiến lấy đi đời sống của hàng triệu thanh niên đã được ông góp phần hướng dẫn vượt qua những nỗi nguy hiểm thời thơ ấu. Lúc này, vào mùa thu năm 1969, đối với phong trào

hoà bình, Spock bỗng chốc trở thành nhân vật biểu tượng cho người cha và càng ngày càng lôi cuốn vô số người biểu tình trẻ tuổi thuộc tầng lớp trung lưu da trắng. Ông dẫn đầu “Cuộc Diễu Hành Chống Thần Chết” kể từ lúc trời chạng vạng tối hôm qua, và đi không ngừng nghỉ xuyên qua thủ đô của quốc gia.

Bên phải hàng đầu của một đội hình đặc biệt đi kế nhóm của Joseph có một nhà hoạt động người Việt. Ông tuổi khoảng bốn mươi lăm, màu da Á Đông vàng nhạt, đầu tóc đen cắt khá ngắn với bộ mặt lạnh lợi trên một thân mình mảnh khảnh trong bộ cà sa màu nâu sậm. Đó là nhà sư Thích Nhất Hạnh. Chào đời tại một tỉnh phía bắc Huế, ông đặt chân vào thiền môn lúc bắt đầu tuổi thanh niên, sau đó, nhanh chóng nổi bật nhờ những vận động nhập thế và hiện đại hóa giáo hội. Ông là nhà văn, nhà thơ, giáo sư đại học, nhà hoạt động xã hội và có hoài bão trở thành một thiền sư. Trong một bài thơ nổi tiếng được phổ nhạc và hát trong những buổi sinh hoạt của thanh niên sinh viên, ông bày tỏ hạnh nguyện tha thiết nhất của kiếp người là chết cho quê hương và được cùng anh em đứng lên phát cao ngọn cờ nổi liền nam bắc. Là một diễn giả năng động và hùng biện trong giới phản chiến tại Hoa Kỳ, ông gây nguồn cảm hứng sinh động cho họ qua cuốn sách nổi tiếng “*Hoa Sen Trong Biển Lửa*” in bằng nhiều thứ tiếng Anh, Việt, Đan Mạch, Nhật và Ý... Nhân danh đạo pháp và những đau thương của dân tộc, ông cổ vũ cho một giải pháp chấm dứt chiến cuộc trong đó đặt căn bản trên sự công nhận MTGPMN như một tập thể gồm đa số những người yêu nước chống đế quốc và trên niềm tin Phật tử hai bên chiến tuyến sẽ đóng vai trò chủ động hòa giải và hòa hợp dân tộc. Tháng Sáu năm 1966, ông xuất hiện tại một Ủy ban của Thượng nghị viện Hoa Kỳ với Bản Tuyên Cáo đề nghị một giải pháp chấm dứt chiến tranh, khởi đầu bằng việc phía Mỹ Việt đơn phương chấm dứt oanh tạc ở cả hai Miền Nam bắc, giới hạn hoạt động quân sự của mình trong phạm vi tự vệ, và chờ phản ứng của Mặt Trận. Sự có mặt của nhà sư nhiệt đới ấy trong cuộc diễu hành dưới trời giá lạnh đêm nay là một nguồn khích lệ lớn lao cho những thành phần muốn Hoa Kỳ rút khỏi Việt Nam tức khắc và vô điều kiện.

Nửa triệu người tham gia cuộc biểu tình lên đường bằng đường bộ, xe lửa hoặc máy bay. Họ tràn vào Washington đúng ngày giờ đã định, để đẩy cuộc biểu tình lên cực điểm của nó bằng một cuộc tuần hành quanh Đài Tưởng Niệm Washington vào hôm sau. Joseph đồng ý sẽ phát biểu trước đám đông cùng với những nhân vật nổi tiếng trong các lãnh vực nghệ thuật, chính trị và kỹ nghệ giải trí. Cuộc tuần hành âm đậm kéo dài hai ngày ấy đã được dàn dựng như một khúc đạo đầu đầy kịch tính cho một cuộc biểu tình vĩ đại. Suốt ba mươi tiếng đồng hồ, dân chúng xếp hàng dọc lên tới một trăm ngàn người tham gia tuần hành, chia thành vô số đội hình. Cứ cách vài phút mỗi đội hình nối tiếp nhau lên đường từ Nghĩa trang Quốc gia Arlington trên bờ nam sông Potomac, lòn qua cầu Memorial Bridge lồng gió trong chạng đường hành hương thứ nhất của mình, vừa đi vừa đưa thân che cho ngọn nến đang cháy sáng trên tay.

Cuộc hành trình dài sáu cây số rưỡi đưa đoàn người đi dọc theo Đại lộ Constitution tới hàng rào quanh Nhà Trắng, tiếp giáp Nam Portico. Ở đó, trong tầm nghe của Tổng Thống Richard Nixon, đoàn người dừng lại để đọc thật lớn danh tính những người Mỹ tử trận được viết sẵn trên tám bảng nhỏ mỗi người đeo trước ngực. Cử chỉ chịu tang cho những kẻ hoàn toàn xa lạ với đoàn người biểu tình đã làm nước mắt của nhiều người nhỏ xuống thành dòng hoà với nước mưa đầm đìa trên má.

Rồi đoàn người xúc động ấy không cảm nổi lòng mình khi lê bước chân khốn khó đi dọc theo Đại lộ Pennsylvania, mắt hướng tới mục tiêu kế tiếp. Đó là vòm cao chan hoà ánh sáng của Điện Capitol đang lơ lửng như một bóng ma xanh xao giữa bóng tối lạnh giá bên trên khung

trời thủ đô. Bên dưới mái vòm và trên bãi cỏ phía tây, mười hai chiếc quan tài bằng gỗ thông với nguyên mặt ván để sẵn sùi, được sắp thành hàng dưới ánh sáng chan hoà ấy.

Tại đó, đoàn người diễu hành dừng chân, gỡ chiếc băng nhỏ dưới cổ mình ra rồi kính cẩn đặt vào lòng áo quan với cử chỉ tiếc thương đầy buốt nhói. Cùng lúc ấy, họ cũng thối tất lịm ngọn nến do chính mình cầm theo từ Nghĩa trang Arlington tới đây, để tưởng niệm bốn mươi lăm ngàn sinh mạng Mỹ đã tử biệt tại chôn Á Đông xa xôi. Và hành động chung cuộc này không khỏi khiến cho nhiều người đàn ông lẫn đàn bà cũng như các thiếu nữ tham dự bật khóc nức nở.

Khi đoàn người có bác sĩ Benjamin Spock đi tới vòng tròn gồm các xe đồ kết thành chướng ngại vật vây quanh Nhà Trắng, đêm vừa quá nửa khuya Thứ Sáu. Tempe nhìn Joseph với ánh mắt khắc khoải và cảnh giác. Nàng đi thật sát Mark, nắm cánh tay con. Joseph cũng cặp vào sát hơn và nắm khuỷu tay Mark. Trước đó, Tempe đã nói riêng với Joseph rằng nàng e ngại việc gọi tên Gary có thể gây xúc động cực kỳ dữ dội cho Mark và vì thế cả hai hiệp ý là sẽ làm tất cả những gì có thể để khiến Mark đừng để tâm tới khoảnh khắc ấy.

Con mưa lạnh giá thổi tạt vào mặt đoàn người tuần hành khi họ tới gần địa điểm đã định, đối diện với các cửa sổ tầng thứ nhì của Nhà Trắng nơi những người biểu tình tới trước họ đang cất cao giọng xướng danh những người đã chết với đầy đủ họ và tên. Giọng đàn ông hầu hết khản đặc và giận dữ còn giọng đàn bà và thiếu nữ nghe nhẹ hơn mà nghẹn ngào hơn. Tới khi nhịp điệu tang tóc và những bài ca ai oán cùng cất lên với tiếng trống càng lúc càng lớn, Joseph cảm thấy ở sát bên anh, con trai anh càng lúc càng căng thẳng.

Thoạt đầu, Mark giữ đúng những qui định nghiêm ngặt của ban tổ chức tuần hành. Anh dừng chân đúng địa điểm đã định, đứng xếp hàng một và quay mặt nhìn về phía Nhà Trắng. Mark réo lên: “Gary Sherman! Charles County, Virginia!” với giọng thật lớn và tuyệt vọng, rồi ngoan ngoãn đứng yên trong khi tới lượt Joseph rồi Tempe gọi tên của Guy Sherman và làng Quảng Tơ.

Thế nhưng tới khi người phụ trách trật tự của đoàn biểu tình ra hiệu cho Mark bước sang một bên và tiếp tục đi tới, anh có vẻ như không nghe. Trật tự viên gọi lần nữa thật lớn và bước tới phía Mark nhưng anh không quay lại cũng chẳng cất bước. Lập tức việc Mark không chịu di chuyển khiến cho hàng người có kỷ luật và đang bước đều đặn bị đứt quãng. Nhịp đi của đoàn biểu tình bị chững lại. Cả Joseph lẫn Tempe đều thúc giục Mark bước tới bằng những câu nói dịu dàng. Nhưng đột nhiên, anh vùng thoát khỏi tay nắm của cả cha lẫn mẹ và bắt đầu gào đi gào lại tên của Gary với giọng cực lớn, thất thanh và hoang dại.

Mark vừa gào vừa lao mình tới hàng rào bao quanh Nhà Trắng, rồi anh nhảy lên túm các mũi nhọn trên đầu hàng rào. Trong vài ba giây, thân hình Mark đóng đưa ở đó, miệng vẫn gào thét. Rồi không biết vì lý do gì, anh xoay mình lại đối mặt với đám đông biểu tình, hai tay vẫn níu chặt phần trên cùng của hàng rào. Vài trật tự viên lao tới cố kéo người Mark xuống nhưng anh vùng vẫy dữ dội, hai chân lia lịa đá văng họ. Cứ thế, anh tiếp tục treo mình lơ lửng nơi mé trên hàng song sắt như chim phượng hoàng soãi cánh, in nghiêng bóng thân mình quần quai lên trên hậu cảnh là Nhà Trắng chan hoà ánh sáng.

Khi các toán truyền hình và phóng viên nhiếp ảnh ủa tới lấy hình sự cố ấy, đèn cao áp truyền hình chói lọi làm hiện trường rực sáng thêm và các trật tự viên không thể tiếp tục dùng sức mạnh để lôi Mark xuống khỏi hàng rào. Joseph cố thầm lặng thuyết phục con mình bước xuống nhưng Mark chẳng để ý chút nào tới nỗ lực của cha. Tempe cũng van nài con suốt mấy

phút nhưng không có kết quả nên cam đành đứng ngó. Sau đó, ba cảnh sát viên phải dùng dùi cui nện nhiều lần lên các ngón tay của Mark để anh buông hàng rào. Cuối cùng, vừa rơi mình xuống đất, Mark bật khóc nức nở. Anh không bị bắt giữ vì nhờ có một trật tự viên lớn tuổi can thiệp bằng cách âm thầm giải thích cho cảnh sát về trường hợp của anh.

Đứng bên Joseph, Tempe bắt lực đâm đâm nhìn con. Khi Mark trấn tĩnh lại, nàng cố nắn nỉ con rời cuộc điều hành nhưng Mark, với vẻ mặt kiên quyết và ừ dột, tiếp tục đi dọc Đại lộ Pennsylvania tới Điện Capitol, chân bước lảo đảo dưới trời mưa và thỉnh thoảng mút các ngón tay rướm máu của mình. Trước dãy quan tài bằng ván thông không bào, khó nhọc lắm Mark mới gỡ được tấm bảng mang tên Gary ra khỏi cổ. Và lúc đó, tấm bìa trắng ấy dính lem luốc vết máu từ các ngón tay Mark vấy lên.

Sau cùng, với hai mắt đầm đìa lệ, Tempe đặt tấm bảng nhỏ ấy vào lòng quan tài dùm cho con. Mark đứng chằm chập nhìn tấm bảng một hồi lâu. Khi mẹ dịu dàng chạm khuỷu tay anh, Mark chợt nhớ tới cây nến mình mang theo cho Gary. Anh đưa hai ngón tay lên, chằm chằm bóp tắt ngọn lửa. Kế đó, Tempe cố dẫn Mark đi nhưng anh nhất quyết đứng lại. Khi các hàng người tuần hành đằng sau tiến lên dãy quan tài, Mark bước tới và lần lượt bóp tắt từng ngọn nến của họ. Mỗi lần làm như thế, anh để yên ngón tay mình trong ngọn lửa một vài giây trước khi bóp lịm nến. Rồi sau cùng, khi Tempe thuyết phục được con bước đi, một bàn tay của Mark da đã hoá đen sì và cháy thành than.

Joseph nhìn xuống bộ mặt đang thiêm thiếp ngủ của Mark và nói rầu rĩ:

- Tempe ạ, khủng khiếp quá. Giá như anh đừng bao giờ gây ra, giá như anh đừng ngu ngốc đến thế có lẽ chẳng bao giờ xảy tới chuyện này.

Tempe hỏi lại bằng giọng thì thầm, hầu như không nghe rõ:

- Anh có ý nói gì vậy?

- Nếu anh không bỏ em mà đi có lẽ cả hai đứa con trai không đứa nào chọn nghiệp nhà binh như chúng đã làm. Có lẽ Gary sẽ không chết và Mark sẽ không bị...

Giọng Joseph nhỏ dần rồi nín lặng. Cả hai cùng đứng yên ngó bộ mặt xanh xao và hốc hác của con trai.

Khi Mark cùng với cha mẹ về đến ngôi nhà cũ của thân phụ Joseph tại Georgetown trời đã gần hai giờ sáng. Tempe lập tức cho mời bác sĩ ở gần gia đình tới săn sóc hai bàn tay của Mark và cho uống thuốc giảm đau loại mạnh. Thượng nghị sĩ hiện ở tại toà nhà đồn điền nơi Hạt Charles mấy tuần nay. Sau cuộc biểu tình, Joseph đề nghị mang Mark tới thẳng Georgetown để tránh cho mình khỏi bị bối rối khi gặp người chồng của Tempe. Trước khi ra về, bác sĩ bảo Joseph rằng liều thuốc giảm đau ông vừa cho Mark uống đủ đảm bảo Mark ngủ yên ít nhất mười hai tiếng đồng hồ. Và ông nhận lời sau thời điểm đó sẽ trở lại để khám Mark thêm lần nữa.

Nằm ngủ trước mặt cha và mẹ, vẻ mặt thảm thiết và xanh xao lạ thường của Mark cùng nước da vàng vọt yếu ớt khiến anh trông có vẻ thê lương hơn bao giờ hết. Tempe phải nhắm mắt xua đuổi hình ảnh đó. Rồi quay mặt nhìn nơi khác, nàng nói trầm giọng:

- Joseph ạ, anh tự trách anh nhiều quá. Có bao giờ anh nghĩ rằng chính tính khí của Gary đã khiến quân đội trở thành một chọn lựa lý tưởng cho nó — và rằng ngay từ hồi nhỏ có thể Mark đã muốn theo nghề bay vì cha của nó từng là phi công?

- Nhưng đó là công việc anh bị bắt buộc phải làm — anh không bao giờ đặt chân vào nghiệp bay nếu chiến tranh không xảy ra.

Tempe trả lời:

- Em biết, nhưng mấy bức ảnh “Phi Hổ” cũ Mark thấy treo khắp nhà khi nó còn bé đã kích thích trí tưởng tượng của nó. Rồi tới một ngày nọ, nó tìm thấy cái này trong một ngăn kéo và hỏi em có biết đây là cái gì không.

Nàng quay qua Joseph, mở bàn tay ra. Joseph thấy chiếc chân thổ thổ xưa nằm trong lòng tay Tempe.

- Đi đâu Mark cũng mang theo cái này — kể cả tới nay, nó vẫn mang theo trong người.

Joseph sững sờ nhìn Tempe chăm chăm. Khi nàng xoay lưng bước ra khỏi phòng ngủ, anh im lặng đi theo. Nơi phòng khách lớn, nàng ngồi lún mình trong lòng ghế nệm, mệt mỏi nhắm mắt lại. Ở tuổi trung niên, tóc Tempe bắt đầu điểm bạc, mặt xanh xao với vẻ mệt mỏi nhưng nàng vẫn là một phụ nữ điềm tĩnh và xinh đẹp. Và dù Tempe đang phiền muộn ra mặt, Joseph vẫn phải công nhận nàng lúc nào cũng giữ được phong thái tự chủ và trầm lặng. Anh nói với giọng chân thành:

- Tempe ạ, anh thật sự vui mừng khi thấy em tìm được hạnh phúc với người khác. Em xứng đáng được như vậy.

Tempe không trả lời cũng chẳng mở mắt nhìn Joseph. Ngay lúc ấy, một người hầu gái bước vào phòng mang theo ấn bản buổi tối của tờ Washington Post vừa được người đưa báo của công ti Post thường xuyên và cấp tốc giao thẳng tới nhà theo lệnh đặt hàng của thượng nghị sĩ. Khi Tempe đặt tờ báo xuống mặt bàn thấp, mắt Joseph bắt gặp tấm hình trên trang nhất, anh vội vàng đứng dậy, cầm tờ báo lên để Tempe khỏi nhìn thấy nó.

Hình ảnh lộ lộ của Mark giang hai tay trong tư thế bị đóng đinh vào mặt tiền Nhà Trắng chan hoà ánh sáng được phóng lớn suốt chiều ngang bốn cột báo, và người viết lời chú giải không để vượt ý nghĩa tượng trưng đầy bi thảm hàm chứa trong bức ảnh. Xoay người quay lưng lại với Tempe, Joseph đứng nhìn đăm đăm bức ảnh, gần như không để ý tới tiếng chuông điện thoại reo vang nơi tiền sảnh.

Khi người hầu gái trở lại nói với Tempe có điện thoại gọi nàng, Joseph không nhìn lên. Mấy giây sau, Tempe trở vào phòng khách và tới sát bên anh. Nàng nói, giọng run lấy bầy:

- Joseph, điện thoại gọi từ nhà nơi đồn điền. Chuyện của cha anh — ông bị đột quỵ. Bác sĩ nói ông chỉ còn sống được vài giờ nữa thôi, và yêu cầu anh tới gặp ông ấy ngay.

Joseph nhìn nàng, mắt trống rỗng, chẳng nói gì. Tempe bảo dịu dàng:

- Xe em đang đậu ngoài kia. Nếu anh muốn, em chờ anh tới đó.

Khi Joseph và Tempe tới toà nhà trên đôn điền nhìn xuống dòng sông James, trời đã hơn năm giờ sáng. Thượng nghị sĩ Nathaniel Sherman đang nằm trong chiếc giường nơi tướng Robert E. Lee từng ngủ lại nhiều lần. Hậu quả cơn đột quỵ làm liệt nửa người bên trái và tác động cả lên mặt nhưng ông vẫn còn đủ tỉnh táo để nhận biết những gì diễn ra chung quanh. Nhờ vậy, Nathaniel đã ra lệnh cho gia nhân mang ông tới căn phòng nhỏ nhìn xuống mạn nam dòng sông rồi đặt ông vào chiếc giường lâu đời có bốn cọc móng mà hơn một trăm năm trước, vị đại tướng lưng danh của phe ly khai thời Nội Chiến Nam-Bắc mỗi lần ghé thăm thường ngủ ở đó. Khi Joseph và Tempe mới thành hôn, Tempe tân trang để dùng làm giường của hai vợ chồng. Sau ngày hai người ly dị, thượng nghị sĩ cho phục chế giống như nguyên thủy.

- Anh chỉ mong bố không muốn nhân dịp này làm một cuộc trình diễn cuối cùng trong phòng trưng bày ấy!

Joseph chán chường đưa lời nhận xét như thế khi Susannah, em gái anh, ra tận cửa đón anh, và chỉ cho anh đi lên theo vòng cầu thang to lớn xoắn ốc, làm bằng gỗ óc chó.

Susannah mặt vẫn không bớt vẻ ủ dột khi chào và ôm anh cùng Tempe. Kể đó, nàng đưa Tempe qua phòng khách để Joseph có thể một mình đi lên. Dù lúc còn ở Washington, tin cha hấp hối không làm Joseph quá động xúc động nhưng vừa đặt chân vào phòng, anh cảm thấy choáng váng trước cảnh tượng một hình hài khốn khổ vì bệnh tật, nằm ngửa người trên hàng gối trắng tinh trong chiếc giường treo đầy màn trướng.

Đôi mắt ông lão nhắm, có vẻ như đang ngủ. Nhưng cơn đột quỵ làm phần mặt bên trái méo xệch, trông rất quái đản. Má Nathaniel co rút thành hai hốc trũng màu vàng khè, tương phản với mấy lần sẹo nhăn nhú do tai nạn săn bắn thuở nào, để lộ ra trên mặt và trên cổ ông chỗ trắng phau chỗ xám xịt. Đối với Joseph, dưới ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn ngủ đơn độc đặt sát bên giường, những đường lằn nhăn lại ấy trông như thể những ngón tay từ vết thương ngày xưa đã làm đứt lìa cánh tay trái của ông giờ đây từ dưới cổ thò lên bầu chặt mặt ông.

Cùng với vẻ dị dạng mới mẻ của một nửa khuôn mặt nằm ngay mé bên trên thân thể ấy khiến Joseph nghĩ rằng, dù gì đi nữa, cái sức mạnh ác liệt từng gây ra vết thương nguyên thủy kia lúc này đang thêm lần nữa vươn ra túm cho bằng được, để kết liễu cho xong cái phần thưởng tối hậu đã từng trốn tránh nó trong quá nhiều năm trời trước đây.

Rùng mình với ý nghĩ đó, Joseph ngồi xuống chiếc ghế đặt sẵn bên giường. Người nữ y tá đang trực trong phòng nhón gót đi ra, đóng thật nhẹ cánh cửa đằng sau lưng anh. Trong lúc ngồi một mình đắm đắm nhìn bộ mặt nhăn nhú thê thảm ấy, Joseph không ngạc nhiên khi nhận ra cảm giác thương xót trước cơn hấp hối của một người — mà trong trường hợp này lại chính là cha của mình — lại bỗng dưng pha lẫn cảm giác giận dữ.

Ký ức về cuộc va chạm đầy cay đắng trên vô tuyến truyền hình chỉ mới mấy tháng trước đây nay vẫn tươi rói và buốt nhói trong tâm tư Joseph. Và với một sức mạnh đáng kinh ngạc, hình ảnh những vết sẹo săn bắn thuở nào giờ đây làm anh sống lại cái cảm giác bị sỉ nhục anh từng nếm trải khi nghe ra câu chuyện sự thật đằng sau cái chết của Chuck.

Trong chuyến xe từ Washington về đây, có mấy lần Joseph tự hỏi chẳng biết chốc nữa mình có thấy cha còn tỉnh táo hay không. Anh cũng tự hỏi chẳng biết mình sẽ có hay không cái cơ

hội độc nhất và cuối cùng để thực hiện một điều trước đây mình chưa bao giờ làm nổi — là đối đầu với cha về sự thật cái chết của Chuck. Lúc nào Joseph cũng cảm thấy một cách mơ hồ rằng mình đang nợ Chuck một điều, mà với ký ức của anh về lòng can trường và lương tri của Chuck, anh phải ép cho ra từ miệng cha một lời thú tội hoặc một câu hỏi hận nào đó. Và như thế, suốt mấy chục năm qua, việc không thực hiện nổi điều thôi thúc đó thỉnh thoảng đè nặng lương tâm của anh. Trong những lúc phần nộ lạnh lẽo nhất, Joseph cũng đã dự tính tiết lộ với cha sự thật về Guy — nhưng lòng hiếu thảo với người mẹ đã khuất và lời anh hứa với bà luôn luôn ngăn anh lại. Trong âm thanh đồng hồ kêu tích tắc bên giường, Joseph cảm thấy thêm lần nữa tự hỏi không biết mình có đủ can đảm để nói ra sự thật ấy hay không nếu người cha đang hấp hối này tỉnh lại.

Lạc loài trong nghĩ tưởng, thoát đầu Joseph không để ý lúc cha anh mở mắt. Anh giật mình về với thực tại khi nghe giọng thều thào của cha đang cố nói không thành tiếng. Rồi anh thấy mí mắt trái của ông xệ xuống lấp trùng đen vì nửa người bên ấy bị liệt nên buộc lòng ông phải nheo nheo liếc anh bằng con mắt bên phải. Khoé miệng bên trái của Nathaniel cũng bị liệt khiến ông không thể phát âm rõ ràng. Những lời đầu tiên của ông nghe nghèn nghẹt và rời rạc.

Joseph nói thật điềm tĩnh:

- Bố đừng có rán nói nữa.

Nói tới đây, Joseph kinh hoàng vì sự hư hoại đang diễn ra trước mắt mình. Anh loay hoay lục lọi tâm trí để có thể đưa ra đôi ba lời an ủi. Joseph cố nở trên môi một nụ cười và nói tiếp:

- Bố hãy tin chắc là bố đã được mang vào chiếc giường Tướng Robert Edward Lee nằm thử trước. Con đoán là bố đã mừng tượng ra lúc này người ta phải đặt lại tên cho nó là Giường Thượng nghị sĩ Nathaniel Sherman, đúng không?

Ban đầu Joseph nói mà không nghĩ rằng lời của mình sẽ được nghe ra. Nhưng đột nhiên khuôn mặt méo mó trên nền gôi trắng như tuyết ấy sáng lên về thú vị và cái đầu ấy khe khẽ gật đồng ý. Kể đó nụ cười mới chợt xuất hiện đã nhạt nhòa ngay. Giọng của Nathaniel vẫn lúu nhíu nhưng nhờ cúi xuống sát hơn, Joseph có thể hiểu ra ý nghĩa:

- Joseph... Bố sắp chết... Bố biết. Vì vậy bố muốn nói chuyện với con.

Chậm chậm rút bàn tay còn lại dưới mền lên, Nathaniel đưa về phía con. Joseph miễn cưỡng cầm bàn tay ấy trong cả hai tay mình. Ông tiếp tục nói, với giọng rên rĩ:

- Joseph ạ... chúng ta có những cái khác biệt nhau... nhưng bố yêu cầu con tới đây vì bố muốn con biết... trước khi bố ra đi... rằng bố không để cho việc đó ảnh hưởng tới nhận xét của bố về con... về việc bất đồng với bố trước công chúng... cái đó không phải là oán ghét nhau cực độ... Bố không muốn lương tâm con bị ám ảnh về cái đó...

Joseph bắn khoăn nhìn cha. Bàn tay Nathaniel với năm ngón lạnh giá và mềm rũ như thể chúng đã chết. Nhưng thậm chí cái chết trước mắt cũng không làm suy suyển chút nào sự cao ngạo bất khả xâm phạm của thượng nghị sĩ. Ông gọi con trai mình đến đây để tỏ lòng tha thứ cho nó trong khi chính ông đã kết án nó trước công chúng với sự gay gắt phi lý và không thể tha thứ.

Joseph nói âm thầm:

- Bố ạ, chúng ta lúc nào cũng khác nhau.

Người đang lâm chung gật đầu, nhìn lại con trai với một con mắt hấp hem:

- Con không bao giờ giống Chuck và Guy... Bố nghĩ, con nhạy cảm hơn... giống mẹ con hơn... Con luôn luôn có vẻ rất xa cách bố...

Bàn tay lạnh lẽo ấy ngọ ngoạy trong hai bàn tay đang nắm của Joseph:

- Nhưng con mạnh ở các mặt khác. Con là đứa duy nhất sống sót. Chuck và Guy thì đã chết.

Thấy mình có cơ hội, Joseph liền cúi xuống sát hơn:

- Gánh nặng về cái chết của anh Chuck mà cha mang trong mình bấy nhiêu năm trời nay có gay go lắm không?

Con mắt còn lạnh lặn nhắm lại. Trong một hồi lâu, âm thanh độc nhất trong phòng là tiếng thở khò khè của thượng nghị sĩ. Hai hàng mi Nathaniel chớp chớp và con mắt ấy mở ra:

- Bố đã cố cứu nó... Bố đã làm hết sức mình... Con biết như vậy mà, Joseph... Phải không?

Joseph nhìn lại cha với vẻ chẳng thể nào tin nổi. Một lát sau, mặt anh xoay về phía khung cửa sổ không treo màn. Anh tiếp tục nghe bên tai mình:

- Chuck đã có cái xứng đáng cho nó... Nó mạnh mẽ... mạnh cực kỳ, và quyết tâm... nó có ý chí để thành công... đó là lý do tại sao cái chết của nó là một tổn thất ghê gớm đến thế. Joseph, con hẳn không bao giờ quên việc đó, phải không? Bố nghĩ Chuck có hơi búống bình... Giống như ông lão cha nó... Giống như thằng Guy em nó... Nhưng bố không xem cái đó là quan trọng... cái đó không phải là khuyết điểm tệ hại nhất của một con người.

Giọng Nathaniel rời rạc, lên xuống theo từng hơi thở đau đớn. Và Joseph cảm thấy trong lòng mình cơn giận sôi lên tới một cực điểm mới. Anh buông tay cha ra và đứng lên. Anh nói với giọng thì thầm và rất dữ dội tới độ bộ mặt hấp hối ấy phải lẹ làng quay sang phía anh:

- Bố làm khi so sánh Chuck với Guy. Bố làm hơn bao giờ hết mà bố không biết.

Trong một thoáng, con mắt độc nhất ấy nhìn thẳng lên Joseph rồi dường như tối sầm lại:

- Bố biết... bố biết... Joseph, con không cần phải nói với bố về cái đó... Không người nào có thể sánh với Chuck, không bao giờ, phải không? Không ai cả!

Mặt ông lão bỗng nhăn nhó, méo xệch thêm vì đau đớn và đầu ông bắt đầu lặn qua lặn lại trên gối. Nhìn cha quằn quại trong cơn đau lâm tử, Joseph cảm thấy cơn giận vụt tan biến trong lòng mình như một quả bóng xì hơi rất lẹ. Và cùng khoảnh khắc ấy, nỗi thúc bách phải làm thương tổn ông được thay thế bằng cảm giác xót xa thấm thía. Nathaniel đã lừa dối kẻ khác trong một thời gian quá lâu quá dài về vai trò của ông trong cái chết của đứa con trai ông yêu quý. Tới độ cuối cùng ngay cả ông cũng biến thành người tin tưởng vào những lời dối trá của chính ông. Joseph nghĩ, có lẽ ông phải làm như vậy để giúp ông chịu đựng nỗi sự đau khổ đó.

Nhưng cái cách ông an trụ vững vàng đằng sau bức tường ảo vọng do chính mình xây lên ấy cũng làm cho ông suốt đời sống cô độc giữa gia đình. Và trong giờ nằm hấp hối này, ông cũng đang chết cô độc không kém.

Khi Joseph đứng nhìn sự sống đang héo úa và tàn tạ trong hình hài quần quai ấy, một ý nghĩ khác lại đánh động anh với một sức mạnh ghê gớm: anh thấy bản thân mình không khác bao nhiêu so với người cha kia, kẻ bất hoà với anh suốt đời.

Anh từng có ấn tượng rằng mình bị đối xử bất công và bị hiểu lầm là trẻ con bởi một người cha mù quáng và không nhạy cảm, kẻ triền miên nhìn cuộc sống một cách đơn giản bằng con mắt của những tổ tiên đã chế ngự các vùng đất hoang dã và nguyên sơ của nước Mỹ với sự kiên quyết về mặt thể chất, không nguôi không giảm. Anh lúc nào cũng có cảm tưởng rằng bản tính rất đa cảm của mình khiến mình hơn hẳn người khác. Và như thế, tới lượt mình, anh đã làm cho hai đứa con trai của anh và Guy chống lại anh.

Chính sự duy lý tưởng đầy lãng mạn và điên rồ của anh đã đưa anh tới niềm tin rằng không có gì là không thể thực hiện một khi con người chân thành đáp ứng những thôi thúc phát xuất từ tận đáy tâm tư mình và một khi con người đặt tình yêu sự thật lên trên tất cả mọi sự. Nhưng chính niềm tin ấy đã mang thảm họa tới cho anh, trong cuộc đời của chính anh, và thậm chí còn vượt quá qui mô thảm họa của cha anh.

Rầu rĩ bởi những ý nghĩ đó hơn là vì cơn hấp hối của cha, Joseph quay lưng lại với chiếc giường và đột nhiên rảo bước tới bên khung cửa sổ. Anh đứng một hồi lâu, nhìn ra ngoài, nhìn dọc theo các bãi cỏ đầy bóng tối với bờ gậu và hàng dương chạy dài tới dòng sông. Đêm không trăng nhưng ngoài vườn sáng lờ mờ nhờ ánh đèn hắt ra từ bên trong các cửa sổ không che màn. Khi hai mắt quen dần với bóng tối, Joseph tưởng chừng mình thấy có cái gì đó đang di động trong mấy hàng cây. Nhưng dù nhìn chòng chọc vào bóng tối, anh không thể chắc chắn rằng đó có phải là ánh đèn đang đùa giỡn, đang lừa dối mắt mình hay không.

Đứng trong căn phòng này Joseph nhớ lại chỉ cách đây mấy tiếng đồng hồ, mình đã đứng như thế nào bên một chiếc giường khác tại Georgetown, nhìn xuống bộ mặt của đứa con trai độc nhất còn sống. Đứa con ấy lúc này cũng lạc loài và xa cách anh không kém người cha của anh đang nằm hấp hối kia. Và bất giác Joseph rùng mình. Rồi anh mơ hồ nhận ra rằng trong chiếc giường có bốn cọc màn sau lưng mình, hơi thở hút vào và đẩy ra khỏi buồng phổi của cha anh bắt đầu nghe khô khốc khản đặc của con công đang xoè đuôi múa trên đỉnh ống khói.

Kế đó, có tiếng rít dài lạnh lẽo và the thé, xé rách màn đêm trong khu vườn bên ngoài. Theo phản xạ, Joseph rụt người lại khi một hình dáng đen đui từ mép tối tằm bên hàng dương bờ gậu phóng vọt lên và lơ lửng bên trên rồi bay ngang thật sát khung cửa sổ. Con công lại rít lên lần nữa khi nó đậu nơi ống khói ngay trên phòng cha anh đang nằm. Những tiếng rít lặp đi lặp lại nghe lùng bùng và âm vang một cách kỳ dị trong ống thông hơi thẳng xuống lò sưởi bên cạnh giường bệnh. Một trận mưa bờ hóng đỏ rào rào trong lòng lò sưởi. Và Joseph nghe thật rõ âm thanh khô khốc khản đặc của con công đang xoè đuôi múa trên đỉnh ống khói.

Khoảnh khắc sau, nhịp thở của Nathaniel đột nhiên đứt quãng. Một tràng ho nghén nghẹt làm toàn thân ông rung chuyển và hơi thở của ông kêu ồ ồ thật lớn trong cổ họng đầy nước. Joseph chạy lẹ tới bên giường, quỳ xuống và cầm bàn tay ông lão. Lòng anh dâng trào nỗi khát khao được thốt ra vài lời sau cùng để an ủi cha, mãnh liệt tới độ lệ trào lên mắt anh. Nhưng Joseph bắt lực nhìn cha lúc này cả người co rúm và vặn vẹo vì cơn đau khủng khiếp. Thượng

nhị sĩ Nathaniel Sherman chẳng còn nghe thấy gì, chỉ có toàn thân ông run rẩy. Rồi đột ngột, mọi rung động ngừng lại và cơ thể trắng bệch tàn tạ ấy dường như chìm xuống, lặn vào mấy chiếc gối trắng.

Joseph còn quì bất động bên giường trong đôi ba phút, cầm bàn tay rũ liệt không còn sinh khí của cha. Rồi anh đứng lên và thềm lặng đi ra cửa. Khi tới bên ngoài, anh thấy Tempe đang đứng chờ, tay đề lên môi. Nàng hỏi, giọng thì thầm khiếp đảm:

- Joseph, tiếng động gì dễ sợ vậy?

- Chỉ là con công bay tới trên ống khói thôi

Anh đưa tay ra cầm bàn tay Tempe và lòng dịu lại khi chạm vào hơi ấm của bàn tay nàng:

- Chẳng có gì phải lo lắng — ông ấy đi rồi.